

KHÔNG TỬ
KINH
THI

(TRỌN BỘ)

2

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

VĂN HỌC CỔ ĐIỂN NƯỚC NGOÀI
VĂN HỌC TRUNG QUỐC

KHÔNG TỬ

Kinh Thi

(THI KINH TẬP TRUYỆN)

TẬP II

Dịch giả

Tạ Quang Phát

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

MỤC LỤC

	Trang
TIỂU NHÀ	
161. <i>Lộc minh</i> : Đãi đẳng tân khách để vua tôi quyến luyện nhau.	10
162. <i>Từ mẫu</i> : Nỗi lòng của bề tôi vì việc vua sai mà không phụng dưỡng được cha mẹ.	17
163. <i>Hoàng hoàng giả hoa</i> : Bề tôi lo công việc của vua sai.	24
164. <i>Thường đệ</i> : Anh em, vợ con thì bao giờ cũng quý hơn bạn hữu.	31
165. <i>Phạt mộc</i> : Tìm bạn bè, hậu đãi bạn bè.	42
166. <i>Thiên bảo</i> : Lời của bề tôi chúc tụng vua.	50
167. <i>Thái vi</i> : Nỗi lòng người chiến sĩ lúc ra đồn thú và lúc trở về.	58
168. <i>Xuất xa</i> : Quân đội đi và trở về sau khi thắng trận.	70
169. <i>Đệ đồ</i> : Vợ mong chồng đi quân dịch mau trở về.	81
170. <i>Nam cai</i> : (Không có lời thơ).	88
171. <i>Bạch hoa</i> : (Không có lời thơ).	89
172. <i>Hoa thử</i> : (không có lời thơ).	89
173. <i>Ngư ly</i> : Các món để ăn uống đãi khách rất nhiều và ngon.	90
174. <i>Do canh</i> : (Không có lời thơ).	96
175. <i>Nam hữu gia ngư</i> : Món ăn vật uống ngon lành đem ra đãi khách.	96
176. <i>Sùng khâu</i> : (Không có lời thơ).	100

178.	<i>Do nghi:</i> (Không có lời thơ).	107
179.	<i>Lục tiêu:</i> Lời thiên tử chúc tụng chư hầu đến châu.	107
180.	<i>Trăm lộ:</i> Chư hầu có uy nghi đứng đến châu thiên tử được đãi đẳng yến tiệc.	114
181.	<i>Đồng cung:</i> Thiên tử đãi yến và ban cung cho chư hầu.	119
182.	<i>Tình tình giả nga:</i> Lòng chủ nhân ham thích tân khách.	125
183.	<i>Lục nguyệt:</i> Cảnh trang tướng lãnh đem quân đánh giặc.	129
184.	<i>Thái khí:</i> Quân đội ra đánh dẹp giặc rợ làm phản.	141
185.	<i>Xa công:</i> Thiên tử đi săn cùng chư hầu.	152
186.	<i>Cát nhật:</i> Thiên tử đi săn.	163
187.	<i>Hồng nhạn:</i> Dân chúng lưu lạc nghèo khổ được vua cứu giúp.	169
188.	<i>Đình liệu:</i> Thiên tử nôn nao sắp ra triều gặp chư hầu.	174
189.	<i>Miễn thủy:</i> Buồn đời loạn lạc tình đời biến đổi.	178
190.	<i>Hạc minh:</i> Trong cái dở có cái hay, trong cái hay có cái dở. Hay dở đắp đổi nhau.	183
191.	<i>Kỳ phủ:</i> Quân sĩ đi quân dịch oán quan chỉ huy.	187
192.	<i>Bạch cầu:</i> Mong lưu giữ được người hiền tài.	191
193.	<i>Hoàng điều:</i> Dân lưu lạc đến nước khác cũng ở không yên muốn trở về.	198
194.	<i>Ngã hành ký dã:</i> Vì chồng phụ bạc, vợ bỏ trở về.	202

195.	<i>Tư can</i> : Vua xây dựng cung thất mà ở vào rồi sinh con trai con gái.	206
196.	<i>Vô dương</i> : Việc vua nuôi bò nuôi dê.	221
197.	<i>Tiệt nam sơn</i> : Trách thừa tướng tham bạo bắt công khiến nhân dân cùng khổ.	228
198.	<i>Chính nguyệt</i> : Buồn than đời điên đảo, nhân dân sầu khổ, tình đời thoái hoá.	245
199.	<i>Thập nguyệt chi giao</i> : Trời nghiêng đất lở dân chúng hoạn nạn vì bọn tiểu nhân được trọng dụng.	268
200.	<i>Vũ vô chính</i> : Trách trời trách vua trách quan trong thời biến loạn.	285
201.	<i>Tiểu mân</i> : Than triều đình toàn dựa tiểu nhân làm quan thì hoạ tai sẽ chẳng khỏi.	298
202.	<i>Tiểu uyên</i> : Lời khuyên răn nhau phải giữ mình để khỏi nạn.	310
203.	<i>Tiểu bàn</i> : Lời than trách vua cha.	319
204.	<i>Xảo ngôn</i> : Khuyên vua chớ nghe lời tiểu nhân thâm nịnh.	337
205.	<i>Hà nhân tư</i> : Trách mắng dựa tiểu nhân đã lánh mặt.	346
206.	<i>Hạng bá</i> : Trách mắng dựa siểm nịnh đã hại mình.	359
207.	<i>Cốc phong</i> : Trách bạn vì tiểu tiết mà bỏ quên nhau.	369
208.	<i>Lục nga</i> : Nhớ ơn cha mẹ mà tự trách mình.	373
209.	<i>Đại đông</i> : Thương nhân dân nghèo khổ vì vua quá vợ vét bóc lột.	381

210.	<i>Tứ nguyệt:</i> Thương xót cho mình và trách vua.	404
211.	<i>Bắc sơn:</i> Lời so đo phiên trách vua không công bình, quan kia thì nhân rảnh, ta đây thì cực nhọc.	413
212.	<i>Vô tương đại xa:</i> Chớ lo nghĩ điều ưu phiền.	420
213.	<i>Tiểu minh:</i> Than thân mình và răn các bạn đồng liêu.	423
214.	<i>Cổ chung:</i> Trách vua đương thời và nhớ tiếc vua ngày xưa.	432
215.	<i>Sở từ:</i> Lo cày cấy để có vật phẩm cúng tế mà nhận phúc lộc của thần.	437
216.	<i>Tín Nam sơn:</i> Lo trồng trọt để có phẩm vật cúng tế mà được phúc.	452
217.	<i>Phủ điền:</i> Lo cúng tế để được mùa.	461
218.	<i>Đại điền:</i> Công việc nhà nông.	470
219.	<i>Chiêm bĩ lạc hỉ:</i> Lời chư hầu khen tặng thiên tử.	478
220.	<i>Thường thường giả hoa:</i> Lời thiên tử khen tặng chư hầu.	482
221.	<i>Tang hộ:</i> Lời thiên tử khen thưởng chư hầu.	488
222.	<i>Uyên ương:</i> Lời chư hầu chúc phúc thiên tử.	492
223.	<i>Khử biên:</i> Mong đãi yến tiệc cho anh em được sum vầy vui thích.	496
224.	<i>Xa hạt:</i> Lòng mừng cưới được người vợ đúng đắn.	503
225.	<i>Thanh nhãng:</i> Khuyên vua chớ nghe lời sâm nịnh.	510
226.	<i>Tân chi sơ diên:</i> Lời răn về uống rượu trong yến tiệc.	513

227.	<i>Ngư tảo</i> : Lời chư hầu khen tặng thiên tử.	526
228.	<i>Thái thúc</i> : Lời thiên tử khen tặng và ban ơn cho chư hầu đến châu.	528b
229.	<i>Giác cung</i> : Lời châm biếm vua không thân họ hàng mà lại ưa nghe kẻ sàm nịnh.	538
230.	<i>Uất liễu</i> : Thiên tử bạo ngược nên chư hầu không giám đến giúp đỡ.	547
231.	<i>Đô nhân sĩ</i> : Trong thời suy vi, mong được thấy trở lại những điều đẹp đẽ huy hoàng xưa.	551
232.	<i>Thái lục</i> : Nỗi lòng vợ nhớ chồng.	558
233.	<i>Thử miêu</i> : Việc quân sĩ đi xây đắp thành.	562
234.	<i>Thập tang</i> : Nỗi vui mừng khi gặp người quân tử.	567
235.	<i>Bạch hoa</i> : Hoàng hậu trách vua hờ hững lánh xa.	571
236.	<i>Miên man</i> : Quá khổ nhọc mong được nơi nương tựa và dạy bảo.	580
237.	<i>Hồ điệp</i> : Chủ khách ăn uống vui say với nhau.	584
238.	<i>Sàm sàm chi thạch</i> : Nỗi khổ nhọc của vị tướng suýt xuất chinh.	588
239.	<i>Điều chi hoa</i> : Thời suy bại, đời sống gian nan, ăn không no dạ.	592
240.	<i>Hà thảo bát hoàng</i> : Thời binh đao, chiến sĩ khổ sở.	596

QUYỂN TRUNG

THI KINH QUYỂN BỐN

II. TIỂU NHÃ

Nhã 雅 là chính, những bài thơ của nhạc chính đình. Những thiên thơ nhã vốn có phần 大雅 đại nhã và 小雅 tiểu nhã khác nhau, nhưng theo giải thuyết của các tiên nho, thì mỗi phần tiểu nhã hay đại nhã lại có chia ra phần chính và biến riêng biệt nhau.

Theo sự khảo cứu của thơ nhã ngày nay thì thơ 正小雅 chính tiểu nhã là những bài thơ ca nhạc về yến ẩm ăn uống, và thơ 正大雅 chính đại nhã là những bài ca nhạc về triều hội, những lời nhận phúc lộc của thần và trần bày điều giới răn. Cho nên có khi lại hân hoan vui vẻ dịu dàng để cận tình của bọn bề tôi, có khi cung kính đoan trang để phát huy cái đức của tiên vương. Vì thế mà khí thể của lời thơ không đồng, và âm điệu tiết tấu cũng khác, phần nhiều do Chu công định ra khi chế tác. Đó là nói về phần chính (正小雅 chính tiểu nhã và 正大雅 chính đại nhã).

Còn phần biến thì chưa át đã đồng như thế. Nhưng mỗi loại (小雅 tiểu nhã hay 大雅 đại nhã) đều lấy thanh điệu mà

phụ vào, mà thứ tự hay lời thời thế của những thơ ấy thì có phần không thể nào khảo cứu được.

1. LỘC MINH CHI THẬP.

(Mười thiên thuộc phần *Lộc minh*)

Thơ *nhā* và thơ *tụng* không có phân biệt của nước này hay nước khác, cho nên cứ lấy mười thiên làm một quyển gọi là 十 *thập*, như theo quân pháp mười người lính lại là một *thập*.

BÀI THỨ 161

CHƯƠNG I

鹿鳴	Lộc minh (Lộc minh I)
呦呦鹿鳴	1. U u lộc minh.
食野之苹	2. Thực dã chi bình.
我有嘉賓	3. Ngã hữu gia tân.
鼓瑟吹笙	4. Cổ sắt xuy sênh.
吹笙鼓簧	5. Xuy sênh cổ hoàng.
丞筐是將	6. Thừa khuông thị tương.
人之好我	7. Nhân chi hảo ngã.
示我周行	8. Thị ngã chu hành.

Dịch nghĩa

1. Con hươu kêu hoà dịu
2. Để gọi nhau ăn cỏ bình ở đồng nội.

3. Ta có nhiều tân khách tốt.
4. Thì đánh đàn thổi sáo lên.
5. Thổi sáo thổi kèn lên.
6. Hãy bung cái rổ đựng hàng lụa để ta trao tặng tân khách.
7. Những người mến thích ta.
8. Hãy chỉ cho ta nẻo đường to tát (để ta noi theo).

Dịch thơ

Con hươu nọ oang oang tiếng gọi

Ăn cỏ bình đồng nội xanh tươi.

Ta nay khách tốt lắm người.

Đánh đàn thổi sáo vui chơi từng bừng.

Kèn sáo thổi từng bừng rộn rịp.

Rổ lụa hàng bưng kíp tặng trao.

Những ai yêu mến ta đâu ?

Chỉ cho ta biết nẻo nào thênh thang.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hững.呦呦 u u, tiếng hoà điệu, 苹 *bình* cỏ lại tiêu, cỏ tiêu, màu xanh, cọng trắng như chiếc dưa. 我 *ngã*, ta, chủ nhân. 賓 *tân*, khách đến dự yến tiệc, hoặc là các bề tôi của nước ấy, hoặc là các quan lại của chư hầu. 瑟 *sất*, 笙 *sênh* (đọc sang cho hợp vận) là đàn sắt và ống sáo, nhạc khí dùng khi yến lễ. 簠 *hoàng*, cái lưới gà trong ống sáo. 丞 *thừa*, phụng thừa, kính dâng lên. 匏 *khuông*, cái giỏ, cái rổ hay cái

khay để đựng hàng lụa. 將 tương, cho. Bưng cái giỏ, cái khay đựng hàng lụa trao tặng cho tân khách, lúc uống rượu thì cũng lấy nó để bưng rượu mời khách, lúc ăn thì cũng lấy nó bưng cơm mời khách. 周行 chu hành (đọc chu hàng cho hợp vận) con đường to. Đó là thời xưa có việc nói chuyện với nhiều người, cho nên muốn được nghe ở đáy lời nói của mọi người.

Đây là bài thơ thuộc về yến ẩm với tân khách. Bởi vì giữa vua và tôi thì lấy nghiêm làm chủ yếu. Còn lễ nghi ở triều đình thì lấy kính làm chủ yếu. Nhưng nếu nhất nhất đều lấy nghiêm và kính, thì tâm tình hoặc có chỗ không thông cảm nhau mà sẽ không có lợi ích về việc tấu cáo hết dạ trung thành. Cho nên những bậc vua đời trước nhân những buổi hội họp ăn uống chung với nhau mà chế ra nghi lễ của yến hội cho tâm tình giữa vua và tôi được thông cảm nhau. Mà phần nhạc ca lại lấy việc con hươu kêu khởi hứng để nói cái ý của nghi lễ đã nồng hậu như thế, ngõ hầu mọi người đều mến vua mà chỉ cho vua nể đường to tát (trọn đạo lành).

Sách Lễ ký nói rằng: Đối với những nhân ái riêng tây không thuộc về ân đức, người quân tử không hề lưu luyến. Vì là điều trông mong của vua đối với những tân khách bề tôi chỉ là việc các bề tôi hãy chỉ cho vua nể đường to tát. Thì hẳn là chẳng lấy những nhân ái riêng tây làm ân đức mà để tâm lưu luyến vào vậy.

Hỡi ôi! Thế cho nên vui hòa với nhau mà không thái quá!

CHƯƠNG II

呦呦鹿鳴

9. Ưu lộc minh.

食野之蒿

10. Thực dã chi hao.

我有嘉賓

德音孔昭

視民不挑

君子是則是效

我有旨酒

嘉賓式燕以敖

11. Ngã hữu gia tân.

12. Đức âm khổng chiêu.

13. Thị dân bất thiêu.

14. Quân tử thị tắc thị hào (hiệu)

15. Ngã hữu chi tửu.

16. Gia tân thức yến dĩ ngao.

Dịch nghĩa

9. Con hươu kê hòa dịu.

10. Để gọi nhau ăn cỏ hao ở đồng nội.

11. Ta có nhiều tân khách tốt.

12. Mà tiếng tốt của những vị tân khách ấy rất sáng tỏ.

13. Đủ để bày tỏ cho dân biết và khiến dân không khinh bạc.

14. Những bậc quân tử ấy thật đáng làm gương cho dân chúng bắt chước theo.

15. Ta có rượu ngon.

16. Tân khách hãy dùng mà ăn uống rồi đi dạo chơi.

Dịch thơ

Oang oang gọi những con hươu nọ.

Ngoài cánh đồng ăn cỏ hao này.

Ta thì khách tốt đông thay!

Thầy đều rặng rờ đủ đầy đức âm.

Hết khinh bạc dân tâm cải hóa.

Quân tử kia thật đã nên gương.

Ta đây có rượu quỳnh tương.

Khách cùng chúc chén, lên đường dạo chơi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 蒿hao, cỏ khấn, tức là cỏ thanh hao. 孔khổng, rất. 昭chiêu (đọc trao cho hợp vận), sáng tỏ. 視thị đồng với chữ 示thị, bày tỏ cho biết. 昭chiêu (đọc thao cho hợp vận), mỏng manh, khinh bạc. 敖ngao, đi dạo chơi.

Nói rằng tiếng tốt của các tân khách rất sáng tỏ, đủ để bày tỏ cho dân biết và khiến dân không khinh bạc. Mà việc người quân tử đáng được làm gương cho mọi người bắt chước thì cũng chẳng cần đợi phải nói, cũng đã tỏ cho ta biết rất sâu xa.

CHƯƠNG III

呦呦鹿鳴

17. U u lộc minh,

食野之芩

18. Thực dã chi cãm.

我有嘉賓

19. Ngã hữu gia tân,

鼓瑟鼓琴

20. Cổ sắt cổ cãm.

鼓瑟鼓琴

21. Cổ sắt cổ cãm,

和樂且湛

22. Hoà lạc thả đãm.

我有旨酒

23. Ngã hữu chi tửu,

以燕樂嘉賓之心

24. Dĩ yên lạc gia tân chi tâm.

Dịch nghĩa

17. Con hươu kêu hoà dịu,
18. Để gọi nhau ăn cỏ cầm ở đồng nội.
19. Ta có nhiều tân khách tốt.
20. Thì cho đánh đàn cầm đàn sắt lên.
21. Đánh đàn cầm đàn sắt lên.
22. Là để cùng nhau vui hoà mãi mãi.
23. Ta có rượu ngon
24. Để an vui tâm lòng của tân khách tốt.

Dịch thơ

Hươu lên tiếng oang oang êm ái,
Tìm cỏ cầm ăn lấy ngoài đồng.
Ta thì khách tốt nhiều đông
Sắt cầm diu dặt gảy chung tưng bừng.
Tiếng cầm sắt đón mừng vang dậy,
Để cùng nhau mãi mãi vui hoà.
Rượu ngon thiết đãi khách ta,
Yên vui lòng khách rượu ngà ngà say.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 苓 cầm, tên loại cỏ, cộng như cộng thoa, lá như lá tre, mọc bò lan ra. 湛 đằm (đọc trầm cho hợp vận), vui thích rất lâu. 醪 yến, an.

Nói rằng làm cho lòng khách yên vui, không phải là để an dưỡng thân thể, mà chỉ là vui vẻ bề ngoài mà thôi. Vì rằng sở dĩ dā ân cần hậu đãi các tân khách là ý muốn các tân khách ấy cứ làm gương mà dạy dỗ dân chúng mà thôi.

Thiên Lộc mình có 3 chương, mỗi chương 8 câu.

Theo bài tự, đây là bài thơ về yến tiệc đãi các tân khách bề tôi.

Thiên *Yến lễ* trong sách *Nghi lễ* cũng nói *Công ca Lộc mình Từ mẫu, Hoàng hoàng giả hoa* tức là nói về việc này.

Cuộc uống rượu trong làng xóm cũng có dùng nhạc như thế. Mà thiên *Học ký* trong sách *Lễ ký* nói rằng bậc đại học mới bắt đầu dạy cho học tập ba thiên tiểu nhã: *Lộc mình, Từ mẫu, Hoàng hoàng giả hoa*. cũng là nói về ba bài thơ ấy. Nhưng ba bài thơ ấy đều là những bài ca nhạc thông dụng từ bậc trên đến kẻ dưới. Há lại vốn là vì cuộc yến tiệc thiết đãi tân khách bề tôi mà làm ra, rồi về sau lại được những người trong làng xóm dùng nữa ư? Cho nên ở trong triều đình thì gọi vua và tôi, trong yến tiệc thì gọi chủ và khách. Việc tiên vương dùng lễ nồng hậu để sai khiến kẻ bề tôi có thể nhận thấy rõ ở đây.

Họ Phạm nói rằng: Cho kẻ bề tôi ăn bằng lễ, làm vui vẻ bề tôi bằng nhạc, giúp kẻ bề tôi với lòng thực thà và cầu kẻ bề tôi bằng lòng thành, như thế mới được lòng kẻ bề tôi. Nhưng bậc tài giỏi há lại lấy việc được ăn uống, được của cải hàng lụa trao tặng làm vui thích hay sao? Nên biết rằng nghi lễ cưới hỏi không đầy đủ thì người con gái trinh hạnh không chịu đi theo chồng. Còn lễ nhạc mà không đủ, thì người tài giỏi không ở lại, người tài giỏi không ở lại thì há lại được vui mà tận tâm tận lực hay sao?

BÀI THỨ 162

CHƯƠNG I

四牡	Tứ mầu. (Lộc minh 2)
四牡駢駢	1. Tứ mầu phi phi,
周道倭遲	2. Chu đạo uy trì.
豈不懷歸	3. Khi bất hoài quy?
王事靡盬	4. Vương sự mỹ cổ,
我心傷悲	5. Ngã tâm thương bi.

Dịch nghĩa

1. Xe bốn ngựa đực chạy mãi không dừng,
2. Trên đường lộ to quanh co và xa xôi.
3. Kẻ bề tôi ấy lại không há muốn trở về hay sao?
4. Chỉ vì việc của vua không thể nào không lo chắc chắn cẩn thận được.
5. Nhớ đến nhà, lòng ta thương cảm đau xót.

Dịch thơ

Bốn con ngựa chạy chẳng thôi,
Đường to khúc khuỷu xa xôi chạy dài.
Há chẳng muốn quay ngay trở lại?
Việc vua không trễ nải khinh thường.
Lòng ta luống những sầu thương.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 駢駢 *phi phi*, dáng chạy mãi không dừng. 周道 *chu đạo*, đường lộ to. 倏遲 *uy trì*, dáng quanh co xa xôi. 驢蹙 *lữ cức*, không kiên cố, không chắc chắn.

Đây là bài thơ sai khiến bề tôi những công việc nhọc nhằn.

Ôi! Vua sai khiến bề tôi, bề tôi phải phụng sự vua, đó là lẽ. Cho nên kẻ làm tôi, chạy vạy lo công việc của vua, chỉ riêng lo sao cho hết chức phận mình phải làm mà thôi, nào dám tự cho là khó nhọc hay sao? Nhưng lòng của vua thì không dám lấy đó mà yên tâm. Cho nên trong buổi yến tiệc đãi dăng kẻ bề tôi, vua thường kể tâm tình của mình để thương xót đến nỗi khó nhọc của kẻ bề tôi.

Nói rằng đi chiếc xe do bốn con ngựa đực kéo chạy ra cõi ngoài, đường đi quanh co xa xôi như thế. Đương lúc ấy há lại không muốn trở về hay sao? Nhưng riêng vì việc của vua, không thể nào không lo cho chắc chắn được, không dám vì việc tư mà bỏ việc công, cho nên ngoảnh lại phía trong nước bùi ngùi thương cảm.

Kẻ bề tôi khó nhọc vì công việc của vua mà không tự nói ra. Vua lại dò hiểu tâm tình ấy mà thay lời kể lại, coi đó thì từ bậc trên đến kẻ dưới, mọi người đều có thể nói là làm tròn đạo nghĩa của mình.

Mao thi truyện nói rằng: Lòng muốn trở về, ấy là ân tình riêng. Việc chắc chắn cẩn thận, ấy là nghĩa công. Lòng thương cảm xót xa, ấy là tâm tình nhớ nghĩ. Không có ân tình riêng (để nhớ tưởng đến cha mẹ ở nhà) thì không phải là con hiếu. Không có nghĩa công (để lo công việc của vua) thì không phải là tôi trung. Người quân tử không vì việc tư mà hại việc công, không vì việc nhà mà từ chối việc vua.

Họ Phạm nói rằng: Bể tôi thờ vua thì phải lo việc công trước, rồi lo việc tư sau. Còn vua lấy việc khó nhọc sai khiến bể tôi thì phải lo việc ân đức trước, rồi lo việc nghĩa sau.

CHƯƠNG II

四牡駢駢

暉暉駱馬

豈不懷歸

王事靡盬

不遑啓處

6. Tứ mẩu phi phi,

7. Than than lạc mã.

8. Khi bất hoài quy?

9. Vương sự mĩ cổ,

10. Bất hoàng khả xử.

Dịch nghĩa

6. Xe bốn ngựa đực chạy mãi không dừng.

7. Phần đông là những ngựa trắng bờm đen.

8. Kê bể tôi áy há lại không muốn trở về nhà hay sao?

9. Chỉ vì việc của vua không thể nào không lo cho chắc chắn cẩn thận được.

10. Cho nên đành phải đi, không còn rảnh rang để đứng hay ngồi ở trong nhà nữa.

Dịch thơ

Chẳng thôi bốn ngựa ruổi dong

Bờm đen mình trắng phần đông ngựa này

Há chẳng muốn quay ngay trở lại?

Việc vua không trễ nải lời thôi.

Rảnh rang đâu để đứng ngồi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 肉肉 *than than* dáng đông nhiều. 駱 *lạc*, ngựa trắng bờm đen. 遑 *hoàng*, rảnh rang. 啓 *khải*, quỳ đầu gối để đứng lên. (vì người xưa trái chiếu xuống đất mà ngồi). 處 *xử*, ở, ngồi.

CHƯƠNG III

翩翩者維

11. Phiên phiên giả chuy,

載飛載下

12. Tái phi tái hạ.

集于苞栩

13. Tập vu bao hủ,

王事靡鹽

14. Vương sự mỹ cổ.

不遑將父

15. Bất hoàng tương phụ.

Dịch nghĩa

11. Chim chuy bay đi.

12. Hoạc bay lên hoạc đáp xuống.

13. Rồi đậu lên bụi cây hủ.

14. Chỉ vì việc vua không thể nào không lo cho chắc chắn cẩn thận được.

15. Cho nên không còn rảnh rang để phụng dưỡng cha nhà.

Dịch thơ

Chim chuy bay vút ra xa.

Khi bay khi đáp thật là thành thơi,

Trên bụi hủ yên nơi đậu lại.

Việc vua không trễ nãi khinh thường.

Rảnh đâu phụng dưỡng nghiêm đường.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc húng 翬翬 *phiên phiên*, đáng bay đi. 雛 *chuy*, chim phu phủ, nay là con chim bột cưu. Phạm những chim đuôi ngắn đều thuộc loại chim chuy. 將 *tương*, nuôi dưỡng.

Chim chuy bay đi, hoặc bay lên hoặc đáp xuống mà đậu nơi yên ổn. Hôm nay người được sai khiến ra đi, chịu lao khổ ở cõi ngoài không còn rảnh rang dưỡng nuôi cha nữa. Ấy là nỗi áy náy của vua không yên tâm mà xót thương thâm thiết.

Họ Phạm nói rằng: Tôi trung, con hiếu đi phục dịch chưa từng không nghĩ đến cha mẹ. Vua sai khiến bề tôi, há lại chờ họ đau khổ để tự họ xót thương lấy hay sao? Vua cũng đau khổ những nỗi đau khổ của họ như chính của mình. Đó là cử chỉ của bậc thánh nhân đã làm cảm động lòng người.

CHƯƠNG IV

翬翬者維

16. *Phiên phiên giả chuy,*

載飛載止

17. *Tái phi tái chỉ.*

集于苞杞

18. *Tập vu bao khi.*

王事靡盬

19. *Vương sự mỹ cổ.*

不遑將母

20. Bất hoàng tương mẫu.

Dịch nghĩa

16. Chim chuy bay đi.

17. Hoặc bay lên hoặc dừng lại.

18. Rồi đậu lên bụi cây khỉ.

19. Chỉ vì việc vua không thể nào không lo cho chắc chắn cẩn thận được.

20. Cho nên không rảnh rang để phụng dưỡng mẹ nhà.

Dịch thơ

Chim chuy vun vút bay qua,

Hoặc bay hoặc đáp thật là thành thoi.

Trên bụi khỉ làm nơi đậu lại.

Việc vua sai chẳng phải khinh thường.

Rảnh đâu nuôi dưỡng huyên đường.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 杞 *khỉ*, cây cấu kế.

CHƯƠNG V

駕彼四駱

21. Giá bử tứ lạc,

載驟駛駛

22. Tái sậu xâm xâm.

豈不懷歸

23. Khỉ bất hoài quy?

是用作歌
將母來志

24. Thị dụng tác ca,
25. Tương mẫu lai thắm.

Dịch nghĩa

21. Ngồi chiếc xe có bốn ngựa bạch bờm đen kia.
22. Chạy mau vun vút.
23. Há không muốn trở về nhà hay sao?
24. Sẽ làm bài thơ ca.
25. Để tâu bẩm lên vua biết nỗi lòng muốn phụng dưỡng mẹ.

Dịch thơ

*Bờm đen ngựa trắng bốn con.
Thầy đều vun vút chạy dòn ra xa.
Há không muốn về mà quay lại?
! Bài thơ ca làm lấy đã xong.
Muốn nuôi mẹ đến tâu cùng.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 駢駢 *xâm xâm*, dáng chạy mau. 諗 *thắm* (đọc thắm cho hợp vận), cáo cho biết.

! Dem nỗi tình không được phụng dưỡng cha mẹ đến tâu lại để vua biết. Chẳng phải người đi sứ làm bài ca này, mà chính vua đặt ra lời bày tỏ tâm tình ấy để uỷ lạo kẻ bề tôi ấy.

Chương này chỉ nói phụng dưỡng mẹ mà thôi, đó là nhân câu văn của chương trên.

Thiên Tử mẫu có 5 chương, mỗi chương 5 câu.

Bài tự nói rằng bài thơ này là để uỷ lạo sứ thần (bể tôi được vua sai ra đi) trở về, thì rất hợp ý nghĩa của bài thơ, cho nên truyện *Xuân thu* cũng nói như thế.

Nhưng sách ngoài cho là để làm sáng tỏ việc cần lao của sứ thần. Sứ thần nói ở đây, tuy là Thúc Tôn tự xưng, nhưng cũng rất hợp với câu truyện ấy.

Còn sách *Nghi lễ* cho là bài ca nhạc thông dụng từ bậc trên đến kẻ dưới.

Nghi rằng bài thơ này cũng vốn là để uỷ lạo kẻ bề tôi được sai ra đi, rồi về sau được đem ra dùng về việc khác.

BÀI THỨ 163

CHƯƠNG I

皇皇者華

Hoàng hoàng giả hoa. (Lộc minh 3)

皇皇者華

1. Hoàng hoàng giả hoa,

于彼原隰

2. Vu bỉ nguyên thấp.

駉駉征夫

3. Sần sần chinh phu,

每懷靡及

4. Mỗi hoài mĩ cập.

Dịch nghĩa

1. Những đoá hoa rực rỡ.

2. Đơm nở trên gò cao và trũng thấp kia.

3. Những người đông đảo tuôn lướt ra đi.

4. Thì nổi lo nghĩ trong lòng như có điều lo chẳng kịp (mà việc phục dịch sẽ chẳng vừa ý vua).

Dịch thơ

Những đoá hoa non tươi rực rỡ

Gò trũng kia đua nở khắp nơi.

Chinh phụ rong ruổi bao người.

Việc lo chẳng kịp lòng thời xôn xang.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 皇皇 *hoàng hoàng* như 煌煌 *hoàng hoàng*, sáng rỡ. 華 *hoa* (đọc pho cho hợp vận), bông hoa của cây cỏ. 原 *nguyên*, nơi cao mà bằng gọi nguyên. 隰 *thấp*, nơi trũng thấp gọi thấp. 駉駉 *sần sần*, dáng đông người chạy mau. 征夫 *chinh phu*, kẻ bề tôi được sai đi cùng những người thuộc hạ. 懷 *hoài*, nhớ.

Đây là bài thơ sai khiến sứ thần. Vua sai bề tôi hẳn là muốn tỏ rõ cái đức của bề trên và thấu đạt tâm tình của kẻ dưới. Còn bề tôi nhận mệnh lệnh thì cũng chỉ lo sợ sẽ không được vừa ý của vua. Cho nên các bậc vua đời trước khi sai khiến sứ thần ra đi thì khen ngợi công cần khổ tuôn lớt dặm đường và xét kể đến nỗi nhớ thương trong lòng vị sứ thần ấy.

Nói rằng những đoá hoa rực rỡ kia đơm mọc ở những đồi cao trũng thấp. Những người đông đảo tuôn lớt ra đi thì những nỗi lo nghĩ trong lòng thường có điều không lo đến kịp (phận làm tôi khi được vua sai thường ngại có điều lo chẳng kịp mà không vừa ý vua). Thì cũng nhân đấy mà nêu lên điều răn dạy. Nhưng với lời thơ uyển chuyển không vội vàng, sự trung hậu của bài thơ này cũng có thể nhận thấy được.

CHƯƠNG II

我馬維駒
六轡如濡
載馳載驅
周愛咨諏

5. Ngã mã duy câu,
6. Lục bí như nhu.
7. Tái trì tái khu,
8. Chu viên tư tu.

Dịch nghĩa

5. Ngựa kéo xe của ta toàn là ngựa câu (ngựa tơ mới lớn lên dồi dào sức lực).
6. Sáu dây cương bóng loáng.
7. Hoặc chạy mau hoặc chạy gấp.
8. Đến đâu thì hỏi thăm rộng rãi để làm tròn chức vụ của mình.

Dịch thơ

Kéo xe ta ngựa câu dững mãnh.
Sáu dây cương lấp lánh chói loà.
Lướt mau chạy gấp ra xa.
Hỏi han rộng rãi để màn dò thăm.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 如濡 *như nhu*, bóng láng, tươi sáng. 周 *chu*, khắp nơi. 爰 *viên*, ở, nơi. 咨諏 *tư tu*, hỏi thăm.

Sứ thần dung ruổi ra đi cứ tự cho có điều chẳng lo tròn vẹn kịp, cho nên phải hỏi thăm rộng rãi ở khắp nơi mà bỏ

khuyết những điều thiếu sót ấy để làm tròn chức vụ của mình.

Trình tử nói rằng: Sự phỏng vấn là công việc lớn lao của sứ thần.

CHƯƠNG III

我馬維騏

9. Ngã mã duy kỳ,

六轡如絲

10. Lục bí như ty.

載馳載驅

11. Tái trì tái khu,

周愛咨謀

12. Chu viên tư mưu.

Dịch nghĩa

9. Ngựa kéo xe của ta toàn là ngựa kỳ (ngựa màu xanh và đen)

10. Sáu dây cương dịu mềm như bằng tơ.

11. Hoặc chạy mau hoặc chạy gấp.

12. Đến đâu thì hỏi thăm rộng rãi đến đấy.

Dịch thơ

Sắc xanh đen ngựa kỳ vút chạy,

Sáu dây cương mềm mại như tơ.

Lướt mau chạy gấp xa mờ.

Đến nơi rộng rãi tìm dò hỏi thăm.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 如絲 *như ty*, dịu hoà và dai như tơ. 謀 *miêu* (đọc *my*, cho hợp vận), như *tu* là hỏi thăm, thay chữ cho khác nhau để hợp vận.

Chương sau cũng phỏng theo đây.

CHƯƠNG IV

我馬維駱

13. Ngã mã duy lạc,

六轡沃若

14. Lục bí ốc nhược.

載馳載驅

15. Tái trì tái khu

周愛咨度

16. Chu viên tự đạc (độ)

Dịch nghĩa

13. Kéo xe ta toàn là ngựa lạc (ngựa bạch bờm đen).

14. Sáu sợi dây cương bóng láng.

15. Hoặc chạy mau hoặc chạy gấp.

16. Đến đâu thì hỏi thăm rộng rãi đến đấy.

Dịch thơ

Ngựa lạc ta bờm đen mình trắng,

Sáu dây cương bóng láng chói lòe.

Lướt mau chạy gấp ra xa,

Hỏi thăm rộng rãi để mà lo toan.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 沃若 ốc *nhược* như chữ 濡 *nhu* là bóng láng tươi sáng. 度 *độ* (đọc *đặc* cho hợp vận), hỏi thăm.

CHƯƠNG V

- | | |
|------|-----------------------|
| 我馬維駟 | 17. Ngã mã duy ân, |
| 六轡旣均 | 18. Lục bí ký quân. |
| 裁馳載驅 | 19. Tái trì tái khu, |
| 周愛咨詢 | 20. Chu viên tư tuân. |

Dịch nghĩa

17. Kéo xe của ta toàn là ngựa ân (ngựa bạch có đốm sẫm).
18. Sáu dây cương đều điều hoà.
19. Hoặc chạy mau hoặc chạy gấp.
20. Đến đâu thì hỏi thăm rộng rãi đến đấy.

Dịch thơ

*Ngựa ân ta trắng chen đốm sẫm,
Sáu dây cương thấy nắm điều hoà.
Lướt mau chạy gấp ra xa,
Đến nơi đi khắp để mà dò thăm.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 賦 *ân*, ngựa có lông sậm lông trắng lộn nhau. 均 *quân*, điều hoà. 訓 *tuân* như chữ 度 *độ* là hỏi thăm.

Thiên Hoàng hoàng giả hoa có 5 chương, mỗi chương 4 câu.

Theo bài tự, đây là bài thơ vua sai khiến sứ thần ra đi. Phần nội và ngoại truyện của sách *Xuân thu* đều nói là thơ vua dạy các sứ thần. Thuyết này đã thấy ở thiên trước. Sách Nghi lễ cũng thấy có thiên Lộc minh, ngờ rằng cũng vì sai khiến sứ thần mà làm ra, rồi về sau mới đem dùng về việc khác.

Nhưng Thúc Tôn Mục tử cho là việc vua dạy các sứ thần, nói rằng: Mỗi người đều lo nghĩ có điều không lo tròn vẹn kịp (sợ không vừa ý vua), và bốn chữ tu, mưu, độ, tuân (đều nghĩa là hỏi thăm) ắt là phải hỏi thăm rộng rãi ở khắp nơi thì dăm dẫu không chịu lời dạy bảo, thế thì có thể gọi là đúng ý của bài thơ này.

Họ Phạm nói rằng: Vua sai sứ đi ra bốn phương, thì phải dạy hỏi thăm đường lành nẻo tốt để mở rộng trí thông minh. Ôi! Bề tôi muốn giúp vào cái đức của vua thì ắt phải tìm kiếm người giỏi để giúp đỡ mình. Cho nên hễ bề tôi chịu theo đường thiện, thì có thể cải thiện được vua; và hễ bề tôi chịu nghe lời can gián, thì có thể can gián được vua. Chưa có bề tôi nào không sửa trị được mình mà lại có thể chính đính được vua.

BÀI THỨ 164

CHƯƠNG I

常棣
常棣之華
鄂不韡韡
凡今之人
莫如兄弟

Thường đệ.

1. Thường đệ chi hoa.
2. Ngạc bất vĩ vĩ?
3. Phàm kim chi nhân.
4. Mạc như huynh đệ.

Dịch nghĩa

1. Hoa cây thường đệ
2. Trông bề ngoài há lại không chói lọi hay sao?
3. Phàm người bây giờ
4. Thì chẳng gì bằng anh em.

Dịch thơ

*Hoa thường đệ tương bừng đua nở.
Há lại không rực rỡ xinh tươi?
Giờ đây tất cả những người.
Số cùng huynh đệ ấy thời bằng đâu.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 常棣 *thường đệ*, cây đệ, quả như quả anh đào ăn được. 鄂 *ngạc* là 鄂然 *ngạc nhiên*, đáng

trông thấy bề ngoài. 不**bất** như 豈**không** *khí bất*, há chẳng. 難**khó** 難 *nan*, đáng sáng chói rõ ràng.

Đây là bài ca nhạc khi yến ẩm với anh em. Cho nên nói rằng: Hoa cây thường lệ, đáng hiện ra bề ngoài há lại không chói lợi hay sao? Phàm người bây giờ thì há lại được như anh em vậy chăng?

CHƯƠNG II

死喪之威

5. Tử táng chí uy,

兄弟孔懷

6. Huynh đệ khổng hoài.

原隰哀矣

7. Nguyên thấp bầu hỷ!

兄弟求矣

8. Huynh đệ cầu hỷ!

Dịch nghĩa

5. Tử vong tang tóc là việc đáng sợ.

6. (Chỉ có anh em vì tình thân nên rất nhớ thương nhau (còn người dưng kẻ lạ thì không).

7. Còn đến những tử thi chồng chất ở ngoài đồi cao trũng thấp

8. Thì anh em cũng tìm kiếm lẫn nhau.

Dịch thơ

Việc tử vong tang tóc đáng sợ.

Chỉ anh em mới nhớ thương nhau.

Thấy chồng trũng thấp đồi cao,

Kiểm tìm cho được ngày nào anh em!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 賦 *uy*, sợ. 懷 *hoài* (đọc *huy* cho hợp vận), nhớ nghĩ. 哀 *bầu*, tự hợp lại.

Nói rằng tai họa tử vong là điều ghét sợ của người đứng kẻ lạ. Chỉ có anh em vì tình thương xót nhau, cho đến cảnh tử thì chồng chất ở ngoài đồng nội, cũng vì tình anh em nên chẳng sợ mà đến kiếm tìm.

Bài thơ này vì Chu công vừa giết hại hai người em Quản Thúc Tiên và Thái Thúc Độ mà làm ra. Cho nên từ chương này trở về sau đều chuyên nói về việc tử vong, việc tai biến nguy cấp và việc bất hòa anh em chống chọi nhau. Tâm chí của ngài rất thiết tha, tình ý của người rất ai oán, đều là việc xử sự những tai biến giữa anh em cả? Cũng như Mạnh Tử nói: Như người anh mình giương cung toan bắn kẻ khác, thì mình phải rơi nước mắt khóc lóc mà ngăn anh mình vậy. (*Mạnh Tử*, *Cáo Tử*, chương cú hạ).

Bài tự cho là thơ này vì thương xót Quản Thúc Tiên và Thái Thúc Độ mất đạo nghĩa anh em mà làm ra thì đúng, rồi lại cho là thơ của Văn vương và Vũ vương thì lầm. Đại khái những thời buổi về *Kinh Thi* của thuyết xưa đều không đủ tin, đan cử một việc này đã mâu thuẫn nhau để thấy rõ được một môi. Còn những việc về sau thì không thể biện luận rõ ràng được.

CHƯƠNG III

脊令在原

兄弟急難

每有良朋

況也永嘆

9. Tích linh tại nguyên,

10. Huynh đệ cấp nạn.

11. Mỗi hữu lương bằng,

12. Huống giả vĩnh thán.

Dịch nghĩa

9. Chim tích linh đậu ở gò cao.
10. Về hoạn nạn nguy cấp của anh em mình.
11. Tuy mình có bạn tốt.
12. Nhưng bạn tốt của mình chỉ thở dài, chứ không cứu đỡ gì được.

Dịch thơ

*Trên gò cao tích linh đậu lại,
Anh em đang gặp phải gian nguy.
Bạn bè tốt có thiếu gì.
Thở dài thôi đấy, cứu thì chờ mong.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 脊令 *tích linh*, chim ung cừ, loài chim nước. 況 *huống*, tiếng đệm ở đầu câu, cũng có người cho chữ 怳 *huống* là đáng thất ý. Chim tích linh bay thì kêu, đi thì nhấp nhấp, ý như có việc tai nạn gì nguy cấp, cho nên lấy đó khởi hứng mà nói rằng: Đương lúc hoạn nạn nguy cấp ấy, dầu có bạn tốt, bất quá bạn tốt cũng chỉ thở dài mà thôi, hoặc giả vì không đủ sức để cứu đỡ.

Họ Lữ ở Đông Lai nói rằng: Sơ với người thân mà lại thân với người sơ, ấy là mất cái bản tâm.

Cho nên bài thơ này lập đi lập lại nói rằng bằng hữu không như anh em là để bày rõ sự phân biệt người thân với người sơ, để khiến mình noi trở lại theo lẽ căn bản. Bản tâm của mình một khi đã giữ được thì từ người thân trước rồi đến người sơ sau, rõ ràng có trật tự. Tình thân giữa anh em một

khi đã nông hậu, thì nghĩa với bạn bè cũng dần dần. Mới đầu chẳng phải mình bạc với bạn bè đâu. Nếu mình lẫn lộn và không noi theo trật tự thân sơ, thì tuy là nói mình đôn hậu với bạn bè, nhưng thế không bền lâu đâu, cũng như dòng nước không có nguồn, sớm thì đầy, tối thì cạn, làm sao giữ gìn lâu dài được thay?

Hoặc có người nói rằng: Người ta đang lúc bị tai nạn, bạn bè lại có thể ngồi yên mà ngó hay sao? Đáp: Xét hai câu thơ trên: *Mỗi hữu lương bằng, Huống dã vĩnh thân* (Đầu có bạn tốt, bạn tốt cũng chỉ thử dài.) như thế chẳng phải là không lo thương cho nhau, nhưng mà việc nguy cấp hoạn nạn của anh em đối với bạn bè thì có khác bậc.

Nói về phần từ của nhà thơ, có lúc nén xuống có lúc trương lên. Nhưng thiên *Thường đệ* này là của Chu công làm ra. Lời của bậc thánh nhân nhỏ to cao thấp đều thích hợp, mà trước sau tả hữu không trái ngược nhau.

CHƯƠNG IV

兄弟閔于牆

13. Huynh đệ hích vu tường,

外御其務

14. Ngoại ngự kỳ vụ.

每有良朋

15. Mỗi hữu lương bằng,

烝也無戎

16. Chưng dã vô nhung.

Dịch nghĩa

13. Anh em có việc chống chọi nhau ở phía trong tường (trong nhà).

14. Cũng phải đồng lòng ngăn chặn khinh dễ nhục nhã từ ngoài đưa đến.

15. Tuy có bạn tốt.

16. Bạn tốt ấy cũng không giúp đỡ nhau được.

Dịch thơ

Tuy trong tường anh em chống đối,

Ngăn nhục ngoài đã vội hợp nhau.

Bạn bè tốt có thiếu đâu,

Nhưng mà giúp đỡ thế nào cũng không.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 鬭 *hích*, chống chọi tranh nhau. 禦 *ngự*, cấm ngăn. 烹 *chưng*, tiếng đেম ở đầu câu. 戕 *nhung* (đọc như cho hợp vận), giúp đỡ.

Nói rằng anh em chẳng may có việc chống chọi nhau ở trong nhà, nhưng nếu có việc khinh dễ nhục nhã từ ngoài đưa đến phải đồng lòng với nhau mà ngăn chặn lại.

Tuy mình có bạn tốt, bạn tốt ấy há lại có thể giúp nhau như thế chăng? Phú Thần nói rằng: Anh em tuy có việc giận nhau nhỏ mọn, cũng không bỏ tình chí thân.

CHƯƠNG V

喪亂既平

17. Tang loạn ký bình,

既安且寧

18. Ký an thả ninh.

雖有兄弟

19. Tuy hữu huynh đệ.

不如友生

20. Bất như hữu sinh.

Dịch nghĩa

17. Việc tang tóc biến loạn đã dứt.
18. Đã yên ổn vô sự rồi.
19. Tuy có anh em.
20. Lại xem, không bằng bạn bè.

Dịch thơ

*Cơn biến loạn tóc tang dứt hẳn,
Đời yên vui bình thân lại rồi.
Anh em tuy có lắm người,
Không bằng bạn hữu, thật lời kém suy.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Chương trên nói trong lúc hoạn nạn, anh em cứu đỡ nhau, còn bạn bè không được như thế. Chương này bèn nói lúc sau khi đã được bình yên rồi thì lại coi anh em không như bằng hữu. Thật là nghịch lý.

CHƯƠNG VI

儋爾籩豆
飲酒之飲
兄弟既具
和樂且孺

21. Tấn nhĩ biên đậu,
22. Âm tửu chí ứ.
23. Huynh đệ ký cụ,
24. Hoà lạc thả nhụ.

Dịch nghĩa

21. Bày những đĩa đồ ăn ra,
22. Để uống rượu cho no say.
23. Mà anh em đều đầy đủ.
24. Cùng vui hoà và quyến luyến nhau.

Dịch thơ

*Bày những đĩa đồ ăn mọi thức,
Cùng uống ăn đến thật no say.
Anh em chẳng thiếu một ai,
Thuận hà quyến luyến vui thay nghĩa tình!*

Chú giải của Dịch giả

Chương này thuộc phú. 饗 *tấn*, trần bày ra. { 飧, ăn no. 具 *cụ*, cùng nhau. 孺 *nhu*, con trẻ quyến luyến cha mẹ.

Nói rằng trần bày những đĩa đồ ăn ra để cùng nhau uống no say mà anh em có người thiếu sót không đầy đủ thì cùng ai để ăn uống vui chơi vậy?

CHƯƠNG VII

妻子好合
如鼓瑟琴
兄弟既翕
和樂且湛

25. Thế tử hảo hợp,
26. Như cổ sắt cầm.
27. Huynh đệ ký hấp,
28. Hòa lạc thả đam.

Dịch nghĩa

25. Vợ con hoà hợp với nhau.
26. Như gảy đàn cầm đàn sắt.
27. Anh em hòa hợp rồi.
28. Thì hoà vui sâu xa lâu dài.

Dịch thơ

*Vợ con mà yên vui xum hiệp,
Như sắt cầm hoà nhịp gảy vang.
Anh em hoà hợp kính nhường
Cuộc vui hoà ấy lại càng bền lâu.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 翕 *háp*, hoà hợp.

Nói rằng vợ con hoà hợp như đàn sắt đàn cầm hoà điệu.
Còn anh em mà có điều không hoà hợp thì không lấy gì làm
cho cuộc vui hoà ấy được lâu dài.

CHƯƠNG VIII

宜爾室家
樂爾妻帑
是究是圖
直其然乎

29. Nghi nhĩ thất gia,
30. Lạc nhĩ thê nô.
31. Thị cứu thị đồ.
32. Đán kỳ nhiên hô?

Dịch nghĩa

29. Ôn đáng gia đình của mày.
30. Làm vui hoà vợ con của mày.
31. Hãy cứu xét và suy tính lẽ ấy.
32. Rồi tin là đúng như vậy chăng?

Dịch thơ

Hãy yên định của nhà anh vậy.

Khiến vợ con cả thấy vui hoà.

Xét suy lẽ ấy sâu xa.

Đề tin chắc chắn có là đúng không?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 絜 nô, con. 究 cứu, cứu xét cùng tận. 圖 đồ, mưu tính. 信 tín.

Ôn đáng gia đình của người, anh em đều đầy đủ, rồi sau mới vui vẻ và quyền luyến nhau.

Làm hòa vợ con của người, hoà hợp anh em rồi sau mới vui vẻ và bền lâu. Anh em đối với người quan trọng như thế. Hãy thử lấy đó mà xét cứu và suy tính, há lại không tin đúng như thế hay sao?

Họ Lữ ở Đông Lai nói rằng: Lấy việc anh em phải thân mến nhau mà bảo người ta, thì chưa có ai không cho đó là phải. Nếu chẳng cứu xét và suy tính như thế để thực tình noi theo lẽ ấy, thì cũng chưa có ai đã thành thật hiểu biết đó là phải. Không thành thật hiểu biết đó là phải thì việc hiểu biết

ấy chỉ có tiếng hiểu biết mà thôi. Phàm người đọc thì không ai lại không như thế.

Thiên Thường đệ có 8 chương, mỗi chương 4 câu.

Bài thơ này chương đầu nói sơ lược cái ý tình chí thân không gì bằng anh em.

Chương II lại lấy việc xây đến một cách bất ngờ mà nói (việc tử vong tang tóc) để tỏ rõ mối tình giữa anh em đã thiết tha như thế.

Chương III chỉ nói việc hoạn nạn nguy cấp. thì nhẹ hơn việc tử vong tang tóc.

Đến chương IV lại lấy tình nghĩa anh em tuy rất mong manh (đã gây gỗ chống chọi nhau) mà còn có chỗ chẳng nở (cùng hợp lực đồng tâm chặn ngăn việc xâm phạm khinh dễ đến từ bên ngoài) mà nói.

Bài tự như nói rằng: Không đợi đến việc tử vong tang tóc, rồi sau anh em mới cứu đỡ nhau. Chỉ có việc hoạn nạn nguy cấp thì đã phải giúp đỡ nhau rồi.

Và nói ví không may anh em mà đến nỗi hoặc có điều hờn giận nhỏ nhen. mà còn phải hợp sức để chống ngăn việc khinh nhục từ bên ngoài. Việc mà sở dĩ đã nói ra tuy như càng nhẹ nhàng vắn tắt, nhưng mà để tỏ rõ cái nghĩa giữa anh em càng sâu sắc thiết tha.

Đến chương V bèn nói đến lúc sau khi đã được yên ổn. lại cho rằng anh em không như bạn bè, thì người chí thân ấy (anh em) trái lại thành kẻ qua đường người đứng nước lã. Nhân đạo cơ hồ như dứt hết rồi.

Cho nên hai chương sau, VI và VII lại hết sức nói lên mối ân nghĩa giữa anh em, và cái ý của anh em, khác hình dạng mà đồng khí chất, chết. sống, khổ, vui không lúc nào là không cần đến nhau.

Chương cuối nhắc lại việc ấy, khiến mình trở qua trở lại mà nghiệm xét tới cùng mà tin đúng như thế. Có thể nói là khúc chiết cặn kẽ lần lần theo thứ tự mà nói cho cạn tình đời.

Người đọc ngẫm nghĩ sâu xa những ý vị ấy.

BÀI THỨ 165

CHƯƠNG I

伐木

伐木丁丁
鳥鳴嚶嚶
出自幽谷
遷于喬木
嚶其鳴矣
求其友聲
相彼鳥矣
猶求友聲
矧伊人矣
不求友生
神之聽之
終和且平

Phạt mộc (Lộc minh 5)

1. Phạt mộc tranh tranh,
2. Điệu minh oanh oanh,
3. Xuất tự u cốc,
4. Thiên vu kiều mộc,
5. Oanh kỳ minh hĩ.
6. Cầu kỳ hữu thanh.
7. Tương bỉ điệu hĩ.
8. Do cầu hữu thanh.
9. Thần y nhân hĩ,
10. Bất cầu hữu sinh.
11. Thần chi thính chi,
12. Chung hoà thả bình.

Dịch nghĩa

1. Tiếng đồn cây nghe tranh tranh.
2. Tiếng chim kêu nghe oanh oanh.
3. Bay ra từ hang sâu.
4. Rồi bay lên trên cây cao.
5. Kêu lên những tiếng oanh oanh.
6. Đó là tiếng kêu tìm bạn.
7. Xem con chim kia.
8. Còn có tiếng kêu tìm bạn.
9. Huống chi là người ta.
10. Lại không tìm bạn.
11. (Giao hảo đôn hậu với bạn bè) thì được thần linh nghe cho.
12. Rồi sau cùng được vui hòa và bình yên.

Dịch thơ

Đồn cây nghe tiếng tranh tranh.

Chim thì cất giọng oanh oanh gọi bầy.

Chốn hang sâu vừa bay ra khỏi,

Thăng lên cây vọi vọi vút cao,

Oanh oanh cất tiếng thanh tao.

Kêu lên tìm bạn hợp nhau vui hoà.

Xem chim kia thiết tha như thế,

Còn biết kêu lên để tìm nhau.

*Hướng người chẳng thể hay sao?
Lại không tìm bạn để trao ân tình.
Bạn thâm giao thần linh sẽ chứng,
Và sau cùng được hưởng vui hòa.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 丁 丁 *tranh tranh*, tiếng đốn cây. 嚶 嚶 *oanh oanh*, tiếng chim kêu hoà điệu. 幽 *u*, sâu. 遷 *thiên*, thăng lên. 喬 *kiêu*, cao. 相 *tướng*, xem. 矧 *thần*, huống chi, phương chi.

Đây là bài ca nhạc yến ẩm cùng bạn cũ. Cho nên lấy tiếng đốn cây nghe tranh tranh và tiếng chim kêu oanh oanh mà nói chim tìm bạn. Và lấy việc chim tìm bạn ví với người không thể nào không có bạn được. Người mà đôn hậu được môi giao hảo giữa bạn bè thì được thần linh nghe cho, rồi rốt cùng được vui hoà và yên bình.

CHƯƠNG II

伐木許許

釃酒有藇

既有肥羜

以速諸父

寧適不來

微我弗顧

於粲灑埽

13. Phạt mộc hổ hổ.

14. Sư tửu hữu tử.

15. Ký hữu phì trữ,

16. Dĩ tốc chư phụ.

17. Ninh thích bất lai.

18. Vi ngã phát cố.

19. Ô xan sái tảo!

陳體八簋
既有肥牡
以速諸舅
寧適不來
微我有咎

20. Trần quỳ bát cữu.
21. Ký hữu phì mẩu.
22. Dĩ tốc chư cữu.
23. Ninh thích bất lai.
24. Vi ngã hữu cữu.

Dịch nghĩa

13. Có tiếng nhiều người chung sức lại đốn cây.
14. Lược rượu cho đẹp ngon.
15. Đã có con dê tơ mập béo.
16. Để mời các bậc tôn quý bạn bè đồng họ.
17. Thà bạn mình bận việc mà không đến.
18. Chớ không phải mình không đoái tưởng đến bạn mình đâu.
19. Ôi! Hãy rưới nước quét dọn cho sạch sẽ sáng sủa.
20. Để bày tám cái thố tròn đựng đồ ăn lên.
21. Đã có con dê đực mập béo.
22. Để mời các bậc tôn quý bạn bè khác họ.
23. Thà bạn mình bận việc mà không đến.
24. Chớ không phải mình có lỗi (mà bạn bạn không đến).

Dịch thơ

Đốn cây chung sức ồn ào.

Lại còn lược rượu dồi dào ngọt ngon.

Đây mập béo dê non đã có.
 Để đãi người đồng họ bạn ta.
 Thà rằng bạn việc chẳng qua.
 Nào mình chẳng đoái lợ là bỏ rơi.
 Hầy rưới nước quét chùi trơn bóng.
 Tâm thố kia mau chóng đem bày.
 Mập ngon dê được có đây.
 Bạn bè khác họ xum vầy mời sang.
 Thà chẳng đến vì đang bạn việc.
 Chớ đâu nào lỗi thiệt nơi ta.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 許許 *hổ hổ*, tiếng nhiều người chung sức lại. Hoài nam tử nói: Khi người ta khiêng cát cây to thì hét lớn lên, vì đó là lời khuyên nhau gắng sức để cất vật nặng. 醕酒 *sư tửu*, lấy cái rổ hay những cỗ tranh mà lược rượu gạn bỏ phần hèm ra. Kinh Lễ nói: *Sức chước dụng mao* (Lấy cỗ tranh lược rượu) là đấy. 與 *tự*, đáng đẹp. 荇 *trữ*, dê con, chưa thành dê lớn. 速 *tốc*, mời đến. 諸父 *chư phủ*, bạn bè một họ được tôn quý. 微 *vi*, không. 顧 *cố* đoái tường đến. 於 *ô*, tiếng than. 粲 *xá*, đáng tươi sáng. 八簋 *bát cửu*, tám cái thố tròn bằng đất hèm, ý nói vật dụng đựng đồ ăn rất nhiều. 諸舅 *chư cửu*, những bạn bè khác họ mà tôn quý. Nói những bạn bè đồng họ (chư phủ) trước, rồi nói những bạn bè khác họ (chư cửu) sau, là ý thân sơ khác biệt nhau. 咎 *cửu*, lỗi.

Nói rằng: Đầy đủ rượu thức ăn làm vui cho các bạn bè như thế, thà là bạn bè của mình vì bận duyên cố gì mà chẳng đến dự cuộc ăn uống, hơn là tình ý nồng hậu của mình không thấu đến bạn bè. Khổng Tử nói rằng: *Sở cầu hồ bằng hữu, tiên thi chi, nạng dã*. (Những gì ta cần làm cho bạn bè mà ta phải thi hành trước, thì ta vẫn thiếu sót, chưa làm được. *Trung dung*).

Đây có thể nói là mình đã thi ân nghĩa cho bạn bè mình trước.

CHƯƠNG III

伐木于阪
釃酒有衍
籩豆有踐
兄弟無遠
民之失德
乾餱以愆
有酒湑我
無酒酤我
坎坎鼓我
躡躡舞我
迨我暇矣
飲此湑矣

25. Phạt mộc vu phản.
26. Sư tửu hữu diễn.
27. Biện đậu hữu tiến.
28. Huynh đệ vô viễn.
29. Dân chi thất đức.
30. Can hẩu dĩ khiễn.
31. Hữu tửu tử ngã.
32. Vô tửu cổ ngã,
33. Khảm khảm cổ ngã,
34. Tôn tôn vũ ngã,
35. Đãi ngã hạ hi,
36. Âm thử tử hi.

Dịch nghĩa

25. Đón cây ở bên sườn núi.
26. Lược rượu cho nhiều.
27. Những đĩa đồ ăn được bày liệt ra.
28. Anh em đều có mặt ở đây cả.
29. Dân chúng mà thất hoà với nhau.
30. Chỉ vì cái lỗi nhỏ nhen, cơm khô không chia cho nhau ăn mà thôi.
31. Có rượu thì lược cho ta uống.
32. Không có rượu thì mua cho ta dùng.
33. Đánh trống thùng thùng cho ta nghe.
34. Nhảy múa lạng xăng cho ta xem.
35. Kịp khi ta rảnh rảnh.
36. Thì uống thứ rượu đã lược rồi ấy để cùng vui với. (Ý nói đối với bạn bè ta không đòi hỏi dê nhỏ dê to thứ này thứ khác chi cả. Khi ta rảnh rảnh, bạn bè của ta chỉ đánh trống nhảy múa và cho ta uống rượu cùng vui với nhau là đủ rồi.)

Dịch thơ

Ở bên sườn núi đón cây.

Lại lo lược rượu nhiều đây cùng nhau.

Những đĩa đã ngọt ngào đơm đặt.

Anh em đều đủ mặt uống ăn.

Dân mà gây gổ lắm lần.

Cơm khô chẳng chịu chia phần cho nhau.

Có rượu thì lược mau ta nhấp.

Không rượu thì hãy gấp mua dùng.

Trống kìa cứ đánh thùng thùng.

Lãng xãng nhảy múa ta cùng ngắm trông.

Kịp khi ta ở không nhàn rồi.

Cùng uống chơi rượu mới lược này.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng.衍 *diễn*, nhiều.踐 *tiễn*, dẫm, dẫm liệt ra.兄弟 *huynh đệ*, anh em cũng đồng một lứa, một bọn với bạn bè.無遠 *vô viễn*, đều cùng có ở đây. Trước nói các bậc tôn quý bạn bè khác họ, rồi sau mới đến anh em, đó là thứ bậc cao thấp vậy.乾餼 *can hâu*, cơm khô, thức ăn tồi.愆 *hiển*, tội lỗi.滑 *tử* cũng là 饌 *sử*, lược rượu bỏ hèm ra.酤 *cổ*, mua.坎坎 *khâm khâm*, tiếng đánh trống.蹲蹲 *tôn tôn*, dẫm nhảy múa.迨 *đãi*, kịp.

Nói người ta sợ dĩ đến nỗi phải mất tình nghĩa bạn bè, chẳng phải hẳn là vì có duyên có to tát đâu. Hoặc chỉ là vì có cơm khô, món ăn tồi không chia cho nhau cùng ăn đấy thôi, mà đến nỗi phải có lỗi với bạn. Cho nên ta đối với bạn bè, không kể là có hay không, hễ gặp lúc rảnh rang thì uống rượu để vui với nhau như vậy.

Thiên Phật mộc có 3 chương, mỗi chương 12 câu.

Họ Lưu nói rằng: Bài thơ này ở đầu mỗi chương đều có nói *phật mộc*, đã nói ba lần *phật mộc* tất cả, cho biết đó là 3 chương. Xưa bài thơ này có 6 chương, đấy là sai vậy. Nay theo thuyết trên mà sửa cho đúng lại.

BÀI THỨ 166

CHƯƠNG I

天保	Thiên bảo. (Lộc minh 6)
天保定爾	1. Thiên bảo định nhĩ.
亦孔之固	2. Diệc khổng chi cố.
俾爾單厚	3. Tỷ nhĩ đan hậu.
何福不除	4. Hà phúc bất trừ (trừ).
俾爾多益	5. Tỷ nhĩ đa phúc,
以莫不庶	6. Dĩ mạc bất thứ.

Dịch nghĩa

1. Trời đã yên định cho ngài.
2. Ngài cũng rất là vững vàng.
3. Khiến ngài hết lòng đôn hậu.
4. Thì có cái phúc nào lại chẳng hết đi thì sinh ra cái mới. (Ý nói nhà vua hưởng nhiều phúc. phúc này hưởng xong, thì có cái phúc khác hưởng nữa.)
5. Khiến ngài được nhiều điều lợi ích.
6. Cho nên những gì ngài có, thì không có món nào là không nhiều.

Dịch thơ

Cho ngài, Trời đã định yên.

Khiến cho cơ nghiệp trở nên vững vàng.

Và cho ngài lại càng đôn hậu.

Phúc lành nào chẳng đảo lại ngay?

Khiến cho hưởng lợi đủ đầy.

Những gì sở hữu nhiều thay là nhiều.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 保 *bảo*, an. 爾 *nhĩ*, ngài, chỉ vua. 固 *cố*, kiên cố. 單 *đan*, hết. 除 *trừ* (đọc trứ cho hợp vận), trừ đi cái cũ, thì sinh ra cái mới. 庶 *thứ*, đông nhiều.

Năm bài thơ từ thiên *Lộc minh* trở về sau là nhà vua thiết yến tiệc đãi bề tôi. Bề tôi nhận những ân huệ ấy thì ca bài thơ này để đáp lại. Nói rằng Trời đã yên định vua ta, khiến vua được phúc như thế.

CHƯƠNG II

天保定爾

7. Thiên bảo định nhĩ.

俾爾戡穀

8. Tý nhĩ tiến cốc.

罄無不宜

9. Khánh vô bất nghi.

受天百祿

10. Thụ thiên bách lộc.

降爾遐福

11. Giáng nhĩ hà phúc.

維日不足

12. Duy nhật bất túc.

Dịch nghĩa

7. Trời đã yên định cho ngài

8. Khiến ngài được chọn lành.

9. Hết cả những việc ngài làm, không có việc gì là không thích nghi ổn đáng.

10. Ngài nhận hàng trăm phúc lộc của Trời.

11. Trời lại ban xuống cho ngài những phúc đức lâu dài xa xôi nữa.

12. Chỉ có ngày tháng quá ngắn ngủi không đủ để cho ngài hưởng trọn phúc lộc mà thôi.

Dịch thơ

Trời đã yên định ngài rồi.

Khiến cho ngài được xong xuôi trọn lành.

Việc ngài làm hoàn thành ổn đáng.

Trăm lộc trời ngài đang hưởng qua.

Trời ban ngài lắm phúc xa.

Tháng ngày chẳng đủ để mà hưởng thôi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Họ Văn nhân nói rằng: 戩 *tiên* và 剪 *tiên* đồng nhau, nghĩa là hết, tận. 穀 *cốc*, thiện, hay, lành. 戩穀 *tiên cốc*, nói hết mục lành hay, trọn lành, cũng như nói 單厚 *đơn hậu* (hết mục đôn hậu) và 多益 *đa ích* (nhiều điều lợi ích) ở chương trên. 遐 *há*, xa.

Ngài đã thụ hưởng lộc của Trời, rồi Trời lại ban xuống cho ngài phúc nữa. Nói giữa trời và người có sự tương quan với nhau. Kinh Thư nói: *Chiêu thụ Thượng đế, thiên kỳ thân mệnh, dụng hựu.* (Ngài rõ là nhận mệnh lệnh của Trời để

chăn dân, Trời lại ban mệnh lệnh cho ngài nữa, để ngài làm những điều tốt đẹp. *Ngũ thư*, chương *Ích Tắc*). Ý của lời này cũng đúng như thế.

CHƯƠNG III

天保定爾	13. Thiên bảo định nhĩ.
以莫不興	14. Dĩ mạc bất hưng.
如山如阜	15. Nhu sơn như phụ.
如岡如陵	16. Như cương như lăng.
如川之方至	17. Như xuyên chi phương chí.
以莫不增	18. Dĩ mạc bất tăng.

Dịch nghĩa

13. Trời đã yên định cho ngài.
14. Cho nên không có gì là không hưng khởi thịnh vượng.
15. Phúc đức của ngài như núi như gò.
16. Như đồi như nông.
17. Như nước sông cuộn cuộn chảy đến.
18. Cho nên không có gì là không tăng gia dồi dào thêm.

Dịch thơ

Cho ngài, Trời đã định qua

Để cho mọi việc thành ra thịnh giàu.

Như núi gò, phúc cao vời vợi.

Lại còn so sánh với nông đồi.

Như sông cuộn cuộn chảy xuôi

Việc gì nhiều cũng tăng bồi thêm lên.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 興 *hưng*, thịnh, nhiều. Chỗ cao mà bằng gọi 陸 *lục*, chỗ đại lục gọi 阜 *phụ*, chỗ đại phụ gọi 陵 *lăng*. Lục, phụ, lăng đều là ý nói cao lớn. 川之方至 *xuyên chi phương chí*, sông vừa cuộn chảy đến, nói sức lớn và nhiều vô lượng, chưa có thể lường biết được.

CHƯƠNG IV

吉蠲爲饎

19. Cát quỳên vi xí.

是用孝享

20. Thị dụng hiếu hưởng.

禴祠烝嘗

21. Dược từ chưng thường.

于公先王

22. Vu công tiên vương.

君曰卜爾

23. Quân viết: Bốc nhĩ

萬壽無疆

24. Vạn thọ vô cương.

Dịch nghĩa

19. Lựa ngày cùng chọn nơi tốt cùng trai giới sạch sẽ để làm rượu thịt.

20. Mà dùng vào việc cúng tế.

21. Mùa hạ tế được, mùa thu tế từ, mùa đông tế chung, mùa thu tế thường.
22. Dâng tế các vị công vị vương đời trước.
23. Các vị tổ tiên ấy nói rằng: Mong cho người
24. Tuổi thọ muôn năm sống không giới hạn.

Dịch thơ

Chọn ngày trai giới làm đồ.

Dùng vào lễ cúng mà lo đủ đầy.

Cùng bốn mùa dâng bày mọi lễ.

Các vương công được tế nghiêm trang.

Tổ tiên lại ước mong rằng:

Muôn năm tuổi thọ người hằng sống lâu.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 吉 *cát*, nói hỏi thăm ngày tốt chọn ngày tốt và chọn đất tốt. 禘 *quyên*, nói trai giới tắm gội sạch sẽ. 饔 *xi*, rượu và đồ ăn. 享 *hưởng* (đọc hưởng cho hợp vận), dâng cúng lên. Lễ tế ở tông miếu vào mùa xuân gọi 祠 *từ*, vào mùa hạ gọi 禴 *được*, vào mùa thu gọi 嘗 *thường*, vào mùa đông gọi 烝 *chưng*. 公 *công*, những công hầu đời trước, như những vị từ Hậu Tắc trở về sau đến Công Thúc Tổ. 先王 *tiên vương*, những bậc vương đời trước từ Thái vương trở về sau. 君 *quân*, tiếng gọi các bậc công bậc vương đời trước. 卜 *bốc*, ước mong.

Đây là lời của các xác đồng truyền lại cái ý của thần chúc phúc cho chủ nhân.

Thời Văn vương, nhà Chu chưa có vị nào được gọi là tiên vương, thì bài thơ này ắt đã làm sau thời Vũ vương.

CHƯƠNG V

- | | |
|------|----------------------------|
| 神之弔矣 | 25. Thần chi đích hi. |
| 詒爾多福 | 26. Di nhĩ đa phúc. |
| 民之質矣 | 27. Dân chi chất hĩ. |
| 日用飲食 | 28. Nhật dụng ẩm thực. 29. |
| 群黎百姓 | Quần lê bách tính. |
| 徧爲爾德 | 30. Biến vi nhĩ đức. |

Dịch nghĩa

25. Tổ tiên thần linh về đến.
26. Di truyền cho ngài nhiều việc phúc.
27. Người dân chất phát.
28. Suốt ngày chỉ lo việc ăn uống vui chơi.
29. Trăm họ dân đen.
30. Cả thầy đều làm việc nhân đức như ngài vậy.

Dịch thơ

*Tổ tiên thần thánh về đây.
Truyền cho lắm phúc để ngài sống yên.
Đây người dân diu hiền chân chất.
Chỉ suốt ngày ẩm thực vui chơi.*

Dân đen trăm họ khắp nơi.

Tập tành nhân đức như ngài nêu gương.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 帝 玆 至 矣, đến. 神 之 至 矣 *thần chí chí hĩ*, như là nói tổ tiên về đến. 詒 貽, di truyền. 質 *chất*, thật. nói chân thật không hư ngoa, suốt ngày chỉ lo ăn uống mà thôi. 群 羣, đám, bọn. 黎 黎, đen, như nhà Tần nói 黔 首 *kiếm thủ*, đầu đen. dân chúng có đầu tóc đen. 百 姓 *bách tính*, trăm họ bình dân. 爲 爾 德 *vi nhĩ đức*, bắt chước theo việc nhân đức của ngài, cũng như làm việc nhân đức mà giúp ngài.

CHƯƠNG VI

- | | |
|-------|----------------------------|
| 如月之恆 | 31. Như nguyệt chi hằng. |
| 如日之升 | 32. Như nhật chi thăng. |
| 如南山之壽 | 33. Như nam sơn chi thọ |
| 不騫不崩 | 34. Bất khiên bất băng. |
| 如松柏之茂 | 35. Như tùng bách chi mậu. |
| 無不爾或承 | 36. Vô bất nhĩ hoặc thăng. |

Dịch nghĩa

31. Cơ nghiệp của ngài cứ thịnh vượng dồi dào như mặt trăng non lần lần đầy.
32. Như mặt trời mới mọc cứ thăng lên cao.
33. Như núi nam trường thọ lâu dài.
34. Không khuyết không lở.

35. Như sự xanh tốt của cây tùng cây bách (hễ lá cũ sắp rụng lá thì mới mọc ra, cứ nối tiếp nhau mãi).

36. Dòng dõi ngài cứ nối tiếp mãi.

Dịch thơ

Như trăng non cứ thêm đầy.

Mặt trời trong buổi sáng ngày lên cao.

Như núi nam dài lâu tuổi thọ.

Lại không bằng không lẽ rời rơi.

Như tùng như bách xanh tươi.

Giống dòng như cứ đời đời truyền xa.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 恆 *hằng*, mặt trăng non lần lần trở nên đầy tròn. 升 *thăng*, mọc lên. Mặt trăng non lần lần đầy tròn, mặt trời mới mọc lên cứ lần lần sáng tỏ. 騫 *hiên*, khuyết. 承 *thăng*, kế nối. Nói lá cũ của cây tùng cây bách gần rụng, thì lá mới cứ xanh non cứ nối nhau mà xanh tốt lâu dài.

Thiên Thiên bảo có 6 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 167

CHƯƠNG I

采薇

Thái vi (Lộc minh 7)

采薇采薇
薇亦作止
曰歸曰歸
歲亦莫止
靡室靡家
玁狁之故
不遑啓居
玁狁之故

1. Thái vi, thái vi.
2. Vi diệp tác chỉ.
3. Viết quy, viết quy.
4. Tuổi diệp mộ chỉ.
5. Mỹ thất mỹ gia
6. Nghiễm doãn chi cố
7. Bất hoàng khả cư.
8. Nghiễm doãn chi cố.

Dịch nghĩa

1. Hái rau vi, hái rau vi.
2. Rau vi cũng đã mọc lên rồi.
3. Nói trở về nói trở về.
4. Thì năm đã muộn sắp dứt.
5. Không nhà không cửa.
6. Vì có quân rợ địch (hay sang xâm lăng).
7. Không được rảnh rang để đứng ngồi thông thả trong gia đình.
8. Vì có quân rợ địch (hay sang xâm lăng).

Dịch thơ

Hái rau vi, hái rau vi.

Rau đà thấy mọc xanh rì mọi nơi.

Trở về, ta hãy về thôi.

Nam tân sắp sửa đến nơi kia mà.

Tám thân không cửa không nhà.

Bởi quân rợ Địch tràn qua bất kỳ.

Đứng ngồi nào rảnh rang chi.

Bởi quân rợ Địch liên thì xâm lăng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng 薇 *vi*, tên một thứ rau. 作 *tác* (đọc tổ cho hợp vận), từ dưới đất mọc ra. 暮 *mộ*, muộn, trễ. 靡 *mỹ*, không. 獫狁 *Nghiêm doãn*, rợ Địch phương bắc. 遑 *hoàng*, rảnh rang. 啓 *khải*, quỳ đầu gối để đứng lên (giống như 啓處 *khải xử* ở chương II thiên *Tứ mẩu*).

Đây là bài thơ sai khiến việc đóng quân giữ biên giới. Nhân lúc ra trấn giữ biên giới, quân lính đi hái rau vi để ăn mà nhớ ngày trở về quá xa xăm. Cho nên mới kể lại nỗi tình, lấy việc hái rau vi mà khởi hứng. Nói rằng: Hái rau vi, hái rau vi, thì rau vi đã mọc lên. Nói đi về, đi về, thì năm đã cũng đã sắp hết rồi. Nhưng mà sở dĩ đã khiến ta bỏ gia đình và không còn rảnh rang để đứng ngồi nữa ấy lại chẳng phải do người trên có ý muốn làm ra thế để cho ta phải khổ sở. Nói thẳng ra chỉ vì cố quân rợ Địch phương bắc (Hung nô) hay đến xâm lăng. Đó là việc bất đắc dĩ đành phải như thế. Ấy là kể lại nỗi tình cần khổ bị thương rồi lại đem nghĩa ra để cảm hoá.

Trình Tử nói rằng: Làm cho nhân dân khổ hận mà không do người trên cố ý gây ra, thì nhân dân ôm lòng thù ghét quân địch.

Lại nói rằng: Đời xưa trấn giữ biên giới đủ hai năm thì được trở về. Hết cuối xuân năm nay đi, đến mùa hạ năm sau

thì người đến thay thế đã tới, nhưng còn phải ở lại để phòng bị mùa thu. rồi đến qua tháng II mới được trở về. Lại năm sau tháng trọng xuân (tháng 2) đến, và vào tháng cuối xuân thì toán lính thú kế theo được sai đến, mỗi đầu mùa thu mùa đông, hai phiên lính thú lại có mặt ở biên giới, như việc phòng thủ ngày nay vậy.

CHƯƠNG II

采薇采薇

薇亦柔止

曰歸曰歸

心亦憂止

憂心烈烈

載饑載渴

我戍未定

靡使歸聘

9. Thái vi, thái vi.

10. Vi diệp nhu chỉ.

11. Viết quy, viết quy.

12. Tâm diệp ưu chỉ.

13. Ưu tâm liệt liệt.

14. Tái cơ tái khát.

15. Ngã thú vị định.

16. Mỹ sử quy sinh.

Dịch nghĩa

9. Hái rau vi, hái rau vi.

10. Thì rau vi vừa lên còn non mềm.

11. Nói trở về, nói trở về.

12. Thì lòng ta ưu sầu.

13. Lòng ta buồn rười rượi.

14. Khi đói, khi khát.

15. Việc trấn giữ biên giới của ta chưa xong.

16. Cho nên không có ai để khiến về nhà hỏi thăm có được bình yên không.

Dịch thơ

Hái rau vi, hái rau vi.

Rau đã thấy mọc đương kỳ non tươi.

Trở về ta hãy về thôi.

Lòng ta luống những bồi hồi buồn đau.

Tác lòng rười rượi ưu sầu.

Khi thì đói khát dãi dầu long đong.

Biên thủy ta giữ chưa xong.

Chẳng ai về được mà mong thăm nhà.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 柔 *nhu*, non mềm khi mới mọc lên. 烈烈 *liệt liệt*, đáng ưu sầu. 載 *tái*, thì. 定 *định*, dứt hết. 聘 *sinh*, hỏi.

Nói rằng người lính thú nhớ đến ngày về của mình xa xôi mà phải rất đổi buồn rầu khổ nhọc. Nhưng mà việc trấn giữ biên giới chưa dứt, thì không có ai để khiến trở về hỏi thăm gia đình có yên ổn hay không.

CHƯƠNG III

采薇采薇

薇亦剛止

17. Thái vi, thái vi.

18. Vi diệp cương chỉ.

曰歸曰歸
歲亦陽止
王事靡盬
不遑啓處
憂心孔疚
我行不來

19. Viết quy, viết quy.
20. Tuổi diệc dương chỉ.
21. Vương sự mỹ cổ.
22. Bất hoàng khái xử.
23. Ưu tâm không cứu.
24. Ngã hành bất lai.

Dịch nghĩa

17. Hái rau vị, hái rau vị.
18. Thì rau vị đã già cứng rồi.
19. Nói trở về, nói trở về.
20. Thì năm đã tới tháng mười rồi.
21. Việc của vua không thể nào không lo chắc chắn cẩn thận được.
22. Cho nên không rảnh rang mà đứng ngồi thông thả.
23. Lòng buồn rầu, ta rất bệnh hoạn.
24. Ta đi không về đến nhà được nữa.

Dịch thơ

*Hái rau vị, hái rau vị.
Ngọn rau lên cứng vừa khi già rồi.
Trở về ta hãy về thôi.
Thì năm đã thấy tháng mười kề sang.
Việc vua lo phải vững vàng.*

Cho nên ta chẳng rảnh rang đứng ngồi.

Buồn rầu bịnh hoạn ngậm ngùi.

Ta về, đi chẳng tận nơi đến nhà.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc húng. 剛 *cương*, già cứng. 陽 *dương*, tháng 10, đó là tháng dùng toàn hào âm (thuộc quẻ khôn), ghét nó không có một hào dương nào cả, cho nên mới gọi ngược ra là tháng dương. 亡 *khổng*, rất. 疚 *cữu* (đọc cứ cho hợp vận), đau, bịnh. 來 *lai*, về.

Đây nhận thấy quân sĩ đã kiệt sức gần chết, không còn lòng muốn trở về nữa.

CHƯƠNG IV

彼爾維何

25. Bĩ nhĩ duy hà?

維常之華

26. Duy thường chi hoà.

彼路斯何

27. Bĩ lộ tư hà?

君子之車

28. Quân tử chi xa.

戎車旣駕

29. Nhung xa ký giá.

四牡業業

30. Tứ mẩu nghiệp nghiệp.

豈敢定居

31. Khĩ cảm định cư?

一月三捷

32. Nhất nguyệt tam tiệp.

Dịch nghĩa

25. Dây đặc nở ra như kia là gì thế?

26. Đây là hoa cây thường đê.
27. Xe binh kia là của ai thế?
28. Là xe của tướng suý.
29. Xe binh đã thắng ngựa vào.
30. Bốn con ngựa đực đều mạnh mẽ.
31. Sao lại dám dừng lại mà ở yên?
32. Mong rằng trong một tháng phải ba lần thắng trận.

Dịch thơ

Nở đều đơm đặc hoa gì?

Ấy cây thường đê đến kỳ trở hoa.

Của ai kia cỗ binh xa?

Của quan tướng suý dùng mà lập công

Binh xa vừa thắng ngựa xong.

Bốn con ngựa đực uy hùng biết bao!

Dám dừng để ở yên sao?

Ba lần thắng trận tháng nào cũng mong.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 爾 *nhĩ*, đáng hoa nhiều. 常 *thường*, cây thường đê. 路 *lộ*, xe nhà binh. 君子 *quân tử*, nói quan tướng suý. 業 *nhệp* *nhệp*, mạnh mẽ. 捷 *tiếp*, thắng trận.

Dây đặc nở rộ là hoa cây thường đê. Cỗ xe binh kia là xe của tướng suý. Xe binh đã thắng ngựa vào, bốn con ngựa đực

đều mạnh mẽ. Thế thì sao dám dừng lại mà ở yên mong được? Mong rằng trong một tháng, đánh giặc ba lần thì thắng cả ba.

CHƯƠNG V

- | | |
|------|------------------------------|
| 駕彼四牡 | 33. Giá bĩ tứ mầu. |
| 四牡騤騤 | 34. Tứ mầu quỳ quỳ. |
| 君子所依 | 35. Quân tử sở y. |
| 小人所腓 | 36. Tiểu nhân sở phi. |
| 四牡翼翼 | 37. Tứ mầu dực dực. |
| 象弭魚服 | 38. Tượng mĩ ngư phục. |
| 豈不日戒 | 39. Khỉ bất nhật cức (giới)? |
| 玁狁孔棘 | 40. Nghiêm đoãn khổng cức. |

Dịch nghĩa

33. Tháng vào xe bốn con ngựa dực.
34. Bốn con ngựa dực ấy mạnh mẽ.
35. Để bực tướng suý (quân tử) đi.
36. Và cũng để cho lính cạy nhờ che chở.
37. Bốn con ngựa dực có hàng ngũ chỉnh tề.
38. Đầu cung thì bằng xương voi, bao đựng cung đựng tên thì bằng da con ngư.
39. Há lại suốt ngày không cảnh bị đề phòng hay sao?
40. Vì nạn rợ Địch rất là khẩn cấp.

Địch thơ

Bốn con ngựa đực thẳng vào.

Bốn con ngựa ấy xiết bao uy hùng.

Đẻ quan tướng súy ngài dùng.

Đỡ che lính thú giữ trông biên thuỳ.

Chỉnh tề bốn ngựa uy nghi.

Đầu cung xương tượng, ngư bì làm bao.

Há không cảnh bị hay sao?

Đề phòng rợ Địch tràn vào khẩn trương.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 騏驎 quỳ quỳ, mạnh mẽ. 依 y, cõ xe. 駝 phi như chữ 庇 từ, che đỡ, dựa cây vào. Trình tử nói rằng: 駝 phi là noi theo mà cử động, như câu 如足之駝 như túc chi phi. 翼翼 dực dực, dáng co hàng liệt chỉnh tề. 象弭 tượng mễ, lấy xương voi trang sức đầu cung cho đẹp. 魚 ngư, tên một giống thú, giống như con beo, ở Đông hải có loài thú này, da trên có vằn, da dưới bụng toàn màu xanh, có thể làm đồ đựng cung đựng tên. 戒 giới (đọc cức cho hợp vận), cảnh giới, khiến phải chú ý. 棘 cức, gập.

Nói binh xa là của tướng súy ngồi để đi và để cho lính thú cậy nhờ che chở.

Vả lại hàng ngũ đã chỉnh tề, khí giới lại tinh hảo như thế, há lại không suốt ngày cùng nhau đề phòng hay sao? Nạn rợ Địch xâm lăng rất khẩn cấp, thật không thể nào quên phòng bị được.

CHƯƠNG VI

昔我住矣
楊柳依依
今我來思
雨雪霏霏
行道遲遲
載渴載饑
我心傷悲
莫知我哀

41. Tích ngã vãng hĩ.
42. Dương liễu y y.
43. Kim ngã lai tư.
44. Vũ tuyết phi phi.
45. Hành đạo trì trì.
46. Tái khát tái cơ.
47. Ngã tâm thương bi.
48. Mạc tri ngã ai.

Dịch nghĩa

41. Xưa ta ra đi.
42. Thì cây dương liễu rườm rà.
43. Nay ta trở lại.
44. Mưa tuyết rơi xuống nhiều.
45. Đường đi về dài xa.
46. Khi khát, khi đói.
47. Lòng ta ưu sầu đau xót.
48. Mà chẳng ai biết nỗi thương thảm ấy.

Dịch thơ

Khi xưa tách bước xa nhà.

Thấy cây dương liễu rườm rà xanh tươi.

Nay ta trở bước đến nơi.

Dầm dề mưa tuyết tuôn rơi lạnh lùng.

Đường xa, xa tít muôn trùng.

Đã cam đoi khát xót lòng lắm khi.

Lòng ta u uất sâu bi.

Nỗi thương cảm ấy ai thì biết cho?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 楊柳 *dương liễu*, cây bồ liễu. 霏霏 *phi phi*, dầm tuyết rơi xuống nhiều. 遲遲 *trì trì*, dài xa.

Chương này lại đặt ra lời của người lính thú tự kể ra những việc đã liệu biết trước trong lúc đi về để thấy rõ những nỗi rất cần khổ lao nhọc. Trình tử nói rằng: Đây đều là nói lên nỗi tình hết sức lao khổ buồn thương.

Nếu người trên hay xét được những tình cảnh ấy thì kẻ dưới tuy lao khổ mà không cần oán hận, tuy ưu sầu mà năng cố gắng.

Phạm thị nói rằng: Ở thiên *Thái vi*, ta thấy được những bậc vua đời trước đã lấy lòng nhân đạo mà sai khiến người. còn đời sau thì coi người như con bò con dê để sai khiến mà thôi.

Chú giải của Dịch giả

依依 *y y*, dầm dề nhiều thịnh rườm rà. 思 *tư* (đọc *ti* theo chính âm), ở câu 43, tiếng đệm trong câu văn.

Thiên Thái vi có 6 chương, mỗi chương 8 câu.

BÀI THỨ 168

CHƯƠNG I

出車

我出我車
于彼牧矣
白天子所
謂我來矣
召彼僕夫
謂之載矣
王事多難
維其棘矣

Xuất xa. (Lộc minh 8)

1. Ngã xuất ngã xa.

2. Vu bỉ mục hĩ.

3. Tự thiên tử sở.

4. Vị ngã lai hĩ.

5. Triệu bỉ bộc phu.

6. Vị chi tải hĩ.

7. Vương sự đa nạn.

8. Duy kỳ cức hĩ.

Dịch nghĩa

1. Ta cho xe ta chạy ra.
2. Ở phía ngoài đồng nội xa xôi kia.
3. Từ chỗ của thiên tử ở.
4. Thiên tử gọi ta đến đây (để điều khiển quân sĩ).
5. Ta gọi người đánh xe kia.
6. Bảo người ấy đánh xe trở đi ngay.
7. Vì việc vua nhiều hoạn nạn.
8. Phải chạy gấp (không được trì hoãn).

Dịch thơ

Ta cho xe chạy vút ra

Đến nơi đông nội ngoài xa tiến hành.

Từ nơi thiên tử triều đình.

Gọi ta đến đấy điều binh tức thời.

Bảo phu đánh ngựa đến nơi.

Đánh xe mà chờ ta rời đi ngay.

Việc vua hoạn nạn lắm thay!

Phải mau chạy gấp kịp ngày xuất chinh.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 牧 *mục* (đọc mịch), vùng ở ngoài xa, phía ngoài cõi giao. 自 *tự*, do, từ. 天子 *thiên tử*, vua nhà Chu. 僕夫 *bộc phu*, phu đánh xe ngựa. Đây là bài thơ uỷ lạo vị tướng suý xuất chinh mà trở về. Nhắc lại lúc mới đầu nhận mệnh lệnh ra đi, chạy xe ra phía ngoài đồng nội xa xôi, vị tướng suý ấy nói với người nhà rằng: Ta nhận mệnh lệnh từ triều đình của thiên tử mà tới. Cho nên mới gọi người đánh xe, khiến đánh xe đi, rồi răn người đánh xe ấy rằng: Việc của vua nhiều hoạn nạn, phải đi ngay, không thể nào trì hoãn được.

CHƯƠNG II

我出我車

9. Ngã xuất ngã xa.

于彼郊矣

10. Vu bỉ giao hĩ.

設此旄矣
建彼旄矣
彼旃旄斯
胡不旆旆
憂心悄悄
僕大況瘁

11. Thiết thử triệu hĩ.
12. Kiến bỉ mao hĩ.
13. Bỉ dư triệu tư.
14. Hồ bất bại bại?
15. Ưu tâm thiếu thiếu.
16. Bộc phu hướng tuy.

Dịch nghĩa

9. Ta cho xe ta chạy ra.
10. Ở nơi đồng nội cõi giao.
11. Bày cờ triệu lên ở đấy.
12. Dựng cờ mao kia lên.
13. Cờ dư kia và cờ triệu này.
14. Há lại không phát phối bay cất lên hay sao?
15. Lòng của tướng sùỵ thì lo lắng.
16. Người pusu đánh xe thì kinh sợ tiểu tuy.

Dịch thơ

*Ta cho xe chạy lướt mau.
Đến ngoài đồng nội cõi giao tiến hành.
Chứng cờ triệu ấy khắp quanh.
Cờ mao nọ cũng rành rành dựng lên.
Cờ dư cờ triệu mọi bên,*

Há không phát phối trong nền trời sao?

Lòng viên chủ tướng lo âu.

Còn người đánh ngựa ưu sầu ngán ngơ.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 郊 giao, vùng cõi giao ở phía trong cõi mục (giao gần hơn mục), vì rằng tiền quân đã ra đến cõi mục, mà hậu quân còn ở vùng cõi giao. 設 thiết, bày ra. 旐 triệu, cờ có vẽ hình con rùa và con rắn, 建 kiến, dựng lên. 旄 mao, thứ cờ có gắn lông đuôi bò ở đầu gù. 旗 dư, thứ cờ có vẽ hình chim cắt. Chim cắt, rùa và rắn ấy thì theo thiên *Khúc lễ* ở sách *Lễ ký* nói *Tiền chu tước* (chim cắt) *nhì hậu huyền vũ* (rùa và rắn) là đấy.

Dương thị nói rằng: Phép tiến quân thì vịn theo sao ở bốn phương, mỗi ngôi đều tùy theo phương hướng mà định bên phải, bên trái, phía trước, phía sau khi tiến tới, khi lui về đều có pháp độ, mỗi mặt đều giữ theo cuộc thế của mình thì quân sĩ không mất hàng ngũ không loạn trật tự. 旆旆 bại bại (đọc bị bị), dáng bay cất lên. 悄悄 thiếu thiếu, dáng ưu sầu. 況 huống, nay hoặc có người cho là chữ 悅 huống, dáng thất ý.

Nói rằng: Đánh xe ra vùng đồng nội cõi giao, cầm dựng cờ xí lên. Những cờ xí kia há lại không phát phối bay cất cao hay sao?. Nhưng vị tướng suý vừa nhận trách nhiệm to tát rất lấy làm lo lắng. Cho nên người đánh xe cũng vì thế mà kinh sợ, dáng người tiểu tụy.

Lữ thị ở Đông Lai nói rằng: Ngày xưa khi tiến quân ra ngoài thì lấy tang lễ mà đối xử. Ngày mà mệnh lệnh ban xuống thì quân sĩ đều ngậm ngùi ứa lệ. Lời của Khổng Tử về tiến hành ba quân cũng nói là: *Lâm sự nhi cụ* (Lâm việc chiến binh thì kinh hãi). Điều là ý ấy cả.

CHƯƠNG III

- | | |
|------|---------------------------|
| 王命南仲 | 17. Vương mệnh Nam Trọng. |
| 往城于方 | 18. Vãng thành vu phương. |
| 出車彭彭 | 19. Xuất xa bành bành. |
| 旂旐央央 | 20. Kỳ triệu ương ương. |
| 天子命我 | 21. Thiên tử mệnh ngã. |
| 城彼朔方 | 22. Thành bỉ sóc phương. |
| 赫赫南仲 | 23. Hách hách Nam Trọng. |
| 玁狁于襄 | 24. Nghiêm doãn vu tương. |

Dịch nghĩa

17. Vua sai đại tướng quân Nam Trọng.
18. Đi xây thành ở phương bắc.
19. Xe chạy ra đông đảo.
20. Cờ kỳ cờ triệu tươi sáng.
21. Thiên tử sai ta.
22. Đắp thành ở phương bắc kia.
23. Đại tướng quân Nam Trọng uy danh hiển hách.
24. Nạn rợ Địch được tiêu trừ.

Dịch thơ

Tướng quân Nam Trọng vua sai

Đến vùng phương bắc mà xây lũy thành.

Đoàn xe đông đảo tiến hành.

Cờ kỳ cờ triệu tinh anh sáng lòe.

Đức thiên tử đã sai ta.

Đến vùng phương bắc mà ra đắp thành.

Tướng Nam Trọng rất uy danh.

Ngoại xâm nan rợ nay đành trừ xong.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 王 *vương*, vua nhà Chu. 南仲 *Nam Trọng*, viên tướng của thời ấy. 方 *phương*, sóc phương, phương bắc, nay là vùng đất Linh châu, Hạ châu. 彭彭 *bành bành* (đọc phang phang cho hợp vận), dáng đông nhiều. 旂 *kỳ*, thứ cờ có vẽ hình rồng giao kết với nhau. Đây là nói bên tả thì có rồng xanh đấy. 央央 *ương ương*, tươi sáng. 赫赫 *hách hách*, uy danh hiển hách. 襄 *tương*, tiêu trừ, hoặc nói là tiến lên cao, cùng đồng nghĩa với chữ tương trong câu *Đăng đăng hoài sơn tương lãng* (Thế nước dâng tràn ngập lên trên gò núi. Chương *Nghiêu diển* trong kinh *Thư*) là nói thắng được nó.

Lữ thị ở Đông Lai nói rằng: Đại tướng truyền mệnh lệnh của thiên tử để sai khiến quân sĩ, cho nên xe ngựa đông đảo, cờ kỳ cờ triệu tươi sáng, khi uy linh bừng bừng lên, rung động lòng người phải kinh sợ. Bình bị thì lấy việc lo buồn và nghiêm kính làm gốc, nhưng mà điều đáng chuộng hơn hết là uy.

Chương II nói việc giữ gìn sợ hãi, chương I nói việc phấn chấn lên, quân sĩ cùng nhau tiến tới mà không nghịch nhau.

Trình Tử nói rằng: Đắp thành ở phương bắc để ngăn giữ thì nạn rợ狄 xâm lăng sẽ được tiêu trừ. Đạo chống ngăn

rợ. Nhưng ở phương tây, rợ Địch ở phía bắc thì lấy việc bố trí phòng bị làm gốc mà không lấy việc tấn công chinh chiến làm đầu.

CHƯƠNG IV

- | | |
|------|-------------------------|
| 昔我往矣 | 25. Tích ngã vãng hĩ. |
| 黍稷方華 | 26. Thử tác phương hoa. |
| 今我來思 | 27. Kim ngã lai tư. |
| 雨雪載涂 | 28. Vũ tuyết tải đồ. |
| 王事多難 | 29. Vương sự đa nan. |
| 不遑啓居 | 30. Bất hoàng khả cư. |
| 豈不懷歸 | 31. Khỉ bất hoài quy? |
| 畏此簡書 | 32. Uý thử giản thư. |

Dịch nghĩa

25. Xưa ta ra đi.
26. Cây nếp cây lúa mới lên rườm rà.
27. Nay ta trở về.
28. Thì mưa tuyết tới bời.
29. Việc vua sai rất nhiều hoạn nạn.
30. Không còn rảnh rang mà đứng ngồi nữa.
31. Há lại không nhớ nhà mà muốn trở về hay sao?
32. Ta chỉ sợ những mảnh thơ (bằng tre) cấp báo (đưa đến thì có việc chiến chinh nữa mà chẳng dặng trở về).

Dịch thơ

Khi xưa cất bước ra đi.

Nếp và lúa đã xanh rì xum xuê.

Nay ta cất bước trở về.

Trên đường mưa tuyết dầm dề phủ bay.

Lắm hoạn nạn việc vua sai.

Đứng ngời nào rảnh mấy may nữa mà.

Há không nhớ trở lại nhà?

Ngại thơ cấp báo truyền ra biên thù.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 華 *hoa* (đọc phó cho hợp vận), nhiều thịnh rườm rà. 塗 *đồ*, nước đá tan ra thành bùn lầy. 簡書 *giản thư*, thơ viết bằng thẻ tre để báo cáo cho biết. Nước láng giềng có việc khẩn cấp thì viết thơ lên thẻ tre báo cáo cho biết để cầu cứu. Hoặc nói *giản thư* là lời người trên sai khiến kẻ dưới.

Đây nói quân sĩ đã trở về đang đi trên đường lầy lội, kể lại những việc đã thấy lúc ra đi và thuật lại những điều được gặp lúc trở về hôm nay để thấy rằng quân sĩ ra đi đã lâu rồi.

Lữ thị ở Đông Lai nói rằng: Thơ *Thái vi* nói việc ra đi, ấy là lúc sai lính thú ra trấn phòng. Còn thơ *Xuất xa* này nói việc ra đi, ấy là lúc đang đi trên đường. Thơ *Thái vi* nói việc trở về, ấy là lúc thú phòng đã dứt. Còn thơ *Xuất xa* này nói việc trở về, ấy là lúc trở về đang đi trên đường.

CHƯƠNG V

嚶嚶草蟲

33. Yêu yêu thảo trùng,

趨趨阜螽

34. Thích thích phụ chung.

未見君子

35. Vị kiến quân tử.

憂心忡忡

36. Ưu tâm sung sung.

既見君子

37. Kỳ kiến quân tử.

我心則降

38. Ngã tâm tắc hàng.

赫赫南仲

39. Hách hách Nam Trọng.

薄伐西戎

40. Bạc phạt Tây Nhung.

Dịch nghĩa

33. Con châu châu kêu yêu yêu.

34. Con cào cào nhảy.

35. Khi chưa thấy được chồng.

36. Thì lòng buồn rười rượi.

37. Khi đã thấy được chồng.

38. Thì lòng ta lắng hạ xuống.

39. Tướng quân Nam Trọng uy danh hiển hách.

40. Hãy đánh dẹp rợ Tây Nhung. (Nhận thấy 6 câu đầu của chương này giống như chương đầu của *Thảo trùng*, Thiệu nam 3 bài thứ 14).

Dịch thơ

Rè rè châu châu kêu vang.

Cào cào đã nhày dọc ngang khắp vùng.
 Khi chưa gặp được mặt chồng.
 Nhớ ai rười rượi tác lòng xốn xang.
 Đến khi gặp được mặt chàng.
 Những điều buồn khổ lắng tan đáy lòng.
 Tướng quân Nam Trọng uy hùng.
 Hãy đi chinh phạt Tây Nhung kịp thời.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Đây nói việc xuất chinh của viên tướng sủng, vợ của người ở nhà cảm thấy vạn vật theo mùa biến đổi mà nhớ đến người. Khi chưa gặp được chồng thì lòng buồn như thế, khi gặp được chồng rồi thì lòng buồn phiền mới lắng hạ xuống. Nhưng tướng quân Nam Trọng nay lại ở nơi nào? Tướng quân vừa đi đánh rợ Tây Nhung mà chưa về. Há lại khi đã đánh lui được rợ Bắc Địch (Nghiêm doãn) rồi lại đem quân đội về đánh rợ Côn di (thuộc giống Tây Nhung) hay sao?

薄 bạc là nói "hãy", vì là không cần nhọc đến sức thừa.

CHƯƠNG VI

- | | |
|------|--------------------------------------|
| 春日遲遲 | 41. Xuân nhật trì trì. |
| 卉木萋萋 | 42. Huỷ mộc thê thê. |
| 倉庚喈喈 | 43. Thương canh giê giê (giai giai). |
| 采芣祁祁 | 44. Thái phiên kỳ kỳ. |

- | | |
|------|--------------------------|
| 執訊獲醜 | 45. Cháp tấn hoạch xú. |
| 薄言還歸 | 46. Bạc ngôn tuyên quy. |
| 赫赫南仲 | 47. Hách hách Nam Trọng. |
| 獄狃于夷 | 48. Nghiểm đoãn vu di. |

Dịch nghĩa

41. Ngày xuân đang đặng ấm áp.
 42. Cây cỏ tươi tốt rườm rà.
 43. Chim hoàng ly hót hoà điệu.
 44. Người đi hái rau phiến rất đông đảo.
 45. Đương lúc ấy thì bắt được tên đầu đảng để tra tấn
 và bắt được bọn giặc mà đem về.
 46. Hãy nói trở về.
 47. Tướng quân Nam Trọng uy danh hiển hách.
 48. Đã đánh được rợ Bắc Địch mà dẹp yên.

Dịch thơ

*Ngày xuân đang đặng ấm êm
 Cỏ cây đều mọc đã thêm rườm rà.
 Hoàng ly vừa hót điệu hoà.
 Rau phiến người hái gần xa đông đầy.
 Bắt đầu đảng giặc rồi đây.
 Thì ta bèn nói ngày quay về cùng.
 Tướng quân Nam Trọng uy hừng.*

Đánh tan rợ Địch một vùng đẹp yên.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 卉 *hủy*, cỏ. 萋萋 *thê thê*, dáng rườm rà. 倉庚 *thương canh*, chim hoàng ly. 喈喈 *giai giai* (đọc giê giê cho hợp vận), tiếng kêu hoà điệu. 訊 *tấn*, tra hỏi, đũa đầu đảng phải bị tra hỏi. 醜 *xú*, bọ. 夷 *di*, đẹp yên

Ân dương thị nói rằng: Thuật lại lúc trở về, ngày xuân ấm áp đẹp đẽ, cây cỏ tươi tốt rườm rà, chim chóc ca hát điệu dàng. Vào lúc ấy thì bắt được tên đầu đảng để tra tấn và bắt được bọ giặc mà trở về, thì há lại không vui hay sao?

Trịnh thị nói rằng: Bài thơ này cũng có nói đến việc đánh rợ Tây Nhung, nhưng chỉ nói đẹp yên giặc Bắc Địch mà thôi, là vì giặc rợ Bắc Địch thì vĩ đại hơn hết cho nên được nói đến ở đầu thiên và được nhắc lại ở cuối thiên.

Thiên Xuất xa có 6 chương, mỗi chương 8 câu.

BÀI THỨ 169

CHƯƠNG I

杕 杜

有杕 之杜

有皖 其實

王事 靡盬

繼嗣 我日

日月 陽止

Đệ đồ. (Lộc minh 9)

1. Hữu đệ chi đồ.

2. Hữu hoạn kỳ thực.

3. Vương sự mỹ cổ.

4. Kế tự ngâ nhật.

5. Nhật nguyệt dương chỉ.

女心傷止

征夫遑止

6. Nữ tâm thương chỉ.

7. Chinh phu hoàng chỉ.

Dịch nghĩa

1. Có cây đỗ mọc lẻ loi một mình.

2. Đã đơm kết trái.

3. Việc của vua không thể nào không lo chắc chắn cẩn thận.

4. (Cho nên ta không được rảnh rang), ngày lại cứ nối tiếp nhau.

5. Đến ngày tháng mười này là dứt khí dương (thuộc quẻ *khôn*, toàn hào âm) (thì mãn hạn quân dịch, chàng sẽ được trở về, nhưng sao chàng không về tới?)

6. Cho nên lòng em ưu sầu.

7. (Em tự hỏi rằng:) Người chinh phu cũng có lúc được rảnh rang khi mãn kỳ quân dịch (mà sao chàng chưa thấy trở về?)

Dịch thơ

Có cây đỗ mọc lẻ loi.

Vừa đơm những quả khắp nơi trên cành.

Việc vua cần thận lo thành.

Chuỗi ngày nối tiếp phận mình rảnh chỉ.

Tháng mười quân dịch dứt kỳ.

Lòng em luống những sầu bi đợi chàng.

Chinh phu ắt được rảnh rang?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 皖 *hoạn*, dáng kết trái. 嗣 *tự*, nối. 陽 *dương*, tháng 10 (xem lại chú giải ở chương III, thiên *Thái vi*, bài thứ 167), 遑 *hoàng*, rảnh rang.

Đây là bài thơ uỷ lạo kẻ đi quân dịch trở về. Cho nên thuật lúc chưa trở về thì người vợ ở nhà cảm thấy vạn vật theo mùa đã biến thay mà nhớ đến chồng, mới nói rằng: Cây đỗ mọc lẻ loi một mình đã đơm kết trái, ấy là lúc hết thu sang đông. Thế mà người lính chinh phu vì công việc của vua ra đi, ngày này lại nối theo ngày khác mãi không được lúc nghỉ ngơi. Nay đến tháng mười rồi thì chàng có thể trở về được mà sao vẫn chưa về tới? Cho nên lòng người vợ ở nhà phải bi thương mà nói rằng: Người chinh phu cũng có lúc rảnh rang, vì sao mà không trở về?

Chương này hoặc cho là thuộc hứng. Chương sau cũng phỏng theo đây.

CHƯƠNG II

有杕之杜

8. Hữu đệ chi đỗ.

其葉萋萋

9. Kỳ diệp thê thê.

王事靡盬

10. Vương sự mỹ cổ.

我心傷悲

11. Ngã tâm thương bi.

卉木萋止

12. Huỷ mộc thê chỉ.

女心悲止

13. Nữ tâm bi chỉ.

征夫歸止

14. Chinh phu quy chỉ.

Dịch nghĩa

8. Có cây đổ mọc lẻ loi một mình.
9. Lá đơm rườm rà khi mùa xuân sắp dứt.
10. Việc vua không thể nào không lo chắc chắn cẩn thận,
11. (Cho nên ta phải ở lại lo tròn nhiệm vụ) mà lòng ta thường sầu bi.
12. Cỏ cây đã mọc rườm rà (ý nói mùa xuân sắp dứt, đã quá hạn quân dịch rồi mà chàng không thấy về đến).
13. Cho nên lòng em bi thảm.
14. Người chinh phu có thể trở về được (nhưng sao không thấy về đến?).

Dịch thơ

*Có cây đổ mọc một mình
Mùa xuân sắp dứt lá xanh rậm đây,
Ráng cẩn thận việc vua sai.
Ta đành nán lại nơi này xót xa,
Cỏ cây xuân dứt rườm rà,
Lòng nàng bi thảm vì đà uống trông.
Chinh phu về được hay không?*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 萋萋 *thê thê*, nhiều, rườm rà. Lá đơm rườm rà là mùa xuân sắp dứt. 歸止 *quy chỉ* có thể trở về được.

CHƯƠNG III

陟彼北山	15. Trắc bĩ bắc sơn,
言采其杞	16. Ngôn thái kỳ khi.
王事靡盬	17. Vương sự mỹ cổ,
憂我父母	18. Ưu ngã phụ mẫu.
檀車幪幪	19. Đàn xa xiển xiển,
四牡瘡瘡	20. Tứ mẫu quẩn quẩn,
征夫不遠	21. Chinh phu bất viễn

Dịch nghĩa

15. Lên trên núi bắc kia (hướng rợ Bắc Địch)

16. Nói trắng hái rau khi.

17. Việc vua không thể nào không lo chắc chần cần thận (phải ở lại lo tròn nhiệm vụ).

18. Vì thế mà cha mẹ của chàng ở nhà phải lo buồn.

19. Chiếc xe bằng gỗ đàn của chàng đi đã hư nát,

20. Bốn ngựa đực kéo xe của chàng cũng đã mệt mỏi.

21. Thì ngày về của chàng không xa.

Dịch thơ

Núi kia phía bắc leo lên,

Nói rằng rau khi ở trên hái dùng.

Việc vua cần thận lo xong.

Khiến cha mẹ phải đợi trông ngậm ngùi.

Gỗ đàn xe đã hư rồi,
 Bốn con ngựa đực đến hồi mỏi mề.
 Ngày hàng trở bước gần kề.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 檀 đàn, gỗ đàn rất chắc dùng làm xe. 憊憊 xiển xiển, dáng hư nát. 瘡瘡 quǎn quǎn (đọc quyền quyền cho hợp vận), mệt mỏi khôn đốn. Lên trên núi hái rau khỉ. Hễ mùa xuân gần hết thì cây rau khỉ có thể ăn được. Nhưng đó là mượn cớ để lên núi trông ngóng chồng ở phương xa, rồi nhớ chàng vì việc của vua mà để cha mẹ phải buồn rầu.

Nhưng nay xe bằng gỗ đàn của chàng chắc cũng đã hư, bốn con ngựa đực kéo xe chàng rất mạnh mẽ cũng đã mệt mỏi (ý nó thời gian đã qua lâu rồi) thì ngày về của chàng cũng không xa.

CHƯƠNG IV

匪載匪來
 憂心孔疚
 期逝不至
 而多爲恤
 卜筮偕止
 會信近止
 征夫邇止

22. Phỉ tái phỉ lai
23. Ưu tâm khổng cứu.
24. Kỳ phệ bất chỉ.
25. Nhi đa vì tuất
26. Bốc thệ giai chỉ.
27. Hội ngôn cận chỉ.
28. Chinh phu nhĩ chỉ.

Dịch nghĩa

22. Chàng không sửa soạn trang sức để không trở về.
23. Vì buồn nhớ đến chàng mà em phải lắm đau ốm.
24. Hạn trở về đã qua rồi mà chàng không về đến,
25. Cho nên em phải lắm nỗi ưu phiền.
26. Bói mai rùa và bói cô thi, em đều dùng qua hết.
27. Hợp những lời bàn quẻ đều thấy nói gần rồi.
28. Thì chinh phu đã gần lắm sắp đến nơi.

Dịch thơ

*Không về chàng chẳng giỏi trau.
Nhớ chàng em đã ốm đau nặng nề.
Hạn kỳ đã hết chẳng về,
Cho nên em lắm nỗi sầu bi.
Bói mai rùa, bói cô thi.
Những lời bàn quẻ đều ghi gần rồi.
Chinh phu cũng sắp đến nơi.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 載 *tái*, sửa soạn trau giỏi. 疚 *cữu* (đọc *cức* cho hợp vận), bình. 逝 *thệ*, đi 恤 *tuất*, ưu buồn. 偕 *giai* (đọc *kỹ* cho hợp vận), đều, cùng nhau. 會 *hội*, hợp nhau.

Nói chinh phu không trang sức trau giỏi lại để trở về, hẳn đã khiến em buồn nhớ đến chàng mà phải phát đau ốm.

Phương chi ngày trở về đã quá rồi mà chàng còn chưa về đến thì khiến em phải lắm điều ưu buồn lo nghĩ. Phải làm thế nào vậy thay? Chỉ đành bói bằng mai rùa và bói bằng cỏ thi. Hai cách bói ấy đều dùng hết cả. Hợp những lời bói của các quẻ đều gần rồi. Thì chinh phu cũng đã gần lắm sắp đến nơi.

Phạm thị nói rằng: Lấy việc bói mai rùa và bói cỏ thi mà kết thúc bài thơ này là ý nói lòng nhớ thương thiết tha lắm mà không có việc gì là không làm (để biết cho được tin tức của chàng).

Thiên Đề đồ có 4 chương, mỗi chương 7 câu.

Trình thị nói rằng: Sai khiến tướng suý và sai khiến lính thú thì đồng một bài ca và đồng một lúc, ấy là ý muốn cho tướng suý và lính thú cùng đồng tâm với nhau. Còn uỷ lạo khi trở về thì khác bài ca và khác lúc, ấy là để phân biệt bậc trên kẻ dưới.

Sách Lễ ký nói rằng: Ban tặng cho người quân tử (bậc trên) và kẻ tiểu nhân (bậc dưới) mà không đồng một ngày một lúc, ấy là nghĩa. Khi ra đi để hành quân thì y phục đều nhau, ăn uống đồng nhau, ấy là muốn nhất trí tâm tình của tất cả quân sĩ. Khi trở về chinh đồn quân đội, thì phân bậc trên người dưới, chia bậc sang kẻ hèn, ấy là an định ý chí của tất cả quân sĩ.

Phạm thị nói rằng: Để uỷ lạo tướng suý ở thiên *Xuất xa*, cho nên khen ngợi công lao của người. Để uỷ lạo quân sĩ thiên ở thiên *Đệ đồ*, cho nên nói cạn tâm tình. Đáng tiên vương lấy tâm tình của mình làm tâm tình của người, cho nên nói lên được những éo le uẩn khúc cho cạn tâm tình thì có thể khiến dân quên sự chết để tận trung với vua.

BÀI THỨ 170

南陔

Nam cai. (Lộc minh 10)

Đây là bài thơ nhạc sáo (thổi sáo để hát) có thanh âm mà không có lời thơ, xưa được đặt ở sau thiên *Ngư ly* phải lấy sách *Nghi lễ* mà khảo cứu. Thứ tự của thiên *Nam cai* này phải đặt ở đây. Nay đính chính lại và xem lời giải thuyết ở thiên *Hoa thử*.

Lộc minh chi thập có 10 thiên, nhưng có 1 thiên không lời, gồm tất cả 46 chương, 297 câu.

2 - **BẠCH HOA CHI THẬP**

Mao công cho là ba thiên từ *Nam cai* trở về sau đều không có lời thơ, cho nên đem thiên *Ngư ly* lên để nhập vào phần 10 thiên *Lộc minh* cho đủ số, rồi đem hai thiên nhạc sản phụ vào ở phía sau. Và nhân đây lấy thiên *Nam hữu gia ngư* làm thiên đầu của phần 10 bài kệ.

Nay đều y sách *Nghi lễ* mà đính chính lại.

BÀI THỨ 171

白華

Bạch hoa. (Bạch hoa 1).

Đây là bài thơ nhạc sáo (không có lời). Lời giải thuyết xin xem ở thiên trước (*Nam cai*) và thiên sau (*Hoa thử*).

BÀI THỨ 172

華黍

Hoa thử. (Bạch hoa 2)

Cũng là bài thơ nhạc sáo (không có lời). Lễ uống rượu trong làng xóm thì gảy đàn sáo mà ca những thơ *Lộc minh*, *Từ mẫu* và *Hoàng hoàng giả hoa*, rồi sau người thổi sáo mới vào ở dưới nhà, đặt cái khánh ở phía nam, đứng quay mặt về phía bắc thổi những bài *Nam cai*, *Bạch hoa* và *Hoa thử*.

Lễ yến tiệc cũng gãy đàn sáo mà ca những bài *Lộc min*, *Tứ mẫu* và *Hoàng hoàng giả hoa*, rồi sau người thổi sáo mới vào đứng ở trong chỗ nhà quan, thổi những bài *Nam cai*, *Bạch hoa* và *Hoa thử*.

Về những thơ nhạc sáo từ bài *Nam cai* trở về sau, nay không lấy gì khảo cứu tên và nghĩa của những bài ấy được.

Nhưng chỉ nói 笙 *sênh* (ống sáo), 樂 *nhạc* (âm nhạc). 奏 *tấu* (đánh nhạc) mà không nói 歌 *ca* (hát) thì rõ ràng là những bài ấy chỉ có thanh âm mà không có lời thơ.

Nhưng sở dĩ biết thứ tự của những bài ấy ở đây là vì nghiệm rằng ở dưới tựa của những thiên trong các kinh sách xưa đều có bài phổ nói rõ thứ tự lai lịch ra. Như thiên *Đầu hồ* ở trong kinh *Lễ* có chép tiết điệu của trống Lỗ cổ và trống Tiết cổ, nhưng đã mất không còn.

BÀI THỨ 173

CHƯƠNG I

魚麗

Ngư ly. (Bạch hoa 3)

魚麗于罍

1. Ngư ly vu lư.

鰭鯈

2. Thường sa.

君子有酒

3. Quân tử hữu tửu.

旨且多

4. Chỉ thả đa.

Dịch nghĩa

1. Những cá lội qua mắc vào cái đó
2. Ấy là cái thường cá sa.

3. Quân tử chủ nhân có rượu.

4. Đã ngon lại nhiều.

Dịch thơ

Mắc vào đó, cá lội qua

Ấy toàn những loại cá sa cá thường.

Chủ nhân có rượu sẵn sàng.

Đa nhiều đầy đủ lại càng thơm ngon.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 麗 ly, trái qua. 雷 liêu (đọc lựu cho hợp vận) lấy phiên âm làm cái đó đặt tại đường nước chảy ở miệng đập để bắt cá. 鰭 thương bay lên, nay là thứ cá má vàng, giống đầu chim én, thân cá hình dáng dầy, to lớn mà dài, xương má màu vàng, là thứ cá to có sức mạnh và biết bay. 鯿 sa, cá đà, cá đẹp mà nhỏ, thường há miệng thối cát, cho nên lại có tên là cá xuy sa, cá thối cát, 君子 quân tử, chỉ người chủ nhân. 旨且多 chỉ thả đa, ngon mà lại nhiều.

Đây là bài ca nhạc thông dụng trong khi yến tiệc. Nói những món ăn dâng lên rất ngon và nhiều là để thấy lòng ân cần lễ phép của chủ nhân để đãi tân khách.

Hoặc nói chương này thuộc phú. Hai chương sau cũng phỏng theo đây.

CHƯƠNG II

魚麗于罍

紡鱧

5. Ngư ly vu liễu

6. Phòng lễ.

君子有酒
多且旨

7. Quân tử hữu tửu

8. Đa thả chỉ.

Dịch nghĩa

5. Những cá lội qua mắc vào cái đó.

6. Ấy là cá phòng cá lễ.

7. Quân tử chủ nhân có rượu

8. Đã nhiều lại ngon.

Dịch thơ

Lội qua đó mắc vào trong

Toàn là cá lễ cá phòng ấy thôi.

Chủ nhân đã có rượu rồi

Đã ngon và lại nhiều ơi là nhiều!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 鯉 lễ, cá đồng, lại gọi là cá hoạn.

CHƯƠNG III

魚麗于罍
絕鯉
君子有酒
旨且有

9. Ngư ly vu liêu

10. Yển lý.

11. Quân tử hữu tửu

12. Chỉ thả hữu.

Dịch nghĩa

9. Những cá lội qua mắc vào cái đó.
10. Ấy là cá trên (cá măng) cá chép (cá gáy).
11. Quân tử chủ nhân có rượu.
12. Đã ngon lại nhiều.

Dịch thơ

Mắc vào đó cá lội sang

Nào là cá chép cá măng đủ đầy.

Chủ nhân có rượu sẵn đây

Ngon lành và lại nhiều thay là nhiều!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 鰕 yển, cá niêm, cá trê, cá măng. 有 hữu (đọc vĩ cho hợp vận), nhiều.

CHƯƠNG IV

物其多矣

13. Vật kỳ đa hĩ.

維其嘉矣

14. Duy kỳ gia hĩ.

Dịch nghĩa

13. Những vật để ăn uống ấy đã nhiều.
14. Mà lại tốt nữa.

Dịch thơ

Vật dùng ăn uống dồi dào

Lại còn tốt nữa món nào cũng ngon.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú.

CHƯƠNG V

物其旨矣

15. Vật kỳ chỉ hĩ.

維其諧矣

16. Duy kỳ giai hĩ.

Dịch nghĩa

15. Những vật để ta ăn uống đã ngon

16. Mà lại đều nhau.

Dịch thơ

Vật dùng ăn uống đã ngon

Vị này món nọ lại còn đều nhau.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú.

CHƯƠNG VI

物其有矣

17. Vật kỳ hữu hĩ.

維其時矣

18. Duy kỳ thì hĩ.

Dịch nghĩa

17. Những vật để ăn uống đã có.

18. Mà lại vẫn có luôn.

Dịch thơ

Vật dùng ăn uống có đầy.

Thứ kia món nợ hằng ngày có luôn.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú.

Tô thị nói rằng: Hễ nhiều thì e không được tốt. Hễ ngon thì e không được đồng đều nhau. Hễ có thì e không thường (có lúc có lúc không). Nay thì nhiều mà tốt, ngon mà đều nhau, có mà vẫn có luôn. Ấy là nói những vật nhỏ nhặt ấy đều hoàn toàn tất cả.

Thiên Ngư ly có 6 chương, 3 chương 4 câu và 3 chương 2 câu.

Theo sách *Nghi lễ* trong những cuộc uống rượu trong làng xóm và những yếu lễ, khi khúc nhạc đầu tiên đã dứt, thì đều hát xen kẽ thiên *Ngư ly* này, rồi thối sáo bài *Do canh*, hát thiên *Nam hữu gia ngư*, rồi thối sáo bài *Sùng khâu*, hát thiên *Nam sơn hữu đài*, rồi thối sáo bài *Do nghi*. [註] gian, luân phiên thay thế nhau, ý nói hát rồi thì thối sáo, thối sáo rồi thì hát như thế đủ 6 phiên (3 lần hát và 3 lần thối sáo). Vì rằng đó là bài thơ trong một thời buổi mà được làm bài ca nhạc trong những cuộc yến tiệc thông dụng cho các tân khách cao hay thấp.

Mao Công lấy thiên *Ngư ly* bù vào cho đủ số 10 thiên phần *Lộc minh*, mà người giải thuyết không xét kỹ bèn chia

những thiên từ thơ. *Ngư ly* trở lên làm thơ của Văn vương và Vũ vương, còn từ thơ *Nam hữu gia ngư* trở về sau làm thơ của Thành vương thì sai lầm quá lắm.

BÀI THỨ 174

由庚

Do canh. (Bạch hoa 4).

Đây cũng là bài thơ nhạc sáo. Lời giải thuyết xem ở thiên *Ngư ly*.

BÀI THỨ 175

南有嘉魚

Nam hữu gia ngư. (Bạch hoa 5)

南有嘉魚

1. Nam hữu gia ngư,

烝然罩罩

2. Chứng nhiên trảo trảo.

君子有酒

3. Quân tử hữu tửu

嘉賓式燕以樂

4. Gia tân thức yến dĩ ngạo (lạc).

Dịch nghĩa

1. Phương nam có loại cá gia
2. Thì lấy nơm mà bắt.
3. Chủ nhân quân tử có rượu.
4. Thì khách tốt hãy ăn uống cho vui.

Dịch thơ

Cá gia sẵn ở phương nam,

Vậy ta hãy lấy cái nơm bắt vào.

Chủ nhân có rượu dồi dào

Tiệc cùng khách tốt cùng nhau vui hoà.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng 南 nam, nói vùng sông Trường Giang sông Hán. 嘉魚 gia ngư, thứ cá rất ngon, thể chất như cá lý, thịt như thịt cá tồ cá túc, sản xuất ở Bính Huyệt phía nam Miển châu. 烝然 chưng nhiên, tiếng đèm ở đầu câu. 罩 trảo, cá nơm, kết bằng tre nhỏ để chụp lấy cá mà bắt. Nói trảo trảo hai chữ tiếp nhau là ý nhiều lần, không phải một lần.

Đây cũng là bài ca nhạc thông dụng trong khi yến tiệc, cho nên lời thơ nói rằng: Phương nam có loại cá gia, thì ắt phải lấy cái nơm mà bắt. Người quân tử (chủ nhân) có rượu thì ắt cũng khách tốt uống chung và để cùng vui với nhau.

Đây cũng là nhân những món dâng lên ăn mà bày tỏ ý của chủ nhân ham thích tân khách.

CHƯƠNG II

南有嘉魚

5. Nam hữu gia ngư.

烝然汕汕

6. Chưng nhiên sán sán.

君子有酒

7. Quân tử hữu tửu,

嘉賓式燕以衍

8. Gia tân thức yến dĩ khán.

Dịch nghĩa

5. Phương nam có loại cá gia,

6. Thì lấy cái đó mà bắt.
7. Quân tử chủ nhân có rượu.
8. Thì khách tốt hãy ăn uống cho vui.

Dịch thơ

*Phương nam có loại cá gia,
 Hãy dùng cái đó đem ra bắt vào.
 Rượu thì chủ có dồi dào.
 Vui say khách tốt cùng nhau tạc thù.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 汕 sán, lấy đó mà bắt cá. 衍 khán, vui.

CHƯƠNG III

- | | |
|--------|-------------------------------|
| 南有樛木 | 9. Nam hữu cù mộc, |
| 甘瓠累之 | 10. Cam hộ lôi chi. |
| 君子有酒 | 11. Quân tử hữu tửu |
| 嘉賓式燕綏之 | 12. Gia tân thức yến tuy chi. |

Dịch nghĩa

9. Phương nam có cây sà xuống,
10. Thì dây bầu ngọt leo bám lên.
11. Quân tử chủ nhân có rượu.
12. Thì khách tốt hãy ăn uống để an vui.

Dịch thơ

*Phương nam cây mọc sà sà,
Có cây bầu ngọt leo quăn vào.
Rượu thì chủ có đôi dào,
An vui khách tốt cùng nhau vầy bàn.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng.

Họ Lữ ở Đông Lai nói rằng: Trái bầu có thứ ngọt thứ đắng, thứ bầu ngọt thì ăn được.

樛木 *cưu mộc*, cây sà thấp xuống thì có những dây có trái đẹp leo quăn lên, bám chặt vào không thể gỡ ra được.

Kê ngu này (Chu Hy tự xưng) nói lấy theo ý nghĩa thì đây là thuộc hứng, giống như thuộc tử, mà thật là thuộc hứng vậy.

CHƯƠNG IV

翩翩者雛

18. Phiên phiên giả chuy,

烝然來思

24. Chứng nhiên lai tư.

君子有酒

15. Quân tử hữu tửu.

嘉賓式燕又思

16. Gia tân thức yến hựu tư.

Dịch nghĩa

13. Con chim chuy bay nhanh,

14. Thì đã bay đến.

15. Quân tử chủ nhân có rượu,
16. Thì khách tốt hãy ăn uống rồi lại ăn uống nữa.

Dịch thơ

*Bay mau kia bóng chim chuy.
Vượt lên vun vút tức thì đến ngay.
Rượu thì chủ có đủ đầy.
Uống rồi uống nữa vui say khách hào.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. Nhưng thuộc hứng ở đây không hoàn toàn lấy theo ý nghĩa. 思 *tư* (đọc ti theo chính âm), ngữ tử, tiếng đệm. 又 *hựu*, lại nữa đã đến yến ẩm rồi lại yến ẩm nữa, dễ thấy rõ lòng chí thành cứ gia thêm mãi không thôi. Hoặc nói rằng 又思 *hựu tư* (lại nhớ nghĩ) ý nói lại nhớ nghĩ nữa không quên được.

*Thiên Nam hữu gia ngữ có 4 chương, mỗi chương 4 câu.
Lời giải thuyết xem ở thiên Ngữ ly.*

BÀI THỨ 176

✻ 丘

Sùng khâu. (Bạch hoa 6)

Lời giải thuyết xem ở thiên Ngữ ly. Thiên Sùng khâu cũng là bài thơ nhạc sáo không có lời.

BÀI THỨ 177

CHƯƠNG I

南山有台
南山有台
北山有萊
樂只君子
邦家之基
樂只君子
萬壽無期

Nam sơn hữu đài. (Bạch hoa 7)

1. Nam sơn hữu đài,
2. Bắc sơn hữu lai.
3. Lạc chỉ quân tử!
4. Bang gia chi cơ.
5. Lạc chỉ quân tử!
6. Vạn thọ vô kỳ.

Dịch nghĩa

1. Núi nam có cây đài.
2. Núi bắc có cỏ lai.
3. Vui thay những tân khách!
4. Đó là nền tảng của nước nhà.
5. Vui thay những tân khách!
6. Được sống lâu muôn tuổi không hạn kỳ.

Dịch thơ

Núi nam thì có cây đài.

Ở bên núi bắc cỏ lai rườm rà.

Vui thay quân tử tài ba!

Đó là nền tảng quốc gia vững vàng.

Vui thay tân khách hiên ngang!

Sống lâu muôn tuổi cửu trùng vô biên.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 臺 đài (đọc đi cho hợp vận), cây phu tu, cây toa thảo. 萊 lai (đọc li cho hợp vận), tên một thứ cỏ, lá thơm ăn được. 君子 quân tử, chỉ những tân khách.

Đây cũng là bài ca nhạc thông dụng về yến tiệc cùng nhau, cho nên lời thơ nói rằng: Núi nam thì có cây đài, núi bắc thì có cỏ lai. Vui thay những tân khách! Thì đó là nền tảng của nước nhà. Vui thay những tân khách! Thì sống lâu muôn tuổi không hạn kỳ. Nói như thế là để bày tỏ cái ý tôn trọng tân khách của chủ nhân, khen tặng đức hạnh của tân khách và chúc tân khách đang sống lâu.

CHƯƠNG II

南山有桑
北山有楊
樂只君子
邦家之光
樂只君子
萬壽無疆

7. Nam sơn hữu tang,
8. Bắc sơn hữu dương.
9. Lạc chỉ quân tử!
10. Bang gia chi quang.
11. Lạc chỉ quân tử!
12. Vạn thọ vô cương.

Dịch nghĩa

7. Núi nam có cây dâu,
8. Núi bắc có cây dương.

9. Vui thay những tân khách!
10. Đó là ánh sáng rạng rỡ của nước nhà.
11. Vui thay những tân khách!
12. Được sống lâu muôn tuổi không giới hạn.

Dịch thơ

*Núi nam thì có cây dâu.
 Cây dương núi bắc lên cao rườm rà.
 Vui thay tân khách tài hoa!
 Đó là ánh sáng nước nhà vẻ vang.
 Vui thay tân khách hiền ngang!
 Sống lâu muôn tuổi cửu trùng vô biên.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc húng.

CHƯƠNG III

- | | |
|------|----------------------|
| 南山有杞 | 13. Nam sơn hữu khi, |
| 北山有李 | 14. Bắc sơn hữu lý. |
| 樂只君子 | 15. Lạc chỉ quân tử, |
| 民之父母 | 16. Dân chi phụ mẫu. |
| 樂只君子 | 17. Lạc chỉ quân tử! |
| 德昔不已 | 18. Đức âm bất dĩ. |

Dịch nghĩa

13. Núi nam có cây khỉ,
14. Núi bắc có cây lý.
15. Vui thay những tân khách!
16. Là bậc cha mẹ của dân.
17. Vui thay những tân khách!
18. Tiếng tốt không dứt.

Dịch thơ

*Núi nam cây khỉ mọc đầy,
Lý bên núi bắc lên cây rườm rà.
Vui thay tân khách tài hoa!
Thật là đáng bậc mẹ cha dân lành.
Vui thay tân khách hùng anh!
Tiếng thơm không dứt lưu danh đời đời.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 杞 khỉ, thứ cây giống như cây sự, có một tên nữa là cầu cốt.

CHƯƠNG IV

南山有栲
北山有杻
樂只君子

19. Nam sơn hữu khảo,
20. Bắc sơn hữu nữu.
21. Lạc chỉ quân tử!

遐不眉壽
樂只君子
德昔是茂

22. Hà bất my thọ?
23. Lạc chỉ quân tử!
24. Đức âm thị mậu.

Dịch nghĩa

19. Núi nam có cây khảo,
20. Núi bắc có cây nữ.
21. Vui thay những tân khách!
22. Sao lại không sống lâu, lông mày mọc ra dài?
23. Vui thay những tân khách!
24. Tiếng tốt dôi dào

Dịch thơ

*Núi nam cây khảo rành rành,
Ở bên núi bắc nữu tranh mọc đầy
Vui thay tân khách anh tài!
Lẽ nào chẳng được mày dài sống lâu?
Vui thay tân khách anh hào!
Tiếng thơm không dứt dôi dào truyền xa.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 考 khảo (đọc khẩu cho hợp vận), cây sơn cư 女 nữu, cây ước. 遐 hà thông dụng như chữ 何 hà là sao? 眉壽 my thọ (đọc trấu cho hợp vận), lông mày có cọng dài khi người đã già.

CHƯƠNG V

南山有枸
北山有楸
樂只君子
遐不黃耇
樂只君子
保艾爾後

25. Nam sơn hữu củ,
26. Bắc sơn hữu dũ.
27. Lạc chỉ quân tử!
28. Hà bất hoàng cẩu?
29. Lạc chỉ quân tử!
30. Bảo ngải nhĩ hậu.

Dịch nghĩa

25. Núi nam có cây củ.
26. Núi bắc có cây dũ.
27. Vui thay những tân khách!
28. Sao lại không sống lâu, tóc bạc trở thành màu vàng, mặt nổi đốm đen?
29. Vui thay những tân khách!
30. Con cháu sẽ được nuôi dưỡng yên ổn.

Dịch thơ

*Núi nam cây củ xanh rì.
Ở bên núi bắc dũ thì tốt tươi.
Vui thay tân khách các người!
Sao không vàng tóc da môi sống lâu?
Vui thay tân khách anh hào!*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 枸 củ, cây chỉ củ, cây cao lớn như cây bạch dương, có trái ở đầu cành to như ngón tay, dài vài tấc, ăn ngon ngọt như mít, tháng 8 trái chín, cũng gọi là mộc mật (cây mật). 楸 dũ, cây thử tử, lá cây và số gỗ như cây thu, cũng gọi là cây khổ thu. 皇 hoàng, vàng, người già tóc bạc trở thành màu vàng. 耄 cẩu, người già thì mặt nổi đốm đen như màu trái đồng lê, như có đất đen bám vào. 保 bảo, yên. 艾 ngải, nuôi dưỡng.

Thiên Nam sơn hữu đài có 5 chương, mỗi chương 6 câu.

Lời giải thuyết xem ở thiên Ngư ly.

BÀI THỨ 178

由儀

Do nghi. (Bạch hoa 8)

Lời giải thuyết xem ở thiên Ngư ly. (Thiên Do nghi cũng là bài thơ nhạc sáo, không có lời).

BÀI THỨ 179

CHƯƠNG I

蓼蕭

Lục tiêu. (Bạch hoa 9)

蓼彼蕭斯

1. Lục bỉ tiêu tư,

零露漙兮

2. Linh lộ tứ hê.

既見君子

3. Ký kiến quân tử,

我心寫兮

4. Ngã tâm tả hê.

燕笑語兮

5. Yến tiếu ngữ hề.

是以有譽處兮

6. Thị dĩ hữu dự xử hề.

Dịch nghĩa

1. Cỏ tiêu kia đã lớn, cao lện,

2. Được sương lộ rơi xuống thấm nhuần (như bề tôi được ơn mưa móc của vua)

3. Đã gặp chư hầu.

4. Thì lòng ta (thiên tử nhà Chu) là làm không có ân hận gì nữa.

5. Ăn uống cười nói với nhau.

6. Là để có sự yên vui đẹp đẽ với nhau.

Dịch thơ

Cỏ tiêu nay đã lớn cao,

Móc sương nhuần đượm dồi dào tốt tươi.

Chư hầu nay đã gặp rồi.

Lầu lầu chẳng bận, thanh thoi tác lòng.

Nói cười uống vui chung.

Cho niềm vui đẹp kết đồng với nhau.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 蓼 lục, dấp to lớn. 艸 tiêu, cỏ hao. 消 tú, tức là 消然 tú nhiên dấp xương lộ phủ lên trên cỏ tiêu. 君子 quân tử, chỉ chư hầu. 寫 tả (đọc tử cho hợp vận), trừ sạch hết. 燕 yến, yến ẩm. 譽 dự, tiếng tốt. 處 xử, an

lạc, yên vui. Tô thị nói rằng: 譽 dự thông dụng với 預 dự là vui. Phàm những chữ 譽 dự trong kinh Thi đều nói là vui. Nói như thế cũng thông lý.

Chư hầu đi triều kiến thiên tử, thiên tử cùng chư hầu yến tiệc với nhau để tỏ lòng nhân ái thương yêu, cho nên mới hát bài thơ này lên. Nói rằng: Cỏ tiêu kia đã cao lớn thì sương lộ lại nồng đượm phủ lên. 玼 gặp chư hầu thì lòng ta lâu lâu không còn ân hận nữa, cho nên ăn uống cười nói để yên vui tốt đẹp với nhau.

Nói 玼 gặp (ký kiến) là vì hát vào lúc mới bắt đầu ăn uống với nhau.

Chú giải của Dịch giả

斯 tư, ngũ từ, tiếng đệm ở cuối câu. 零 linh, rơi xuống.

CHƯƠNG II

蓼彼蕭斯

7. Lục bĩ tiêu tư

零露漙漙

8. Linh lộ nương nương

既見君子

9. Ký kiến quân tử,

為龍為光

10. Vi long vi quang

其德不爽

11. Kỳ đức bất sảng,

壽考不忘

12. Thọ khảo bất vong

Dịch nghĩa

7. Cỏ tiêu kia đã cao lớn.
8. Được sương lộ rơi xuống đầm đìa.
9. Đã gặp được chư hầu,
10. Thì thấy chư hầu đều được yêu mến, đều được vinh quang
11. Nếu đức hạnh của chư hầu không có điều chi sai lầm
12. Thì chư hầu sống lâu đến già vẫn được ta nhớ mãi i, không quên bỏ.

Dịch thơ

*Lớn cao kia đám cỏ tiêu
Đã nhờ sương lộ xuống nhiều tốt tươi.
Chư hầu nay đã gặp rồi,
Thấy đều được mến, rạng ngời vinh quang
Sai lầm, đức hạnh chẳng mang,
Sống lâu tuổi thọ, ta càng chẳng quên.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hững. 灃灃 *nhương nhương*, đáng nhiều sương lộ. 龍 *long*, sủng ái yêu mến vinh hạnh. 為 龍為光 *vi long vi quang* được yêu mến được vinh uang, là lời mừng đức hạnh của người. 爽 *sảng* (đọc *sang* cho hợp vận), sai. Đức hạnh của chư hầu không có chỗ nào sai lầm, thì sống đến già cũng không bị quên. Đó là lời khen tặng để chúc mừng chư hầu, và cũng nhân đây để khen chư hầu nữa.

CHƯƠNG III

蓼彼蕭斯
零露泥泥
既見君子
孔燕豈弟
宜兄宜弟
令德壽豈

13. Lục bỉ tiêu tư,
14. Linh lộ nề nề
25. Ký kiến quân tử.
16. Khổng yển khải đề.
17. Nghi huynh nghi đệ.
18. Linh đức thọ khải.

Dịch nghĩa

13. Cỏ tiêu kia đã cao lớn
14. Được sương lộ rơi xuống thấm nhuần.
15. Đã gặp được chư hầu.
16. Thì là rất yên vui dễ dàng.
17. Chúc mừng cho chư hầu, anh em được hoà thuận với nhau.
18. Đức hạnh ấy được đẹp đẽ, tuổi thọ được lâu dài vui vẻ.

Dịch thơ

*Cỏ tiêu kia đã cao rồi,
Móc sương nhuận được tốt tươi dồi dào.
Nay đã gặp được chư hầu.
Thấy đều vui đẹp cùng nhau an bình.
Anh em hòa nhã thuận tình.
Đức đẹp đẽ nên linh thọ dài.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 泥泥 nễ nễ, dáng sương lộ thấm nhuần. 孔 không, rất. 豈 khải, vui. 弟 đệ, dễ dàng. 宜兄宜弟 *nghi huynh nghi đệ*, như nói 宜其家人 *nghi kỳ gia nhân* là người trong nhà đều hoà thuận yên ổn. Vì rằng vua chư hầu đều cha truyền con nối, phần nhiều hay nghi kỵ anh em, như những việc Tần Kiêm sợ bị anh kể tội. Cho nên lấy việc anh em hoà thuận để khen nhau và cũng là để răn dạy vậy. 詩豈 thọ khải (đọc *khể* cho hợp vận), sống lâu mà lại vui vẻ.

CHƯƠNG IV

蓼彼蕭斯

19. Lục bỉ tiêu tư

零露濃濃

20. Linh lộ nùng nùng

既見君子

21. Ký kiến quân tử

偉革沖沖

22. Điều cách trùng trùng,

和鸞雝雝

23. Hoà lan ung ung,

萬福攸同

24. Vạn phúc du đồng.

Dịch nghĩa

19. Cỏ tiêu kia đã cao lớn

20. Được sương lộ rơi xuống dày đặc.

21. Đã gặp được chư hầu

22. (Thì thấy) đầu dây cương buông thòng xuống dịu dàng,

23. (Và nghe) tiếng chuông treo ở đầu xe và chuông reo ở hàm ngựa khua vang hòa điệu,

24. Thì bao nhiêu phúc hậu đều quy tụ vào chư hầu ấy.

Dịch thơ

Vượt cao tiêu mọc thẳng thời,

Móc sương nhuận đượm khắp nơi phủ đầy.

Chư hầu đã gặp hôm nay,

Đầu cương buông rủ lắc lay dịu dàng

Tiếng chuông hoà điệu khua vang

Bao nghiêu phúc hậu chứa chan tụ vào

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc húng 濃濃 *nùng nùng* (đọc nông nông), dáng đầy nhiều 條 *điều*, thuộc dây cương. 革 *cách*, đầu dây cương. 條革 *điều cách*, phần đầu dây cương thông xuống từ chỗ tay mình nắm. 冲冲 *trùng trùng*, dáng thông xuống. 和 *hoà*, 鸞 *loan*, đều là chuông, lục lạc, thứ treo ở cây đòn dựa trước mặt xe gọi là hoà, thứ treo ở hàm ngựa gọi là loan, đều là những vật trang sức xe ngựa của chư hầu. Thiên Đình liệu (trong *Đồng cung chi tập* phần *Tiểu nhĩ*) cũng lấy tiếng quân tử để gọi chư hầu, để khen cõ loan kỳ đẹp dễ, chính cũng là loan ấy. 攸 *du*, sở, chốn. 同 *đồng*, tụ lại.

Thiên Lục tiêu có 4 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 180

CHƯƠNG I

湛露
湛湛露斯
匪陽不晞
厭厭夜飲
不醉無歸

Trầm lộ (Bạch hoa 10)

1. Trầm trầm lộ tư,
2. Phi dương bất hy.
3. Yêm yêm dạ ẩm,
4. Bất tuỷ vô quy.

Dịch nghĩa

1. Sương lộ đầm đìa,
2. Nếu không có mặt trời thì không khô được.
3. Yến ẩm trong ban đêm yên vui với nhau,
4. Nếu không say mèm thì không được về.

Dịch thơ

Lộ sương rơi xuống đầm dề,
Nếu không mặt nhật, chẳng hề khô đâu.
Chung vui yến ẩm đêm thâu,
Chẳng say chẳng được cùng nhau lui về.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng 湛湛 *trầm trầm*, dáng nhiều sương lộ. 陽 *dương*, mặt trời. 晞 *hy*, khô. 厭厭 *yêm yêm*, yên,

cũng có nghĩa là lâu, là đầy đủ. 夜飲 *dạ ẩm*, ăn uống riêng tư trong ban đêm. Ban đêm có yến lễ thì ở hai bậc thêm và ở cửa đều có đặt cây nến to.

Đây cũng là bài thơ nói về thiên tử thiết đãi chư hầu.

Nói rằng: Sương lộ đầm đìa, nếu không có mặt trời thì không khô được, để khởi hứng rằng ban đêm yến ẩm yên vui với nhau, nếu không say mềm thì không được cho về. Vì đó là bài thơ để hát khi cuộc dạ yến đã tàn.

CHƯƠNG II

湛湛露斯

5. Trăm trăm lộ tư

在彼豐草

6. Tại bỉ phong hảo,

厭厭夜飲

7. Yêm yêm dạ ẩm.

在宗載考

8. Tại tông tái khảo.

Dịch nghĩa

5. Sương lộ đầm đìa

6. Ở trên lớp cỏ rườm rà tươi tốt.

7. Yến ẩm trong ban đêm vui với nhau,

8. Ở trong tông thất thì thành công.

Dịch thơ

Lộ sương rơi xuống đậm đà.

Phủ lên đám cỏ rườm rà xanh tươi

Ban đêm yến ẩm vui chơi,

Ở nhà tông thất ấy thời thành công

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc húng. 豐 phong, rườm rà tươi tốt. 宗 tông, nhà tông thất vì nơi đó thuộc về chính tâm (chỗ ở chính thức của thiên tử). 考 khảo, thành.

CHƯƠNG III

湛湛露斯

9. Trăm trăm lộ tư,

在彼杞棘

10. Tại bửu khỉ cước

顯允君子

11. Hiển doãn quân tử

莫不令德

12. Mạc bất lệnh đức.

Dịch nghĩa

9. Sương lộ đầm đìa

10. Ở trên bụi cây khỉ cây gai.

11. Các tân khách chư hầu ấy đều tỏ rõ là những người đáng tin cậy của thiên tử

12. Không ai là không có đức tốt.

Dịch thơ

Lộ sương rơi xuống đặc dày,

Phủ lên bụi khỉ bụi gai dồi dào.

Đáng tin tân khách chư hầu,

Không ai chẳng có đức cao tuyệt vời.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 顯 *hiển*, sáng tỏ. 允 *doãn*, tin. 君子 *quân tử*, chỉ chư hầu làm tân khách đến yến ẩm. 令 *lệnh*, tốt, lành. 令德 *lệnh đức*, nói có đức tốt, uống rượu nhiều mà không rối loạn tinh thần, cái đức tốt ấy đủ để bồi dưỡng cho chư hầu ấy.

CHƯƠNG IV

其桐其椅

13. Kỳ đồng kỳ y,

其實離離

14. Kỳ thực ly ly.

豈弟君子

15. Khải đệ quân tử,

莫不令儀

16. Mạc bất lệnh nghi.

Dịch nghĩa

13. Cây đồng và cây y

14. Trái thì đơm thòng xuống.

15. Các tân khách chư hầu đều vui vẻ dễ dàng,

16. Không ai là không giữ được uy nghi tuy là đã uống say.

Dịch thơ

Cây y lại với cây đồng,

Dồi dào trái đã đơm thòng khắp cây.

Dễ dàng tân khách vui thay!

Uy nghi vẫn giữ khi say ngà ngà.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 離離 ly ly, rủ xuống. 令儀 lệnh nghi, uy nghi tốt đẹp, nói uống say mà không mất uy nghi.

Chú giải của Dịch giả

豈弟 *khải đễ*, vui vẻ dễ dàng.

Thiên trảm lộ có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

Trong truyện *Xuân thu*, Ninh vũ tử nói rằng: Chư hầu vào châu thiên tử để nhận những lời dạy bảo về chính trị thì được thiên tử thiết yến để ăn uống vui chơi, cho nên mới trình bài thơ *Trảm lộ* này mà hát.

Tăng thị nói rằng: Hai chương đầu thì nói ăn uống yên vui trong ban đêm, hai chương thì nói đức tốt và uy nghi tốt, tuy đã qua ba chén rượu mà cũng có thể nói là không đến nỗi rối loạn.

Bạch hoa chi thập có 10 thiên, mà 5 thiên không có lời thơ, có tất cả 23 chương và 104 câu.

THI KINH QUYỂN 5

3. ĐỒNG CUNG CHI THẬP.

(Mười thiên thuộc phần thơ *Đồng cung*).

BÀI THỨ 181

CHƯƠNG I

彤弓

Đồng cung. (Đồng cung 1)

彤弓弨兮

1. Đồng cung siêu hê.

受言藏之

2. Thụ ngôn tàng chi.

我有嘉賓

3. Ngã hữu gia tân.

中心貺之

4. Trung tâm huống chi.

鍾鼓既設

5. Chung cổ ký thiết,

一朝饗之

6. Nhất triều hưởng chi.

Dịch nghĩa

1. Cây cung đỏ đã mở dây ra,

2. Vua vừa nhận được (của anh thợ làm cung) thì trân trọng đem cất (ở vương phủ)

3. Ta có khách tốt,

4. Trong lòng thành thật định đem ban cho chư hầu có công

5. Chuông trống đã bày ra đánh lên,

6. Trong một buổi sớm ta thết tiệc rượu và ban cung đồ cho công thần.

Dịch thơ

Chiếc cung đồ đã mở dây,

Vua vừa nhận được, mang ngay cất vào.

Ta thì có khách anh hào,

Chân thành ban tặng chư hầu có công.

Giống lên nào cổ nào chung,

Sớm mai thết tiệc ban cung ân cần.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 彤弓 đồng cung, cây cung. 玕 siêu, dáng tháo mở ra. 既 hướng (đọc hương cho hợp vận), cho. 饗 hưởng (đọc hương cho hợp vận) cuộc uống rượu to tát để đãi tân khách.

Đây là bài ca nhạc về thiên tử đãi yến tiệc và ban cung tên cho chư hầu có công.

Họ Lữ ở Đông Lai nói rằng: 受言藏之 thụ ngôn tàng chi, (nhận được cây cung vừa làm xong thì đem cất ở vương phủ) là ý nói quý trọng cây cung. Thợ làm cung dâng cây

cung lên thì đem cất ở vương phủ để đợi cho người có công mà ban cho, không dám cho ai một cách khinh suất. 中心悅之 trung tâm hỷ chi (do ý thành thật yêu quý ở trong lòng mà ban cho) là ý nói thân tử rất thành thật, trong lòng quả thật muốn ban cho, không phải do lẽ nào khác ở ngoài.

一朝饗之 *nhất triều hưởng chi* (một buổi sớm thết yến và đem cung ra ban cho) là ý nói việc rất mau lẹ không trù trừ. Cây cung cất trong vương phủ: Một buổi sớm đem ra ban cho người, chưa từng có ý trù trừ giải đãi tiệc của.

Đời sau lại coi những vật cất trong vương phủ là phần có riêng của mình, cho nên đã có việc lấy vũ khí cất trong kho ban cho những bề tôi lòng quyền, thì so với việc đem cất cây cung mới làm xong vào trong phủ một cách rất quý trọng để chờ người có công mà ban cho thật khác xa nhau.

Việc ban cho ấy nếu không vì lợi lộc dẫn dụ, thì cũng vì sự thế bức bách mà ra, cho nên đã có việc sớm thì ban cho thiết khoán (tờ khoán bằng sắt ghi công trạng để ngày sau có thể đem ra xin ân xá hay giảm tội nếu vị công thần ấy mắc trọng tội) mà chiều thì đem ra giết chết phanh thây. Thì so với việc do ý thành thật yêu quý ở trong lòng mà ban cho thật khác xa nhau.

On trạch thì ít ỏi, tặng thưởng thì keo kiệt khiến cho công thần ly toán phản loạn, cho nên đã có việc cái ăn đã mòn hư mà chẳng chịu trao cho kẻ bề tôi. Thì so với việc một buổi sáng thết tiệc và đem cung ban cho bề tôi thật là khác xa.

CHƯƠNG II

彤弓 彤弓

7. Đông cung siêu hê.

受言載之
我有嘉賓
中心喜之
鍾鼓既設
一朝右之

8. Thụ ngôn tái chi.
9. Ngã hữu gia tân,
10. Trung tâm hỉ chi.
11. Chung cổ ký thiết,
12. Nhất triều hựu chi.

Dịch nghĩa

7. Cung cây đồ đã mở dây ra
8. Vua vừa nhận thì đem cất một cách rất quý trọng,
9. Ta có khách tốt
10. Trong lòng vui thích.
11. Chuông trống đã bày ra đánh lên,
12. Trong một buổi sớm ta mời chư hầu có công uống
rượu.

Dịch thơ

*Cây cung đồ đã gỡ dây ra.
Tưng tiu đem cất khi đã nhận xong,
Ta nay có khách anh hùng.
Xiết bao vui thích trong lòng hôm nay!
Trống chuông bày đánh vui thay!
Khuyến mời tiệc rượu buổi mai ân cần.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 載 *tái* (đọc *tỷ* cho hợp vận) . 喜 *hỷ* (đọc ký) *vui*. 右 *hữu*, khuyên mời tôn trọng.

CHƯƠNG III

彤弓昭兮 13. Đồng cung siêu hê.

受言橐之 14. Thụ ngôn cao chi

我有嘉賓 15. Ngã hữu gia tân,

中心好之 16. Trung tâm hảo chi,

鍾鼓既設 17. Chung cổ ký thiết,

一朝 醕之 18. Nhất triều thù chi.

Dịch nghĩa

13. Cây cung đỏ đã mở dây ra,

14. Vua vừa nhận được thì lấy bao cung bọc lại

15. Ta có khách tốt.

16. Trong lòng vui thích.

17. Chuông trống đã bày ra đánh lên

18. Một buổi sớm thù tạc uống rượu với chư hầu có công

Dịch thơ

Cây cung đỏ gỡ dây xong.

Ta liền bọc lại ở trong bao rồi.

Có đây khách tốt bao người,

*Trong lòng ta thật thích vui rạt rào
Trống chuông khua đánh xôn xao,
Chung vui thù tạc chừ hầu buổi mai.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 案 *cao* (đọc *cáo*), bao cung. 好 hào hiếu, vui thích. 酬 thù, báo đáp. Theo lễ uống rượu, chủ nhân dâng chén rượu cho khách, thì khách mời lại chủ để báo đáp lại, và chủ lại rót rượu để tự uống với khách, chủ nhân uống xong bèn rót rượu mời khách uống nữa, như thế gọi là thù. Thù có nghĩa là đôn hậu khuyến mời.

Thiên Đồng cung có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

Theo truyện *Xuân thu*, Ninh Vũ tử nói rằng: *Chư hầu địch vương sử khải, nhi hiến kỳ công, ư thị hồ lý chi đồng cung nhất, đồng thử bách lự cung thử thiên, dĩ giác báo yến.* (= Chư hầu ra đương những việc mà thiên tử đã thịnh nộ để hiến công. Cho nên thiên tử ban cho một cây cung đỏ, một trăm tên đỏ với một cây cung đen một ngàn mũi tên để tỏ rõ sự báo đáp công lao mà yến ẩm vui chơi) . Có lời cho rằng: *Khải* là hờn giận, *giác* là tỏ rõ. Nói chư hầu có công ra đánh dẹp bốn giống rợ (Đông Di, Tây Nhung, Nam Man, Bắc Địch). Cho nên thiên tử ban cho cung tên và lại cho hái bài *Đồng cung* để tỏ rõ sự báo đáp công lao mà yến ẩm vui vẻ.

Trịnh thị nói rằng: Phàm chư hầu được ban cho cung tên là để về sau chuyên đi chinh phạt.

Lữ thị ở Đông Lai nói rằng: Chuyên chinh phạt là nói việc đánh dẹp bốn giống rợ xâm lăng vào bờ cõi, hay những tội con soán ngôi, giết vua thì không cần phải báo cáo. Còn những việc khác về phép cửu phạt (9 việc đánh dẹp) thì thuộc về chức vụ của quan đại tư mã, chớ không phải là việc

chuyên trách của chư hầu. So với đời sau việc cường thần dâng biểu lên vua là đi chinh phạt ngay, thật khác xa nhau.

BÀI THỨ 182

CHƯƠNG I

菁苦者莪
菁菁者莪
在彼中阿
既見君子
樂且有儀

Tinh tinh giả nga (Đồng cung 2)

1. Tinh tinh giả nga,
2. Tại bửu trung a.
3. Ký kiến quân tử,
4. Lạc thả hữu nghi.

Dịch nghĩa

1. Cô nga đã mọc rườm rà,
2. Ở trong cái gò lớn kia.
3. Khi đã gặp tân khách quân tử rồi,
4. Thì lòng ta vui vẻ và có lễ nghi.

Dịch thơ

*Cỏ nga đã mọc rậm đầy,
Ở trong gò lớn găm đầy khắp nơi.
Khách gặp quân tử gặp rồi,
Ta cùng nghi lễ vui tươi trong lòng*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 菁菁 *ting ting*, dáng rườm rà tươi tốt. 荇 *nga*, cỏ la hoà. 中阿 *trung a*, tức là a trung (ở trong gò lớn), cái gò lớn gọi là a, 君子 *quân tử*, chỉ các tân khách.

Đây là bài thơ về yến ẩm tân khách. Nói rằng: Cỏ nga đã rườm rà trong cái gò lớn kia. Đã gặp tân khách rồi thì lòng ta vui vẻ và có lẽ nghỉ.

Hoặc nói rằng lấy cỏ rườm rà để ví với dung mạo uy nghi của tân khách. Chương sau cũng phỏng theo đây.

CHƯƠNG II

- | | |
|------|-----------------------|
| 菁菁者荇 | 5. Minh tinh giả nga, |
| 在彼中沚 | 6. Tại bỉ trung chỉ. |
| 既見君子 | 7. Kỳ kiến quân tử, |
| 我心則喜 | 8. Ngā tâm tắc hỷ. |

Dịch nghĩa

5. Cỏ nga đã mọc rườm rà,
6. Ở trong cái cồn nhỏ kia.
7. Khi ta gặp tân khách quân tử rồi,
8. Thì lòng ta vui vẻ.

Dịch thơ

Rậm đầy chen mọc cỏ nga.

Ở trên cồn cỏ lan ra khắp cùng.

Khách người quân gặp xong.

Thì ta mừng rỡ trong lòng xiết bao!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 中 止 *trung chỉ* tức là *chỉ trung*, trong còn nhỏ. 喜 *hỷ*, vui.

CHƯƠNG III

菁普者莪

9. Tinh tinh giả nga,

在彼中陵

10. Tại bỉ trung lãng.

既見君子

11. Ký kiến quân tử,

錫我百朋

12. Tích ngã bách bằng.

Dịch nghĩa

9. Cỏ nga đã mọc rườm rà.

10. Ở trong cái gò kia.

11. Khi đã gặp tân khách quân tử rồi.

12. Thì ta vui mừng như ai cho ta một trăm bằng (500 trăm đồng tiền) vậy.

Dịch thơ

Cỏ nga đã mọc rậm nhiều

Gò kia đã thấy lan đều đâm cao.

Gặp người quân tử anh hào.

Mừng như vừa được tặng trao trăm bằng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 中陵 *trung lăng* tức là *lăng trung*, ở trong gò. Tiền tệ ngày xưa cứ 5 đồng gọi là một *bằng*. 錫我百朋 *tích ngã bách bằng*, cho ta một trăm bằng, tức là 500 đồng tiền, thấy bao nhiêu tiền ấy thì vui mừng lên như được số tiền rất nhiều. .

CHƯƠNG IV

汎汎楊遄

13. Phiếm phiếm dương chu.

載沈載浮

14. Tái trầm tái phù.

既見君子

15. Ký kiến quân tử,

我心則休

16. Ngã tâm tắc hưu.

Dịch nghĩa

13. (Khi chưa gặp quân tử tân khách thì lòng ta vô định) như chiếc thuyền bằng gỗ cây dương,

14. Khi chìm khi nổi.

15. Khi đã gặp tân khách quân tử rồi,

16. Thì lòng ta yên định.

Dịch thơ

Gỗ dương thuyền nọ vật vờ,

Khi chìm khi nổi lững lờ vật trôi

Khách người quân tử gặp rồi.

Lòng ta yên định vui tươi nhẹ nhàng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tỷ. 楊舟 *dương chu*, chiếc thuyền bằng gỗ cây dương. 載 *tái*, thì. 載沉載浮 *tái trầm tái phù*, khi chìm khi nổi như nói *tái thanh tái trọc* (khi trong khi đục) và *tái trì tái khu* (khi chạy mau khi chạy gấp) để ví với lúc chưa gặp tân khách thì lòng không an định. 休 *hưu* tức là *hưu hưu nhiên*, ý nói đã yên định.

Thiên Tinh tinh giả nga có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 183

CHƯƠNG I

六月

Lục nguyệt. (Đồng cung 3)

六月棲棲

1. Lục nguyệt tê tê,

戎車既飭

2. Nhung xa ký sức,

四牡騤騤

3. Tứ mầu quỳ quỳ.

載是常服

4. Tái thị thường phục.

玁狁孔熾

5. Nghiêm đoán khổng xí,

我是用急

6. Ngã thị tâm cấp,

王于出征

7. Vương vu xuất chinh,

以匡王國

8. Dĩ khuông vương quốc.

Dịch nghĩa

1. Tháng sáu rộn rịp không yên.
2. Binh xa đã nghiêm chỉnh,
3. Bốn con ngựa đực kéo những binh xa ấy đều mạnh mẽ.
4. Lại mặc nhung phục (quần áo mặc trong quân đội).
5. Quân rợ Dịch rất đông,
6. Lòng ta khẩn cấp.
7. Vua sai xuất chinh.
8. Để chính định yên ổn nước của vua.

Dịch thơ

*Tháng sáu nay không yên rộn rịp,
Binh xa bay liên tiếp nghiêm trang.
Mạnh thay bốn ngựa sắp hàng!
Ba quân đều mặc áo vàng nhung y.
Quân rợ Dịch kia thì đông khấp.
Lòng ta thời khẩn cấp tiến binh.
Vua sai ta gấp xuất chinh.
Bảo toàn cương giới, an bình nước vua.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 六月 *lục nguyệt*, tháng sáu, tháng kiến vị. 棲棲 *tê tê* như 遑遑 *hoàng hoàng*, dáng bất an. 戎車 *nhung xa*, xa binh. 飭 *sức*, nghiêm chỉnh. 騤騤 *quỳ*

quỳ, dáng mạnh mẽ. 常服 *thường phục* (đọc bậc cho hợp vận), quần áo thường mặc trong việc binh: Lấy da nhuộm đỏ làm mũ và lại làm áo với quần trắng, giày trắng. 獵狁 *Nghiêm doãn* tức Hiêm doãn, rợ Địch ở phương bắc. 孔 *khổng*, rất. 熾 *xí*, thịnh nhiều. 匡 *khương*, làm cho ngay chính.

Khi Thành Vương và Khang Vương nhà Chu mất rồi, nhà Chu lần lần suy yếu. Đời thứ 8 là Lệ vương tên Hồ bạo ngược, bị người nhà Chu đuổi, chạy ra ở đất Trệ. Rợ Bắc Địch vào xâm lăng tiến bức gần kinh kỳ. Lệ vương băng, con là Tuyên Vương tên Tĩnh lên ngôi, sai Doãn Cát Phủ làm tướng suất đem quân đánh đuổi rợ Địch thành công mà trở về.

Nhà thơ làm bài thi ca này để kể việc ấy ra như thế.

Theo sách *Tư mã Nhượng Tư binh pháp* thì mùa đông mùa hạ không được hưng binh. Nhưng nay là tháng 6 (cuối hạ) lại đem quân ra đi, vì quân rợ Địch rất đông, sự thế rất nguy cấp cho nên bất đắc dĩ thiên tử mới sai xuất chinh vào thời ấy (tháng 6, cuối hạ) để chính đánh nước của thiên tử.

CHƯƠNG II

比物四驪

9. Tỷ vật tứ lý

閑之維則

10. Nhân chi duy tắc.

維此六月

11. Duy thử lục nguyệt,

既成我服

12. Ký thành ngã phục.

我服既成

13. Ngã phục ký thành,

于三十里

14. Vu tam thập lý.

王于出征

15. Vương vu xuất chinh,

以佐天子

16. Dĩ tá thiên tử.

Dịch nghĩa

9. Bốn con ngựa ô được chọn lựa theo sức lực

10. Đã được luyện tập đúng theo phép tắc.

11. Chỉ ở tháng 6 này.

12. Thì quân phục của ta được may xong.

13. Quân phục của ta được may xong,

14. Thì quân đội lên đường cứ đi 30 dặm thì lại dừng nghỉ.

15. Đó là theo lệnh vua dạy xuất chinh.

16. Để giúp vua dẹp yên bờ cõi.

Dịch thơ

Bốn ngựa ô chọn theo sức lực,

Tập luyện theo phép tắc tính rồi.

Chỉ trong tháng sáu hiện thời

Quân trang ta đã xong xuôi may thành.

Nhưng y đã rành rành may sẵn.

Tiến quân ba mươi dặm thì đình.

Đấy theo vua dạy xuất chinh.

Giúp vua dẹp giặc an bình biên cương.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 比物 *tỷ vật*, cho sức lực cùng ngang đồng nhau. Phàm về đại sự như cúng tế, triều kiến, hội đồng thì chọn ngựa theo sắc lông mà ban cho. Phàm về quân sự, thì chọn ngựa theo vật lực mà ban cho. Ngựa mà chọn theo sắc lông thì phải đồng màu sắc với nhau. Ngựa mà chọn theo vật lực, thì phải đồng sức lực với nhau. Cát sự (như việc cúng tế, giá thú) thì chuộng về văn vẻ ở ngoài. Còn quân sự thì chuộng sức mạnh. 則 *tắc*, phép tắc. 服 *phục* (đọc *bạc* cho hợp vận) là nhung phục y phục của quân sĩ. 三 | 里 *tam thập lý*, 30 dặm, đi 30 dặm thì dừng nghỉ một lần. Đời xưa người ta thường lựa ngày tốt mà đi một ngày 50 dặm. còn quân đội thì đi một ngày 30 dặm.

Đã chọn lựa theo vật lực mà còn nói bốn con ngựa ô (*tứ ly*) thì sắc lông của những ngựa lại đồng như nhau nữa, thì có thể thấy rằng ngựa có thừa thãi. Những ngựa ấy được tập luyện và đều đúng theo phép tắc, thì lại có thể biết rằng vốn trước đã được rèn dạy rồi. Cho nên trong tháng ấy (tháng sáu), quân phục của ta liền được may xong. Quân phục của ta được may xong thì ngày ấy lên đường, không thư thả không gấp rút, cứ hết một xá 30 dặm thì dừng nghỉ. Lại thấy được sự ứng biến mau lẹ, việc tung sự nhanh chóng mà không mất pháp độ thông thường. Đến đấy lệnh vua dạy xuất chinh là để ứng phó với việc thịnh nộ của vua mà ra công giúp vua dẹp yên bờ cõi.

CHƯƠNG III

四牡脩廣

17. Tứ mẫu tu quảng,

其大有頤

18. Kỳ đại hữu ngung.

薄伐嚴狁
以奏膚公
有嚴有翼
共武之服
共武之服
以定王國

19. Bạc phạt Nghiêm đoãn
20. Dĩ tấu phu công.
21. Hữu nghiêm hữu dực,
22. Cung vũ chi phục.
23. Cung vũ chi phục,
24. Dĩ định vương quốc.

Dịch nghĩa

17. Bốn con ngựa đực (kéo xe) dài và to
18. Dáng to lớn giềnh giàng.
19. Hãy đi đánh rợ Dịch ở phương bắc,
20. Để tiến dâng lên vua những công lao to tát.
21. Tướng sùỵ lại uy nghiêm cung kính
22. Để cung ứng vào việc phục dịch vũ bị.
23. Cung ứng vào việc phục dịch vũ bị
24. Là để yên định nước của vua.

Dịch thơ

*Thân to dài bốn con ngựa đực,
Lớn to thay rất mực hiên ngang!
Hãy đi đánh rợ bắc phương,
Dâng lên thiên tử phi thường chiến công.*

Đã cung kính uy hùng tướng sủy,

Để sung vào vũ bị chiến chinh.

Sung vào vũ bị quân binh.

Đẹp tan quân rợ an bình nước vua.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc húng. 脩 *tu*, dài. 廣 *quảng*. 顯 *ngung*, đáng to lớn. 奏 *tấu*, tiến dâng lên. 膚 *phu*, to. 公 *công*, công lao. 嚴 *nghiêm* uy nghiêm. 翼 *dực*, kính. 共 *cung*, đồng với. 供 *cung* là cung cấp. 服 *phục* (đọc *bạc* cho hợp vận), phục sự. Nói tướng sủy đều nghiêm kính để cung ứng việc vũ bị.

CHƯƠNG IV

玃 狁 匪 茹

25. Nghiễm doãn phi nhũ,

整 居 焦 獲

26. Chinh cư Tiêu Hộ,

侵 鎬 及 方

27. Xâm Hạo cập Phương.

至于涇陽

28. Chí vu Kinh dương.

織 文 鳥 章

29. Chi văn diểu chương

白 旆 央 央

30. Bạch bại ương ương.

元 戎 十 乘

31. Nguyên nhung thập thặng,

以 先 啓 行

32. Dĩ tiên khải hành.

Dịch nghĩa

25. Quân rợ Địch chẳng tự lượng sức mình,
26. Cớ tể chinh xâm chiếm ở yên đất Tiêu đất Hộ,
27. Đã xâm nhập vào đất Hạo đất Phương.
28. Lại đến vùng Kinh Dương (phía bắc sông Kinh).
29. Mới bày bố những cờ có vẽ hình con chim con ó.
30. Đuôi cờ có tua trắng rực rỡ tươi sáng,
31. Mười chiếc xe binh to lớn.
32. Mở đường dẫn đầu tiến tới (để xung phong đánh đuổi quân rợ Địch).

Dịch thơ

*Chẳng lượng mình những quân rợ ấy,
Dám chinh tể chiếm lấy Hộ, Tiêu,
Đất Phương, đất Hạo chiếm liền,
Kinh dương vùng ấy cũng điều binh sang.
Cờ chim ó huy hoàng bày bố,
Tua trắng bay rực rỡ sáng loà.
Lớn lao mười chiếc binh xa.
Mở đường tiến dẫn quân ta đánh tràn.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 茹 *nhữ*, độ lường. 整 *chỉnh*, tể chỉnh. 焦 *Tiết*, 穫 *Hộ*, 鎬 *Hạo*, 方 *Phương*, đều là những tên đất. Đất Tiêu thì chưa rõ ở đâu. Đất Hộ thì ông Quách Phác

cho là đất Hồ trung, tức nay là huyện Tam Nguyên tại Diêu Châu. Đất Hạo thì ông Lưu Hưởng cho là ở xa ngàn dặm về phía bắc chứ không phải đất Hạo là chốn kinh đô nhà Chu, và cũng không rõ đất Hạo xa xôi ấy là ở đâu. Còn đất Phương thì nghi tức là sóc phương, phương bắc. 涇陽 *Kinh dương*, phía bắc sông kinh ở về phía tây bắc đất Phong, đất Hạo, nói những vùng bị giặc xâm nhập. 至 *chí* đồng với 幟 *xí* là cờ xí. 鳥章 *điểu chương*, cờ có vẽ hình con chim ó. 白旂 *bạch bại*, những tua trắng nổi theo lá cờ triệu (cờ có vẽ hình con rắn) 央央 *ương ương*, đáng tươi sáng. 元 *nguyên*, to. 戎 *nhung* là *nhung xa*, xe binh, đội đi đầu xung phong của quân lữ. 啓 *khải*, mở ra. 行 *hành* (đọc *hàng* cho hợp vận), đường đi. *Khải hành* là như nói *phát trình*, lên đường.

Nói quân rợ Dịch không biết tự lượng sức mình, xâm nhập vào để cướp phá như thế. Cho nên ta mới dựng những cờ ấy lên, chọn những phần tử bén nhọn để xung phong lướt tới, lên tiếng hạch tội của chúng ra để trừng trị. Ngay thẳng và mạnh mẽ giữ đúng theo pháp luật mà giỏi giấu đạo quân ấy không đánh thì thôi, hễ đánh thì tất phải thắng.

CHƯƠNG V

戎車既安

33. Nhung xa ký an,

如輕如軒

34. Như trí như hiên.

四牡既佶

35. Tứ mẫu ký cát.

既佶且閑

36. Ký cát thả nhàn

薄伐玁狁

37. Bạc phạt nghiêm đoan.

至于大原

38. Chí vu Thái Nguyên.

文武吉甫

39. Văn vũ Cát Phủ.

萬邦爲憲

40. Vạn ban vì hiến.

Dịch nghĩa

33. Binh xa đã yên chỉnh,

34. Như xe trí (thứ xe gục xuống), như xe hiên (thứ xe cất lên) rất vững vàng thích hợp điều hoà.

35. Bốn con ngựa đực đã mạnh mẽ.

36. Đã mạnh mẽ lại được luyện tập thuần thục.

37. Hãy đi đánh dẹp quân rợ Địch,

38. Đuổi đến đất Thái nguyên.

39. Quan đại tướng Đoãn Cát phủ lúc ấy văn vũ toàn tài.

40. Trị nước như thế mới là phép tắc của muôn nước.

Dịch thơ

Xe binh đã chỉnh yên toàn mỹ.

Như xe hiên xe trí vững vàng.

Mạnh hùng bốn ngựa sắp hàng,

Đã dư mạnh mẽ lại càng luyện tinh.

Ta hãy kíp đi bình lữ giặc

Đuổi ra khỏi đất Thái Nguyên.

Vũ văn Cát Phủ vẹn tuyền

Làm gương muôn nước trị yên sơn hà

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 輕 *trí*, xe gạc xuống như chúi tới trước (*trí* là xe trước thấp sau cao) . 軒 *hiên*, xe cất lên như lùi ra sau (hiên là xe trước cao sau thấp). Phàm về xe, nếu ở sau mà nhìn nó như xe trí (trước thấp sau cao) và ở phía trước mà nhìn nó như xe hiên (trước cao sau thấp) thì xe ấy mới thích hợp điều hòa. 佔 *cát*, dáng tráng kiện. 太原 *Thái nguyên*, tên đất, cũng gọi là Thái lỗ, nay ở huyện Dương Khúc phủ Thái nguyên. 至于太原 *chí vu Thái Nguyên*, ý nói đuổi quân rợ Địch ra khỏi đây mà thôi, không rượt đuổi quá bức. Dao của tiên vương trị những rợ Nhung rợ Địch là như thế. 吉甫 *Cát Phủ* tức là Doãn Cát Phủ, viên đại tướng thời bấy giờ. 憲 *hiến* (đọc *hiên* cho hợp vận), phép.

Không có văn chương thì không lấy gì để dân chúng nhờ cậy được, còn không có vũ khí thì không lấy gì để mà thị uy với quân địch. Phải vừa có văn vừa có vũ, muôn nước phải lấy đó làm phép tắc để trị yên nước.

CHƯƠNG VI

吉甫燕喜

41. Cát Phủ yến hĩ.

既多受祉

42. Kỳ đa thụ祉.

來歸自鎬

43. Lai quy tự hạo

我行永久

44. Ngã hành vĩnh cửu.

飲御諸友

45. ẩm ngự chư hữu.

魚鼈膾鯉

46. Bào biết khoái lý,

侯誰在矣

47. Hầu thù tại hĩ?

Dịch nghĩa

41. Đại tướng Cát Phủ yến ẩm vui vẻ,
42. Đã nhận được nhiều phúc lộc.
43. Từ đất Hạo xa xôi trở về.
44. Ta đi lâu ngày (mà trở về đây),
45. Cho nên ta thết đãi các bạn bè ăn uống.
46. Nào là món ba ba nướng, món gỏi cá gáy,
47. Vậy có ai trong số khách đến dự ấy?
48. Có Trương Trọng là người hiếu với cha mẹ và tốt với bạn bè.

Dịch thơ

*Tướng Cát phủ hân hoan yến tiệc.
Phúc lộc thì hưởng thật đầy đủ.
Từ xa đất Hạo về đây,
Trải qua đằng đẵng bao ngày dài ghê.
Ta thết đãi bạn bè ăn uống.
Gỏi lý ngư, biết nướng cỡ đầy.
Khách thì hỏi có nào ai?
Có Trương Trọng bức thảo ngay, bạn hiền.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 祉 *chỉ*, phước. 御 *ngự*, tiến dâng. 侯 *hầu*, duy, lại. 張仲 *Trương Trọng* là bạn của đại tướng Cát Phủ. 孝 *hiếu*, khéo thờ cha mẹ gọi là hiếu. 友 *hữu* (đọc vĩ cho hợp vận), khéo giao du với bạn bè gọi là hữu.

Đây nói việc đại tướng Cát Phủ yến ẩm vui vẻ, nhận được nhiều phúc lộc. Vì rằng đại tướng từ đất Hạo xa xôi trở về phải đi quá lâu ngày tháng. Cho nên đại tướng mới đem rượu và món ăn lên đãi bạn bè, mà trong số bạn bè ấy có ông Trương Trọng là người hiếu với cha mẹ, tốt với bạn bè. Nói rằng những vị yến tiệc toàn là người hiền để khen Cát Phủ và ca ngợi cuộc yến tiệc ấy.

Thiên lục nguyệt có 4 chương, mỗi chương có 8 câu.

BÀI THỨ 184

CHƯƠNG I

采芑

Thái khỉ. (Đồng cung 5)

薄言采芑

1. Bạc ngôn thái khỉ,

于彼新田

2. Vu bỉ tân điền,

于此畱畝

3. Vu thử trử mẩu.

方叔涖止

4. Phương Thúc ly chỉ.

其車三千

5. Kỳ xa tam thiên.

師干之試

6. Sư can chi thí.

方叔率止

7. Phương Thúc suất chỉ.

乘其四騏

8. Thừa kỳ tứ kỳ.

四騏翼翼

9. Tứ kỳ dực dực.

路車有奭

10. Lộ xa hữu hất,

簟茀魚服

11. Điệm phát ngư phục,

鉤膺鞶革

12. Câu ưng điều cách.

Dịch nghĩa

1. Hãy hái rau khi,

2. Ở đám ruộng mới khẩn hai năm kia

3. Và ở mẫu ruộng mới khẩn một năm này.

4. Tướng Phương Thúc đến duyệt qua.

5. Binh xa của ngài đến ba ngàn cỗ.

6. Quân sĩ nhiều đông mà lại được luyện tập.

7. Tướng Phương Thúc thống lãnh tất cả.

8. Ngài đi chiếc xe có bốn ngựa kỳ màu xanh đen.

9. Bốn ngựa kỳ ấy rất thuận hòa theo thứ tự.

10. Binh xa thì sơn màu đỏ.

11. Có đệm vuông bằng tre bông phủ lên, và có ống tên bằng da cá.

12. Ngựa thì có hai cái móc ở hàm thiết và có dây đai to bằng da buộc ở ngực, đầu dây cương thừa ra thông xuống khi cầm nắm.

Dịch thơ

*Rau khỉ nọ ta đi lật hái,
Khẩn hai năm ruộng ấy, đến nơi,
Đến vùng mới khẩn năm rồi.
Tướng quân Phương Thúc đến thời duyệt qua.
Xe binh nhiều đến ba ngàn chiếc.
 Binh sĩ đông đặc biệt tập thành.
Tướng quân Phương Thúc thống binh.
Đi xe bốn ngựa kỳ xanh đen này.
Có thứ tự thuận bày bốn ngựa.
 Binh xa sơn màu lửa chói hồng.
Ống tên phủ đệm tre bông.
Ngựa đai hàm thiết, buông thông đầu cương.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 芭 *khỉ*, rau đắng, màu xanh trắng, ngắt cái lá thì có mủ trắng chảy ra, khi lên tươi tốt thì có thể ăn sống, cũng có thể chưng mà ăn, tức nay là rau khổ mãi. Cho ngựa ăn cũng được, lúc hành quân thì hái rau ấy, lính và ngựa đều ăn được. 蓐 *tri*, ruộng mới khẩn một năm gọi *tri*, hai năm gọi *tân điền*, ba năm gọi *dư*. 方叔 *Phương Thúc*, tên quan khanh sĩ của Tuyên vương, nhận mệnh lệnh ra làm tướng. 蒞 *ly*, đến. 其車三千 *kỳ xa tam thiên*, binh xa có ba nghìn cỗ, vì theo phép thì mỗi chiếc xe binh (khinh xa) có ba người lính mặc giáp, bảy hai lính đi bộ, có hai năm lính

dem chiếc xe nặng (trọng xa) theo sau, là tất cả chặn một trăm người. Nhưng đây cũng là nói cho hết sức đông đảo, chưa ắt thật đã có dùng đến số ấy. 師 *sư*, đông nhiều. 干 *can*, bảo vệ, chống cự. 試 *thí* (dặc *thì*), tập luyện. Nói đã nhiều đông mà lại được tập luyện. 率 *suất*, thống lãnh cả. 翼翼 *dực dực*, dáng thuận theo thứ tự. 路車 *lộ xa*, xe binh. 旆 *hất*, dáng màu đỏ. 箛箎 *diệm phát*, lấy đệm vuông bằng tre bông phủ lên xe binh. 鈎膺 *câu ưng*, dây cương ở hàm thiết ngựa có cái móc, còn chỗ ngực con ngựa có dây đai to để cột. 條革 *điều cách*, phần đầu dây cương thông xuống từ chỗ tay mình nắm (xem lại thiên *Lục tiêu*).

Thời Tuyên vương rợ Man kinh làm phản, vua sai Phương Thúc đi đánh dẹp phương nam. Quân sĩ đi hái rau khỉ mà ăn, cho nên phô trần việc ấy mà khởi hứng nói rằng: Hái rau khỉ ở đầm ruộng mới khẩn hai năm kia và ở mẫu ruộng mới khẩn một năm này. Tướng quân Phương Thúc đến, binh xa có đến ba ngàn cỗ, quân sĩ rất đông và được luyện tập. Lại nói đến binh xa và chiến mã đẹp đẽ để thấy rằng dung trạng quân đội rất phấn khởi thịnh vượng.

CHƯƠNG II

薄言采芣

13. Bạc ngôn thái khỉ,

于彼新田

14. Vu bỉ tân điền,

于此中鄉

15. Vu thử trung hương.

方叔蒞止

16. Phương Thúc lý chỉ.

其車三千

17. Kỳ xa tam thiên.

旂旐央央

18. Kỳ triệu ương ương

方叔率止

約軹錯衡

八鸞瑱瑱

服其命服

未芾斯皇

有瑱蔥珩

19. Phương thúc xuất chỉ.

20. Ước chỉ thác hành.

21. Bát loan thương thương.

22. Phục kỳ mệnh phục.

23. Chu phát tư hoàng,

24. Hữu thương thông hành.

Dịch nghĩa

13. Hãy hái ra khi,

14. Ở trong ruộng mới khẩn hai năm kia,

15. Và trong ruộng ở làng này.

16. Tướng quân Phương Thúc đến duyệt qua.

17. Bình xa của ngài đến ba ngàn cỗ.

18. Cờ kỳ (vẽ rồng giao kết với nhau), cờ triệu (vẽ con rắn quấn con rùa) đều tươi sáng.

19. Tướng Phương Thúc thống lãnh cả quân đội.

20. Đùm bánh xe thì có bọc da, cây ngang ở đầu gọng xe rằn rịt nhiều màu.

21. Tám cái chuông đeo ở hai bên bốn hàm thiết ngựa khua lên reng reng

22. Tướng quân mặc y phục theo cấp bậc của vua ban

23. Có tám phát đồ chói lọi,

24. Có viên ngọc hành màu xanh khua lên tiếng xoang xoảng.

Dịch thơ

*Hái rau khỉ, đi tìm rau khỉ,
Ruộng hai năm quyết ý tìm ra.
Ruộng làng đến hái gần xa.
Tướng quân Phương Thúc duyệt qua quân tình.
Ba ngàn cỗ xe binh đông đặc,
Cờ triệu kỳ màu sắc tinh anh.
Tướng quân Phương Thúc tổng binh
Đùm xe da bọc, ách xinh nhiều màu.
Tám chuông khua xôn xao mỗi lúc.
Tướng quân dùng nhung phục vua ban,
Phát màu đỏ chói rõ ràng,
Ngọc hành xanh biếc dịu dàng nghe khua.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc húng. 中鄉 *trung hương*, làng dân ở thì ruộng ở đây càng được sãn sóc hơn. 約 ước, cột. 軹 *chỉ* cái dùm bánh xe. Lấy da cột bó cái dùm của cỗ binh xa và lấy màu đỏ trang sức lên. 錯 *thác*, rắc. 轡 *loan*, chuông đeo ở hai bên hàm thiết ngựa, mỗi bên mép một cái. Có bốn ngựa kéo xe thì được 8 cái chuông. 琤琤 *thương thương*, tiếng chuông khua reng reng. 命服 *mệnh phục*, y phục của thiên tử ban theo cấp bậc. 朱芾 *chu phát*, tám phủ che đầu gối màu vàng và màu đỏ. 皇 *hoàng* như 煌煌 *hoàng hoàng*, rực rỡ. 琤 *thương*, tiếng ngọc khua. 蔥 *thông*, xanh như màu cây hành.

衡 hành (đọc hàng cho hợp vận), viên ngọc đầu tiên đặt ngang trong một râu ngọc. Theo kinh Lễ, làm quan bậc tam mệnh thì được tám phát đỏ, viên ngọc hành xanh.

CHƯƠNG III

- | | |
|---------|----------------------------|
| 鸢 彼 飛 隼 | 25. Duật bỉ phi chuẩn, |
| 其 飛 戾 天 | 26. Kỳ phi lệ thiên. |
| 亦 隼 愛 止 | 27. Diệc tập viên chỉ. |
| 方 叔 涖 止 | 28. Phương Thúc ly chỉ, |
| 其 車 三 千 | 29 Kỳ xa tam thiên. |
| 師 千 之 試 | 30. Sư can chi thí. |
| 方 叔 率 止 | 31. Phương Thúc suất chỉ, |
| 鉦 人 伐 鼓 | 32. Chinh nhân phạt cổ. |
| 陳 師 鞠 旅 | 33. Trần sư cúc lữ. |
| 顯 允 方 叔 | 34. Hiển doãn Phương Thúc. |
| 伐 鼓 淵 淵 | 35. Phạt cổ uyên uyên. |
| 振 旅 闐 闐 | 36. Chấn lữ diên diên. |

Dịch nghĩa

25. Con chim cắt kia bay mau.
26. Nó bay vút lên tận trời.

27. Rồi tụ chung lại ở chỗ đậu (như quân sĩ nhanh nhẹn tiến tới và lui về có tiết độ).

28. Tướng Phương Thúc đến duyệt qua.

29. Binh xa của ngài đến ba ngàn cỗ.

30. Quân sĩ đã đông nhiều mà lại được luyện tập.

31. Tướng Phương Thúc đã thống lãnh cả quân đội.

32. Người đánh chiêng đánh trống.

33. Dàn quân ra, đọc lời thề răn dạy quân sĩ.

34. Để quân sĩ tin tưởng rõ ràng tướng Phương Thúc.

35. Đánh trống nghe từng từng để quân sĩ tiến tới.

36. Khi đánh xong thu quân, cũng đánh trống để quân đi trở về vị trí.

Dịch thơ

Bay mau tha kia con chim cắt!

Nó vút lên tận sát lưng trời,

Tụ chung một chỗ mà thôi.

Tướng quân Phương Thúc đến thời duyệt qua.

Xe binh nhiều đến ba ngàn cỗ.

Đông đảo thay quân số luyện binh!

Tướng quân Phương Thúc thống binh.

Trống chuông khua đánh rập rình khắp nơi.

Dàn quân ra đọc lời thề dạy.

Để quân tin tưởng soái chỉ huy.

Tùng tùng trống giục quân đi.

Chiến xong đánh trống biết khi lui về.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 隼 *tuấn* (quen đọc *chuẩn*), giống chim cắt thuộc loại ó, bay rất mau. 戾 *lệ*, đến. 爰 *viên*, ở. 鉦 *chinh*, cái chiêng, một thứ chuông có cán, cái nao, cái trạc. 伐 *phạt*, đánh. Đánh chiêng để quân sĩ yên định, đánh trống để quân sĩ hoạt động phấn đấu. Chuông trống đều có người đánh, nhưng ở đây nói người đánh chiêng lại đánh trống (chinh nhân phạt cổ), đây là câu văn lẫn lộn. 鞠 *cúc*, cáo cho biết. 師 *sư*, sư đoàn có 2500 người. 旅 *lữ*, lữ đoàn có 500 người.

Đây nói lúc sắp xáp chiến, dàn quân ra để đọc lời thề răn dạy các tướng sĩ biết mà tuân theo. Nói dàn quân ra và đọc lời thề răn dạy quân sĩ (trần sư cúc lữ) cũng là câu văn lẫn lộn. 淵淵 *uên uên* (đọc *uân uân* cho hợp vận), tiếng trống điều hoà không phải tiếng trống hung bạo giận dữ, nói lúc xáp chiến khiến quân sĩ tiến tới. 振 *chấn*, dừng 旅 *lữ* quân sĩ. Nói đánh xong khiến quân sĩ dừng lại để thu quân.

Truyện *Xuân thu* nói rằng: Tiến quân ra gọi là *trị binh*, thu quân vào gọi là *chấn lữ*, là đây. 闐闐 *điền điền* (đọc *dần* cho hợp vận), cũng là tiếng trống, hoặc nói là dánh nhiều thịnh. Trình tử nói rằng: Thu quân về cũng đánh trống để đi đánh chiêng để dừng.

Nói rằng chim cắt bay vút đến trời rồi cùng tụ chung ở chỗ đậu, để khởi hứng quân sĩ rất đông nhiều mà tới lui có tiết độ, như đoạn văn sau đã nói.

Chú giải của Chu Hy

歟 *duật*, dánh bay mau.

CHƯƠNG IV

- | | |
|-------|-----------------------------|
| 蠡爾蠻荆 | 37. Xuân nhĩ Man kinh, |
| 大邦爲讎 | 38. Đại bang vi thù. |
| 方叔元老 | 39. Phương Thúc nguyên lão, |
| 克壯其猶 | 40. Khắc tráng kỳ du. |
| 方叔率止 | 41. Phương Thúc suất chỉ, |
| 執訊獲醜 | 42. Chấp tấn hoạch xú. |
| 戎車嘽嘽 | 43. Nhung xa than than. |
| 嘽嘽 焯焯 | 44. Than than thôi thôi. |
| 如霆如雷 | 45. Như đình như lôi. |
| 顯允方叔 | 46. Hiển doãn Phương Thúc. |
| 征伐玁狁 | 47. Chinh phạt Nghiêm doãn. |
| 蠻荆來威 | 48. Man Kinh lai uy. |

Dịch nghĩa

37. Rợ Man ở Kinh châu chúng bầy quá ngu xuẩn,
38. Lại lấy nước to là nước Tàu làm thù địch.
39. Tướng Phương Thúc tuy là bậc đại lão,
40. Nhưng về bàn mưu định chước thì người còn tráng kiện lắm.
41. Tướng Phương Thúc thống lãnh cả quân đội.

42. Bắt được quân giặc mà tra tấn và bắt được đồng bọn rất đông.

43. Binh xa của ngài rất nhiều.

44. Đã nhiều mà lại sung túc hừng khởi.

45. Uy vũ như sấm như sét.

46. Rõ là đáng tin tướng Phương Thúc.

47. Đã đánh dẹp rợ Bắc Địch.

48. Cho nên quân rợ Man ở Kinh châu nghe tiếng đã khiếp sợ mà hàng phục.

Dịch thơ

Rợ Kinh châu chúng bày ngu dại.

Làm địch thù chống lại bang ta.

Tướng quân Phương Thúc tuy già

Bày mưu định chước tài ba siêu quần.

Tướng Phương Thúc, ba quân thống suất

Khảo tra tù và bắt rất đông.

Binh xa điệp điệp trùng trùng,

Đã nhiều mà lại hăng lòng đấu tranh.

Khi uy vũ lôi đình chấn động

Phương tướng quân tài trọng đáng tin.

Bắc phương rợ Địch an bình.

Thầy đều khiếp phục, rợ Kinh châu này.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 蠢 *xuẩn*, đáng ngu dại, hành động mà không biết là thế nào. 蠻荆 *Man Kinh*, rợ ở Kinh châu. 大邦 *đại bang*, nước to nói nước Tàu. 元 *nguyên*, to, lớn. 猶 *du*, mưu. Nói Phương thúc tuy già mà bàn mưu định chước thì người còn tráng kiện lắm. 肉肉 *than than*, đông. 焮焮 *thôi thôi*, thịnh. 霆 *đinh*, tiếng sấm nhanh. Phương Thúc vì thường có công đánh dẹp rợ Địch phương bắc, cho nên giặc rợ ở Kinh châu nghe tiếng đều khiếp sợ đến hàng phục.

Thiên Thai khi có 4 chương, mỗi chương 12 câu.

BÀI THỨ 185

CHƯƠNG I

車攻

Xa công. (Đồng cung 5)

我車既攻

1. Ngã xa ký công,

我馬既同

2. Ngã mã ký đồng.

四牡龐龐

3. Tứ mẩu lung lung,

駕言徂東

4. Giá ngôn tồ Đông.

Dịch nghĩa

1. Xe của ta đã vững chắc
2. Ngựa của ta đã đồng đều
3. Bốn con ngựa đực đều mạnh mẽ,

4. Thắng vào để đi sang Đông Đô.

Dịch thơ

Xe của ta nay đều vững chắc,

Ngựa của ta cũng rất chọn đồng.

Bốn con ngựa đực mãnh hùng,

Thắng vào để chạy sang vùng Đông Đô.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 攻 công, chắc chắn. 同 đồng, đều, đều ngang nhau. *Mao thi truyện* nói rằng: Về cúng tế nơi tông miếu thì phải chọn những con vật cùng một mẫu lông với nhau, chuộng nhất là những con cùng một sắc (không lang không đốm). Về vũ bị chọn những con vật (ngựa) có sức mạnh đồng nhau, chuộng nhất là những con mạnh mẽ. Về đi săn thì chọn những con vật (chó săn, ngựa) chân chạy đồng nhau, chuộng nhất là những con chạy nhanh. 龐龐 lung lung, dáng đầy đủ mạnh khoẻ. 東 đông, Đông Đô, tức là Lạc ấp.

Chu Công làm tướng quốc cho Thành vương, dựng Lạc ấp làm Đông đô để chư hầu về châu. Khi nhà Chu suy, lễ châu của chư hầu ấy bị phế bỏ đã lâu. Đến Tuyên vương trong lo việc chính trị, lo dẹp trừ rợ Nhung rợ狄, khôi phục lại lãnh thổ của Văn vương và Vũ vương, sửa sang xe ngựa, chuẩn bị khí giới, tụ tập chư hầu về châu trở lại Đông Đô. Nhân những cuộc đi săn mà tuyển lựa binh xa và quân sĩ. Cho nên làm bài thơ này để khen tặng.

Chương đầu là những lời nói rộng về lúc sắp sang Đông đô.

CHƯƠNG II

田車既好 \

5. Điền xa ký hảo,

四牡孔阜

6. Tứ mẩu khổng phụ,

東有甫草

7. Đông hữu Phủ thảo.

駕言行獮

8. Giá ngôn hành thú.

Dịch nghĩa

5. Xe để đi sẵn đã tốt,

6. Bốn con ngựa đực kéo xe rất to lớn.

7. Phía đông có cái tràm Phủ thảo.

8. Thắt ngựa vào xe mà đi sẵn.

Dịch thơ

Xe đi sẵn nay đã tốt thật,

Bốn ngựa to trông rất uy hùng.

Cái tràm Phủ thảo phía đông.

Thắt xe vào để tã cùng đi sẵn.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 田車 *điền xa*, xe để đi sẵn. 好 *hảo* (đọc hầu cho hợp vận), tốt. 阜 *phụ*, thịnh đại lớn lao. 甫草 *Phủ thảo*, tức là Phủ điền, về sau là đất nước Trịnh, nay là cái tràm Bồ điền ở phía tây huyện Trung mầu, phủ Khai phong. Trong thời Tuyên vương chưa có nước Trịnh, cái

trăm Bồ điền thuộc phần đất của thiên tử ở Đông Đô, cho nên mới nói là đi đến Phủ điền.

Chương này chỉ cái trăm Bồ điền là nơi sắp đến để đi săn.

CHƯƠNG III

之子于苗

9. Chi tử vu miêu,

選徒囂囂

10. Toán đồ ngao ngao.

建旄設旄

11. Kiến triệu thiết mao,

搏獸于敖

12. Bác thú vu Ngao.

Dịch nghĩa

9. Quan lại đi theo săn bắn,

10. Tiếng đếm lính để đi săn nghe ồn ào.

11. Dựng cờ triệu (có vẽ hình con rắn quấn con rùa) và cờ mao (có gắn lông đuôi bò ở đầu gù).

12. Để săn bắt thú ở đất Ngao.

Dịch thơ

Theo săn bắn có nhiều quan chức,

Đếm lính nghe tiếng thực ồn ào.

Dựng lên cờ triệu cờ mao,

Để săn bắt thú đất Ngao mà dùng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 之子 *chi tử*, quan hữu tư, quan lại. 苗 *miêu* (đọc *mao* cho hợp vận), tên chung của những cuộc đi săn. 選 *soán*, kể, đếm. 嚚嚚 *ngao ngao*, tiếng nhiều người ồn ào. Đếm xe, đếm lính đem theo đi săn rất đông. Và lại xe và lính thì không có tiếng ồn ào, chỉ có người đếm là có tiếng ồn ào, thì lại thấy rằng quân lính rất yên lặng nghiêm chỉnh. 放 *Ngao*, tên đất gần Vinh Dương.

Chương này nói đến Đông Đô, đếm lính để đi săn.

CHƯƠNG IV

- | | |
|------|-------------------------|
| 駕彼四牡 | 13. Giá bĩ tứ mẩu, |
| 四牡奕奕 | 14. Tứ mẩu dịch dịch. |
| 赤芾金舄 | 15. Xích phát kim tích, |
| 會同有繹 | 16. Hội đồng hữu dịch. |

Dịch nghĩa

13. Thắt bốn con ngựa đực vào xe.
14. Bốn con ngựa đực ấy phân bày ra.
15. Chư hầu mặc phát đỏ, giày đỏ có nạm vàng.
16. Cùng đến Đông đô, phân bày hàng liệt theo thứ tự để châu thiên tử.

Dịch thơ

*Bốn ngựa đực thấy đều được thắt,
Bốn ngựa đều ngay ngắn sắp hàng.*

Phất màu đỏ, giày nạm vàng,

Chư hầu hội hợp đàng hoàng châu vua.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 奕奕 *dịch dịch*, phân bày liên lạc nhau. 赤芾 *xích phất*, tấm che đầu gối của chư hầu màu đỏ. 金舄, *kim tích*, giày đỏ có gấn vàng để trang sức cho đẹp, cũng là đồ trang phục của chư hầu. 會 *hội*, cuộc gặp gỡ bất thường. 同 *đồng*, cuộc gặp gỡ đông người. 繹 *dịch*, đáng bày ra liên lạc với nhau.

Chương này nói chư hầu cùng đến chầu ở Đông đô.

CHƯƠNG V

決拾既攸

17. Quyết thập ký thứ,

弓矢既調

18. Cung thi ký điều,

射夫既同

19. Xa phu kỹ đồng,

助我舉柴

20. Trợ ngã cử tứ.

Dịch nghĩa

17. Khoen để nắm dây cung và miếng da để che cánh tay đều đầy đủ.

18. Cung và tên đã xúng hợp với nhau.

19. Những tay thiện xạ cũng đã hiệp nhau.

20. Giúp ra lượm những cầm thú bắn được để chát đông lại.

Dịch thơ

Đầy đủ miếng che tay, khoen bắn.

Vừa xứng nhau đã sẵn tên cung.

Những tay thiện xạ hợp cùng,

Giúp ta lượm xác thú chồng chất cao.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 決 *quyết*, cái khoen bằng xương voi đeo vào ngón tay cái của tay mặt để nắm dây cung mà dương lên bắn. 拾 *thập*, miếng bằng da mang ở cánh tay trái để che chở làn da vào lớp áo cho thuận dây cung, cho nên cũng gọi là loại (遂 *loại* là thuận). 伙 *thư* (đọc *tử*), sánh với nhau. 調 *điều* (đọc *đồng* cho hợp vận), điều hoà, nói cung mạnh hay yếu, tên nặng hay nhẹ điều hoà xứng hợp với nhau. 射父 *xạ phu*, những người bắn giỏi theo hộ vệ cho chư hầu lúc đi châu thiên tử. 同 *đồng*, hiệp nhau lại. 柴 *tử*, sách *Thuyết văn* nói là chữ *tỹ*, chất lên. Nói cầm thú bắn được để chất đông lại. Khiến những người đi theo chư hầu giúp đỡ để lượm đem về, ý nói săn bắn được rất nhiều.

Chương này nói đã hợp nhau ở buổi châu rồi thì cùng đi săn.

CHƯƠNG VI

四黃既駕

21. Tứ hoàng ký giá,

兩驂不猗

22. Lưỡng sam bất ý,

不失其馳

23. Bất thất kỳ trì.

Dịch nghĩa

21. Bốn con ngựa vàng đã thắng vào xe.
22. Hai con ngựa thắng ở bìa thì không nghiêng lệch.
23. Chạy đúng theo phép.
24. Và hễ buông tên bắn là trúng ngay.

Dịch thơ

*Bốn ngựa vàng thầy đều được thắng.
Hai con bìa chạy chẳng nghiêng nào.
Chạy đều đúng phép cùng nhau.
Hễ buông tên bắn, phập vào trúng ngay.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 猗 猗 (đọc á cho hợp vận), nghiêng lệch không ngay. 馳 騑 (đọc đoạ cho hợp vận), phép đánh ngựa chạy. 舍 矢 如 破 *xả thí như phá*, buông tên mà bắn thì trúng, nói bắn giỏi mà mạnh. Tô thị nói rằng: Người đánh xe và người bắn tên không giỏi mà theo phép bất chánh thì bắn được, nếu không theo phép bất chánh thì không bắn được. Nay người đánh xe đã giữ đúng phép tắc (không theo phép bất chánh) mà người bắn hễ buông tên ra thì trúng ngay, thì có thể nói đều là bậc giỏi đánh xe và bắn tên cả.

Chương này nói đi sẵn mà thấy được sự giỏi giẩn của kẻ đánh xe và người bắn tên.

CHƯƠNG VII

- | | |
|------|------------------------|
| 蕭蕭馬鳴 | 25. Tiêu tiêu mã minh, |
| 悠悠旆旌 | 26. Du du bại tinh. |
| 徒御不驚 | 27. Đồ ngự bất kinh. |
| 大庖不盈 | 28. Đại bào bất doanh. |

Dịch nghĩa

25. Ngựa hí nhàn nhã.
26. Cờ bay tha thuột lạng lẽ.
27. Lính đi bộ và quan đánh xe không ai dám kinh động ồn ào.
28. Phần thịt làm bếp cho vua không đầy đủ.

Dịch thơ

Tiếng ngựa hí nghe chiều nhàn nhã.

Bóng cờ bay ảo lả thùng dung.

Bộ binh, quan ngự lạnh lùng.

Bếp vua, phần thịt thì không đủ đầy.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 蕭蕭 *tiêu tiêu*, 悠悠 *du du* đều là dáng nhàn hạ. 徒 *đồ*, lính đi bộ. 御 *ngự*, người đánh xe. 驚 *kinh* (như chữ *kinh* dùng trong câu *dạ quân trung kinh* ở sách *Hán thư*) là kinh động huyền não. 不驚 *bất kinh*, nói so

sánh với lúc xong cuộc đi săn, không ồn ào huyền ảo. 大庖 *đại bào*, nhà bếp của vua. 不盈 *bất doanh*, không đầy, ý nói lấy cầm thú săn được để làm bếp rất có pháp độ, không muốn lấy nhiều. Vì rằng đời xưa đi săn, những cầm thú hạ được, những con nào bị bắn trúng thẳng vào mặt thì không được dâng lên vua, những con nào bị bắn trúng ngược từ phía trước thì không được dâng lên vua. (Phép đi săn ngày xưa là phải đánh xe rượt đuổi cầm thú mà bắn xuôi theo từ phía sau, chỗ không được ở một bên bắn ngược trúng vào từ phía trước. Và những cầm thú còn nhỏ bé thì không được dâng lên vua. Những cầm thú bị bắn hạ đúng phép ấy lại được vua lựa phân ra làm 3 hạng: 1 Những con vật bị mũi tên bắn từ bên hông trái xuyên qua chỏ vai mặt (ngang qua trái tim, con vật chết ngay thì thịt ngon hơn hết) được làm thịt hạng nhất để làm thịt khô lập trường mà cúng tế ở tông miếu. 2 Những con vật bị mũi tên bắn xuyên qua góc lỗ tai mặt (bị trúng xa trái tim, con vật chết hơi chậm, thì thịt hơi kém ngon) được làm thịt hạng nhì để cho tân khách. 3 Những con vật bị mũi tên bắn từ đuôi bên trái xuyên qua sườn bên mặt (bị trúng ở hông, con vật lâu chết thì thịt không ngon) được làm thịt hạng ba để nấu bếp cho vua (Vì rằng vua phải tôn trọng tông miếu của tiên vương, kính nể tân khách, rồi sau mới nghĩ đến mình). Những cầm thú săn được mỗi loại chỉ lấy 30 con, mỗi hạng thịt 10 con (thịt hạng nhất 10 con, thịt hạng nhì 10 con, thịt hạng ba 10 con). Còn những con thừa ra thì cho các quan khanh sĩ đại phu tập bắn ở nơi xa trường (trạch cung, chỗ tập bắn), người nào bắn trúng thì được lấy. Cho nên đi săn tuy được nhiều cầm thú, mà nhà bếp của vua thì không đầy là vì thế. Trương Tử nói rằng: Cổ bàn tuy nhiều mà không có dư là vì được chia đều cho mọi người theo pháp độ. Phàm việc gì có pháp độ, thì sao lại còn lo là không đồng đều được?

Theo thuyết xưa: 不驚 *bất kinh* là kinh hãi (sao chẳng kinh hãi?). 不盈 *bất doanh* là đầy (sao chẳng đầy?), giải như thế cũng thông.

Chương này nói về lúc xong cuộc săn bắn được nghiêm trang, ban cấp cảm thú cho mọi người được đồng đều.

CHƯƠNG VIII

之子于征

29. Chi tử vu chinh.

有聞無聲

30. Hữu vấn vô thanh.

允矣君子

31. Doãn hĩ quân tử,

展也大成

32. Triển dã đại thành.

Dịch nghĩa

29. Các vị ra đi để săn bắn,

30. (Quân sĩ đi theo rất nghiêm bính) biết quân đi mà không nghe tiếng ồn ào.

31. Đáng tin thay bậc quân tử!

32. Thành thực thay việc đại thành công của vua để tạo được cảnh thái bình!

Dịch thơ

Các vị cùng ra đi săn ấy,

Biết quân đi chẳng thấy ồn ào.

Lòng tin quân tử dồi dào.

Đại thành công ấy xiết bao nhân tình!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 允 doãn, tin 展 triển, thành thật. Biết quân đi mà không nghe tiếng ồn ào, nói rất là nghiêm kính (vì có mặt vua).

Đáng tin thay bậc quân tử!

Thành thật thay việc đại thành công của vua đã tạo được cảnh thái bình!

Chương này tổng kết từ đầu đến cuối cuộc đi săn để khen tặng sâu xa.

Thiên Xa công có 8 chương, mỗi chương 4 câu.

Lấy từ chương V trở về sau mà khảo xét, thì e rằng nên gộp thành 4 chương, mỗi chương 8 câu.

BÀI THỨ 186

CHƯƠNG I

吉日

Cát nhật. (Đồng cung 6)

吉日維戊

1. Cát nhật duy Mậu.

既伯既禱

2. Ký bá ký đạo.

田車既好

3. Điền xa ký hảo.

四牡孔阜

4. Tứ mẩu khổng phú,

升彼大阜

5. Thăng bĩ đại phú,

從其群遄

6. Tòng kỳ quần xú.

Dịch nghĩa

1. Ngày tốt là ngày lễ, ngày mậu.
2. Đã cúng tế và cầu đảo thần sao Mã tổ.
3. Cho nên xe đi sẵn đã chắc, đã tốt.
4. Và bốn con ngựa đực rất mạnh mẽ.
5. Chạy lên trên gò to kia,
6. Đuổi theo bầy cầm thú để săn bắn.

Dịch thơ

*Ngày tốt lành là nhằm ngày mậu,
Sao ba thì tế đảo xong xuôi.
Xe đi sẵn chắc chắn rồi,
Bốn con ngựa đực đồng thời mạnh thay!
Gò to kia chạy ngay trên ấy
Kịp đuổi theo bầy lấy thú cầm.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 戊 mậu, ngày lễ (Trong 10 ngày theo thập can, có 5 ngày lễ là: giáp bính, mậu, canh, nhâm). 伯 bá, sao Mã tổ, gọi là sao Thiên tử, thần sao Phòng tinh. 醜 xú, bầy bọn đông đảo, nói bầy cầm thú.

Đây cũng là bài thơ về Tuyên vương.

Nói rằng: Cuộc đi săn sắp dùng đến sức ngựa, cho nên chọn ngày tốt tế thần sao Mã tổ mà cầu đảo. Tế xong thì xe chắc ngựa mạnh có thể lướt qua những nơi hiểm trở để đuổi

theo cầm thú. Lấy chương sau mà suy, thì ngày ấy là ngày
mậu thìn chẳng?

CHƯƠNG II

- | | |
|------|-----------------------|
| 吉日庚午 | 7. Cát nhật canh ngọ, |
| 既差我馬 | 8. Ký sai ngựa mã. |
| 獸妝獬同 | 9. Thú chi sở đồng, |
| 塵鹿虞虞 | 10. U lộc ngữ ngữ. |
| 漆沮之從 | 11. Tất tư chi tùng, |
| 天子之所 | 12. Thiên tử chi sở. |

Dịch nghĩa

7. Ngày tốt là ngày canh ngọ, ngày lễ,
9. Đã lựa chọn ngựa cho ta.
9. Chỗ nào cầm thú tụ lại.
10. Chỗ nào hươu đực cái có nhiều,
11. Hãy đến bên sông Tất tư,
12. Nơi ấy đáng cho thiên tử đến sẵn.

Dịch thơ

*Ngày tốt là nhằm ngày canh ngọ,
Ngựa của ta đâu đó chọn xong.
Nơi nào cầm thú tụ đông,*

Hươu thì đực cái gom chung nhiều bầy.

Sáng Tất tư đến ngay bên ấy,

Thiên tử nên đến đấy để săn.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 庚午 *canh ngọ*, ngày canh ngọ, ngày lẻ. 差 *sai*, chọn, chọn ngựa theo chân chạy mau chậm đồng nhau. 同 *đồng*, tụ lại. 麇 *u*, con nai cái. 虞虞 *ngũ ngũ*, đông nhiều. 漆沮 *Tất Tư*, tên sông, ở phía bắc sông Kinh sông Vị trong vùng đất kinh kỳ ở tây đô, gọi là sông Lạc Thủy, nay từ Diên vĩ chảy vào Phú phường, đến Đông châu chảy vào sông Hoàng Hà.

Ngày mậu thìn (ở chương trên) đã cúng tế cầu đảo xong, đến ngày thứ ba là ngày canh ngọ, bèn lựa chọn ngựa để cỡi, xem chỗ nào cầm thú tụ lại, chỗ nào hươu đực hươu cái thật nhiều mà đuổi theo. Chỉ có bên sông Tất tư là nhiều hơn hết, đáng là chỗ thiên tử đến săn.

CHƯƠNG III

瞻彼中原

13. Chiêm bỉ trung nguyên,

其祁孔有

14. Kỳ kỳ khổng hữu.

儻儻 俟俟

15. Tiêu tiêu sĩ sĩ.

或群或友

16. Hoặc quân hoặc hữu.

悉率左右

17. Tất suất tả hữu.

以燕天子

18. Dĩ yến thiên tử.

Dịch nghĩa

13. Xem trong cánh đồng bằng kia,
14. Có nhiều con thú rất to.
15. Con thì chạy mau, con thì đi chậm.
16. Hoặc nhóm ba con, hoặc nhóm hai con.
17. Lại đốc suất kẻ tả hữu giúp công vào lửa đuổi,
18. Để thiên tử bắn được làm vui.

Dịch thơ

*Hãy nhìn xem cánh đồng bằng nọ,
Thú lớn cao thì có nhiều thay!
Chạy mau, bước chậm đó đây,
Nhóm ba con, hoặc nhóm hai khắp đồng,
Khiến tả hữu ra công đuổi lại.
Để cho vua bắn lấy làm vui.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 中原 *trung nguyên* tức là *nguyên trung*, trong khoảng đồng bằng. 祁 *kỳ*, to lớn. 儻儻 *tiêu tiêu*, xua lướt tới. 俟俟 *sī sī* (đọc *vī vī*), chậm chậm. Lướt tới thì mau gấp còn bước đi thì từ từ. 群 *quần*, bày thú 3 con gọi *quần*, 友 *hữu* (đọc *uī* cho hợp vận), bày thú hai con gọi *hữu*. 燕 *yến*, vui.

Nói rằng những bậc đi theo vua thấy bày thú kia đông đảo, mới đốc suất kẻ đồng sự đi theo mọi người đều giúp tay vào việc để làm vui cho thiên tử.

CHƯƠNG IV

- | | |
|------|-------------------------|
| 既張我弓 | 19. Kỵ trường ngà cung, |
| 既挾我矢 | 20. Kỵ hiệp ngà thì, |
| 發彼小豕 | 21. Phát bĩ tiểu ba. |
| 殪此大兕 | 22. Ý thử đại tự |
| 以御賓客 | 23. Dĩ ngự tân khách. |
| 且以酌醴 | 24. Thả dĩ chúc lễ. |

Dịch nghĩa

19. Đã giương cung của ta,
20. Đã cấp (kẹp vào nách) tên của ta.
21. Bắn vào con heo nái kia.
22. Bắn một phát chết tốt con tự, loài bò rừng to này.
23. Để đãi tân khách,
24. Và uống rượu ngọt.

Dịch thơ

*Cung của ta đã giương lên gấp,
Tên của ta đã cấp dưới tay.
Bắn vào heo nái trúng ngay,
Một tên chết tốt tự này lớn cao.
Để đãi khách anh hào ta đấy,
Rượu ngọt thì cũng lấy uống chung.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 發 *phát*, bắn tên ra. 豕 *ba*, con heo nái. 殪 *y*, bắn một phát mà giết chết gọi ý 咒 *tự* (đọc ly hợp vận), con tự, loài bò rừng. Nói là bắn rất tài, bắn con vật nhỏ thì trúng ngay (vật nhỏ bắn khó trúng) và bắn con vật to thì giết chết ngay (con vật to dễ trúng nhưng lâu chết). 御 *ngự*, tiến dâng cho. 醴 *lễ*, tên một thứ rượu. Theo *Chu quan* có 5 cách để chế rượu cách thứ 2 là *lễ trai*, chua rằng khi rượu lễ đã thành thì nước rượu và cặn rượu, lẫn lộn nhau (không cất lấy hơi, cho nên rất ngọt) như nước cơm rượu bây giờ.

Nói rằng bắn để bắt cầm thú làm thịt, đãi tân khách dùng mà uống rượu lễ ngọt ấy.

Thiên Cát nhật có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

Họ Lữ ở Đông Lai nói rằng: Thiên *Xa công* và thiên *Cát nhật* sở dĩ là khôi phục nên nếp cũ là tại vì sao? Vì rằng lễ đi săn mùa xuân, mùa đông là để thấy việc vũ bị của vua được khôi phục, để thấy thực lực quân đội của vua đã hưng thịnh, để thấy pháp luật trong quân đội của vua được nghiêm chỉnh, để thấy tình thân ái giữa người trên và kẻ dưới, để thấy việc chính trị của vua được chu đáo. Muốn nhận rõ công nghiệp của quân thần văn vũ, thì đây cũng đủ để xem xét được.

BÀI THỨ 178

CHƯƠNG I

鴻雁

Hồng nhạn. (Đồng cung 7)

鴻雁于飛

1. Hồng nhạn vu phi,

肅肅其羽

2. Túc túc kỳ vũ.

之子于征

3. Chi tử vụ chinh.

劬勞于野

4. Cù lao vu dã.

爰及矜人

5. Viên cập cang nhân,

哀此鰥寡

6. Ai thử quan quả.

Dịch nghĩa

1. Chim hồng chim nhạn bay đi
2. Cánh vỗ nghe sần sạt.
3. Dân chúng lưu lạc bỏ đi.
4. Bị khổ đau bệnh tật ở ngoài đồng nội.
5. Vua nói rằng: Phải đoái đến những kẻ đáng thương xót.
6. Mà đau đớn cho những người già cả trợ trọi không vợ không chồng này.

Dịch thơ

Bay đi chim nhạn chim hồng

Cánh khua sần sạt khi tung lên trời.

Bỏ đi dân chúng lạc loài.

Khổ đau bệnh tật ở ngoài đồng hoang,

Đoái thương những kẻ lang thang,

Xót người quan quả, lòng càng đớn đau,

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. Chim 鴻 *hông* và chim 雁 *nhạn* giống nhau, nhưng chim hồng thì to, chim nhạn thì nhỏ. 肅肅 *túc túc*, tiếng cánh vỗ. 之子 *chi tử*, những người dân lưu lạc gọi nhau. 征 *chinh*, đi. 劬勞 *cù lao*, bệnh tật khổ đau, 矜 *căng*, thương xót. 鰥 *quan*, già mà không vợ. 寡 *quả*, già mà không chồng.

Theo thuyết xưa, khoảng giữa đời nhà Chu bắt đầu suy kém, muôn dân ly tán, Chu Tuyên vương mới giúp đỡ dân lưu lạc đem về cho ở yên một nơi. Cho nên dân lưu lạc ấy vui mừng làm bài thơ này, kể lại việc thuở trước mà nói rằng: Chim hồng chim nhạn bay đi, tiếng vỗ cánh nghe sần sật. Dân chúng lưu lạc bỏ đi thì bị khổ đau bệnh tật ở ngoài đồng nội. Mà những kẻ khổ đau bệnh tật ấy đều là những người già cả trơ trọi không vợ không chồng đáng xót thương.

Nhưng nay cũng chưa nhận được gì để thấy rõ là thơ về vua Tuyên vương cả. Ba chương sau cũng phỏng theo đấy.

Chương này thuộc hứng là ý nói chim hồng chim nhạn bay đi về nam, bỏ phương bắc lạnh lẽo đến miền ấm áp, cũng như dân chúng lưu lạc được gom lại định cư ở một nơi yên ổn. 爰 *viên*, nói rằng.

CHƯƠNG II

鴻雁 于飛

7. Hồng nhạn vu phi,

集于中澤

8. Tập vu trung trạch.

之子于垣

9. Chi tử vu viên.

百堵皆作

10. Bách đố giai tác.

雖則劬勞

11. Tuy tắc cù lao.

Dịch nghĩa

7. Chim hồng chim nhận bay đi.
8. Đậu chung vào trong đầm.
9. Người dân lưu lạc lo xây tường.
10. Hàng trăm bức tường đều được làm xong.
11. Nay tuy lao nhọc.
12. Mà rốt cuộc sẽ được nhà cửa để ở yên.

Dịch thơ

*Chim hồng chim nhận tung bay,
Giữa đầm đã thấy cả bầy đậu chung,
Xây tường dân đã lo cùng.
Tường hàng trăm bức làm xong hoàn toàn.
Nay tuy lao khổ gian nan.
Rốt cùng nhà cửa sống an sau này.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 中澤 *trung trạch* (đọc đặc) tức là *trạch trung*, ở trong cái đầm, cái đầm. Tường dài 1 trượng gọi 板 bản, tường dài 5 bản gọi 堵 đồ. 究 cứu, cuối cùng.

Dân lưu lạc tự nói với nhau rằng: Chim hồng chim nhận tụ tập ở trong đầm để khởi hứng việc chúng mình được nơi yên ổn và xây cất nhà cửa mà ở. Hôm nay tuy lao khổ (vì việc xây cất) nhưng rốt cuộc chúng mình được chốn bình yên mà sống.

CHƯƠNG III

鴻雁 于飛	13. Hồng nhạn vu phi,
哀鳴嗷嗷	14. Ai minh ngao ngao.
維此哲人	15. Duy thử triết nhân.
謂我劬勞	16. Vị ngã cù lao.
維彼愚人	17. Duy bỉ ngu nhân,
謂我宣驕	18. Vị ngã tuyên kiêu.

Dịch nghĩa

- 13. Chim hồng chim nhạn bay đi.
- 14. Kêu bi thương ngao ngao.
- 15. Chỉ những người có trí hiểu biết.
- 16. Nói là ta vì lao khổ.
- 17. Còn những kẻ ngu dại kia,
- 18. Thì nói ta bày tỏ lòng kiêu căng.

Dịch thơ

*Chim hồng chim nhạn bay đi.
Kêu lên những tiếng ai bi rạt rào.
Chỉ người minh mẫn trí cao
Vừa nghe liền hiểu ta đau xót đời.
Còn người ngu dại đương thời
Nói ta bày tỏ những lời kiêu căng.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tử. Dân lưu lạc lấy việc chim hồng chim nhạn kêu bi thương để tự ví mà làm bài ca này. 哲 *triết* người có trí hiểu biết. 永 *thị*, bày tỏ ra. Người có trí nghe ta ca biết là do nỗi cực nhọc khổ đau. Người không có trí nói ta nhàn hạ mà bày tỏ lòng kiêu căng.

Hàn thị nói rằng: *Lao giả ca ký sự* (Người lao nhọc đem việc khổ đau của mình ra mà ca hát.)

Thơ Ngụy phong, thiên *Viên hữu đào* cũng nói: *Ngã ca thả dao, Bất trí ngã giả. Vị ngã sĩ dã kiêu.* (Ta hát chung và lại hát riêng một mình, kẻ không hiểu ta, nói ta kiêu căng...)

Đại để lời ca phần nhiều là do nỗi lao khổ mà thốt ra, mà người không hiểu biết lại thường cho là kiêu căng.

Thiên Hồng nhạn có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 188

CHƯƠNG I

庭燎	Đình liệu. (Đồng cung 8)
夜何其	1. Dạ như hà cơ
夜未央	2. Dạ vi ương.
庭燎之光	3. Đình liệu chi quang
君子至止	4. Quân tử chí chỉ,
鸞聲將將	5. Loan thanh tương tương.

Dịch nghĩa

1. Đêm đã thế nào (còn sớm hay đã muộn)?
2. Đêm chưa đến giữa khuya.
3. Mà cây đuốc to đã thấy thấp sáng.
4. Chư hầu đã đến.
5. Có tiếng lạc ngựa leng keng.

Dịch thơ

Đêm nay đã thế nào kia?

Đêm thì chưa đến giữa khuya đấy mà.

Ngoài sân đuốc cháy sáng lò.

Chư hầu cũng đã dần dà đến nơi.

Leng keng lạc ngựa liên hồi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 其 cơ, ngữ từ, tiếng đệm theo câu văn không có nghĩa. 央 ương, chính giữa. 庭燎 đình liệu, cây đuốc to. Chư hầu đến triều kiến thiên tử thì quan tư huy (coi về lửa) lấy 100 thân cây gộp lại mà bó rồi đặt ở trong cửa để đốt làm đuốc. 君子 quân tử, chư hầu. 將將 thương thương, tiếng lạc ngựa khua.

Thiên tử sắp dậy để ra châu, nằm ngủ không yên, mới hỏi đêm còn sớm hay muộn rồi: Đêm thế nào vậy thay? Đêm tuy chưa đến lúc giữa khuya, mà cây đuốc đã thấp sáng. Chư hầu tiến châu đã đến cho nên nghe được tiếng lạc ngựa đó đấy.

CHƯƠNG II

夜如何其	6. Dạ như hà cơ?
夜未艾	7. Dạ vī ngải.
庭燎晰晰	8. Đình liệu chế chế.
君子至止	9. Quân ử chí chí,
鸞聲噓噓	10. Loan thanh huý huý.

Dịch nghĩa

6. Đêm đã thế nào (còn sớm hay đã muộn)?
7. Đêm chưa dứt.
8. Cây đuốc to cháy đã lu lu.
9. Chư hầu đã đến.
10. Tiếng lạc ngựa đã nghe gần gần chậm chậm.

Dịch thơ

*Thế nào kia hồi đêm nay?
Đêm thì chưa dứt còn dài âm u.
Đuốc to đang cháy lu lu.
Đã nghe quân tử chư hầu đến nơi.
Lạc khua chậm chậm gần rồi.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 艾 ngải (đọc *nghe* cho hợp vận), dứt hết. 晢晢 *chế chế*, lu lu không sáng lắm. 噓噓 *huý huý*, đã kể gần bên mà nghe tiếng đi chậm chậm có tiết độ.

CHƯƠNG III

夜如何其	11. Dạ như hà cơ?
夜鄉農	12. Dạ hướng thẩn.
庭燎有輝	13. Đình liệu hữu huy.
君子至止	14. Quân tử chí chỉ.
言觀其旂	15. Ngôn quan kỳ kỳ.

Dịch nghĩa

11. Đêm đã thế nào (còn sớm hay đã muộn)?
12. Đêm đã gần sáng.
13. Cây đuốc to cháy đã thấy rõ cả lửa lẫn khói rồi.
14. Chư hầu đã đến.
15. Đang xem những lá cờ kỳ (có vẽ hình hai con rồng giao nhau).

Dịch thơ

Đêm nay đã thế nào rồi?

Đêm thì gần sáng đến nơi đấy mà.

Đuốc to lửa khói lộ ra.

Chư hầu lũ lượt nay đã tới đây.

Đứng xem kỳ xí chừng bày.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 鄉晨 *hương thân*, gần sáng. 輝 *huân*, khí lửa. Trời gần sáng, cây đuốc cháy đã thấy khói và lửa lộn nhau (đêm tối không thấy khói, trời sáng thì thấy khói).

Chư hầu đã đến mà xem những lá cờ kỳ, thì trời đã sáng tỏ có thể phân biệt rõ ràng màu sắc.

Thiên Đình liệu có 3 chương, mỗi chương 5 câu.

BÀI THỨ 189

CHƯƠNG I

沔水

Miến thủy. (Đồng cung 9)

沔彼流水

1. Miến bĩ lưu thủy,

朝宗于海

2. Triều tông vu hải.

馭彼飛隼

3. Duật bĩ phi chuẩn.

載飛載止

4. Tái phi tái chỉ.

嗟我兄弟

5. Ta ngã huynh đệ!

邦人諸友

6. Bang nhân chư hữu.

莫肯念亂

7. Mạc khǎng niệm loạn.

誰無父母

8. Thuỳ vô phụ mẫu?

Dịch nghĩa

1. Dòng nước chảy đầy tràn kia,
2. Tuôn chảy ra biển.
3. Con chim cất bay vút kia,
4. Khi thì bay khi thì đậu.
5. Than ôi! Anh em của ta.
6. Người trong nước và bạn bè của ta.
7. Lại chẳng nhớ nghĩ đến loạn lạc.
8. Ai lại không có cha mẹ (Loạn lạc đến thì khổ sở sẽ đến với cha mẹ mà phải lo buồn)?

Dịch thơ

*Đầy tràn dòng nước cuộn trôi,
Chảy tuôn ra tận biển khơi trùng trùng.
Con chim cất bay tung lướt ấy,
Khi bay, khi đậu lại thanh thoi.
Này anh em của ta ôi!
Thân bằng, trong nước những người đó đây.
Lại chẳng nghĩ những ngày loạn rối.
Không mẹ cha thử hỏi có ai?*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 沔 miễn, nước chảy đầy. Chu hầu đến châu thiên tử vào mùa xuân gọi *triều* 朝, vào mùa hạ gọi *tông* 宗.

Đây là bài thơ buồn đời loạn lạc. Nói rằng dòng sông còn chảy ra biển (con sông nhỏ đến biển to, như chu hầu đến châu thiên tử), con chim cất bay vút kia có còn có chỗ đậu.

Còn anh em, bằng hữu của ta lại không chịu nhớ nghĩ đến loạn lạc. Riêng ai lại không có cha mẹ hay sao? Đến thời loạn lạc thì lo buồn những nỗi khổ sở sẽ đến với cha mẹ, như vậy há lại không lo nghĩ hay sao?

CHƯƠNG II

沔彼流水

9. Miễn bỉ lưu thủy,

其流湯湯

10. Kỳ lưu thương thương.

馱彼飛隼

11. Duật bỉ phi chuẩn,

載飛載揚

12. Tái phi tái dương.

念彼不跡

13. Niệm bỉ bất tích,

載起載行

14. Tái khởi tái hành,

心之憂矣

15. Tâm chi ưu hĩ.

不可弭忘

16. Bất khả mỹ vong.

Dịch nghĩa

9. Dòng nước chảy đầy tràn kia

10. Nhấp nhô sóng cuốn đi.

11. Con chim cất bay vút kia

12. Khi thì bay khi thì cất lên.

13. Nhớ đến những kẻ không theo đạo nghĩa kia.

14. Thì ta khi đứng dậy khi bước đi, bức rức không thể nào rảnh rang để ở yên được.

15. Lòng ta ưu lo.

16. Không thể nào ngăn và quên được.

Dịch thơ

*Cuốn trôi dòng nước đầy tràn,
Nhấp nhô đợt sóng, muôn làn xôn xao.
Con chim cất bay cao vút ấy,
Khi thì bay, khi lại cất lên.
Nhớ người đạo nghĩa lãng quên.
Đứng đi bức rức nào yên rảnh gì.
Lòng ta cứ sầu bi nào nuốt.
Không thể nào ngăn được và quên.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 湯湯 *thương thương*, dâng nhiều sóng cuốn đi. 不蹟 *bất tích*, không noi theo đạo nghĩa. 載起載行 *tái khởi tái hành* (đọc *hàng* cho hợp vận), khi dậy khi đi, nói quá nhớ lo mà không còn rảnh rang để ở yên nữa. 弭 *mỹ*, dừng, ngăn.

Nước đầy nhiều thì chim cất bay lên, để khỏi hứng lòng nhớ nghĩ không thể nào quên được.

CHƯƠNG III

- | | |
|-------|-------------------------|
| 歟 彼飛隼 | 17. Duật bỉ phi chuẩn. |
| 率彼中陵 | 18. Suất bỉ trung lăng. |
| 民之訛言 | 19. Dân chi ngoa ngôn. |
| 寧莫之懲 | 20. Ninh mạc chi trừng. |

我友敬矣

21. Ngã hữu kính hĩ.

讒言其興

22. Sàm ngôn kỳ hưng.

Dịch nghĩa

- 17. Con chim cất bay vút kia,
- 18. Còn noi theo ở trong gò nông.
- 19. Còn lời dối trá của dân
- 20. Lại không bị ngăn cấm.
- 21. Bạn của ta là người cung kính.
- 22. Lại bị lời gièm pha khởi lên.

Dịch thơ

*Con chim cất cú bay nhanh,
Thế mà còn thấy liệng quanh nông gò.
Lời dân chúng nhỏ to gian nguy
Chẳng cấm ngăn trừng trị thế này?
Bạn ta cung kính thẳng ngay
Bạn ta cung kính thẳng ngay
Lời gièm pha cứ dấy dậy khởi lên.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 率 suất, noi theo. 訛 ngoa, nguy dối. 懲 trừng, ngăn lại.

Con chim cất bay cao còn noi theo gò nông (để bắt chim khác mà ăn) còn lời dối trá của dân lại không bị ngăn cấm. Cho nên bạn của ta thành thật là rất cung kính để giữ lấy mình, mà lời gièm pha lại khởi lên từ đâu vậy?

Bắt đầu là lo buồn cho người, rồi cuối cùng xét lại mình.

Thiên Miên thủy có 3 chương, 2 chương 8 câu và 1 chương 6 câu.

Nghi là đáng phải 3 chương, mỗi chương 8 câu, vì chương cuối thấy mất 2 câu đầu.

BÀI THỨ 190

CHƯƠNG I

鶴鳴

Hạc minh. (Đồng cung 10)

鶴鳴于九皋

1. Hạc minh vu cửu cao,

聲聞于野

2. Thanh văn vu dã,

魚潛在淵

3. Ngư tiềm tại uyên.

或在于渚

4. Hoặc tại vu chử.

樂彼之園

5. Lạc bỉ chi viên!

愛有樹檀

6. Viên hữu thụ đàn.

其下維蘄

7. Kỳ hạ duy thác.

它山之石

8. Tha sơn chi thạch

可以爲錯

9. Khả dĩ vi thác.

Dịch nghĩa

1. Con hạc kêu ở cõi xa nơi chín đầm.
2. Tiếng còn nghe ra xa ngoài đồng nội.

3. Con cá lặn ở vực sâu.
4. Hoặc ở nơi bãi cạn.
5. Vui thích thay cái vườn kia!
6. Có trồng cây đàn,
7. Dưới gốc cây đàn ấy có lá rụng.
8. Đá của hòn núi xa lạ kia.
9. Có thể làm đá mài dao.

Dịch thơ

Chín đầm con hạc kêu vang
 Tiếng còn văng vẳng vọng sang cánh đồng.
 Chốn vực sâu vô cùng cá lặn.
 Hoặc những nơi bãi cạn chốn này.
 Cái vườn nọ thích vui thay!
 Cây đàn kia đã trồng đầy nơi nơi.
 Rụng dưới gốc tơ bởi những lá.
 Núi xa kia hòn đá ấy thì.
 Mài dao dùng được ngại chi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tỷ. 鴈 *hạc*, tên chim hạc, cổ dài, mình cao, chân dài, đỉnh đầu màu đỏ, mình lông trắng, cổ và đuôi lông đen, tiếng kêu nghe cao mà trong rõ, nghe xa 8 hay 9 dặm. 陂 *cao*, đầm, nước trong đầm tràn ra thành vực, từ ngoài mà vào phải qua 9 cái đầm như thế, ý nói chỗ xa xôi. 擗 *thác*, rơi rụng. 錯 *thác*, đá mài dao.

Bài thơ này làm ra, không biết do vì đâu, nhưng ắt là lời trần bày điều thiện và thấu nhận lời răn dạy.

Vì rằng chim hạc kêu ở ngoài xa chỗ chín đầm, mà tiếng còn nghe được ở ngoài đồng nội, ý nói là thành thật không thể nào bưng bít tiếng kêu của nó được.

Con cá lặn trong vực sâu, hoặc nơi bãi cạn, ý nói cái lẽ vô định không ở chắc một chỗ nào.

Trong vườn có trồng cây đàn, dưới gốc thì có lá rụng, ý nói là thương mến ai cũng phải biết những điều xấu của người ấy.

Đá của hòn núi xa lạ kia có thể làm đá mài dao, ý nói là ghét kỵ ai thì cũng phải biết những điều tốt của người ấy.

Do bốn việc ấy (con hạc, con cá, cây đàn, đá núi) mà dẫn ra so sánh mà suy rộng, thì cái lẽ của thiên hạ cũng có thể hiểu biết gần đúng như thế.

CHƯƠNG II

- | | |
|-------|--------------------------|
| 鶴鳴于九皋 | 10. Hạc Minh vu cửu cao, |
| 聲聞于天 | 11. Thanh vấn vu thiên, |
| 魚在于渚 | 12. Ngư tại vu chử. |
| 或潛在淵 | 13. Hoặc tiềm tại uyên. |
| 樂彼之園 | 14. Lạc bỉ chi viên, |
| 愛有樹檀 | 15. Viên hữu thụ đàn, |
| 其下維穀 | 16. Kỳ hạ duy cốc. |
| 它山之石 | 17. Tha sơn chi thạch. |
| 可以攻玉 | 18. Khả dĩ công ngọc. |

Dịch nghĩa

10. Con hạc kêu ở cõi chín đầm xa xôi,
11. Tiếng kêu nghe vắng ở trời cao,
12. Con cá lặn ở bãi cạn,
13. Hoặc ở vực sâu.
14. Vui thích thay cái vườn kia.
15. Có trồng cây đàn!
16. Dưới gốc cây đàn ấy có cây cóc là loại cây xấu.
17. Đá của hòn núi xa lạ kia.
18. Có thể dùng để mài ngọc.

Dịch thơ

*Chín đầm con hạc kêu lên,
Tiếng nghe vắng vắng vút trên lưng trời.
Con cá lặn ở nơi bãi cạn,
Hoặc có khi chìm hẳn vực sâu.
Vườn kia vui thích xiết bao!
Cây đàn đã thấy trồng vào nơi đây.
Cây cóc xấu lên ngay dưới cội.
Phiến đá kia trên núi phương xa.
Dùng để mài ngọc được mà.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tử. 穀 cóc, tên thứ cây xấu, có một tên nữa đó là cây trử. 玦 công, mài.

Trình tử nói rằng: Hòn ngọc mà chơn bóng mà vật tuyệt đẹp của thiên hạ. Hòn đá thô tệ là vật xấu của thiên hạ. Nhưng hai hòn ngọc mài vào nhau không thể nào tự thành

được. Lấy đá mà mài ngọc thì viên ngọc mới hoàn thành. Cũng như người quân tử ở với kẻ tiểu nhân, việc trái ngược cứ diễn thêm ra, rồi sau mới tu tĩnh kiên dè, tấm lòng mới cảm phát, tính tình mới nhẫn nại, biết thêm ý đề phòng, mà nghĩa lý phát sinh ra, đạo đức được thành tựu. Đó là những điều mà ta nghe được ở ông Thiệu tử.

Thiên hạc minh có 2 chương, mỗi chương 9 câu.

Đồng cung chi thập có 10 thiên, 40 chương, 259 câu.

4. KỶ PHỦ CHI THẬP

(Mười thiên thuộc phần thơ Kỳ phủ)

BÀI THỨ 191

CHƯƠNG I

祈父

Kỳ phủ. (Kỳ phủ I)

祈父

1. Kỳ phủ!

予王之爪牙

2. Di vương chi trảo nha

胡轉予于恤

3. Hồ chuyển dư vu tuất?

靡所止居

4. Mỹ sở chỉ cư.

Dịch nghĩa

1. Này quan Kỳ phủ!
2. Chúng tôi là quân dũng mãnh của vua.
3. Sao ông lại dời chuyển chúng tôi vào địa điểm quá ưu phiền.
4. Khiến chúng tôi không có nơi nào dừng ở cả.

Dịch thơ

Này quan Kỳ phủ hỡi ngài!

Tôi là nanh vuốt vua đây rõ ràng.

Chốn ưu phiền bị đổi sang

Không nơi dừng ở khiến càng xót đau.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 祈父 *Kỳ phủ*, chức quan tư mã cầm giữ binh giáp trong chốn phong kỳ, cho nên lấy đó làm tước hiệu. Thiên Tử u cáo trong kinh *Thư* nói *Kỳ phủ bạc vi* (quan tư mã phải ngăn chặn kẻ làm nghịch) là đây. 予 *dư*, ta, tiếng của quân sĩ trong 6 quân tự xưng (theo Chu lễ, một quân có 22.500 người. Thiên tử có 6 quân, nước to có 3 quân, nước nhỏ có 2 quân nước nhỏ hơn hết có 1 quân). Hoặc nói rằng chức *tư hữu* 司右 là thuộc lính hổ bên dũng mãnh để theo vua mà hộ vệ. 爪牙 *chảo nha*, móng vuốt và răng nanh của chim thú dùng để ra oai. Quân dũng mãnh theo vua để thị oai. 恤 *tuất*, lo buồn.

Quân sĩ oán hận việc quân dịch quá lâu ngày, cho nên gọi quan Kỳ phủ (Tư mã) mà nói rằng:

Chúng tôi là quân dũng mãnh của vua, mà ông sao lại rời chuyển chúng tôi vào địa điểm quá ưu phiền khiến chúng tôi không có chỗ nào dừng ở cả vậy?

CHƯƠNG II

祈父

5. Kỳ phủ!

予王之爪士

6. Dư vương chi thảo sĩ.

胡轉予于恤

7. Hồ chuyển dư vu tuất?

靡所匠止

8. Mỹ sở để chỉ.

Dịch nghĩa

5. Này quan Kỳ phủ!

6. Chúng tôi là quân dũng mãnh của vua.

7. Sao ông lại dời chuyển chúng tôi vào địa điểm quá ưu phiền?

8. Khiến chúng tôi không có nơi nào đến để ở được cả.

Dịch thơ

Này quan Kỳ phủ ngài ơi!

Trảo nha thiên tử, chúng tôi đây mà.

Chốn ưu phiền bị đổi ra,

Không nơi đến ở thật là đơn đau.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 爪士 trảo sĩ, trảo nha chi sĩ, quân dũng mãnh. 底 để, đến.

CHƯƠNG III

祈父

9. Kỳ phủ!

置不聰

10. Đản bất thông.

胡轉予于恤

11. Hồ chuyển dư vu tuất?

Dịch nghĩa

9. Này quan Kỳ phủ!

10. Ông thật là không thông minh.

11. Sao ông lại dời chuyển chúng tôi vào địa điểm quá ưu phiền?

12. Khiến mẹ chúng tôi phải lo việc nấu nướng vì không ai phụng dưỡng nữa.

Dịch thơ

Hỡi quan Kỳ phủ, hỡi quan!

Ngài là người thật chẳng toàn thông minh.

Chốn ưu phiền dời ra đành.

Mẹ già kia phải chịu nhọc quanh bếp lò.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 亶 *đản*, thành thật đáng tin. 尸 *thi*, chủ. 饔 *ung*, đồ ăn chín. Ý nói không được phụng dưỡng mẹ, khiến mẹ trái lại phải chủ trì công việc lao khổ nấu nướng món ăn.

Họ Lữ ở Đông Lai nói rằng: Vua Câu Tiễn nước Việt đánh nước Ngô khiến những người lính nào còn cha mẹ già và không có anh em được trở về. Công tử Vô Kỵ nước Ngụy cứu nước Triệu cũng khiến những người lính nào là con một không có anh em được trở về phụng dưỡng cha mẹ. Thì ngày xưa những người có cha mẹ già mà không có anh em được khỏi phải đi đánh giặc, hẳn đã có phép tắc sẵn rồi. Cho nên ở đây quân lính mới trách quan tư mã là người không thông

minh. Ý nói cái phép ấy người người đều nghe biết, chỉ riêng chỉ có một mình ông là không nghe biết hay sao? Ông lại lừa chúng tôi vào quân đội, khiến cha mẹ chúng tôi không tránh khỏi việc lao khổ về củi nước nặng nhọc trong nhà. Chỉ trách quan Tư mã mà không dám trách vua.

Thiên Kỳ phủ có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

Bài Tự theo sách *Mao thi* cho là bài thơ châm biếm vua Chu Tuyên vương. Thuyết ấy lại cho là Chu Tuyên vương trong năm thứ 39 đánh giặc ở Thiên mầu, quân nhà vua bị quân Rợ Nhung họ Khương đánh bại, cho nên quân sĩ than oán mà làm bài thơ này.

Họ Lữ ở Đông Lai nói rằng: Lời của Thiên tử Tấn can vua Linh vương: (Từ những tiên vương nhà Chu ta là Lệ vương, Tuyên vương, U vương, Bình vương bị tai họa của trời đến nay cũng chưa dứt). Tuyên vương là vua đã trung hưng vương thất, lại bị kẻ trung với U vương, Lệ vương, thì lời nói ấy tuy cũng là quá đáng. Xem xét sự châm biếm của bài thơ này, thì lời nói của thái tử Tấn lại không có lý do ư?

Nhưng nay khảo xét lời văn của bài thơ này thì chưa có gì để thấy rõ ắt là lời nói về Chu Tuyên vương cả.

Thiên sau cũng phỏng theo đây.

BÀI THỨ 192

CHƯƠNG I

白駒

Bạch câu. (Kỳ phủ 2)

皎皎白駒

1. Kiểu kiểu bạch câu,

食我場苗

2. Thực ngã trường miêu.

繫之維之

3. Chấp chi duy chi.

以永今朝

4. Dĩ vĩnh kim triêu.

所謂伊人

5. Sở vị y nhân.

於焉逍遙

6. Ỡ yên tiêu diêu.

Dịch nghĩa

1. Ngựa tơ lông trắng tinh anh,
2. Hễ ăn mạ ở trong vườn của ta,
3. Thì ta cột chân, cột cổ lại,
4. Để lưu người hiền ấy lại suốt buổi sáng này.
5. Cho người hiền mà mình nói đó
6. Cứ dạo chơi ở nơi đây.

Dịch thơ

Ngựa tơ lông trắng đẹp thay!

Hễ ăn lúa mạ vườn này của ta.

Cột chân cổ, kíp mà giữ lại.

Chờ sáng này lưu mãi người hiền.

Để người mình nói ấy liền.

Thành thơ đi dạo khắp miền vui chơi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 皎皎 *kiểu kiểu*, sạch sẽ trong trắng. 駒 *câu*, ngựa tơ chưa mạnh mẽ, ngựa của người hiền cưỡi. 場 *trường*, cái vườn. 繫 *chấp*, cột chân lại. 維 *duy*, lấy sợi

dây cương mà cột lại. 永 vĩnh, lâu dài. 伊人 *y nhân*, chỉ người hiền. 逍遙 *tiêu diêu*, dạo chơi.

Người làm bài thơ này, thấy người hiền bỏ đi hết mà không thể lưu lại được, cho nên mượn cớ rằng: hễ thấy con ngựa của người hiền ấy ăn mạ ở trong vườn của ta thì ta sẽ cột lại, để lưu người hiền ấy suốt buổi sáng này, khiến người hiền ấy cứ đi dạo ở nơi đây mà không bỏ đi được. Cũng như người đời sau cầm khách ở lại bằng cách nói chốt đầu trục xe xuống giếng.

CHƯƠNG II

皎皎白駒

7. Kiếu kiếu bạch câu.

食我場藿

8. Thực ngã trường hoắc.

繫之維之

9. Chấp chi duy chi.

以永今夕

10. Dĩ vĩnh kim tịch.

所謂伊人

11. Sở vị y nhân.

於焉嘉客

12. Ư yên gia khách.

Dịch nghĩa

7. Ngựa tơ lông trắng tinh anh,
8. Hễ ăn rau hoắc trong vườn của ta.
9. Thì ta cột chân cột cổ lại,
10. Để lưu người hiền ấy suốt đêm nay.
11. Cho người hiền mà mình nói đó.
12. Làm khách quý ở nơi đây.

Dịch thơ

*Ngựa tơ trắng muốt sắc lông,
Hễ ăn rau hoắc ở trong vườn mình,
Cột cổ, chân ta nhanh giữ lại,
Để lưu người hiền ấy đến nay.
Cho người mình đã nói đây.
Làm trang khách quý chôn nầy cùng ta.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 藿 *hoắc*, rau hoắc, rau xoàng, như nói mạ non ở chương trên. 夕 *tịch* (đọc *dược* cho hợp vận), đêm, như nói buổi sáng ở chương trên. 嘉客 *gia khách* (đọc *khác* cho hợp vận), khách tốt, như nói đạo chơi ở chương trên.

CHƯƠNG III

- | | |
|------|-------------------------|
| 皎皎白駒 | 13. Kiểu kiểu bạch câu, |
| 賁然來思 | 14. Bí nhiên lai tư. |
| 爾公爾葦 | 15. Nhĩ công nhĩ hầu. |
| 逸豫無期 | 16. Dật dự vô kỳ. |
| 慣爾優游 | 17. Thận nhĩ ưu du? |
| 勉爾遁思 | 18. Miễn nhĩ dộn tư. |

Dịch nghĩa

13. Ngựa tơ lông trắng tinh anh.
14. Nếu người rạng rỡ ấy trở lại.
15. Thì người sẽ làm tước công tước hầu,
16. Và nhân nhâ an vui không hạn định.
17. Chớ nhân du đi dạo chơi.
18. Chớ quyết lẩn tránh bỏ đi.

Dịch thơ

Ngựa tơ lông sắc trắng tinh.

Nếu người rạng rỡ thuận tình về đây.

Tước công hầu thì ngài sẽ dâng,

Để thanh nhàn yên lặng lâu dài.

Nhàn du chớ quá miệt mài.

Bỏ đi ở ẩn quyết nài chớ nên.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 責然 *bí nhiên* (bôn nhiên), đáng loè loẹt rực rỡ, hoặc nói là đáng đến gấp. 思 *tư* (đọc ti theo thích âm), nghĩ từ, tiếng đệm không có nghĩa. 爾 *nhĩ*, người chỉ người hiền cười con ngựa bạch. 慎 *thận*, chớ quá. 勉 *miễn*, chớ quyết. 遁思 *độn tư* (đọc ti theo chính âm, tiếng đệm không có nghĩa), như ý nói bỏ đi.

Nói người hiền cười con ngựa bạch ấy, nếu chịu trở lại, thì sẽ được làm tước công tước hầu mà nhân hạ yên vui không hạn định. Cũng như nói: nếu thử lại đây, lớn thì sẽ làm tước vương, nhỏ cũng tước hầu, lẽ nào lại quá ham ngao du, quyết lòng chốn tránh mà rốt cuộc chẳng đoái hoài đến ta vậy thay!

Bởi vì lòng yêu người hiền tha thiết mà không biết rằng tước quý kia vốn không đủ để ràng buộc. Lưu lại rất khổ công mà không đoái tưởng đến chí nguyện của người hiền không được toại.

CHƯƠNG IV

- | | |
|-------|-------------------------|
| 皎皎白駒 | 19. Kiếu kiếu bạch câu. |
| 在彼空谷 | 20. Tại bỉ không cốc. |
| 生芻一束 | 21. Sinh sô nhất thúc. |
| 其人如玉 | 22. Kỳ nhân như ngọc. |
| 毋金玉爾音 | 23. Vô kim ngọc nhĩ âm. |
| 而有遐心 | 24. Nhi hữu hà tâm. |

Dịch nghĩa

19. Ngựa tơ lông trắng tinh anh,
20. Đi vào trong hang trống kia.
21. Một bó cỏ tươi cho ngựa ăn.
22. Đức hạnh của người ấy đẹp như ngọc.
23. Chớ quý trọng lời nói của ngài như vàng như ngọc
(mà không thông tin tức cho nhau).
24. Mà cố lòng xa cách ta.

Dịch thơ

Ngựa tơ lông sắc trắng ngần.

Nay thì đã bước vào lần hang không.

Mớ cỏ tươi bó xong cho ngựa,
Đức hạnh người đẹp tựa ngọc giồi
Chớ như vàng ngọc quý lời,
Để lòng đành đoạn cách vời bỏ ta.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Người hiền quyết bỏ đi không thể nào lưu lại được. Cho nên mới than thở cho người hiền ấy cỡi con ngựa bạch đi vào trong hang trống mà bỏ mớ cỏ tươi cho ngựa ăn. Đức hạnh của người ấy đẹp như ngọc, vì rằng người đã đi xa không thể nào thân cận được nữa. Nhưng dầu sao cũng còn hy vọng là tin tức hằng nghe được lẫn nhau chớ chưa bị đứt hẳn. Cho nên mới nói với người hiền ấy rằng: Ngài chớ quý trọng (quá tiếc) lời nói tin tức của ngài có lòng mà lìa xa ta vậy.

Thiên bạch câu có 4 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 193

CHƯƠNG I

黃鳥

Hoàng diều. (Kỳ phủ 3)

黃鳥黃鳥

1. Hoàng diều, hoàng diều,

無集于谷

2. Vô tập vu cốc,

無啄我栗

3. Vô trác ngã túc

此邦之人

4. Thử bang chi nhân

不我肯穀

5. Bất ngã khăng cốc.

言旋言歸

6. Ngôn tuyền ngôn quy,

復我邦族

7. Phục ngã bang tộc.

Dịch nghĩa

1. Chim hoàng ly chim hoàng ly
2. Chớ đậu lên cây cốc
3. Chớ mổ ập lúa của ta
4. Nếu người trong nước này.
5. Không chịu lấy đạo lành ở với ta,
6. Thì ta sẽ trở về.
7. Ta quay lại nước nhà và thân tộc của ta.

Dịch thơ

Chim hoàng ly chim hoàng ly hỡi!

Nhành cốc kia, chớ tới đậu đây,

Lúa ta chớ mổ nghe mày.

Nếu người ở chỗ nước này cùng nhau.

Với ta chẳng chút nào tốt cả.

Thì ta liền vội vã chớ về.

Quay cùng thân thích nơi quê

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tỹ. 穀 cốc (ở câu 2), tên một thứ cây.
穀 cốc ở câu 5, lành, tốt. 旋 tuyền, trở về. 復 phục, trở lại.

Dân chúng đi sang nước khác mà không được yên nơi, mới làm bài thơ này, mượn lời gọi chim hoàng ly mà nói với nó rằng: mày chớ đậu trên cây cóc mà mổ ăn lúa của ta. Nếu người trong nước này không lấy đạo lành ở với ta, thì ta sẽ không lâu sẽ bỏ nơi này mà trở về.

CHƯƠNG II

黃鳥黃鳥

8. Hoàng diều hoàng diều,

無集于桑

9. Vô tập vu tang,

無啄我梁

10. Vô trác ngã lương.

此邦之人

11. Thử bang chi nhân.

不可與明

12. Bất khả dĩ minh.

言旋言歸

13. Ngôn tuyền ngôn quy.

復我諸兄

14. Phục ngã chư huynh.

Dịch nghĩa

8. Chim hoàng ly chim hoàng ly

9. Chớ đậu trên cây dâu,

10. Chớ mổ ăn hạt kê của ta.

11. Nếu người trong nước này.

12. Không thể chiều cố đến ta.

13. Thì ta sẽ trở về.

14. Ta quay lại với các anh ta.

Dịch thơ

*Chim hoàng ly hoàng ly my nhớ
Nhành dâu kia thì chớ đậu cùng.
Kê ta my chớ mổ dùng.
Nếu mà dân chúng ở trong nước này.
Bỏ ta chẳng đoái hoài chi cả.
Thì ta liền vội vã về ngay,
Cùng anh ta lại xum vầy.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tỷ.

CHƯƠNG III

- | | |
|------|----------------------------|
| 黃鳥黃鳥 | 15. Hoàng diểu hoàng diểu, |
| 無集于栩 | 16. Vô tập vu hử |
| 無啄我黍 | 17. Vô trác ngã thử. |
| 此邦之人 | 18. Thử bang chi nhân |
| 不可與處 | 19. Bất khả dữ xử |
| 言旋言歸 | 20. Ngôn tuyên ngôn quy, |
| 復我諸父 | 21. Phục ngã chư phụ. |

Dịch nghĩa

15. Chim hoàng ly chim hoàng ly,
16. Chớ đậu lên cây hủ,
17. Chớ mổ ăn nết của ta.
18. Nếu người trong nước này.
19. Không thể ở với ta.
20. Thì ta sẽ trở về.
21. Ta quay lại với cha ta.

Dịch thơ

Chim hoàng ly, hoàng ly này nhé!

Nhành hủ kia chớ ghé đậu đây,

Nết ta chớ mổ ăn ngay!

Nếu người ở chỗ nước này cùng nhau.

Với ta chẳng thể nào ởặng.

Thì ta về đây thẳng tức thời,

Quay về ở với cha thôi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tỷ.

Thiên Hoàng điệu có 3 chương, mỗi chương 7 câu.

Họ Lữ ở Đông Lai nói rằng: Cuối đời Tuyên vương dân chúng có người thất sở không có chỗ nương thân, tưởng rằng đến nước khác có thể ở yên được. Nhưng đến khi tới rồi lại thấy không bằng nơi cố hương, cho nên nhớ nhà mà muốn trở về.

Vua tuyên vương đã khiến dân đến nỗi như thế, thật khác với lúc vua đã đem dân trở về cho an cư đoàn tụ (xem lại thiên *Hồng nhan*, bài thứ 187).

Nay xét lời văn của bài thơ này chưa đến chỗ nào là thuộc về thời Chu Tuyên vương, thiên sau đây cũng thế.

BÀI THỨ 194

CHƯƠNG I

我行其野

Ngã hành kỳ dã. (Kỳ phủ 4)

我行其野

1. Ngã hành kỳ dã,

蔽芾其樛

2. Tế phát kỳ xu.

昏姻之故

3. Hôn nhân chi cố,

言就爾居

4. Ngôn tựu nhĩ cư.

爾不我畜

5. Nhĩ bất ngã súc,

復我邦家

6. Phục ngã bang gia

Dịch nghĩa

1. Em đi trong đồng nội ngoài xa
2. Tự che thân bằng những cây xu.
3. Vì nghĩa vợ chồng
4. Mà em đến ở với chàng.
5. Nhưng chàng chẳng nuôi em,
6. Thì em trở về nước nhà của em.

Dịch thơ

Ngoài xa em bước ngang đồng.

Cây xu em đã lấy dùng che thân.

Vợ chồng vì mối nghĩa ân.

Cho nên em chẳng ngại ngần theo anh.

Chẳng nuôi em, anh nỡ đành.

Nước nhà, em phải khởi hành về ngay.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 樗 xu, một thứ cây xấu. 婚姻 hôn nhân, cha chồng, cha vợ, hai sui gia gọi nhau là hôn nhân. 畜 súc nuôi.

Người dân đi sang nước khác, tựa vào nghĩa vợ chồng, nhưng lại thấy không được thương xót đến, cho nên làm bài thơ này. Nói rằng: Em đi trong đồng nội, tựa vào những cây xu mà che thân, cho nên nhớ đến tình nghĩa vợ chồng, mới theo chàng mà ở. Nhưng chàng lại không nuôi em, thì em sẽ trở về nước nhà của em.

CHƯƠNG II

我行其野

7. Ngã hành kỳ dã,

言采其蓫

8. Ngôn thái kỳ trục.

婚姻之故

9. Hôn nhân chi cố,

言就爾宿

10. Ngôn tựu nhĩ túc.

爾不我畜

11. Nhĩ bất ngā súc.

言歸斯復

12. Ngôn quy tư phục.

Dịch nghĩa

7. Em đi ngoài đồng nội ngoài xa.

8. Nói là hái rau trúc.

9. Vì nghĩa nhân duyên với nhau

10. Mà em đến ở với chàng.

11. Nhưng chàng không nuôi em.

12. Thì em trở về (nơi cố hương).

Dịch thơ

Em lần đi giữa cánh đồng.

Nói rằng rau trúc, hái cùng đó đây.

Vợ chồng vì nghĩa duyên này.

Với chàng, em đến sum vầy ở chung.

Nuôi em, chàng hẳn đã không,

Cố hương em trở lại cùng từ đây.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 筴 trúc, rau ngư đồi, loại rau xấu nay người ta gọi là rau dương đề.

CHƯƠNG III

我行共野

13. Ngā hành kỳ dã,

言采其菘

14. Ngôn thái kỳ phúc.

不思舊姻

15. Bất tư cựu nhân,

求爾新特

16. Cầu nhĩ tân đặc.

成不以富

17. Thành bất dĩ phú,

亦祗以異

18. Diệc chi dĩ dị.

Dịch nghĩa

13. Em đi ngoài đồng nội ngoài xa,

14. Nói là hái rau phúc.

15. Chàng không nhớ nghĩ đến nhân duyên xưa.

16. Đi tìm lấy người vợ mới của chàng.

17. Thành thật chẳng vì lẽ nàng ấy giàu.

18. Thì cũng chỉ vì nàng ấy mới lạ (còn em thì cũ xưa

rồi).

Dịch thơ

Cánh đồng em bước đi qua,

Nói rằng rau phúc gần xa hái về.

Duyên xưa tưởng nhớ chẳng hề,

Chàng tìm vợ mới dựa kẻ yêu đương.

Chẳng vì vợ mới giàu sang,

Cũng vì chuộng lạ nên chàng bỏ em.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 菘 phúc (đọc *búa* cho hợp vận), rau phú, thứ rau xấu. 特 đặc, bạn lứa.

Nói chàng không nghĩ đến mối nhân duyên xưa mà tìm người vợ mới. Tuy thật ra không vì người vợ mới ấy giàu, mà chán ghét em nghèo, thì cũng chỉ vì người ấy mới lạ, còn em thì xưa cũ rồi.

Đây là bài thơ người về ý trung hậu.

Thiên nga hành kỳ đã có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

Vương thị nói rằng: Đấng tiên vương tự mình làm điều nhân nghĩa để dẫn dắt dân, thật đã đôn hậu. Nhưng vẫn chưa cho là đủ, nên lại dựng ra quan và đặt ra thầy, đem 6 đức hạnh: hiếu, hũu, mục, nhân, nhiệm, tuất để dạy dân. Vì dân có cha mẹ, nên dạy cho đức hiếu; vì dân có anh em nên dạy cho đức hũu (tốt lành với anh em); vì dân có người cùng một họ, nên dạy cho đức mục (cung kính hoà thuận); vì dân có bà con thân thích khác họ, nên dạy cho đức nhân (hoà thuận với bà con bên vợ hay bên chồng); vì dân sống trong làng xóm láng giềng phải bảo bọc thương mến nhau, nên dạy cho đức *nhiệm* (tín *nhiệm* tin cậy nhau). Vì dân phải giúp đỡ cứu trợ nhau, nên dạy cho đức tuất (thương xót lẫn nhau); vì e chỉ dạy suông thôi, hoặc giả có kẻ không chịu theo đúng, nên đã sai quan và thầy thường ghi chép đức hạnh của dân thế nào để hằng khuyến khích.

Vì e khuyến khích suông thôi, hoặc giả còn không theo đúng, nên đối với những kẻ bất hiếu, bất mục, bất nhân, bất để, bất nhiệm, bất tuất, có đặt hình pháp để trừng trị. Thiết tưởng sao lại còn có hạng để cho bài thơ này châm biếm như thế?

BÀI THỨ 195

CHƯƠNG I

斯干

Tư can. (Kỳ phủ 5)

秩秩斯干
幽幽南山
如竹苞矣
如松茂矣
兄及弟矣
式相好矣
無相猶矣

1. Trật trật tư can,
2. U u nam san.
3. Như trúc bao hĩ.
4. Như tùng mậu hĩ.
5. Huynh cập đệ hĩ.
6. Thức Tương hảo hĩ.
7. Thức Tương hữu hĩ

Dịch nghĩa

1. Cung thất này thông ra bờ sông rất có thứ tự,
2. Và xoay mặt vào núi Chung nam thâm u
3. Phần dưới thì chắc chắn như bụi trúc
4. Phần trên kín mật như đám tùng tươi rậm.
5. Ở cung thất ấy thì anh và em
6. Sẽ tốt bụng với nhau,
7. Không có mưu tính gì xấu với nhau.

Dịch thơ

*Thông ra sông lấp lang cung thất,
Núi Chung nam u mặt trông lên,
Dưới như bụi trúc chắc bền.
Đám tùng tươi rậm, phần trên kín dày.
Anh em cung thất này chung sống,*

Cả thầy đều tốt bụng với nhau,

Không hề mưu tính xấu nào.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 秩秩 *trật trật*, dáng có trật tu. 斯 *tư*, này. 干 *can* (đọc *kiên*), bờ nước. 南山 *nam sơn*, núi Chung nam. 苞 *bao* (đọc *bầu* cho hợp vận), mọc thành bụi kiên cố. 萋 *do*, (đọc *dữu* cho hợp vận), mưu tính.

Đây xây cất cung thất đã xong mà yến ẩm với nhau để làm hoàn thành, nhân đấy mới hát lên việc ấy. Nói rằng: Cung thất này thông ra bờ sông và quay mặt vào núi, phần dưới chắc chắn như bụi trúc. phần trên kín mật như đám tùng tươi rậm. Lại nói những ai ở cung thất này thì anh em tốt đẹp với nhau không có mưu tính xấu xa gì với nhau.

Ấy là lời chúc tụng cầu đảo, cũng như nói tự tập dân tộc lại trong nước lại nơi đấy.

Trương tử nói rằng: 猶 *do*, là giống như. Nhân tình ở đời đại khái là thi ân mà không được báo đền thì không thi ân nữa, cho nên ân huệ không trót được. Giữa anh em, mỗi người đều hết sức làm những gì phải làm, và chớ học theo cái thói hễ thi ân mà không được báo đáp thì bỏ không thi ân nữa.

Giữa vua và tôi, cha và con cùng bạn bè với nhau, cũng không ai là không dùng cái đạo ấy: Làm hết sức mình mà thôi vậy.

Kẻ ngu này (Chu Hy tự xưng) xét thấy theo đây thì văn nghĩa bài thơ này hoặc chưa hẳn đã đúng như thế, nhưng ý nghĩa thì cũng hay.

Hoặc nói rằng: 猶 *do* đáng là chữ 尤 *ưu* là oán hờn.

CHƯƠNG II

似續妣祖

8. Tự tục tử tổ

築室百堵

9. Trú thất bách đồ.

西南其戶

10. Tây nam kỳ hộ.

愛居愛處

11. Viên cư viên xử,

愛笑愛語

12. Viên tiêu viên ngữ.

Dịch nghĩa

8. Tiếp tục công nghiệp của tử tổ,

9. Xây cất cung thất và hàng trăm bức tường.

10. Nhiều toà nhà, cái thì mở về hướng tây, cái thì mở cửa về hướng nam.

11. Trú ở nơi ấy

12. Nói cười nơi ấy.

Dịch thơ

Lo thừa kế nghiệp tổ tiên,

Cung thường xây cất dựng lên trăm tường.

Phía tây phía nam thường quay mặt.

Ở chốn này những bậc ấy thì.

Nói cười hòa thuận xiết chi!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 似 tự đồng với 嗣 tự là nối kế. 妣 tử, ông bà trước bậc tổ. Hoặc cho đó là nói bà Khương

Nguyên và ông Hậu Tắc (bà Khương Nguyên là bực tỷ đẻ ra ông Hậu Tắc là bực tổ). 西南其戶 *tây nam kỳ hộ* cung thất của thiên tử, không chỉ có một toà, toà ở phía đông thì mở cửa hướng về tây, toà ở phía bắc thì mở cửa hướng về phía nam, như nói *đông nam kỳ mấu*. 爰 *viên*, nơi.

CHƯƠNG III

- | | |
|------|-------------------------|
| 約之閣閣 | 13. Ước chi các các, |
| 橡之橐橐 | 14. Trác chi thác thác. |
| 風雨攸除 | 15. Phong vũ du trừ |
| 鳥鼠攸去 | 16. Điều thử du khứ, |
| 君子攸芋 | 17. Quân tử du hu |

Dịch nghĩa

13. Kết những tấm ván cho trên dưới liên tiếp nhau.
14. Lo xây cất, tiếng chày nên đất nghe âm âm.
15. Việc tai hại của gió mưa được khai trừ.
16. việc tai hại của chim và chuột cũng trừ khử.
17. Chỗ của người quân tử rất tôn nghiêm to tát.

Dịch thơ

Ván trên dưới kết tiếp nhau

Âm âm vang dội nện vang tiếng chày,

Nạn gió mưa trừ ngay tức khắc.

Họa chuột chim trừ dứt đã xong.

Tôn nghiêm to tát vô cùng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 約 ước, cột rịt những tấm ván lại. 閤 閤 các các, trên dưới tiếp nhau, gác lên nhau. 榑 trác, xây dựng. 橐 橐 thác thác tiếng chày nện xuống. 除 trừ, trừ khử. Không bị gió mưa và chim chuột phá hại. Nói trên dưới bốn bên đều chắc chắn kín mật. 芋 hu (đọc vụ cho hợp vận), to tát tôn quý. Nói chỗ ở của người quân tử được cho là tôn quý và to tát.

CHƯƠNG IV

- | | |
|------|-----------------------|
| 如歧斯翼 | 18. Như xí tư dực, |
| 如矢斯棘 | 19. Như thi tư cức |
| 如鳥斯革 | 20. Như diêu tư cách. |
| 如翬斯飛 | 21. Như huy tư phi. |
| 君子攸躋 | 22. Quân tử du tê. |

Dịch nghĩa

18. Cung thất ấy cao vút lên như người đứng nhón chân nghiêm chỉnh,

19. Với những đường thẳng như mũi tên bay nhanh.

20. Nóc và mái nhà cao vút như con chim cất cổ trông chừng chột bay

21. Những góc mái đao (những kiến trúc ở phía trên góc mái điện) đẹp dễ rục rở ngưỡng lên như chim trĩ bay xoè thẳng cánh.

22. Đó là nơi người quân tử bước lên để lo việc chính trị.

Dịch thơ

*Nghiêm cao như thể nhón chân,
Những đường thẳng tựa như làn tên bay
Chim cất cổ giống thay mái nóc!
Cánh trĩ xoè hình góc mái đao.
Là nơi quân tử bước vào.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 跂 xi, đứng nhón chân. 翼 dực, kính. 棘 cúc, gấp. Mũi tên hể bay chậm thì lần đi cong, hể bay nhanh thì lần đi thẳng. 革 cúc, biến. 翬 huy, chim trĩ. 躋 tế, thăng lên.

Nói đại thể của cung thất ấy nghiêm chính như người đứng nhón chân cao lên, với vẻ cung kính sang trọng, vẻ đoan chính kiên cố chĩnh đốn như mũi tên bay nhanh ngay thẳng. Nóc và mái nhà cao vút lên như con chim cất cổ trông chừng mà chit bay lên, những mái đao đẹp đã rục rở cất vọt lên như chim trĩ bay thẳng cánh ra. Đó là sự đẹp dễ của cung thất như thế ấy, để cho bậc quân tử bước lên khi thính chính (nghe việc chính trị).

CHƯƠNG V

殖殖其庭

23. Thực thực kỳ đình,

有覺其楹

24. Hữu giác kỳ doanh.

噲噲其正

25. Khoái khoái kỳ chinh.

噦噦其冥

26. Huế huế kỳ minh.

君子攸寧

27. Quân tử du ninh

Dịch nghĩa

23. Sân trước cung thất thì bằng phẳng ngay ngắn.

24. Những cây cột thì cao lớn và thẳng

25. Phần lộ ra ánh sáng thì vui thích.

26. Phần che kín thì sâu rộng

27. Đó là nơi bực quân tử ở yên.

Dịch thơ

Trước cung vua bằng phẳng mặt sân,

Cột cao đứng thẳng vô ngần khắp nơi.

Phần lộ ra vui tươi sáng rực.

Chỗ âm thầm thì thực rộng sâu.

Là nơi quân tử ở vào.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 殖殖 thực thực, bằng và ngay. 庭 đình, sân ở trước cung thất. 覺 giác, cao lớn mà thẳng. 楹 doanh, cây trụ, cây cột. 嚶嚶 khoái khoái, như 快快 khoái khoái, vui thích. 正 chính (đọc chỉnh cho hợp vận), chỗ lộ ra ngoài sáng. 噦噦 huế huế, đáng sâu rộng. 冥 minh, chỗ sâu kín ở góc tây nam và góc đông nam.

Nói sự đẹp đẽ của cung thất ấy là thế, đó là chỗ bực quân tử nghỉ ngơi để yên thân.

CHƯƠNG VI

- | | |
|------|--------------------------|
| 下莞上簟 | 28. Hạ quan thượng điệm, |
| 乃安斯寢 | 29. Nãi an tư tẩm. |
| 乃寢乃興 | 30. Nãi tẩm nãi hưng. |
| 乃佔我夢 | 31. Nãi chiêm ngã mộng |
| 吉夢維何 | 32. Cát mộng duy hà? |
| 維熊維罷 | 33. Duy hùng duy bì. |
| 維虺維蛇 | 34. Duy huỷ duy xà. |

Dịch nghĩa

28. Dưới lót chiếu, trên trải đệm.
29. Để yên ở nơi phòng ngủ ấy.
30. Lại ngủ lại đây.
31. Lại đoán xem chiêm bao của ta.
32. Mộng lành như thế nào?
33. Thì thấy con gấu.
34. Thì thấy con rắn.

Dịch thơ

*Dưới lót chiếu trên thì đệm phủ
Để đặt vào phòng ngủ yên nơi.
Để khi ngủ hoặc dậy rồi,
Dem điềm ta thấy, đoán lời chiêm bao.*

Điềm trong mộng thế nào tốt vậy?

Điềm lành thì ngài thấy gấu to,

Hoặc là ngài thấy rắn bò.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 莞 *quan*, chiếu bằng lác. 簟 *điếm*, cái đệm đương bằng tre. 羆 *bì* (đọc *bà* cho hợp vận), loại gấu đầu dài, chân cao, hung dữ ngu si, nhiều sức mạnh, nhỏ nổi cây. 虺 *huỷ*, loài rắn cổ nhỏ, đầu to, rắn rí như dây tua đeo ngọc, con to thì dài 7 hay 8 thước.

Chúc vua ở yên nơi cung thất, nằm chiêm bao thì được điềm lành. Chương này cũng là lời cầu chúc. Chương sau cũng phỏng theo đây.

CHƯƠNG VII

大人佔之

35. Thái nhân chiêm chi.

維熊維羆

36. Duy hùng duy bì.

男子之祥

37. Nam tử chi tường.

維虺維蛇

38. Duy huỷ duy xà.

女子之祥

39. Nữ tử chi tường.

Dịch nghĩa

35. Quan đoán mộng lo đoán những mộng ấy.

36. Mộng thấy con gấu.

37. Là điềm sinh con trai.

38. Mộng thấy con rắn.

39. Là điềm sinh con gái.

*Những quan bói mộng đoán rằng:
Chiêm bao thấy gấu rõ ràng những khi
Là điềm sinh nam nhi chắc chắn.
Trong chiêm bao thấy rắn lại là.
Hẳn điềm con gái sinh ra.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 太人 *thái nhân*, quan thái bosc, quan đoán mộng. 熊羆 *hùng bi*, con gấu thuộc dương, ở trên núi mạnh mẽ cương nghị là điềm sinh con trai. 虺蛇 *huỷ xà*, con rắn, thuộc âm ở trong hang; yếu đuối núp lén, là điềm sinh con gái.

Hoặc nói rằng: Nằm chiêm bao mà được mộng lành là thế nào? Đáp rằng: Tinh thần con người lưu thông liên lạc với trời đất âm dương, cho nên ban ngày làm việc gì, thì ban đêm chiêm bao thấy việc ấy. Việc lành dữ xấu tốt cứ theo từng thứ loại mà đến (hễ làm điều lành thì thấy việc lành, làm điều dữ thì thấy việc dữ). Cho nên tiên vương mới đặt ra quan thuộc coi về mộng my, khiến những quan thuộc ấy xem xét vận hội của trời đất, phân biệt khí âm dương, lấy mặt trời mặt trăng và tinh tú để đoán sáu điều mộng my lành hay dữ, cuối năm tính chung lại những mộng lành mà dâng lên vua và đuổi mộng dữ đi. Vì trời và người tương quan nhau, cho nên xem xét mộng my cho tinh tường để đem lòng rất mực cung kính. Cho nên nói rằng: Thiên tử đặt các đồng bóng phía trước, phía sau thì đặt sử quan. Quan đọc lời chúc tụng ở tông miếu và, quan khuyến nhạc đều ở bên tả bên hữu, thiên tử thì ở giữa tự nhiên không làm gì cả, để giữ mức rất trung chính.

CHƯƠNG VIII

乃生男子	40 Nãi sinh nam tử,
載寢之牀	41. Tái tẩm chi sàng,
載衣之裳	42. Tái ý chi thường,
載弄之璋	43. Tái lộng chi chương.
其泣嗶嗶	44. Kỳ khấp hoàng hoàng.
朱芾斯皇	45. Chu phát tư hoàng.
室家君王	46. Thất gia quân vương.

Dịch nghĩa

40. Lại sinh con trai.
41. Thì cho nằm ngủ trên giường.
42. Thì cho nó mặc áo quần (con trẻ của dân khi mới sinh ra thì chỉ được quần tã).
43. Thì cho nó chơi viên ngọc chương.
44. Đứa trẻ ấy khóc to tiếng.
45. Rồi sau này nó được mặc phát đỏ rực rỡ.
46. Và lập gia đình, đứa trẻ ấy sẽ làm vua chư hầu hay vua thiên tử.

Dịch thơ

*Lại sinh ra cậu con trai ấy,
Thì cho nằm ngủ tại trên giường,*

*Áo quần được mặc thông thường,
Cho chơi cho giỡn ngọc chương hằng ngày.
Khóc vang lên cậu trai mạnh mẽ.
Phát đỏ thì sau sẽ mặc vào,
Làm thiên tử hoặc chư hầu.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 璋 *chương*, phân nửa viên ngọc khuê gọi là ngọc chương. 嚶嚶 *hoành* (đọc *hoàng* cho hợp vận), tiếng to. 芾 *phất*, tấm che đầu gối trong y phục của thiên tử thì toàn màu đỏ, của chư hầu thì màu vàng và đỏ. 皇 *hoàng* như 煌煌 *hoàng hoàng*, rực rỡ. 君 *quân*, vua chư hầu.

Cho nằm ngủ trên giường là tôn trọng nó. Lấy quần bận vào là cho nó mặc quần áo rườm rà. Lấy ngọc chương cho chơi là chuộng cái đức của nó. Nói con trai sinh vào cung thất ấy đều cho mặc tấm phất đỏ rực rỡ, có gia thất (lập gia đình), hoặc làm vua chư hầu, hoặc làm vua thiên tử.

CHƯƠNG IX

- | | |
|------|----------------------|
| 乃生女子 | 37. Nãi sinh nữ tử, |
| 載寢之地 | 38. Tái tẩm chi địa, |
| 載衣之裼 | 39. Tái ý chi thể, |
| 載弄之瓦 | 50. Tái lộng chi ngā |
| 無非無儀 | 51. Vô phi vô nghi |

唯酒食是議

52. Duy tửu thực thị nghị.

無父母詒罹

53. Vô phụ mẫu di nghị.

Dịch nghĩa

47. Lại sinh ra con gái,

48. Thì cho nằm ở dưới đất.

49. Thì lấy tã mà cho mặc.

50. Thì lấy tám gói để cuốn tã mà cho chơi.

51. Việc trái việc phải gì cũng không cần biết tới,

52. Chỉ lo rượu và món ăn.

53. Và đừng để mỗi lo buồn gì về sau cho cha mẹ.

Dịch thơ

Bống sinh ra nhằm ngay con gái,

Dưới đất thì cho trải nằm thôi,

Tã thì lấy quần xong xuôi,

Cuốn tã tám gói cho chơi hằng ngày,

Phải trái chẳng cần hay cần biết.

Rượu, món ăn mãi miết lo xong.

Đừng làm cha mẹ buồn lòng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 褊 *thế*, tám tã. 瓦 *ngoā* (đọc *nghi* cho hợp vận), tám gói để cuốn tã. 儀 *nghi* (đọc *nghi* cho hợp vận) tốt, lành. 罹 *ly* (đọc *ly* cho hợp vận), buồn.

Cho nằm ngủ dưới đất là coi khinh. Lấy tã mà bận cho nó, tức là mặc cho thứ cần dùng không có thêm gì nữa. Lấy

viên ngồi cho chơi là tập cho nó có công việc làm (lo việc kéo tơ). Có điều sai cũng không phải việc của người đàn bà con gái ở trong nhà lo đến. Có điều lành cũng không phải việc của người đàn bà con gái ở trong nhà đến nữa. Vì rằng đàn bà con gái lấy nét thuận từng làm chính, không làm gì bậy là đủ rồi. Có điều lành cũng không phải việc tốt lành mà người đàn bà con gái có thể mong muốn được. Người đàn bà con gái chỉ lo rượu để uống, đồ ăn để xơi mà thôi và đừng để môi lo buồn gì về sau cho cha mẹ cả (như về nhà chồng không khéo lại bị chồng đuổi, thì cha mẹ phải buồn phiền) thì được rồi.

Kinh Dịch quẻ *Gia nhân* nói rằng: *Vô du toại tại trung quỳ, trinh cát* (đạo đàn bà là phải thuận chiều theo, chớ lo cho mình được toại ý, chỉ lo cho các món được ăn uống và cúng tế mà thôi, được như thế thì bền và tốt đấy).

Mẹ của Mạnh tử cũng nói rằng: Lễ nghi của phụ nữ là phải tinh thông việc lo năm món cơm, lo dạy diêm những chung rượu khi cúng tế, nuôi cha mẹ chồng, may vá áo quần mà thôi.

Cho nên người phụ nữ chỉ có đức hạnh lo công việc ở trong nhà mà không có chí nguyện gì ở ngoài cả. Đây là nói về chương này.

Thiên Tư can có 9 chương, 4 chương 7 câu và 5 chương 5 câu.

Thuyết xưa nói rằng: Chu Lệ vương bị đày ra đất Trệ, cung thất đều hư hại, cho nên khi Tuyên vương lên ngôi phải làm cung thất lại. Khi xây cất đã xong thì làm lễ hoàn thành.

Nay cũng chưa có những gì để thấy rõ đó là bài thơ đúng vào thời ấy.

Hoặc nói rằng theo thiên *Yến lễ* trong cách *Nghi lễ* nói *Hạ quản Tân cung* (Xuống thì thổi sáo bài *Tân cung*), và truyện *Xuân thu* nói *Tổng Nguyên công phú Tân cung* (Tổng Nguyên công hát bài *Tân cung*) e tức là bài thơ này. Nhưng cũng chưa có gì để chứng thực rõ ràng cả.

BÀI THỨ 196

CHƯƠNG I

無羊

Vô dương. (Kỳ phủ 6)

誰謂爾無羊

1. Thùy vị nhĩ vô dương?

三百維群

2. Tam bách duy quần.

誰謂爾無牛

3. Thùy vị nhĩ vô ngưu?

九十其犝

4. Cửu thập kỳ thuấn.

爾羊來思

5. Nhĩ dương lai tư,

其角濇濇

6. Kỳ giác trấp trấp.

爾牛來思

7. Nhĩ ngưu lai tư,

其耳濕濕

8. Kỳ nhĩ thấp thấp.

Dịch nghĩa

1. Ai nói ngài không có dê?
2. Hàng ba trăm con làm thành bầy.
3. Ai nói ngài không có bò?
4. Loài bò lông vàng môi đen thì chín mươi con.
5. Dê của ngài trở về đấy.
6. Giục sừng lại nghe lách cách để nghỉ ngơi.
7. Bò của ngài trở về đấy.
8. Vừa nhoi vừa quạt vành tai nghe sầm sập.

Dịch thơ

Ngài không dê thì ai dám nói?

Ba trăm con tụ hội thành bầy,

Không bò ai dám bảo ngài?

Lông vàng đen mõm thì đầy chín mươi.

Dê của ngài về rồi nơi ấy.

Lách cách nghe sừng mãi giục chung.

Bò thì cũng đã về xong,

Quạt tai sầm sập lại cùng đứng nhời.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 亨 *thuần*, bò vàng môi đen. Dê thì 300 con làm một bầy. Bầy dê như thế thì nhiều lắm không đếm xiết. Còn bò loại lông vàng môi đen thì 90 con, không phải thứ lông vàng môi đen này nhiều hơn hết đâu (có loại khác còn nhiều nữa). Dê thì tụ sừng lại để nghỉ ngơi nghe lách cách, bò thì nhời và quạt vành tai nghe sầm sập.

Vương thị nói 澁澁 *tráp tráp* là êm hoà, về con dê thì cứ sợ nó cụng nhau, cho nên nói nó êm hoà là ý dê tụ chung lại mà không cụng nhau. Và 濕濕 *thấp thấp* là trơn nhून. Con bò hễ bị bệnh thì lỗ tai khô, hễ nó được bình yên không bệnh tật thì lỗ tai trơn nhून ướt.

Bài thơ này nói việc chăn nuôi được thành công, bò dê đông đảo.

CHƯƠNG II

- | | |
|------|-------------------------|
| 或降于阿 | 9. Hoặc giáng vu a, |
| 或飲于池 | 10. Hoặc ẩm vu trì, |
| 或寢或訛 | 11. Hoặc tẩm hoặc ngoa. |
| 爾牧來思 | 12. Nhĩ mục lai tư, |
| 何簑何笠 | 13. Há toa há lập, |
| 或負其餼 | 14. Hoặc phụ kỳ hấu, |
| 三十維物 | 15. Tam thập duy vật. |
| 爾牲則具 | 16. Nhĩ sinh tắc cụ. |

Dịch nghĩa

9. Con thì xuống dưới gò,
10. Con thì uống nước dưới ao.
11. Con thì ngủ, con thì cứ động rọ rạy.
12. Người chăn của ngài đi đến,
13. Người thì vác áo tơ vác nón lá,
14. Người thì vác đồ ăn khô.
15. Mỗi loại theo sắc lông thì có ba mươi con,
16. Ngài muốn cúng tế về việc gì cũng đầy đủ.

Dịch thơ

*Dưới cái gò con thì đi xuống,
Nước ao kia, còn uống thành thơ.
Con thì cựa, con ngủ rồi.*

Người chăn cũng thấy đến nơi rõ ràng.

Kẻ áo tơi và mang nón lá,

Vác thức khô, người đã tới cùng.

Ba mươi con mỗi sắc lông,

Để khi cúng tế ngài dùng phủ phê.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 詠 *ngoa*, động đây. 呵 *hã*, vác. 簑 *toa*. 笠 *lập*, áo tơi và nón lá để phòng khi mưa. 三十維物 *tam thập duy vật*, phân biệt sắc lông để chia ra từng loại, mỗi loại 30 con.

Nói bò dê rất dạn dĩ không khiếp sợ gì hết, người chăn đem áo tơi nón lá, cho bò dê ăn uống theo tính của nó ưa thích, cho nên bò dê sinh đẻ ra nhiều. Còn về sắc lông thì không có loại nào là không đầy đủ, và còn cần dùng về việc gì thì chẳng thứ nào là không có.

Chú giải của Dịch giả

呵 *a*, cái gò to. 思 *tư*, tiếng đèm. 餱 *hầu*, đồ ăn khô.

CHƯƠNG III

爾牧來思

17. Nhĩ mục lai tư,

以薪以蒸

18. Dĩ tân dĩ chưng,

以雌以雄

19. Dĩ thư dĩ hùng,

爾羊來思

20. Nhĩ dương lai tư,

矜矜兢兢

21. Căng căng căng căng.

不騫不崩

22. Bất khiên bất băng.

麾之以肱

23. Huy chi dĩ hoǎng,

畢來既升

24. Tất lai ký thăng.

Dịch nghĩa

17. Người chăn của ngài đi đến,

18. Bắt lấy con lông thô, con lông mịn,

19. Bắt lấy con đực, con cái để đem chúng trở về.

20. Dê của ngài về đến,

21. Đều vững vàng mạnh mẽ.

22. Không suy kém (về thể xác), không bị bệnh dịch toàn

bầy.

23. Người chăn lấy tay mà vẫy.

24. Thì bầy dê đều lên hết vào chuồng.

Dịch thơ

Người chăn của ngài đã đi tới,

Bắt thô lông lại với mịn lông,

Bắt con đực, cái về cùng.

Dê ngài đã thấy đuổi chung về rồi.

Đều vững vàng đồng thời mãnh dũng.

Toàn bầy không bệnh cũng chẳng suy.

Người chăn tay vẫy chỉ huy.

Bầy dê lần lượt đều đi vào chuồng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Con vật lông thô gọi 薪 𦵏, lông mịn gọi 蒸 𦵏, 雌雄 𦵏 𦵏, con đực con cái nói về cầm thú 𦵏 𦵏 𦵏 𦵏 𦵏 𦵏 𦵏 𦵏, kiên chắc mạnh mẽ. 既 𦵏, hết. 升 𦵏, vào chuồng.

Nói người chăn có sức thừa, chạy ra bắt con lông thô, con lông mịn, ra bắt con đực con cái để đem về. Dê rất an thuận xuôi theo người, không cần phải bị đánh bị quất, người chăn chỉ lấy tay vẫy khiến chúng đi tới, khiến chúng vào chuồng thì chúng vào chuồng hết cả.

CHƯƠNG IV

- | | |
|------|--------------------------|
| 牧人乃夢 | 25. Mục nhân nãi mộng, |
| 衆維魚矣 | 26. Chúng duy ngư hĩ. |
| 旄維旗矣 | 27. Triệu duy dư hĩ. |
| 大人佔之 | 28. Thái nhân chiêm chi. |
| 衆維魚矣 | 29. Chúng duy ngư hĩ. |
| 實維豐年 | 30. Thực duy phong niên. |
| 旄維旆矣 | 31. Triệu duy dư hĩ. |
| 室家湊湊 | 32. Thất gia tẩu tẩu. |

Dịch nghĩa

25. Người chăn nằm ngủ và chiêm bao,
26. Thấy dân chúng lại là cá,
27. Thấy cờ triệu lại là cờ dư.

28. Quan đoán mộng hãy đoán giùm mộng ấy.
29. Thấy dân chúng lại là cá,
30. Thì thật là năm được mùa.
31. Thấy cờ triệu lại là cờ dư,
32. Thì là con cháu trong nhà được đông nhiều.

Dịch thơ

Người chăn giữ chiêm bao sự lạ:

Thấy nhân dân thành cả bầy ngư,

Thấy cờ triệu biến cờ dư.

Quan chiêm mộng hãy đoán như thế nào.

Toàn nhân dân chiêm bao là cá.

Được mùa thì ắt quả năm nay,

Thấy cờ triệu hoá dư này,

Trong nhà con cháu xum vầy càng đông.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Lời giải của quan đoán mộng chưa rõ. 湊湊 *tân tân*, đông nhiều. Hoặc nói đông nhiều là nói về người. 旂 *triệu*, cờ dựng lên trong đồng nội để tụ hợp số ít người. 旗 *dư*, cờ dựng lên trong làng trong châu để tụ hợp số nhiều người. Vì rằng người nhiều không bằng như cá nhiều, và số người do cờ triệu tụ tập lại không bằng như số người do cờ dư tụ tập lại. Cho nên nằm mộng thấy người lại là cá, thì là năm được mùa, và cờ triệu lại là cờ dư, thì là người đông đảo.

Thiên Vô dương có 4 chương, mỗi chương 8 câu.

BÀI THỨ 178.

CHƯƠNG I

節南山	Tiệt nam sơn. (Kỳ phủ 7)
節彼南山	1. Tiệt bĩ nam sơn,
維石巖巖	2. Duy thạch nham nham.
赫赫師尹	3. Hách hách Sư Doãn,
民具爾瞻	4. Dân cụ nhĩ chiêm.
憂心如恢	5. Ưu tâm như đàm,
不敢戲談	6. Bất cảm hý đàm.
國既卒斬	7. Quốc ký tốt trảm
何用不監	8. Hà dụng bất giám?

Dịch nghĩa

1. Núi nam cao vồ vọi kia.
2. Chỉ có đá chập chùng.
3. Quan Thái sư họ Doãn hiển hách,
4. Dân chúng đều trông ngóng vào ngài.
5. (Nhưng ngài làm lắm điều bất thiện) cho nên dân chúng ưu sầu như lửa đốt.
6. (Vì sợ uy lực của ngài) dân chúng không dám đùa bỡn nói ra.
7. Như thế thì quốc gia đến lúc tàn dứt rồi,
8. Mà ngài sao không xét đến?

Núi nam kia thì trông cao ngất,
Đá chênh vênh chống chất trập trùng
Hiện vinh Sư Doãn y hùng,
Được toàn dân chúng đã trông ngưỡng vào.
Nhưng dân chúng ván sâu lửa đốt,
Cột đũa nào dám thốt nói ra.
Đến ngày tàn lụn nước nhà
Tại sao ngài chẳng xét qua thế này?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc húng. 節 tiết, dáng cao vút lên. 巖巖 nham nham, dáng đá chống chất lên. 赫赫 hách hách, dáng hiển đạt thịnh vượng. 師尹 Sư Doãn, quan Thái sư họ Doãn. Thái sư họ Doãn là chức quan cao nhất trong tam công (thái sư, thái phó, thái bảo) là con cháu của Doãn Cát Phủ. Sách *Xuân thu* chép quan Thái Sư họ Doãn mất.

Công Dương tử cho là lời khiển trách quan khanh sĩ đương thời, tức là bài thơ này đây. 具 cụ, đều. 瞻 chiêm (đọc trạm cho hợp vận), xem. 倖 dâm, thiêu đốt. 卒 tốt, cuối cùng, dứt. 斬 trảm (đọc trạm cho hợp vận), dứt hết. 監 giám (đọc giam), xem xét.

Bài thơ này là của quan Đại phu Gia Phủ làm ra để châm biếm thiên tử nhà Chu dùng quan Thái dư họ Doãn mà sinh ra biến loạn.

Nói núi nam cao vút kia, thì chỉ có đá từng từng lớp lớp chống chất. Quan Thái Sư họ Doãn hiển hách thì được dân chúng đều chiêm ngưỡng. Nhưng ngài làm những điều bất

thiện khiến lòng dân ưu sầu như lửa đốt, lại vì uy lực của ngài, dân chúng không dám nói ra, thế thì quốc gia đã đến lúc tàn lụn rồi, mà sao ngài không xét đến như vậy thay?

Chú giải của Dịch giả

Núi nam cao vút chỉ có đá trập trùng để khởi hứng quan Thái sư họ Doãn làm chức cao nhất trong tam công được dân chúng trông ngóng như núi nam cao vọi vọi kia được mọi người trông vào.

CHƯƠNG II

- | | |
|------|---------------------------|
| 節彼南山 | 9. Tiệt bỉ nam sơn, |
| 有實其猗 | 10. Hữu thực kỳ y. |
| 赫赫師尹 | 11. Hách hách Sư Doãn, |
| 不平謂何 | 12. Bất bình vị hà? |
| 天方薦瘥 | 13. Thiên phương tiến ta, |
| 喪亂弘多 | 14. Táng loạn hoằng đa. |
| 民言無嘉 | 15. Dân ngôn vô gia. |
| 僭莫懲嗟 | 16. Thảm mạc trừng ta. |

Dịch nghĩa

7. Núi nam cao vọi vọi kia.
10. Cây cỏ đơm đầy và dài tốt trên ấy.
11. Quan Thái sư họ Doãn hiển hách,
12. Ngài không công bình thì nói làm sao?

13. Trời vừa gieo bịnh tật lăm lăm.

14. Dân chúng bị loạn lạc tử vong quá nhiều.

15. Lời của dân thốt ra không có điều gì đẹp tốt vui mừng nữa.

16. Mà sao ngài vẫn không tự trách hối cải thì đáng ngậm ngùi than thở.

Dịch thơ

Núi nam kia thì cao von vót.

Cỏ cây đều tươi tốt lên dài.

Thái sư Doãn hiển hách thay!

Chẳng công bình, thế nói ngài làm sao?

Trời đã gieo xiết bao bịnh hoạn,

Dân tử vong ly loạn nhiều rồi.

Lời dân hết vẻ vui tươi,

Vì ngài chẳng hối, ngậm ngùi thở than.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 有實其猗 *hữu thực kỳ y* (đọc a cho hợp vận), chưa rõ nghĩa là gì. *Mao thi truyện* nói rằng: 猗 y, là dựa vào. Nói cây cỏ mọc đầy ở mé bờ dựa theo hang suối, hoặc nói trái của cây cỏ mới ra non tươi đẹp dễ. Giải thích như thế cũng không mấy thông. 薦 *tiến* đồng với 荐 *tiến*, nhiều lần. 瘥 *ta*, bịnh. 弘 *hoằng*, to lớn. 憫 *thảm*, thương nhiều lần. 懲 *trừng*, trách phạt trừng trị.

Núi nam cao vôi vọt kia, cây cỏ trên núi ấy đã đầy tràn và tươi tốt. Quan Thái sư họ Doãn hiển hách, tấm lòng của ngài không được công bình thì nói làm sao vậy thay?

Tô thị nói: làm chính trị mà không giữ được tấm lòng công bình, thì dân ở dưới kẻ tươi người héo, kẻ nhọc người nhàn, có sự cách biệt rất lớn. Cho nên quý thần giận mà gieo cho loạn lạc tang tóc liên tiếp, và nhân dân oán mà phiền trách căm hờn quan trên. Nhưng Thái sư họ Doãn không hề tự trách mà than thở ngậm ngùi để hối cải.

CHƯƠNG II

- | | |
|-------|----------------------------|
| 尹氏大師 | 17. Doãn thị Thái sư, |
| 維周之氏 | 18. Duy Chu chi dề. |
| 秉國之均 | 19. Bỉnh quốc chi quân |
| 四方是維 | 20. Tứ phương thị duy |
| 天子是毗 | 21. Thiên tử thị tỷ |
| 俾民不迷 | 22. Tỷ dân bất mê |
| 不吊吳天 | 23. Bất điếu hạo thiên |
| 不宜空我師 | 24. Bất nghi không ngã sư. |

Dịch nghĩa

17. Quan Thái sư họ Doãn
18. Ngài là căn bản của nhà Chu.
19. Nắm giữ lẽ công bình của quốc gia.
20. Giữ gìn bốn phương
21. Và giúp đỡ Thiên tử,
22. Dạy dỗ dân mà khiến dân không mê.
23. Nay ngài không được Thượng đế thương xót đến

24. Thì ngài không nên ở mãi chức vụ ấy để dân chúng tôi phải đến cảnh khốn cùng.

Dịch thơ

*Quan Thái sư vốn dòng họ Doãn
Thật Chu triều căn bản, ngài là,
Cầm cân công lý quốc gia,
Giữ gìn toàn cõi nước nhà bốn phương,
Giúp Thiên tử đảm đương quyền chức.
Dạy dỗ dân tránh dứt mê si.
Nếu không Thượng đế yêu vì.
Chớ làm dân phải khốn nguy nổi này,*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 氏 *đế*, (đọc *đê* cho hợp vận) cái gốc căn bản. 均 *quân*, đồng đều công bình. 維 *duy*, nắm giữ. 毘 *tỳ*, phụ giúp. 弔 *điếu*, thương xót. 空 *không*, cùng khốn. 師 *Sư*, dân chúng.

Nói quan thái sư họ Doãn là căn bản của nhà Chu. Cầm cân cân công bình cho đất nước nhà thì ngài phải làm thế nào để giữ gìn bốn phương, giúp đỡ Thiên tử và dạy dân khiến dân không mê hoặc. Đó là chức vụ của ngài. Nay ngài đã không giữ dạ công bình và không được Thượng đế thương xót đến thì ngài không nên ngồi lâu ở chức vụ đó nữa để khiến Trời cứ gieo rắc họa xuống mãi mà dân chúng tôi phải đến cảnh khốn cùng.

CHƯƠNG IV

弗躬弗親	25. Phát cung phát thân.
庶民弗信	26. Thứ dân phát tấn
弗問弗仕	27. Phát vấn phát sĩ
勿罔君子	28. Vật võng quân tử
式夷式已	29. Thức di thức dĩ
無小人殆	30. Vô tiểu nhân dãi
瑣瑣姻亞	31. Tỏa tỏa nhân ả
則無臚仕	32. Tắc vô phủ sĩ

Dịch nghĩa

25. Ngài không đích thân coi giữ việc chính trị,
26. Thì dân chúng không theo lời ngài nữa.
27. Ngài không hỏi đến không coi sóc đến,
28. Xin ngài chớ dối gạt vua.
29. Ngài hãy giữ công bình, kẻ nào làm việc không xứng
đáng thì ngài cho thôi.
30. Chớ dùng đứa tiểu nhân mà quốc gia phải lâm nguy.
31. Những ông sui, những anh em bạn bè nhỏ nhen của
ngài.
32. Thì chớ trọng dụng.

Dịch thơ

Ngài chẳng đích thân coi chính trị

Lòng dân tin nay bị mất rồi.

Ngài không hỏi đến xét soi,
Dối lừa Thiên tử hãy thôi đi ngài.
Giữ công bình, bắt tài thì đuổi.
Dùng tiểu nhân thật mối nguy thay!
Sui gia bạn rẻ của ngài
Chớ nên trọng dụng điều này nhớ cho.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 仕 *sĩ*, phụng sự coi sóc. 罔 *võng*, khi, đối gạt. 君子 *quân tử*, chỉ thiên tử nhà Chu. 夷 *di* bằng công bình. 已 *dĩ*, thôi, dứt. 殆 *đãi* (đọc *dĩ* cho hợp vận), nguy. 瑣瑣 *toả toả*, nhỏ nhen. 姻 *nhân*, cha của người rẻ. 亞 *á*, tiếng của hai người rẻ gọi nhau. 膺 *phủ*, đón hậu, đây.

Nói Thiên tử uỷ thác việc chính trị cho quan Thái sư họ Doãn, Thái sư họ Doãn lại uỷ thác việc chính trị cho các sui gia, các anh em bạn rẻ là hạng tiểu nhân, mà chưa hỏi đến coi sóc đến. Đó là đối vua. Cho nên răn ngài mà nói rằng: Ngài không đích thân giữ việc chính trị thì dân chúng không tin cậy ngài nữa. Việc ngài không hỏi đến, không coi đến như thế há lại có thể đối gạt thiên tử hay sao? Ngài phải giữ lòng công bình, coi chừng những người của ngài đã uỷ nhiệm công việc, kẻ nào không xứng đáng thì cho thôi cho nghỉ, chớ dùng đứa tiểu nhân cho quốc gia phải đến cảnh nguy hiểm. Nếu những ông sui, những anh em bạn bè nhỏ nhen của ngài đều được trọng dụng với quyền to lộc cả, thì bọn tiểu nhân sẽ tiến tới, còn người quân tử phải lui xa.

CHƯƠNG V

昊天不傭

33. Hạo thiên bất dung

降此鞠訕

34. Giáng thử cúc hung.

昊天不惠

35. Hạo thiên bất huệ

降此大戾

36. Giáng tử đại lệ.

君子如屈

37. Quân tử như giới.

俾民心闕

38. Tỷ dân tâm khuyết

君子如夷

39. Quân tử như di

惡怒是違

40. ố nộ thị vi.

Dịch nghĩa

33. Thượng đế không công bình,

34. Mối gieo xuống lăm loạn lạc cùng cực ấy

35. Thượng đế không xuôi thuận

36. Mối gieo xuống làm điều trái nghịch to tát ấy

37. Vua nếu như dốc hết tâm chí vào việc chính trị một cách rất chí thành,

38. Thì khiến lòng dân được yên vui.

39. Vua nếu như công bình

40. Thì nổi oán hận của dân sẽ xa lánh ngay.

Dịch thơ

Chẳng công bình Trời cao kia hỡi!

Loạn ly còn gieo tới thế sao?

Trời không xuôi thuận chút nào.

Gieo điều trái nghịch lớn lao khôn cùng.

Vua quyết dốc lòng trị nước,

Thì lê dân đều được thỏa bình,

Thì lòng oán của dân lành xa ngay.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 備 *trung* (đọc *song* cho hợp vận), đồng đều, công bằng. 鞠 *cúc*, cùng cực 訇 *hung*, loạn lạc. 戾 *lệ*, điều trái nghịch. 戾 *lệ* (đọc *kê* cho hợp vận.) rất, cực, chỉ thành. 閼 *khuyết* (đọc *khê* cho hợp vận), yên. 遠 *vi*, xa.

Nói thượng đế không công bình mới gieo xuống những loạn lạc cùng cực. Thượng đế không xuôi thuận mới gieo xuống những tai biến trái nghịch.

Nhưng mà sở dĩ được bình yên trở lại thì cũng tại người mà thôi. Nếu vua không cầu thả, rất chí thành, dùng hết tâm chí vào, việc gì cũng đích thân làm lấy, thì lòng muốn khởi loạn của dân cũng sẽ yên hết. Nếu vua không thiên lệch. giữ lòng công bình, lẽ công bình được thi hành, kẻ không xứng đáng bị cho nghỉ, thì nỗi oán hận của dân sẽ được lảnh xa. Nhưng thương hại cho Vua và Thái sư họ Doãn lại không làm được như thế.

Ồi! Hễ làm chính trị mà không công bình để gieo lấy tai họa loạn lạc, đó là do người làm ra. mà nhà thơ cho rằng cho Trời thật đã làm ra, bởi không biết đổ lỗi cho ai, nên mới đổ lỗi Trời. Hoặc giả là để thấy rõ cái nghĩa vua tôi che đậy cho nhau hoặc giả để thấy cái lẽ trời và người là một.

Những chương về sau này đều phỏng theo sau đây

CHƯƠNG VI

- | | |
|------|--------------------------|
| 不吊昊天 | 41. Bất diếu đạo thiên. |
| 亂靡有定 | 42. Loạn mỹ hữu định |
| 式月斯生 | 43. Thức nguyệt tư sinh |
| 俾民不寧 | 44. Tỷ dân bất ninh |
| 憂心如醒 | 45. Ưu tâm bất trình |
| 誰秉國成 | 46. Thuý bĩnh quốc thành |
| 不自爲政 | 47. Bất tự vi chính |
| 卒勞百姓 | 48. Tốt lao bách tính? |

Dịch nghĩa

41. Thượng đế không thương xót đến.
42. Loạn lạc lại chẳng định yên
43. Lại cứ theo năm tháng sinh ra mãi.
44. Khiến dân không được an ninh
45. Vua lo buồn như đang cơn say rượu
46. Mới hỏi: Ai cầm giữ lẽ công bằng của quốc gia
47. Lại không tự nắm giữ việc chính trị (cứ giao phó cho bà con thân thuộc)
48. Cuối cùng đã kiến bà con lao khổ thế này

Dịch thơ

*Thượng đế chẳng nhủ lòng thương hại,
Loạn lạc còn gieo mãi chẳng yên.*

Tháng ngày sinh mãi liên liên.

Khiến dân chẳng được phỉ nguyên an ninh

Vua như say tâm tình sâu thẳm,

Mới hỏi rằng: Ai nắm lẽ công,

Chính mình tự đảm lại không

Cuối cùng trăm họ long đong khổ sầu?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 醒 *trình*, cơn say rượu. 成 *thành*, công bình. 卒 *tốt*, rốt, cuối cùng.

Tô thị nói rằng: Trời đã không thương xót, cho nên loạn chưa được dứt, mà tai hoạ lại cứ theo tháng ngày tăng thêm. Cho nên vua, người quân tử lo buồn mà rằng: Ai nắm giữ nền tảng của quốc gia, lại không tự nắm giữ lấy chính trị mà cứ giao phó cho những đứa tiểu nhân là bọn sui gia và anh em bạn rể, rồi cuối cùng đã khiến dân phải chịu lầm nỗi lao khổ tệ hại của bọn chúng đến như thế này vậy?

CHƯƠNG VII

駕彼四牡

49. Giá bỉ tứ mầu,

四牡項領

50. Tứ mầu hạng lãnh.

我瞻四方

51. Ngã chiêm tứ phương,

蹙蹙靡所騁

52. Xúc xúc mỹ sở sinh.

Dịch nghĩa

49. Thắng bốn con ngựa đực vào xe.

50. Bốn con ngựa đực ấy cổ rất to, sức rất mạnh.

51. Để đưa ta đi xem xét ở bốn phương.

52. Thiên hạ như thu nhỏ lại, không còn chỗ nào để dong ruổi nữa, vì đầy đầy những loạn lạc.

Dịch thơ

Thắng vào xe bốn con ngựa đực,

Ngựa cổ to thì sức hùng cường.

Ta đi xem xét bốn phương.

Khắp nơi thu hẹp, cùng đường ruổi dong

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 頂 *hạng*, to lớn. 蹙 *xúc xúc*, dánh co lại, tóp nhỏ lại.

Nói thắng bốn con ngựa đực vào xe, bốn con ngựa đực ấy cổ rất to để có thể chạy rất nhanh. Ra xem ở bốn phương đều u ám loạn lạc, thiên hạ như thu nhỏ lại, không còn chỗ nào để đi đến nữa, thì còn dong ngựa vào chốn nào nữa vậy thay?

Lữ thị ở Đông Lai nói rằng: Cái gốc mà bệnh, thì cành lá đều úa tàn, (chính sự ở triều đình đã hư hỏng) cho nên không còn chỗ nào để đi đến nữa.

CHƯƠNG VIII

方茂爾惡

53. Phương mậu nhĩ ác

相爾矛矣

54. Tương nhĩ mâu hĩ.

既夷既懌

55. Kỳ di kỳ dịch

如相 酬 矣

56. Như tương thù hĩ.

Dịch nghĩa

53. Lòng ác của các ngài vừa bùng lên đồn dập

54. Xem cây mâu của các ngài cầm, thì tưởng các ngài như muốn đánh nhau.

55. Thì các ngài đã lặng yên vui vẻ với nhau ngay,

56. Như chủ khách mừng rỡ rót rượu mời nhau.

Dịch thơ

Lòng ác cầm các ngài đồn dập

Xem mâu cầm như sắp đánh nhau.

Bỗng rồi vui vẻ tâm đầu,

Mừng như chủ khách tạc thù hân hoan.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 茂 mâu, rườm rà lên mạnh. 相 *tương*, xem. 懌 *dịch*, vui.

Nói môi ác cầm của các ngài vừa bùng lên đồn dập, xem cây mâu của các ngài cầm, thì tưởng các ngài như muốn đánh nhau. Kịp khi đã lặng yên vui vẻ lại với nhau, các ngài mừng rỡ như chủ khách rót rượu thù tạc. Không cho việc mới gây nhau chực đâm chém và lại có thể mừng rỡ chén tạc chén thù là quái lạ. Vì đó là tính vô thường của bọn tiểu nhân đã quen việc gây rối đánh nhau rồi. Lúc vui lúc giận

của chúng không thể nào rõ chắc chắn được như thế ấy. Cho nên vua không thể đi đâu mà yên được.

CHƯƠNG XI

昊天不平	57. Hoạ thiên bất bình
我王不寧	58. Ngã vương bất ninh.
不懲其心	59. Bất trừng kỳ tâm
覆怨其正	60. Phúc oán kỳ chính

Dịch nghĩa

57. Thượng đế không công bình
58. Cho nên vua ta không được yên.
59. Thái sư họ Doãn không hối cải tâm tình.
60. Lại oán ghét kẻ muốn sửa mình

Dịch thơ

*Không công bình hỡi ôi thượng đế!
Thì vua ta chẳng dễ an ninh
Thái sư chẳng sửa tâm tình
Lại thù kẻ sửa giúp mình thế kia.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Nổi bật công của Thái sư họ Doãn dường như trời khiến phải thế, cho nên nói rằng Thượng đế không công bình.

Như thế thì vua ta cũng không được yên. Nhưng Thái sư họ Doãn vẫn không hối cải tâm tính, mà trái lại oán ghét người muốn sửa chữa cho mình. Thì việc làm của Thái sư bao giờ mới dứt vậy thay?

CHƯƠNG X

- | | |
|------|------------------------|
| 家父作誦 | 61. Gia phủ tác tụng |
| 以究王誼 | 62. Dĩ cứu vương hung, |
| 式訛爾心 | 63. Thức ngoa nhĩ tâm, |
| 以畜萬邦 | 64. Dĩ súc vạn bang. |

Dịch nghĩa

61. Quan đại phu Gia Phủ làm những lời này
62. Để suy cứu cho cùng tội việc rối loạn chính trị của vua.
63. Hầu mong Thái sư cải hoá tâm tình,
64. Mà nuôi dưỡng muôn nước.

Dịch thơ

*Làm lời này chính là Gia Phủ
Loạn của vua suy cứu tội cùng,
Để quan Sư Doãn cải lòng
Vạn bang hầu được đều đồng dưỡng nuôi.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 家 Gia, họ Gia. 父 Phủ, tên tự, làm quan đại phu nhà Chu. 究 cứu, xét cho tột. 訛 ngoa, hoá. 畜 súc, nuôi.

Quan đại phu Gia Phủ tự nói làm những lời này để suy cứu cho cùng tột lý do việc hỗn loạn của nền chính trị của vua, để mong thái sư họ Doãn hồi tâm đổi ý hầu nuôi dưỡng muôn nước.

Trần thị nói rằng: Thái sư họ Doãn ra oai dữ tợn khiến người ta không được cợt đùa. Thế mà quan Đại phu Gia Phủ làm thơ lại tự nói rõ là do mình làm ra, dám đem thân mình để đón lấy cơn thịnh lộ của Thái sư họ Doãn mà không từ. Vì Gia Phủ là bề tôi lâu đời của nhà Chu, theo nghĩa lớn mà phải sống còn với nước.

Họ Lữ ở Đông Lai nói rằng: đây là đoạn cuối của bài thơ cho nên suy cứu đến cùng cực của cái căn nguyên của mỗi loạn ấy để đổ tội cho tâm ý của vua. Bởi vì gây ra loạn lạc tuy thật là Thái sư họ Doãn, nhưng dùng họ Doãn lại do lòng bưng bít của vua.

Lý thị nói rằng: Sách *Mạnh Tử*, phần *Ly lâu chương cú thượng* có câu: *Nhân bất túc dữ trích dã, chính bất túc gián dã, duy đại nhân vi năng cách quân tâm chi phi*=Đối với việc vua dùng sai người, mình không chỉ trích quá đáng. Đối với việc sai lầm, mình không nên chê trách. Chỉ những bậc đại nhân có đức hạnh cao siêu mới có thể sửa đổi những sai lầm của lòng vua được. Vì rằng việc lẫn lộn trong việc dùng người và những tội lỗi trong việc chính trị tuy đều là việc sai lầm của vua, nhưng bất tất phải luận trước làm gì. Hễ sửa được những điều sai lầm của vua, thì việc chính trị không thể nào không tốt lành được, và việc dùng người đều được thích đáng cả vậy.

Thiên Tiết nam sơn có 10 chương, 6 chương 8 câu và 4 chương 4 câu.

Bài tự ở sách *Mao thi truyện* cho đây là bài thơ về U vương. Nhưng theo sách Xuân thu vào thời Hoàn Vương năm thứ 15 có việc Gia Phủ sang nước Lỗ xin những cỗ xe. Từ đời vua Hoàn vương nhà Chu tính ngược lên thì cách cuối đời vua U vương đã 75 năm, thì không biết quan đại phu Giả Phủ ấy đồng một người hay khác (thời U vương và thời Hoàn vương đều có quan Đại phu Gia Phủ). Nhưng đại để ngày giờ ở bài tự trong *Mao thi truyện* đều không đáng tin lắm. Nay chỉ để trống, không nói rõ là phải hơn.

BÀI THỨ 198

CHƯƠNG I

正月

Chính nguyệt. (Kỳ phủ 8)

正月繁霜

1. Chính nguyệt phiên sương

我心憂傷

2. Ngã âm ưu thương.

民之訛言

3. Dân chi ngoa ngôn,

亦孔之將

4. Diệc khổng chi tương,

念我獨兮

5. Niệm ngã độc hê.

憂心京京

6. Ưu tâm kinh kinh

哀我小心

7. Ai ngã tiểu tâm

癯憂以癯

8. Thử ưu dĩ dương.

Dịch nghĩa

1. Tháng tư đầu mùa hạ mà sương xuống nhiều (trái nghịch hẳn thời tiết, khiến mùa màng bị tổn hại).

2. Lòng ta vì thế mà thương cảm.

3. Những lời gian ngoa để mê hoặc dân chúng nghe theo.

4. Cũng tất to tát (đã khiến vua phát cơn thịnh nộ thi hành những hình pháp thảm khốc cho trăm họ ly tán, chính trị rã rời).

5. Chỉ có một mình ta nhớ rõ việc ấy

6. Mà lòng sâu to rộng man mác

7. Thương thay cho lòng cẩn thận của ta!

8. Vì lo buồn mà sinh ra bệnh tật

Dịch thơ

Tháng tư mà lại nhiều sương

Lòng ta vì thế buồn vương não nề.

Lời gian ngoa đã mê dân chúng,

Rõ lại thì thật cũng lớn thay!

Một mình ta nhớ nghĩ hoài

Càng thêm to tát dạ này xót xa.

Đáng thương thay lòng ta cẩn thận!

Sinh bệnh vì vương vấn hận sâu

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 正月 *chính nguyệt*, tháng tư đầu mùa hạ, vì tháng tư thuộc quẻ ䷋ *kiền*, đều là 6 hào dương, là tháng 8 dương. 繁 *phiên*, nhiều. 訛 *ngoa*, dối nguy.

將 *tương*, to lớn. 京京 *kính kính* (đọc *cương cương* cho hợp vận) cũng là to lớn. 癡 *thử*, ưu lo, buồn lo lắng lẽ.

Bài thơ này cũng do quan đại phu làm ra. Nói sương xuống trái thời tiết không đúng với mùa của nó, cho nên đã khiến lòng ta ưu buồn thương cảm. Nhưng tạo ra những lời gian dối nguy trá để mê hoặc dân chúng nghe theo lại vừa rất lớn lao. Nhưng dân chúng không lấy đó làm điều lo buồn, cho nên chỉ một mình ta lo buồn việc ấy để đến phải sinh bệnh tật.

CHƯƠNG II

父母生我

9. Phụ mẫu sinh ngã

胡俾我癡

10. Hồ tỳ ngã dụ ?

不自我先

11. Bất tự ngã tiên

不自我後

12. Bất tự ngã hậu.

好言自口

13. Hảo ngôn tự khẩu

莠言自口

14. Dậu ngôn tự khẩu

憂心愈愈

15. Ưu tâm dũ dũ

是以有悔

16. Thị dĩ hữu vụ.

Dịch nghĩa

9. Cha mẹ sinh ra ta

10. Sao khiến ta (sinh ra gặp thời bạo ngược này để phải) đau đớn mà phát bệnh?

11. Thời bạo ngược này chẳng ở vào lúc trước ta,

12. Lại chẳng ở vào lúc sau ta (ở đúng vào lúc ta ra đời)

13. Lời tốt cũng do cửa miệng ấy thốt ra.
14. Lời xấu cũng do cửa miệng ấy thốt ra nữa.
15. Cho nên lòng ta sầu đau càng nặng nề hơn nữa.
16. Như chính ta bị xâm phạm vụ nhục vậy.

Dịch thơ

Song thân sao đã tạo sinh

Đúng thời loạn lạc khiến mình bệnh đau?

Buổi trước ta có đâu tàn bạo,

Thủ gian nan chẳng tạo sau ta,

Lời lành miệng ấy thốt ra,

Cũng do miệng ấy xấu xa lắm lời.

Nên lòng ta bồi hồi nã ruột

Như chính mình bị nhuốc nhơ rồi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 瘳 *dụ*, bịnh. 自 *tự*, do nơi. 莠 *dậu*, xấu xa. 愈愈 *dữ dữ*, càng thêm lên, càng hơn nữa.

Đau đớn quá mới gọi đến cha mẹ, rồi lại xót thương cho mình đã gặp phải đương lúc bấy giờ. Những người đua ngoa đã dối trá phản phúc. Những lời tốt hay xấu đều không thốt ra từ đáy lòng mà chỉ thốt ra từ cửa miệng. Cho nên lòng đau buồn của ta càng nặng nề hơn nữa và trái lại như thấy tự mình bị xâm phạm vụ nhục.

CHƯƠNG III

- | | |
|------|------------------------|
| 憂心惻惻 | 17. Ưu tâm quỳnh quỳnh |
| 念我無祿 | 18. Niệm ngã vô lộc |
| 民之無辜 | 19. Dân chi vô cô |
| 井其臣僕 | 20. Tỉnh kỳ thần bộc |
| 哀我人斯 | 21. Ai ngã nhân tư |
| 于何從祿 | 22. Vu hà tùng lộc? |
| 瞻烏愛止 | 23. Chiêm ô viên chỉ |
| 于誰之屋 | 24. Vu thủy chi ốc. |

Dịch nghĩa

17. Lòng buồn ảo não.
18. Nhớ đến nỗi chẳng may không bổng lộc của ta.
19. Ta cùng với dân vô tội
20. Sẽ cùng làm tôi tớ.
21. Thương xót cho bạn chúng ta
22. Phải theo ai mà phục vụ để cho hưởng bổng lộc?
23. Thấy con quạ bay sẽ đậu lại
24. Ở nhà của ai.

Dịch thơ

Nỗi lòng ta mãi ưu sầu

Nhớ ta vô lộc xót đau bội phần.

Ta sẽ cùng lớp dân vô tội

Làm tội tù dành nổi xót xa.

Đoái thương cho bạn chúng ta.

Để tìm bóng lộc biết là theo ai?

Thấy con quạ đang bay đậu

Ở nhà ai nào thấu được cùng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 惻惻 *quỳnh quỳnh* , ý, lo buồn. 無祿 *vô lộc*, như nói bất hạnh, chẳng may. 辜 *cô, tội*. 并 *tính*, đều cùng. 臣僕 *thần bộc*, tôi tớ. Đời xưa gọi tội nhân là thần bộc (vì ban ngày người tội nhân phải đi làm việc, ban đêm bị giam vào ngục). Người mất nước bị bắt cùng làm tôi tớ. Cơ tử nói: *Thương kỳ luân tang ngã vãng vì thần bộc* (= nhà Thương mất nước, ta không làm tôi tớ cho nhà Chu đâu) tức là đây.

Nói rằng chẳng may gặp lúc nước sắp mất, ta cùng với đám dân vô tội đều sắp bị bắt làm tù binh và đều bị làm tôi tớ cả, mà không biết sẽ lại phải theo ai để tôn thờ mà hưởng bổng lộc. Như thấy con quạ bay, không biết nó sẽ đáp xuống nhà ai.

CHƯƠNG IV

瞻彼中林

25. Chiêm bỉ chung lâm 26.

侯薪侯蒸

Hầu tẩn hầu chưng.

召彼故老

37. Triệu bĩ cố lão

訊之佔夢

38. Tấn chi chiêm mộng

具曰予聖

39. Cụ viết dư thánh

誰知烏之雌雄

40. Thủy truy ô chi thư hùng?

Dịch nghĩa

33. Nói núi là thấp

34. Mà sống núi và gò nông mới là cao

35. Lời dối trá ấy của dân

36. Sao không ai ngăn dứt?

37. Gọi bề tôi cũ đã già kia mà hỏi.

38. Và hỏi các quan đoán mộng

39. Họ đều nói mình là thánh sáng suốt cả.

40. Thì ai biết được con quạ nào trống nào mái?

Dịch thơ

Núi non thấp thôi cho là

Nông gò sống núi thế mà gọi cao.

Lời của dân xiết bao gian dối,

Sao không ai chống đối dứt ngăn?

Vời ra mà hỏi cựu thân

Cùng quan đoán mộng xét phân thế nào.

Họ nói ta tài cao thánh sống,

Thì quạ kia mái trống ai tường

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 岡 *cương*, sống núi. 陵 *lăng*, gò rộng và bằng. 懲 *trừng*, ngăn dút. 故老 *cố lão*, bề tôi xưa đã già. 訊 *tấn*, hỏi. 占夢 *chiêm mộng* (đọc *mãng* cho hợp vận), quan giữ chức đoán mộng. 具 *cụ*, đều cùng. 烏之雌雄 *ô chi thư hùng*, quạ trống quạ mái giống nhau, rất khó phân biệt được.

Nói núi có lẽ là thấp, mà sự thật thì gò và sống núi mới cao, đó là lời dối trá của dân chúng bấy giờ là thế, mà vua vẫn điềm nhiên không thêm ngăn dút. Đến khi đem ấy hỏi các bề tôi cũ đã già, và đem việc ấy hỏi các quan đoán mộng, là các vị ấy tự cho mình là bậc thánh nhân sáng suốt cả. Thì còn ai có thể phân biệt được lời của họ là phải hay trái.

Tử Tư nói với vua nước Vệ rằng: Việc nước của vua sẽ càng ngày càng hỏng. Vua hỏi rằng: Vì lẽ nào? Tử Tư đáp: Vì lẽ như thế này: Hễ vua nói ra tự cho mình là phải, thì quan khanh đại phu không ai dám bề li sai. Hễ quan khanh đại phu nói cũng tự cho mình là phải, thì quan sĩ và hạng dân thường không ai dám bề là sai. Vua tôi đều cho mình là giỏi cả, rồi dân chúng cũng đồng thanh cho mình là giỏi theo. Cho là giỏi là xuôi thuận thì là được phúc. Bề lại là ngỗ nghịch thì bị họa. Như thế điều hay điều lành làm sao nảy sinh ra được? Kinh thi nói rằng: *Cụ viết dư thành. Thuỳ tri ô chi thư hùng*(= Đều cho ta là bậc thánh cả, thì ai biết được quạ, con nào là trống, con nào là mái?) Hoặc giả cũng giống như vua tôi của ngài.

CHƯƠNG VI

謂天蓋高

41. Vị thiên cái cao

不敢不局

42. Bất cảm bất cục

謂地蓋厚

43. Vị địa cái hậu

不敢不踏

44. Bất cảm bất tích.

維號斯言

45. Duy hào tư ngôn

有倫有脊

46. Hữu luân hữu tích

哀今之人

47. Ai kim chi nhân

胡爲虺蜴

48. Hồ vi hủi dịch?

Dịch nghĩa

41. Nói trời là cao

42. Mà mình không dám chẳng khum co thân mình xuống

43. Nói đất là dày

44. Mà mình không dám chẳng đi rất chậm.

45. Cho nên mình chỉ biết kêu gào lên những lời ấy.

46. Những lời ấy rất có luân lý.

47. Thương xót thay cho người bây giờ!

48. Sao lại như loài rắn độc cứ phun độc hại người?

Dịch thơ

Nói trời cao vút từng không.

Ta nào dám chẳng khom cong thân mình

Nói là dày xét hình mặt đất.

Không dám đi chẳng dám chậm nào.

Nên mình chỉ biết kêu gào

Thật là hợp lý xiết bao mấy lời!

Xót thay kẻ đương thời kia ấy

Sao như loài rắn mãi hại người

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 局 *cụ* (đọc kịch cho hợp vận). cong co. 躑 *tích*, đi bước đi rất ngắn, rất chậm. 號 *hào*, kêu, nói lên. 脊 *tích*, lý lẽ. 蜴 *dịch*, con rắn mối. Loài rắn và loài rắn mối đều là loài côn trùng có lợi độc.

Nói thời gặp loạn, tuy trời cao mà mình không dám chẳng khum co thân mình xuống, tuy đất dầy nhưng mình không giám chẳng dám đi rất chậm. Những điều mình kêu gào và thốt nên đều có luân lý đáng khảo xét đến. Nhưng thương thay cho người bây giờ sao lại cứ phun độc (như những loài rắn độc rắn mối) để hại người mà khiến đến như thế!

CHƯƠNG VII

瞻彼阪田

49. Chiêm bỉ phản điền,

有苑其特

50. Hữu uất kỳ đặc.

天之机我

51. Thiên chi ngột ngã

如不我克

52. Như bất ngã khắc.

彼求我則

53. Bỉ cầu ngã tắc

則如不我得

54. Như bất ngã đắc

執我仇仇

55. Chấp ngã cừ cừ,

Dịch nghĩa

49. Xem miếng ruộng sạn sỏi kia,
 50. Còn có cây mạ đặc biệt tươi tốt (như người hiền tài ở
 ản nơi sơn lâm)
 51. Trời lại dao động lắc lay ta (bằng gió mưa).
 52. Như làm cho ta không kham chịu nổi.
 53. Vị vua kia tìm kiếm ta để làm phép tắc
 54. Rất khó khăn như sợ không được ta.
 55. Rồi lại nắm giữ ta chặt chẽ như kẻ cừ thù,
 56. Và rốt cuộc cũng không gọi ta nữa.

Dịch thơ

*Hãy xem đây sỏi khoảng đồng,
 Có cây mạ nọ riêng trông tốt thay!
 Sao Trời cứ lắc lay ta thế?
 Như khiến ta chẳng thể nào kham.
 Kiếm ta phép tắc mong làm.
 Khó như chẳng thể mong tâm được ta.
 Rồi nắm giữ như là thù nghịch
 Rốt cuộc rồi chẳng thích tin dùng.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 阪田 *phản điền*, chỗ lổm chổm sạn sỏi. 苑 *uất* (cũng đọc *uyển*), dáng tươi tốt rườm rà. 特

đặc, mạ mọc lên đặc biệt tươi tốt, 阨 ngọt, lay động. 力 lực, dùng sức.

Xem miếng ruộng sạn sỏi kia còn có cây mạ đặc biệt tươi tốt (như người hiền tài ở ẩn nơi sơn lâm). Nhưng trời lại dao động lắc lay ta, như sợ ta không kham xiết nổi, là sao vậy thay? Đó cũng là lời không thể đổ tội cho ai được. Ôi! Khi mới bắt đầu tìm kiếm ta để làm khuôn phép, thì chỉ sợ không được ta. Đến khi được rồi, thì lại nắm giữ ta chặt chẽ như kẻ thù vậy, rồi cuối cùng không dùng đến ta. Tìm kiếm cho được ta thì rất khó khăn, rồi bỏ cũng rất dễ dàng. Sao mà tâm địa vô thường như thế?

CHƯƠNG VIII

- | | |
|------|--------------------------|
| 心之憂矣 | 57. Tâm chi ưu hĩ |
| 如或結之 | 58. Như hoặc kết chi |
| 今茲之正 | 59. Kim tư chi chính |
| 胡然厲矣 | 60. Hồ nhiên lệ hĩ? |
| 燎之方揚 | 61. Liêu chi phương dung |
| 寧或滅之 | 62. Ninh hoặc diệt chi, |
| 赫赫宗周 | 63. Hách hách Tông Chu |
| 褒姒威之 | 64. Bao Tự huyết chi. |

Dịch nghĩa

57. Lòng ta lo buồn
58. Như kết chặt vào mãi

59. Việc chính trị ngày nay.
60. Sao mà tàn bạo độc ác vậy
61. Ngọn lửa vừa bùng cháy lên
62. Lại có kẻ dập tắt được chăng?
63. Kinh đô nhà Chu huy hoàng lừng lẫy
64. Sẽ bị nàng Bao Tự làm cho tiêu tan.

Dịch thơ.

Lòng ta cứ mãi ưu sầu.

Nỗi buồn như kết chặt vào chẳng thôi.

Việc chính trị đương thời trong nước.

Sao trở thành bạo ngược vô cùng?

Lửa vừa phục cháy bập bùng

Còn ai đủ sức mà hòng tắt đi?

Kinh đô nhà Chu thì rạng rỡ

Sẽ vì nàng Bao Tử điều tàn.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 正 *chính*, chính trị. 厲 *lệ*, (đọc liệt cho vận), bạo ác. 燎 *liêu*, đốt cỏ ngoài đồng. 揚 *ương*, hừng lên. 宗周 *Tông Chu*, kinh đô đất Hạo nhà Chu. 褒姒 *Bao Tự*, Người thiếp yêu quý của U vương. Bao là người con gái của nước Bao, Tự là họ Tự. 威 *huyết*, cũng là diệt mất.

Nỗi lòng u sầu của ta như cố kết mãi chỉ vì việc chính trị bạo ác trong nước. Lúc ngọn lửa đồng bùng cháy lên lại có người nào dập tắt được? Nhưng mà kinh đô nhà Chu đang huy hoàng lừng lẫy, thì chỉ có một nàng Bao Tự cũng đủ để làm cho tiêu tan rồi, cho nên ta mới đau xót cho vậy.

Lúc ấy kinh đô của nhà Chu ở đất Hạo chưa bị tiêu diệt. Nhưng với nàng Bao Tự dâm loạn, ghen tuông và gièm siểm lại được vua mê theo thì ta biết ngay là nàng ấy sẽ tiêu diệt nhà Chu.

Hoặc nói rằng đó là bài thơ sau khi kinh đô của nhà Chu bị dời về phía đông ở Lạc ấp (thành Đông Chu), thì lúc ấy kinh đô nhà Chu ở đất Hạo lại bị mất, mà nói là nàng Bao Tự làm cho nó tiêu tan là có ý răn dạy mà không có tình ý đau buồn sợ hãi giống như đó cũng là lời nói một việc dĩ nhiên, chớ không phải một việc đương nhiên (sẽ là như thế).

Nhưng nay cũng chưa có thể nói hẳn là đúng hay không.

CHƯƠNG IX

終其永懷

65. Chung kỳ vĩnh hoài

又窘陰雨

66. Hựu quẫn âm vũ.

其車既載

67. Kỳ xa ký tại.

乃棄爾輔

68. Nãi khí nhĩ phụ

載輸爾裁

69. Tải thâu nhĩ tại

將伯助予

70. Tương bá trợ dư.

Dịch nghĩa

65. Cứ mãi lo nghĩ đến lúc cuối cùng (sẽ xảy ra đại nạn),

66. Lại khốn đốn vì mưa gió (tối tăm xe sẽ bị lún hãm xuống sâu)

67. Chiếc xe đã chất hàng lên chở

68. Mà lại tháo bỏ cái be bên thùng của mây ra,

69. Thì hàng chở trên xe của mày sẽ rớt đổ xuống.
70. Đến lúc đó mới gọi anh hãy giúp ta (thì đã trễ rồi) .

Dịch thơ

*Mãi lo đến lúc cuối cùng
Tôi tắm mưa gió bão bùng nguy thay!
Cỗ xe hàng chất đầy để chở,
Sao lại đành tháo gỡ be đi?
Bao nhiêu hàng đổ tức thì,
Còn kêu anh giúp làm chi, trễ rồi.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. Trời mưa âm thầm tối tăm thì nhiều bùn lầy, xe cộ dễ bị lún. 載 *tại*, đồ chở trên xe. 輔 *phụ*, miếng be dùng lên cao ở hai bên thùng xe để chứa hàng hoá trong ấy mà chở, như người bây giờ cột dây ở hai bên cầm bánh xe để giữ miếng be xe. 輸 *thâu*, rơi rớt xuống. 將 *thương*, xin. 伯 *bà*, anh, hoặc là chữ 者 *giả* là người.

Tô thị nói rằng: Vua làm việc dâm loạn bạo ngược, tỷ như người đi đến nơi nguy hiểm mà không biết dừng lại. Vì thế người quân tử vẫn lo nghĩ đến lúc cuối cùng ấy, biết ắt là sẽ có tai nạn lớn lao cho nên nói rằng: Vẫn lo nghĩ đến lúc cuối cùng (nguy hiểm ấy). Vua lại không lo đại nạn sắp đến mà bỏ cả hiến thân, cho nên người quân tử nói: Bèn bỏ cái be thì hàng hoá sẽ rớt. Người quân tử mong được ra sức giúp đỡ từ lúc chưa nguy, cho nên đại nạn không đến được. Nếu đồ chở trên xe đã rơi xuống khi cái be bị bỏ đi, rồi sau mới gọi anh hãy giúp đỡ ta thì đã không kịp.

CHƯƠNG X

- | | |
|------|-------------------------|
| 無棄爾輔 | 71. Vô khí nhĩ phụ |
| 員于爾輻 | 72. Vân vu nhĩ bức. |
| 屢顧爾僕 | 73. Lũ cố nhĩ bộc |
| 不輸爾載 | 74. Bất thâm nhĩ tải |
| 終踰絕險 | 75. Chung du tuyệt hiểm |
| 曾是不意 | 76. Tăng thị bất ý. |

Dịch nghĩa

71. Chở bỏ miếng be ở hai bên thùng xe của mây,
72. Thì sẽ có lợi cho mấy cây cắm trong bánh xe của mây.
73. Và cứ mãi coi chừng người đánh xe của mây.
74. Thì sẽ không rớt đồ của mây chở.
75. Và cuối cùng vượt qua những nỗi nguy hiểm nhất.
76. Nếu từ lúc đầu mây vẫn không để ý tới.

Dịch thơ

*Be anh chở gỡ bỏ đi,
Cắm xe được lợi, chẳng gì vương ngăn.
Người đánh xe anh hằng trông mãi.
Các món hàng đầu phải rớt rơi.
Cuối cùng nguy hiểm vượt rồi.
Nếu không để ý từ hồi khởi sơ.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tữ. 員 *van*, có ích lợi. 輔 *phụ*, miếng be dừng ở hai bên thùng xe, có lợi cho mấy cây cãm xe không bị hàng hoá vướng vào. 屢 *lũ*, nhiều lần. 顧 *có*, xem. 僕 *bộc*, người đánh xe.

Chương này tiếp ý tứ của chương trên mà nói: Nếu có thể không bỏ cái bánh xe để tiện lợi cho cây cãm (không bị hàng hoá vướng vào) và nếu cứ trông chừng mãi đến người đánh xe thì hàng hoá chở trên xe của anh sẽ không bị đổ và vượt qua được những nỗi nguy nan nhất, nếu lúc bắt đầu anh đã không để ý tới. Vì rằng nếu cẩn thận vào lúc bắt đầu thì lúc chung cuộc sẽ không xảy ra tai nạn.

Một thuyết nữa nói rằng: Vua vẫn không cho những việc ấy là đáng lưu ý hay sao?

CHƯƠNG XI

魚在于沼

77. Ngư tại vu chiểu

亦匪克樂

78. Diệc phi khắc lạc

潛雖伏矣

79. Tiềm tuy phục hĩ.

亦孔之炤

80. Diệc không chi chiếu.

憂心慘慘

81. Ưu tâm thảm thảm

念國之爲虐

82. Niệm quốc chi vi ngược.

Dịch nghĩa

77. Con cá ở trong ao

78. Cũng không thể vui được.

79. Tuy lặn trốn được ở đáy nước

80. Mà cũng rất dễ thấy rõ ràng
81. Lòng ta sâu thăm
82. Nhớ nghĩ đến những bạo ngược của nước nhà (do vua gây ra)

Dịch thơ

*Kìa con cá ở trong ao
Cũng không vui sống được nào nữa thay!
Tuy lặn trốn ở ngay đáy nước,
Thế mà còn thấy được rõ ràng.
Lòng ta sâu thăm xốn xang.
Nhớ điều hung bạo nước đang luy chìm.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tỹ. 沼 *chiểu* (đọc *chước* cho hợp vận), ao nước. 炤 *chước*, rõ ràng dễ thấy.

Con cá ở trong ao, cuộc sống đã chật hẹp rồi, lại lặn xuống đáy nước tuy là sâu, nhưng cũng rất dễ thấy rõ ràng. Nói hoạ loạn đến nơi ắt không chỗ nào chốn tránh được (con cá trong ao làm sao chạy đi đâu mà thoát được).

CHƯƠNG XII

- | | |
|------|----------------------|
| 彼有旨酒 | 83. Bĩ hữu chỉ tửu, |
| 又有嘉殽 | 84. Hựu hữu gia hào, |
| 洽此其鄰 | 85. Hợp tỹ kỳ lân. |

昏姻孔雲

86. Hôn nhân không vãn.

念我獨兮

87. Niệm ngã độc hề,

憂心殷殷

88. Ưu tâm ân ân.

Dịch nghĩa

83. Bọn tiểu nhân kia có rượu tốt,

84. Lại có đồ ăn ngon.

85. Để tụ hợp xóm giềng mà đái đàng,

86. Bà con sui gia cũng quay về phụ theo (nói bọn tiểu nhân vui chơi ăn uống với nhau mà không biết tai họa sắp tới nơi).

87. Nhớ đến ta cô độc một mình

88. Mà lòng buồn rầu đau đớn.

Dịch thơ

Tiểu nhân có rượu tốt thay!

Lại đều ngon ngọt đủ đầy thức ăn.

Hội chòm xóm đái đàng vui thích.

Cùng sui gia quăn quít linh đình.

Nhớ ta cô độc một mình,

Tắc lòng sầu thảm nặng tình đơn đau.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 洽 hợp. 比 ty, đều là hợp lại. 云 vãn, quay về. 归 phụ vào. 殷殷 ân ân, rất đau đớn.

Nói tiểu nhân đặc chỉ có rượu tốt đồ ăn ngon để hội hợp đãi đãi láng giềng làng xóm, cho các sui gia vui thích. Còn ta thì lòng ưu buồn một mình đến phải đau đớn.

Người xưa có câu: *Yên lược sử đường, mẫu tử tương an, tự dĩ vi lạc dã. Đột quyết đóng phần, nhi dĩ nhiên bất tri hoạ chi tương cập.* (Chim én chim sẻ làm tổ trên nhà, chim mẹ chim con dứt mối cho nhau yên ổn, tự cho là vui thích lắm. Lửa ống khói bếp bỗng bốc lên, đòn cột bốc cháy, mà chim én chim sẻ vẫn vui vẻ, không biết tai hoạ sắp đến ngay) là nói thế chăng ?

CHƯƠNG XIII

仳仳彼有屋

89. Thử thử bỉ hữu ốc

藪藪方有谷

90. Tốc tốc phương hữu cốc

民今之無祿

91. Dân kim chi vô lộc

天天是椽

92. Thiên yêu thị trác

嗇矣富人

93. Khả hĩ phú nhân

哀此惻獨

94. Ai thử quỳnh độc.

Dịch nghĩa

89. Bọn tiểu nhân nhỏ mọn kia đã có nhà cửa rồi,

90. Bọn bỉ lậu kia vừa được bổng lộc nữa.

91. Còn dân thì không có bổng lộc gì cả,

92. Tai hoạ của trời lại hãm hại thêm.

93. Người giàu thì còn kham chịu nổi.

94. Thương xót thay cho kẻ lẻ loi cô độc.

Dịch thơ

Tiểu nhân đã có cửa nhà.

Bon chen bóng lộc vinh hoa đủ đầy.

Dân chẳng có mấy may nào cả,

Càng hại thêm tai họa của trời.

Người giàu kham xiết đành rồi.

Thương người cô độc lẻ loi bản hàn!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 仳仳 *thử thử*, đáng nhỏ nhen. 荻荻 *tốc tốc*, đáng nghèo hèn bỉ lậu, nói bọn tiểu nhân được vua trọng dụng. 穀 *cốc*, lộc. 天 *yêu*, hoa. 楸 *trác* (đọc *đốc* cho hợp vận), hại. 嗟 *khả*, có thể được. 獨 *độc*, đơn độc...

Bọn tiểu nhân nhỏ mọn kia đã có nhà cửa rồi. Bọn bỉ lậu nghèo hèn kia lại vừa được bổng lộc nữa, mà dân chỉ một mình ta là không có bổng lộc, đó là tai họa của trời hãm hại, mà lại không có lời oán trách để vào ai cả. Loạn lạc đã đến như thế, người giàu hoặc có kẻ còn kham chịu nổi, chứ kẻ cô độc lẻ loi còn thì rất khốn khổ. Vì thế nên Mạnh tử đã nói: Vua Văn vương làm chính trị thì nhân bố đức, trước hết phải lo cho những kẻ quan quả cô độc (già mà không vợ gọi *quan*, già mà không chồng gọi *quả*, trẻ mà không cha gọi *cô*, già mà không con gọi *độc*)

Thiên Chính nguyệt có 13 chương, tám chương tám câu, năm chương 6 câu.

BÀI THỨ 199

CHƯƠNG I

十月之交	Thập nguyệt chi giao (Kỳ phủ 9)
十月之交	1. Thập nguyệt chi giao
朔月辛卯	2. Sóc nhật tân mao.
日有食之	3. Nhật hữu thực chi
亦孔之醜	4. Diệc khổng chi xú.
彼月而微	5. Bĩ nguyệt nhi vi.
此日而微	6. Thử nhật nhi vi.
今此下民	7. Kim thử hạ dân
亦孔之哀	8. Diệc khổng chi ai.

Dịch nghĩa

1. Tháng 10 mặt trời mặt trăng gặp nhau
2. Vào ngày tân mao, ngày đầu tháng.
3. Có nhật thực, mặt trời bị ăn,
4. Cũng là điềm xấu,
5. Mặt trăng kia có khi còn khuyết.
6. Nay mặt trời cũng bị khuyết nữa (rõ là điềm loạn lạc mất nước)
7. Nay dân thấp hèn này
8. (Gặp thời loạn lạc) cũng rất tội nghiệp xót thương.

Dịch thơ

*Tháng mười nhật nguyệt gặp nhau,
Đúng ngày tân mao, chính đầu tháng âm
Bỗng nhật thực lại nhằm phát hiện,
Ấy là điềm lăm chuyện chẳng lành.
Mặt trăng thường bị khuyết vành.
Mặt trời cũng khuyết danh rành nữa sao?
Nay lễ dân xiết bao đầy đoạ.
Gặp loạn ly thật khá xót thương!*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 十月 *thập nguyệt*, tháng 10, nói theo lịch nhà Hạ, là tháng thuộc kiến hội (thuộc ䷗ quẻ khôn). 交 *giao*, giao hội gặp nhau, mặt trời mặt trăng gặp nhau, nói về trong khoảng cuối tháng và đầu tháng. Theo phép tính lịch, một vòng trời có 365 độ và một phần tư độ ($365^0,25$). Trái đất đi về bên tả, một ngày một đêm thì xoay một vòng và qua một độ. Ở trên trời mặt trời và mặt trăng đi về bên hữu, trong một ngày một đêm, mặt trời đi 1 độ và mặt trăng thì đi 13 độ và 7 phần 19 độ ($13^0,7/19$ độ). Cho nên mặt trời một năm thì đi một vòng trời, còn mặt trăng thì đi 29 ngày và có lẽ đi hết một vòng mặt trời. Mặt trăng lại đuổi kịp mặt trời để gặp nhau. Trong một năm có 12 lần gặp nhau. Lúc mới gặp nhau, ánh sáng của mặt trăng đều tiêu mất hết, làm thành buổi cuối tháng âm lịch. Lúc đã gặp nhau, mặt trăng lần lần sinh ra, làm thành buổi đầu tháng. Sau buổi đầu tháng và trước buổi cuối tháng đều 15 ngày, mặt trời và mặt trăng đối diện nhau, mặt trăng tròn đầy

sáng tỏ, làm buổi giữa tháng trăng rằm. Trong buổi gặp nhau ở buổi cuối tháng hay đầu tháng, đông tây đồng độ nhau, nam bắc cũng chung đường nhau, thì mặt trăng che mặt trời, thế là mặt trời bị mặt trăng ăn. Trong lúc đối diện nhau buổi ngày rằm, mặt trăng thẳng hàng với mặt trời (có trái đất chen ở giữa, bóng của trái đất che án mặt trăng), bị mặt trời ăn. Những nhật thực nguyệt thực ấy đều có pháp độ thông thường. Nhưng nếu vua tu nhân tích đức thì hành việc chính trị, dùng người hiền, bỏ kẻ gian thì có thể khiến dương thịnh để thắng âm, âm sẽ suy và không thể lấn dương được. Cho nên mặt trời mặt trăng vẫn vận hành xoay chuyển, tuy có khi gặp nhau để ăn lẫn nhau, thì mặt trăng thường tránh mặt trời, mặt trăng có khi đi chậm đi lẹ, hoặc cao hoặc thấp, ít có sự sai lệch để không gặp đúng mặt trời, hoặc không đối diện đúng nhau, cho nên đáng lẽ phải có nhật thực hay nguyệt thực thì lại tránh khỏi. Nếu quốc gia mất hết chính trị, không dùng người hiền tài, khiến kẻ tội con bội phản lại vua cha, thâm thiệp lấn lướt hơn chồng, đưa tiểu nhân lấn hiếp người quân tử, quân mọi rợ xâm phạm Trung Quốc, thế là âm thịnh dương suy, hẳn đáng có nhật thực hay nguyệt thực thì có ngay không tránh khỏi. Tuy nói rằng nhật thực hay nguyệt thực đều có pháp độ thông thường, mà thật ra đó là sự biến phi thường vậy.

Tô thị nói rằng: Nhật thực là sự biến lớn lao của trời đất, mà nhật thực trong tháng chính nguyệt (tháng 4) và tháng dương nguyệt (tháng 10), thì ngày xưa lại kỵ hơn hết. Tháng 4 của mùa hạ là tháng thuần dương (thuộc quẻ *kiến* ䷒ 6 hào đều dương), cho nên gọi là tháng chính nguyệt. Tháng 10 là tháng thuần âm (thuộc quẻ *khôn* ䷁ 6 hào đều âm), hiềm vì tháng ấy không có dương, cho nên gọi là tháng dương, dương nguyệt. Tháng thuần dương (tháng 4) mà có nhật thực, thì dương quá yếu bị ăn mất (mặt trời bị che khuất). Tháng thuần âm (tháng 10) mà có nhật thực, thì âm quá mạnh ăn mất dương (mặt trời bị che khuất) 微 *vi*, khuyết, kém.

*Tháng mười nhật nguyệt gặp nhau,
Đúng ngày tân mao, chính đầu tháng âm
Bỗ nhật thực lại nhằm phát hiện,
Ấy là diêm lăm chuyện chẳng lành.
Mặt trăng thường bị khuyết vành.
Mặt trời cũng khuyết danh rành nữa sao?
Nay lê dân xiết bao dày đọa.
Gặp loạn ly thật khá xót thương!*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 十月 *thập nguyệt*, tháng 10, nói theo lịch nhà Hạ, là tháng thuộc kiến hội (thuộc ☽☾ quẻ khôn). 交 *giao*, giao hội gặp nhau, mặt trời mặt trăng gặp nhau, nói về trong khoảng cuối tháng và đầu tháng. Theo phép tính lịch, một vòng trời có 365 độ và một phần tư độ ($365^{\circ},25$). Trái đất đi về bên tả, một ngày một đêm thì xoay một vòng và qua một độ. Ở trên trời mặt trời và mặt trăng đi về bên hữu, trong một ngày một đêm, mặt trời đi 1 độ và mặt trăng thì đi 13 độ và 7 phần 19 độ ($13^{\circ},7/19$ độ). Cho nên mặt trời một năm thì đi một vòng trời, còn mặt trăng thì đi 29 ngày và có lẽ đi hết một vòng mặt trời. Mặt trăng lại đuổi kịp mặt trời để gặp nhau. Trong một năm có 12 lần gặp nhau. Lúc mới gặp nhau, ánh sáng của mặt trăng đều tiêu mất hết, làm thành buổi cuối tháng âm lịch. Lúc đã gặp nhau, mặt trăng lần lần sinh ra, làm thành buổi đầu tháng. Sau buổi đầu tháng và trước buổi cuối tháng đều 15 ngày, mặt trời và mặt trăng đối diện nhau, mặt trăng tròn đầy

Nói mặt trăng kia phải có lúc khuyết. Còn mặt trời này không được khuyết, mà nay cũng bị khuyết nữa, thì đó là điềm loạn lạc mất nước.

CHƯƠNG II

辯謬告凶

9. Nhật nguyệt cáo hung

不用其行

10. Bất dụng kỳ hành,

四國無政

11. Tứ quốc vô chính,

不用其良

12. Bất dụng kỳ lương.

彼月而食

13. Bĩ nguyệt nhi thực

則維其常

14. Tác duy kỳ thường.

此日而食

15. Thử nhật nhi thực

于何不臧

16. Vu hà bất tang.

Dịch nghĩa

9. Mặt trời mặt trăng báo điềm giữ cho chúng ta.

10. Mặt trời mặt trăng không theo đạo lý thông thường (mặt trăng thường tránh mặt trời)

11. Ất những nước trong bốn phương không có chính trị,

12. Vì không dùng bực hiền lương.

13. Mặt trăng kia mà bị ăn (nguyên thực)

14. Thì đó là việc thường.

15. Còn mặt trời này mà bị ăn (nhật thực)

16. Thì ở đâu cũng không tốt hết (thật là việc rất xấu).

Dịch thơ

*Điểm hung nhật nguyệt báo cho
Cả hai xoay chuyển không do đạo thường.
Ắt trong nước bốn phương vô chính,
Bực hiền lương xa lánh ấy vì
Trăng kia bị nuốt che đi
Thông thường nguyệt thực lạ gì thế gian,
Mặt trời mà bị ăn bị khuất
Thì ở đâu cũng rất chẳng lành.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 衍 hành (đọc hàng cho hợp vận), đạo, đường. Phàm nhật thực hay nguyệt thực đều có pháp độ thông thường. Mà cho mặt trời mặt trăng không dùng cái đạo thông thường nữa, tức là mặt trăng không tránh mặt trời, đã mất đạo thường rồi. Mà sở dĩ diễn ra như thế, vì có các nước trong 4 phương không có chính trị, không dùng người lành người tốt. Như thế thì nhật thực và nguyệt thực đều là sự biến phi thường. Nhưng lại cho nguyệt thực (mặt trăng bị ăn) là việc thường (dương lấn âm vua hại tôi, cha giết con) còn nhật thực (mặt trời bị ăn) là việc chẳng lành (âm lấn dương tôi hại vua, con giết cha). Âm chống với dương mà không thắng nổi dương (nguyệt thực) thì có thể nói được. Còn âm mà thắng dương lại che khuất dương đi (nhật thực) thì không thể nói được nữa. Cho nên sách *Xuân thu* hề có nhật thực thì ghi chép, còn có nguyệt thực thì không ghi chép, cũng là vì thế.

CHƯƠNG III

燁燁震電

17. Diệp diệp chấn điện

不寧不令

18. Bất ninh bất linh

百川沸騰

19. Bách xuyên phệ đằng 20.

山豕峯崩

Sơn trùng tốt băng

高岸爲谷

21. Cao ngạn vi cốc

深谷爲陵

22. Thâm cốc vi lăng

哀今之人

23. Ai kim chi nhân

胡慄莫懲

24. Hồ thảm mạc trừng?

Dịch nghĩa

17. Sấm chớp sáng loà

18. Là thời buổi không yên không lành

19. Hàng trăm con sông nước dâng tràn vọt lên

20. Đỉnh núi cao vớt lại lở đổ

21. Bờ cao lại sụp thành hang,

22. Vực sâu lại lấp đùn thành gò.

23. Thương xót thay cho nhân dân hôm nay!

24. Mà sao vua vẫn không hối cải chặn ngăn những mối
tệ hại?

Dịch thơ

Sấm loà sấm chớp bủa quanh

Ấy là thời buổi chẳng lành chẳng an.

*Trăm con sông nước tràn khắp chỗ,
Đỉnh núi cao lở đổ tan hoang,
Bờ cao lại sụp thành hang.
Vực sâu đất đã lấp ngang thành gò,
Buổi hôm nay xót cho dân chúng
Sao tệ kia chẳng chóng dứt ngăn?*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 燁燁 *diệp diệp*, điện sáng lòa. 震 *chấn*, sấm. 寧 *ninh*, yên ổn từ từ. 令 *linh*, tốt lành. 沸 *phi*, tung ra. 騰 *đăng*, nhảy vọt lên. 冢 *trủng*, cái chóp núi. 卒 *tốt*, cao lổm chổm. Cái bờ ao bị sụp lở cho nên thành ra cái hang. Cái hang sâu bị lấp đùn lên thành cái gò cao. 惛 *thảm*, từng, nhiều lần.

Nói rằng chẳng phải chỉ có nhật thực mà thôi tháng 10 lại có sấm chớp, núi lở, nước dâng, cũng là những tai biến rất lạ lùng. Cho nên phải kinh sợ mà tu tỉnh, sửa đổi việc chính trị. Nhưng U vương lại vẫn không hề chịu ngăn dừng những mối tệ hại kia lại.

Đổng Tử nói rằng: Quốc gia sắp có việc bị suy bại vì thất đạo, thì trời lại gieo tai biến lạ lùng xuống trước để cảnh cáo. Nếu không biết để tu tỉnh lại, thì trời lại đưa ra những việc quái dị khác cảnh báo cho khủng khiếp. Và nếu còn chưa biết để cải biến thì những việc suy bại tổn thương mới đến. Do đó mới thấy được lòng trời đã nhân ái thương vua, muốn ngăn những biến loạn ấy.

CHƯƠNG IV

- | | |
|-------|-------------------------------|
| 皇父卿士 | 25. Hoàng Phủ khanh sĩ, |
| 番維司徒 | 26. Phiên duy tư đồ. |
| 家伯維宰 | 27. Gia Bá trung tể, |
| 仲允膳夫 | 28. Trọng Doãn thiện phu. |
| 聚子內史 | 29. Trâu tử nội sử, |
| 蹶維趣馬 | 30. Quỷ duy thú mã. |
| 柄維師氏 | 31. Củng duy sư thị, |
| 艷妻嬖方處 | 32. Diêm thê phiến phương xử. |

Dịch nghĩa

25. Ông Hoàng Phủ thì làm quan khanh sĩ,
26. Họ Phiên thì làm quan tư đồ,
27. Ông Gia Bá thì làm quan trung tể.
28. Ông Trọng Doãn thì làm quan thiện phu,
29. Họ Trâu thì làm quan nội sử
30. Họ Quỷ thì làm quan thú mã.
31. Họ Củng thì làm quan sư thị.

32. Bảy tay gian thần kể trên cùng với nàng Bao Tự, người vợ đẹp, với thế lực đang bùng lên mãnh liệt vừa cùng nhau chiếm giữ được ngôi vị quan trọng.

Dịch thơ

Lão Hoàng Phủ làm sĩ khanh

Chức tư đồ nọ thì giành họ *Phiên*,
 Lão *Gia Bá* chiếm liền *trùng tể*.
 Trọng *Doãn* thì chiếm *ghế thiện phu*,
 Làm quan nội sử họ *Trâu*
 Chức quan thú mã *Quý* thu về mình,
 Họ *Cử* đã chiếm giành *sư thị*,
 Với nàng *Bao* quyền vị lấy *lừng*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 皇父 *Hoàng Phủ*. 家伯 *Gia Bá*. 仲允 *Trọng Doãn* đều là tên tự. 番 *Phiên*, 聚 *Trâu*, 蹶 *Quý*, 耦 *Cử*, đều là họ. 卿士 *khanh sĩ*, chức quan ngoài lục khanh (trùng tể, tư đồ, tông bá, tư mã, tư khấu, tư không), lại làm chức đô quan gồm công việc của lục quan. Hoặc nói *khanh sĩ* là những kẻ sĩ của chức *khanh*, theo sách *Chu lễ*, là thuộc của quan chức thái tể, có thượng sĩ, trung sĩ, hạ sĩ là chức quan mà Công Dương gọi là tể sĩ, mà Tả thị nói là *Chu công* dùng Thái Trọng làm chức quan *khanh sĩ* cho mình, là đây. Vì rằng đó là thuộc quan của chức tể tướng, kiêm gồm cả lục quan, ngôi vị thì thấp kém mà quyền hành thì quan trọng. 司徒 *tư đồ* chức tư đồ giữ việc giáo hoá trong nước. 冢宰 *trùng tể*, chức *trùng tể* giữ việc chính trị trong nước. Hai chức ấy đều là bậc *khanh* cả. 膳夫 *thiện phu*, thuộc bậc thượng sĩ, giữ việc ăn uống mâm cỗ của vua. 内史 *nội sử*, thuộc bậc trung đại phu, giữ tước lộc và phép đặt để hay phế bỏ, cho sống hay giết đi. Ban cho hay lấy lại. 趣馬 *phú mã* (đọc *mỗ*), thuộc bậc trung sĩ, giữ việc ngựa xe cho vua. 師氏 *sư thị*, cũng thuộc bậc trung đại phu, coi việc nên hư của triều đình. 艷 *diễm*, sắc đẹp. 艷妻 *diễm thê* (vợ đẹp), chỉ

nàng Bao Tự. 嬪 *Phiến*, cháy lên. 方處 *phương sử*, vừa ở đó, chưa biến rồi đi nơi khác.

Nói sơ dĩ xảy đến những biến loạn lạ lùng như vậy là do bọn tiểu nhân được dùng ở ngoài, còn hầu thiếp sủng ái thì mê hoặc lòng vua ở trong, đó là những việc chủ yếu, chỉ là duyên cớ ấy.

CHƯƠNG V

抑此皇父

33. Ưc thử Hoàng Phủ

豈曰不時

34. Khỉ viết bất thì?

胡爲我作

35. Hổ vi ngã tác

不卬我謀

36. Bất tức ngã mưu.

徹我牆屋

37. Triệt ngã tường ốc.

田卒汗萊

38. Điền tốt ô lai.

曰予不戕

39. Viết dư bất tường

禮則然矣

40. Lễ tắc nhiên hĩ

Dịch nghĩa

33. Ông Hoàng Phủ ôi!

34. Ngài há lại nói là đám dân chúng tôi chẳng rảnh rang công việc ruộng nương (Ngài cho chúng tôi là rảnh rang lắm)?

35. Tại sao ngài bắt bọn tôi làm việc cho ngài?

36. Mà lại không bàn tính với chúng tôi trước.

37. Ngài cứ phá vỡ nhà cửa tường vách của chúng tôi (để ngài xây cất dinh thự của ngài).

38. Cho nên cuối cùng ruộng của chúng tôi. Chỗ thấp thì nước ứ đọng, chỗ cao thì cỏ mọc rườm rà.

39. Ngài lại nói: Ta chẳng hại các người

40. (Kể dưới phải cung phụng người trên) lẽ nghi đương nhiên là phải thế.

Dịch thơ

Này ông Hoàng Phủ ngài ôi!

Há rằng ngài bảo chúng tôi chẳng nhân?

Sao bắt chúng tôi sang làm lụng

Mà chẳng bàn với chúng tôi nào

Phá tan nhà vách trước sau,

Ruộng nương đọng nước, cỏ lau rậm đầy.

Ta chẳng hại chúng bay, ngài bảo:

Lẽ đương nhiên ấy đạo làm dân."

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 抑 ước, Tiếng phát ngữ từ, tiếng ở đầu câu. 時 thì, lúc rảnh rang công việc nhà nông. 作 tác, động tác. 即 tức, đến. 卒 tốt, cuối cùng. 汙 ô, nước ứ lại không chảy đi. 萊 lai, cỏ rậm. 戕 tường, hại.

Nói ông Hoàng Phủ không tự cho là không có rảnh rang công việc nhà nông, muốn rời ta đi nơi khác để làm việc, mà lại không toan tính trước với ta. Ông ta cứ triệt hạ phá huỷ nhà cửa tường vách của ta, khiến ruộng của ta không được

chăm sóc đến, chỗ thấp thì nước ú đọng, chỗ cao thì cỏ mọc um tùm.

Ông ta lại nói: " Chẳng phải ta muốn hại người. đó là theo lễ nghi thông thường kẻ dưới phải cung phụng làm việc cho kẻ trên ấy thôi.

Chú giải của Dịch giả

Mao thi Hoàng Phủ được vua sùng ái, được vua phong cho đất ở kinh kỳ, liền lo xây cất, đuổi nhà của dân, phá nhà của tường vách của dân để giành chỗ xây cất dinh thự do áp cho mình, và kiến dân phục dịch xây cất nhọc nhằn, bỏ hết công việc ruộng nương.

CHƯƠNG VI

- | | |
|-------|----------------------------|
| 皇父孔聖 | 41. Hoàng Phủ không thánh, |
| 作都于向 | 42. Tác đô vu Hường. |
| 擇三有事 | 43. Trạch tam hữu sự |
| 直侯多藏 | 44. Đản hầu đa tạng |
| 不懋遺一老 | 45. Bất ngấn di nhất lão |
| 俾守我王 | 46. Tỷ thư ngã vương. |
| 擇有車馬 | 47. Trạch hữu xa mã |
| 以居徂向 | 48. Dĩ cư tổ Hường. |

Dịch nghĩa

41. Ông Hoàng Phủ rất thông minh sáng suốt
42. Dựng đô ấp cho mình ở đất Hường.

43. Chọn ba vị quan khanh
 44. Thật đều là người tham lam hay giấu cất.
 45. Lại không gượng lòng để lại một vị lão thần nào.
 46. Hộ vệ vua ta cả (tất cả quan chức đều bị Hoàng Phủ đem đi sang đô ấp Hưởng)
 47. Lại chọn những người dân giàu có xe ngựa
 48. Để đem đi ở ấp Hưởng.

Dịch thơ

Ông Hoàng Phủ rất thông minh

Giành nơi đất Hưởng cho mình dựng đô.

Bực tam khanh quan lo ngại lựa,

Đều là người dẫu của tham tàn.

Chẳng hề lưu một lão quan

Giữ gìn bảo vệ long nhan thế này.

Bực xe ngựa đủ đầy ngài chọn

Ấp Hưởng kia đều dọn đem sang.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 孔 không, rất. 聖 thánh, thông minh sáng suốt. 都 đô, ấp to. Theo sách *Chu lễ* trong kinh kỳ, đại đô, (ấp to), vuông vức 10 dặm, tiểu đô (ấp nhỏ) vuông vức 50 dặm, đều là đất của thiên tử phong cho các công khanh. 向 Hưởng, tên đất, trong kinh kỳ ở Đông đô, nay là huyện Hà Dương thuộc Mạnh châu là đấy. 三有事 tam hữu sự, là chức tam khanh. 實 dân, tín thật. 侯 hầu duy, chỉ. 藏 tạng, chất chứa. 慙 ngán, là lời không muốn nhưng vẫn gắng

gượng lên. 有卓馬 *hữu xa mã* (có xe ngựa), cũng là người dân giàu có. 徂 徂, đi.

Nói Ông Hoàng Phủ tự cho mình là người thông minh sáng suốt, làm đô ấp mà không cầu người hiền, chỉ dùng người nhà giàu làm quan khanh, lại không gượng lòng để lại một vị quan nào hộ vệ thiên tử (tất cả quan chức trong triều đều bị Hoàng phủ rời sang đô ấp Hưởng). Còn những người giàu có xe ngựa cũng đều được đem đi hết. Thật là kẻ không chung với vua, mà chỉ lo tham lợi để lo cho riêng mình.

CHƯƠNG V

黽勉從事

49. Mẫn miễm tòng sự,

不敢告勞

50. Bất cảm cáo lao.

無罪無辜

51. Vô tội vô cô,

讒口囁囁

52. Sàm khẩu ngao ngao.

下民之孽

53. Hạ dân chi nghiệt

匪降自天

54. Phỉ giáng tự thiên.

噂沓背憎

55. Tồn dập bội tăng

職競由人

56. Chức cạnh do nhân.

Dịch nghĩa

49. Gắng gượng rán sức theo làm việc cho Hoàng Phủ

50. Không dám nói là lao nhọc

51. Người không tội không lỗi gì

52. Thì cũng bị lăm miệng gièm siểm hãm hại.

53. Những tai hoạ của dân

54. Đâu phải do trời giáng xuống cho,

55. Người dân hễ gặp là nói cười vui vẻ, khi quay lưng thì ghét kỵ nhau

56. Người dân cố sức làm như vậy chủ yếu là do lăm kẻ hay gièm siểm mà ra.

Dịch thơ

Cho Hoàng Phủ, gắng lập công

Dám than khổ nhọc thì không một lời.

Chẳng tội lỗi những người dân ấy

Bị siểm gièm hãm hại đáng thương.

Khổ nhân dân những tai ương.

Trời đâu gieo xuống phũ phàng làm chi.

Gặp cười nói quay đi hiểm kỵ,

Cốt thế kia sợ bị gièm pha.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 罍 ngao, dáng đông người. 孽 nghiệt, tai hại. 噂 tổn, tụ lại. 沓 đập, trùng điệp, nhiều lần. 職 chức, chủ yếu. 競 cạnh, chuyên sức.

Nói gắng gượng rán sức theo làm việc cho Hoàng Phủ, chưa từng dám nói là lao khổ, đã vô tội mà còn gặp tiếng gièm siểm hãm hại. Nhưng mà những tai hoạ của dân chẳng phải do trời làm ra. Tụ hội nhau mà trò chuyện, người dân nói lăm điều cho nhau vui thích đến khi quay lưng ra đi thì

ghét kỵ nhau (thói của dân lúc ấy là trước mặt niềm nở với nhau, sau lưng thì nghi kỵ ghét nhau) Người dân đã dốc sức làm như thế đều do những kẻ hay gièm pha hãm hại gây ra.

CHƯƠNG VIII

悠悠我里

57. Du du ngã lý

亦孔之瘳

58. Diệc khổng chi muội

四方有羨

59. Tứ phương hữu tiển.

我獨居憂

60. Ngã độc cư ưu.

民莫不逸

61. Dân mạc bất dật.

我獨不敢休

62. Ngã độc bất cảm hưu.

天命不徹

63. Thiên mệnh bất triệt.

我不敢傲我友

64. Ngã bất cảm hiệu ngã

自逸

hữu tự dật.

Dịch nghĩa

57. Buồn lo cho quê quán của ta ở

58. Cũng rất là bệnh hoạn

59. Bốn phương thiên hạ đều dư dả phong phú.

60. Riêng ta ở trong cảnh ưu sầu vì túng thiếu

61. Dân chúng không ai là không an nhàn dật lạc.

62. Riêng một mình ta là không dám nghỉ ngơi

63. Bởi vì số mệnh trời định không đều nhau.

64. Cho nên ta không dám bắt chước bạn hữu của ta để tự dật lạc riêng mình.

Dịch thơ

*Lo buồn quê quán của ta
Lắm điều binh hoạn rất là thâm thương.
Khắp dân chúng bốn phương thừa thừa.
Riêng ta nghèo túng mãi ngậm ngùi
Nhân dân dật lạc vui tươi.
Riêng ta chẳng dám nghĩ ngơi tí nào,
Bởi số mệnh khác nhau định sẵn,
Để nhân vui theo bạn dật đâu!*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 悠悠 *du du*, ưu buồn. 里 *lý*, ở. 悔 *muội* (đọc *hi* cho hợp vận), bình. 羨 *tiển*, dư thừa. 逸 *dật*, vui. 撤 *triệt*, đều, đồng nhau.

Đương thời buổi ấy cả thiên hạ đều binh hoạn, nhưng chỉ lo cho quê hương của ta ở là binh hoạn hơn cả. Vả lại người trong bốn phương đều dư dả phong phú, riêng ta một mình lo buồn (vì túng thiếu). Người đều an nhân dật lạc, mà chỉ riêng ta là bị lao khổ, vì Hoàng Phủ làm cho đau bệnh và bị tai họa lại quá lắm. Nhưng đó là vì số mệnh trời định không đồng nhau, ta há lại dám không an phận theo hoàn cảnh mình đã gặp, mà lại đi bắt chước theo bạn hữu của ta tự do nhân dật hay sao?

Thiên thập nguyệt chi giao có 8 chương, mỗi chương 8 câu.

BÀI THỨ 200

CHƯƠNG I

雨無正

Vũ vô chính. (Kỳ phủ 10)

浩浩昊天

1. Hạo hạo hạo thiên

不駿其德

2. Bất tuấn kỳ đức,

降喪饑饉

3. Giáng táng cơ cận,

斬伐四國

4. Trảm phạt tứ quốc.

旻天疾威

5. Mân thiên tật uy

弗慮弗圖

6. Phất lự phất đồ,

舍彼有罪

7. Xá bỉ hữu tội

既伏其辜

8. Kỳ phục kỳ cô.

若此無罪

9. Nhược thử vô tội

淪胥以鋪

10. Luân tư dĩ phô?

Dịch nghĩa

1. Trời to rộng

2. Mà ơn đức lại không to rộng.

3. Đã gieo xuống nạn tang tóc đói kém.

4. Để giết hại người trong các nước ở bốn phương.

5. Trời cũng bạo ngược.

6. Chẳng nghĩ chẳng suy,

7. Hãy buông tha cho kẻ kia phạm tội.
8. Đã chịu tội rồi.
9. Còn người này không tội.
10. Sao cũng bị hãm hại mà chết mất khắp cả vậy?

Dịch thơ

Trời bao la vô ngần lồng lộng
 Ôn đức sao chẳng rộng thế này?
 Tóc tang đôi kém gieo hoài,
 Giết người các nước trong ngoài bốn phương.
 Ông Trời cũng phi thường bạo ngược
 Chẳng mảy may trước nghĩ suy.
 Hãy tha kẻ phạm tội đi,
 Bởi người gây tội kia thì đền xong.
 Còn những kẻ này không tội ác
 Cũng hãm chìm đều thác chẳng còn?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 浩浩 *hạo hạo*, to rộng. 昊 *hạo*, cũng là ý to rộng (trời thì to rộng). 駿 *tuấn*, lớn. 德 *đức*, ân huệ. 饑 *cơ*, thật mùa lúa và ngũ cốc. 饑 *cận*, thất mùa rau. 疾威 *tật uy*, bạo ngược. 慮 *lự*, 圖 *đồ*, mưu tính. 舍 *xá*, buông tha. 淪 *luân*, chìm hãm. 胥 *tư*, lẫn nhau. 鋪 *phô*, khắp cả.

Lúc ấy là sau nạn mất mùa lúa và mùa rau, bề tôi đều ly tán, người không bỏ ra đi thì làm thơ trách kẻ đã bỏ ra đi. Cho nên suy xét nguồn gốc mà nói thì Trời không thì ân rộng rãi, đã gieo xuống nạn đói kém để giết hại mọi người trong

các nước ở bốn phương. Thì tại sao Trời vẫn không suy nghĩ tính toán lại gấp làm ra như thế vậy? Kẻ kia có tội đã bị chết đói, thì nó đã chịu tội rồi, thì nên tha cho là phải. Người này vô tội lại cũng bị hãm hại cho chết mất, thì thế nào vậy thay?

CHƯƠNG II

周宗既滅	11. Chu tông ký diệt
靡所止戾	12. Mỹ sở chỉ lệ
正大夫離居	13. Chính đại phu ly cư
莫知我勛	14. Mạc tri ngã di
三事大夫	15. Tam sự đại phu
莫肯夙夜	16. Mạc khăng túc dạ
邦君諸侯	17. Bang quân chư hầu
莫肯朝夕	18. Mạc khăng triêu tịch
庶曰式臧	19. Thứ viết thứ tương
覆出爲惡	20. Phúc xuất vi ác.

Dịch nghĩa

11. Thân tộc nhà Chu đã bị tiêu tàn
12. Không có chỗ nào để dừng lại mà ở yên được
13. Quan trưởng đại phu đã dời đi nơi khác mà ở.
14. Không ai biết ta lao nhọc (vì ta không bỏ đi).
15. Quan tam sự (tam công) và quan đại phu
16. Không ai chịu sớm hôm hầu hạ vua nữa.

17. Chu hầu làm vua một nước.
18. Không ai chịu sớm tối chầu chực vua nữa.
19. Mong mỗi vua làm lành.
20. Mà trái lại vua cứ làm ra việc ác mãi.

Dịch thơ

*Đã tàn mất Chu triều tộc họ
Không chốn dừng để có yên nơi.
Đại phu đã tản đi rồi
Ai hay ta cũng lắm hồi lao đao?
Đại phu, tam sự bao quan chức
Chẳng sớm hôm chầu chực thế này?
Các vua hầu quốc lâu nay
Sớm hôm chẳng thấy một ai đến chầu.
Mong mỗi thay vua mau làm thiện,
Vua cứ gây lắm chuyện bạo tàn.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 宗 tông, thân tộc đồng họ và khác họ. 戾 lệ, định. 正 chính, trưởng trưởng quan. Quan nhà Chu có 8 chức, hạng nhất gọi chính. Nói là bậc trưởng của lục quan, đều được vào hàng thượng đại phu. 離居 ly cư, rời đi ở nơi khác, vì rằng bị đối kém mất mùa phải rời đi nơi khác, và nhân đấy để tránh cái hoạ gièm siểm. 我 ngã, ta người chẳng bỏ đi tự xưng. 勸 dī, lao nhọc. 三事 tam sự, chức tam công. 大夫 đại phu, quan lục khanh và trung đại phu, hạ đại phu. 臧 tương, lành, tốt. 覆 phúc, trái lại.

Nói sắp có cái hoạ đòi họ vua khác, mà điểm báo trước đã hiện rõ, trời biến động, người thì ly tán như thế ấy rồi, mới mong mỗi vua sửa đổi làm lành, thì vua trái lại làm ác nữa, không chịu thôi.

Hoặc nói rằng: Ngõ bài này cũng là thơ sau lúc dời đô sang phía đông thành Đông Chu.

CHƯƠNG III

- | | |
|------|------------------------|
| 如何昊天 | 21. Như hà hạo thiên? |
| 闕言不信 | 22. Bích ngôn bất tín. |
| 如彼行邁 | 23. Như bỉ hành mại. |
| 則靡所臻 | 24. Tắc mĩ sở trăn |
| 凡百君子 | 25. Phàm bách quân tử |
| 各敬爾身 | 26. Các kính nhĩ thân |
| 胡不相畏 | 27. Hồ bất tương úy? |
| 不畏于天 | 28. Bất úy vu thiên. |

Dịch nghĩa

21. Sao vậy hỡi Trời?
22. Lời đúng phép tắc thì không được tin dùng.
23. Cứ hành sự như thế kia
24. Thì không đi đến đâu cả.
25. Bá quan quân tử
26. Mỗi người phải cung kính lấy thân (mà giữ lấy lễ giữa vua tôi).

27. Sao lại trên dưới không kiêng nhau (vua và tôi trong cơn loạn lạc không còn kiêng sợ nhau nữa).

28. Tức là không kiêng sợ Trời vậy.

Dịch thơ

Tại sao thế hỡi Trời cao rộng?

Chẳng được tin lời đúng pháp quy.

Cứ hành sự như đương thì.

Đến đâu cho được, mong gì ô hay!

Trăm quân tử các ngài quan lại.

Mỗi người cung kính lấy thân mình.

Vua tôi sao chẳng kiêng tình?

Tức là trên dưới chẳng kính sợ Trời.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 如何昊天 *như hà bạo thiên* (đọc *thân*, cho hợp vận), sao vậy hỡi Trời? Kêu Trời mà cớ cáo. 辟 *bích*, phép tắc. 臻 *trăn*, đến. 凡百君子 *phàm bách quân tử*, cả trăm người quân tử, chỉ các bề tôi.

Nói sao đây hỡi Trời? Lời đúng phép tắc thì không được tín nhiệm mà nghe theo. Còn hành sự như thế kia thì không đến đâu cả. Bách quan quân thân, há vì Vua làm ác mà có thể chẳng cung kính lấy thân hay sao? Không cung kính lấy thân, không giữ lễ giữa vua tôi, tức là trên dưới không kiêng nhau. Trên dưới không kiêng nhau tức là không sợ Trời đấy.

CHƯƠNG IV

- | | |
|------|----------------------------|
| 戎成不退 | 29. Nhung thành bất thoái. |
| 饑成不遂 | 30. Cơ thành bất toại. |
| 曾我讐御 | 31. Tằng ngã tiệt ngự |
| 慚慚日瘁 | 32. Thảm thảm nhật tuy. |
| 凡百君子 | 33. Phàm bách quân tử |
| 莫肯用訊 | 34. Mạc khảng dụng tẩn. |
| 聽言則答 | 35. Thính ngôn tắc đáp |
| 諸言則退 | 36. Trăm ngôn tắc thoái. |

Dịch nghĩa

29. Bình giặc đã thành lập mà việc ác của vua vẫn không thôi.

30. Nạn đói kém đã gây ra, mà vua vẫn không tiến theo đường thiện.

31. Từng khiến cho ta làm quan hầu cận

32. Ngày ngày lo rầu mà sinh bệnh.

33. Bá quan quân tử.

34. Không ai chịu đem những việc ấy báo cáo cho vua biết.

35. Vua muốn nghe, thì các quan chỉ đáp sơ qua chớ không dám nói hết lời.

36. Một khi có lời gièm siểm hại đến mình, thì các quan bỏ về, rời đi nơi khác.

Dịch thơ

*Giặc nổi, bạo tàn vua chẳng bỏ,
Thiện chẳng theo, đói khổ lan tràn.
Từng theo hầu cận long nhan
Lo sâu sanh bệnh bắn khoăn ngày ngày.
Trăm quân tử các ngài quyền tước,
Báo vua hay, chẳng được một ai.
Vua nghe thì nói một vài,
Bị người gièm siểm thì quay trở về.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 戎 *nhung*, binh sĩ. 遂 *toại*, tiến tới. *Kinh Dịch* chép rằng: Bất năng thoái, bất năng loại (không thể lui, không thể tới) là đấy. 御 *tiết* ngự, hầu cận, sách Quốc ngữ chép: Cư tẩm hữu tiết ngự chi châm (nằm trong phòng ngủ có sự răn của quan hầu cận), cũng như quan thị trung đời Hán. 惛惛 *thảm thảm*, đáng ưu sầu. 瘁 *tuy*, bệnh hoạn. 訢 *tấn*, cáo báo.

Nói binh giặc đã thành lập mà việc làm ác của vua không thôi. Nạn đói kém đã gây ra, mà vua thì không theo đường thiện, khiến cho ta là quan hầu cận phải lo lắng ngày ngày cứ ảo não mà sinh bệnh. Phàm bá quan quân tử, không ai chịu đem những việc ấy báo cáo cho vua biết. Dầu vua có hỏi muốn nghe những việc ấy, các quan cũng chỉ đáp qua mà thôi, không dám nói hết lời. Một khi có lời gièm siểm đến mình, họ đều lui về mà rời đi nơi khác, không ai chịu sớm tối hầu hạ ở bên vua. Ý như nói rằng: Vua tuy là không lành,

nhưng nghĩa vua tôi, há lại có thể lơ là dửng dưng như thế hay sao?

CHƯƠNG V

- | | |
|-------|---------------------------|
| 哀哉不能言 | 37. Ai tai bất năng ngôn, |
| 匪舌是出 | 38. Phỉ thiệt thị xuất. |
| 維躬是瘁 | 39. Duy cung thị tụy. |
| 哿矣能言 | 40. Khả hĩ năng ngôn, |
| 巧言如流 | 41. Xảo ngôn như lưu, |
| 俾躬處休 | 42. Tỷ cung xử hưu. |

Dịch nghĩa

37. Thương thay cho người tôi trung không thể nói gì được!

38. Chẳng phải miệng lưỡi trung chính ấy là nên nói năng vào thời ấy.

39. Chỉ vì bản thân sẽ bị tai nạn bịnh khốn.

40. Kẻ đua nịnh thì nên nói năng vào thời ấy.

41. Lời khéo đẹp cứ tuôi ra như nước chảy,

42. Mà bản thân lại còn được ở vào nơi yên vui nữa.

Dịch thơ

Thương thay không nói năng gì đáng,

Lưỡi trung gặp bạo chẳng thốt lời.

E thân bị hại lời thôi.

Nịnh nèn bàn nói thuận xuôi thời này.

Lời khéo cứ tuôn bày như nước,

Mà bản thân còn được yên vui.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 出 *xuất* (đọc *xoài*), nói ra. 瘁 *tụy*, bịnh. 智 *khả*, có thể.

Nói bực tôi trung đời ấy gọi là người không thể nói gì được, cho nên chẳng những không thể nói gì được, mà hề miệng có nói ra lời nào, thì tai nạn sẽ đến vào thân.

Còn đũa nịnh đời ấy gọi là kẻ có thể nói được, cho nên chúng uốn sửa lời nói cho khéo đẹp, cứ tuôn ra như nước chảy không hề bị ngưng trệ và khiến thân chúng được nơi yên vui. Vì rằng đó là thời loạn, vua tôi lẫn ghét người trung trực, ưa kẻ a dua nịnh hót như thế. Cho nên nhà thơ mới than thở đậm đà.

CHƯƠNG VI

維日子仕

43. Duy viết vu sĩ

孔棘且殆

44. Khổng cực thả dãi

雲不可使

45. Vân bất khả sử

得罪于天子

46. Đắc tội vua thiên tử

亦雲可使

47. Diệc vân khả sử

怨及朋友

48. Oán cập bằng hữu.

Dịch nghĩa

43. Chỉ nói hãy đi làm quan.
44. Làm quan rất khốn khổ và nguy hiểm.
45. (Hễ thẳng ngay trung cương, thì bị vua) nói là không thể dùng được.
46. Và còn bị tội với vua nữa.
47. (Hễ dũa nịnh gian tà, thì được vua) nói là có thể dùng được.
48. Và bị bằng hữu oán ghét ganh tỵ.

Dịch thơ

"Ra làm quan" lời người hay bảo
Làm quan thì khổ não chẳng cùng.
Thẳng ngay vua nói chẳng dùng.
Lại còn đắc tội cửu trùng khỏi đâu.
Rằng: "Dùng được, kẻ nào gian nguy".
Thì bạn bè ganh tỵ oán hờn.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 于 vu, đi. 棘 cúc, khốn. 殆 dãi (đọc dãi cho hợp vận), nguy.

Tô thị nói rằng: Người ta đều nói hãy đi làm quan, nhưng người ta vẫn không biết sự khốn khổ và nguy hiểm của người làm quan. Đương thời ấy, làm quan theo chính đạo (ngay thẳng trung cương) thì vua nói là không thể dùng được. Còn làm quan theo tà đạo (cong vạy gian nịnh) thì vua nói là có thể dùng được. Theo chính đạo (không tuân theo lời phán dạy dâm tà của vua) thì bị tội với vua. Theo tà đạo (dũa nịnh

theo lời phán dạy dân tã của vua) thì bị bằng hữu oán ghét.
Đấy sở dĩ làm quan là khó.

CHƯƠNG VII

- | | |
|--------|------------------------------|
| 謂爾遷于王都 | 49. Vị nhĩ thiên vu vương đô |
| 日子未有室家 | 50. Viết dư vị hữu thất gia |
| 鼠思泣血 | 51. Thử tư khắp huyết |
| 無言不疾 | 52. Vô ngôn bất tật |
| 昔爾出居 | 53. Tích nhĩ xuất cư |
| 誰從作爾室 | 54. Thuý tùng tác nhĩ thất? |

Dịch nghĩa

49. Ta nói với anh hãy dời về kinh đô của vua mà ở (cho có vua tôi, có bạn bè).

50. Anh đáp rằng: Tôi chưa có nhà cửa ở đấy (cho nên tôi không thể dời về đấy được).

51. Hơn nữa tôi cứ lo sợ mà khóc thê lương ra lệ máu.

52. Không có lời nào là không rên siết đớn đau.

53. (Ta lại hỏi vặn): Vậy xưa kia anh bỏ ra đi.

54. Có ai theo anh làm nhà cho anh chăng?

Dịch thơ

Nói với anh: Về kinh đô mà ở.

Anh đáp rằng: Chẳng có cửa nhà.

Lo buồn lệ máu tuôn ra,

Không lời nào chẳng xót xa ngâm ngùi.

Thuở xưa kia anh dờn đi ấy.

Ai theo anh dựng lấỵ cửa nhà?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 爾 *nhĩ*, mày, anh, gọi kẻ rời đi nơi khác mà ở. 鼠思 *thử tư*, như nói 癡憂 *thử ưu*, sợ và lo.

Đương thời ấy nói ra rất khó khăn, làm quan lắm hoạn nạn như thế. Cho nên bề tôi có kẻ bỏ đi, có người ở lại với vua. Người ở lại không nỡ thấy vua trơ trọi không có quần thần, và mình cũng không có bạn bè, mới bảo kẻ bỏ đi hãy trở về kinh đô của vua. Những người bỏ đi không chịu nghe theo, lấỵ cố không có nhà cửa ở kinh đô để cự tuyệt, và đến nỗi phải lo sầu mà khóc ra lệ máu, không có lời nào là không rên siết đớn đau. Vì rằng sợ tai hoạ nặng nề mà đến phải như thế. Nhưng nói là vì không có nhà cửa ở kinh đô, thì không phải là tình thật cho nên ta mới cật vấn rằng: Xưa anh bỏ đi, ai đã làm nhà cho anh to? Mà nay anh lại lấỵ việc ấy từ chối với ta như vậy thay? (Xưa anh bỏ đi chẳng ai làm nhà cho anh cả, anh đã tự làm lấỵ. Thì nay anh hãy trở về kinh đô, lẽ tự nhiên là cũng làm lấỵ nhà cửa mà ở. Việc có nhà hay không có nhà không thành vấn đề để anh từ chối).

Thiên Vũ vô chính có 7 chương, 2 chương 10 câu, 2 chương 8 câu và 3 chương 6 câu.

Ấu dương công nói rằng: Về thơ người đời xưa phần nhiều không đề tên đề bài thơ; mà tên của bài thơ thường thuộc vào lệ không có nghĩa. Hoặc có khi có tên đề bài thơ, thì ắt là thuật lại đại ý của bài thơ ấy. Như loại thiên *Hạng bá* (thuộc Tiểu nhã Tiểu mãn chi thập) và thiên *Thường vũ* (thuộc Đại nhã, Dăng chi thập).

Nay theo những điều đã nói ở bài thự trong *Mao thi*, tên thơ *Vũ vô chính* này rất lạ đối với cả bài thơ (đề bài và nội

dung dường như không có liên hệ gì với nhau). Việc nghi ngờ ấy phải để khuyết.

Lưu thị ở Nguyên thành nói rằng: Thường đọc *Hàn thi* có bài *Vũ vô cực*. Bài tự của thơ ấy nói rằng: *Vũ vô cực* là thơ của quan chính đại phu châm biếm U vương. Xét đến lời văn của bài thơ ấy mà so với chương đầu bài thơ của Mao công thì có hơn 8 chữ: *Vũ vô kỳ cực-thương ngã giá sắc*.

Kẻ ngu này (Chu Hy) xét thuyết của Lưu thị dường như có lý. Nhưng chương I và II của thiên này vốn có 10 câu, nếu nay lại vội thêm vào để chương dài chương ngắn không đều nhau thì không phải lẽ làm thơ.

Lại bài thơ này thật do quan hầu cận làm ra sau khi các quan chính đại phu rời đi ở nơi khác.

Còn nói là quan chính đại phu châm biếm U vương thì cũng là không đúng. Vả lại cho là thơ về U vương thì cũng chưa có gì khảo cứu rõ ràng.

Kỳ phủ chỉ thập có 10 thiên, 64 chương, 426 câu.

5. TIỂU MÂN CHI THẬP

(Mười thiên thuộc phần thơ Tiểu mân).

BÀI THỨ 201

CHƯƠNG I.

小旻

Tiểu mân. (Tiểu mân I)

旻天疾威

1. Mân thiên tật uy

敷于下土

2. Phu vu hạ thổ.

謀猶回遘

3. Mưu do hồi duật

何日斯沮

謀臧不從

不臧覆用

我視謀猶

亦孔之邛

4. Hà nhật tự tử?

5. Mưu tang bất tùng.

6. Bất tương phúc dụng.

7. Ngã thị mưu do

8. Diệc không chi cùng.

Dịch nghĩa

1. Cái uy bạo ngược của Trời.

2. Đã phân bố xuống khắp cõi đất.

3. Cơ mưu tà vạy không chính đáng của vua.

4. Ngày nào mới dứt được?

5. Những cơ mưu tốt lành thì không được Vua nghe theo.

6. Còn những cơ mưu xấu xa chẳng lành thì ngược lại được dùng.

7. Ta xem những cơ mưu của Vua

8. Cũng rất là đau đớn.

Dịch thơ

Cái uy bạo ngược của Trời

Đã phân bố xuống khắp nơi lan tràn.

Những cơ mưu tà gian bất chính

Đến ngày nào mới tính dứt xong?

Theo mưu lành, hẳn lại không.

Còn mưu xấu độc, Vua dùng, ngược thay!

Ta xem mưu sắp bày thế ấy

Cũng đờn đau lăm đấy hỡi ôi!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 旻 *mân*, ý xa vời. 敷 *phu*, trần bày ra. 猶 *do*, mưu. 問 *hỏi*, là vậy. 適 *duật*, tà vậy. 沮 *tử*, dùng. 臧 *tương*, tốt lành. 覆 *phúc*, trái lại. 邛 *cùng*, bệnh.

Vì Vua bị mê hoặc theo mưu gian tà, không thể nào ngăn lại để theo đường lành, quan đại phu mới làm bài thơ này.

Nói cái uy bạo ngược của Trời đã phân bố xuống khắp cõi đất khiến những cơ mưu tà vạy của Vua không có ngày nào là dứt được. Những mưu lành thì không được nghe theo, còn những mưu độc hại thì ngược lại được Vua dùng. Cho nên ta xem những cơ mưu của Vua cũng rất là đau đớn.

CHƯƠNG II

滄滄訛訛

9. Hấp hấp tử tử

亦孔之哀

10. Diệt khổng chi ai.

謀之其臧

11. Mưu chi kỳ tương

則具是違

12. Tắc cụ thị vi.

謀之不臧

13. Mưu chi bất tương

則具是依

14. Tắc cụ thị y.

我視謀猶

15. Ngã thị mưu du.

伊于胡底

16. Y vu hồ đế.

Dịch nghĩa

9. Bọn tiểu nhân tụ hợp với nhau, nhưng chúng không hoà thuận với nhau.

10. Cũng là đáng xót xa cho vậy.

11. Những mưu cơ tốt lành

12. Thì bị chúng phản đối.

13. Những mưu cơ chẳng lành.

14. Thì đều được chúng nghe theo.

15. Ta thấy những mưu cơ nguy hại ấy

16. Rồi sẽ đưa đến đâu vậy?

Dịch thơ

Hợp chung nhưng chẳng hòa nhau,

Tiểu nhân cũng đáng xót đau nỗi tình.

Những cơ mưu rất tốt lành thế ấy

Bọn tiểu nhân chống lại cho đành.

Những cơ mưu nọ chẳng lành

Tiểu nhân xu phụ tán thành theo ngay.

Ta thấy cơ mưu tai hại ấy

Đưa đến nơi đâu vậy hỡi ôi?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 滂滂 hấp hấp, hoà thuận với nhau. 訛訛 tử tử, nói xấu làm nhục lẫn nhau. 具 cụ, đều cùng. 底 để (dọc để cho hợp vận), đến.

Nói bọn tiểu nhân tụ chung với nhau mà không hoà thuận nhau, vì chúng suy tính sâu xa lắm. Những cơ mưu

tốt lành thì bị chúng phản đối, còn những cơ mưu xấu xa tai hại thì được chúng noi theo, thì làm sao yên định được?

CHƯƠNG III

- | | |
|---------|------------------------------|
| 我龜既厭 | 17. Ngã quy ký yếm |
| 不我告猶 | 18. Bất ngã cáo du. |
| 謀夫孔多 | 19. Mưu phu khổng đa. |
| 是用不集 | 20. Thị dụng bất tập. |
| 發言盈庭 | 21. Phát ngôn doanh đình |
| 誰敢執其咎 | 22. Thuỳ cảm chấp kỳ cữu? |
| 如匪行邁 | 23. Như phỉ hành mại mưu |
| 謀是用不得于道 | 24. Thị dụng bất đắc vu đạo. |

Dịch nghĩa

17. Mai rùa để bói của ta đã chán (vì cứ bói mãi)
18. Không báo cho ta biết mưu cơ lành dữ ra sao.
19. Kẻ mưu sĩ thì rất đông (nhưng không phải người hiền tài).
20. Cho nên mưu cơ đem ra dùng cũng không thành.
21. Người phát biểu ý kiến thì đầy cả triều đình,
22. Nhưng ai dám nhận lỗi khi mưu cơ thất bại?
23. Như kẻ chẳng bước, chẳng đi cứ ngồi mà mưu tính địa điểm mình sẽ đến.
24. Cho nên chẳng được một bước đường nào cả.

Dịch thơ

*Mai rùa ta đã chán rồi
Không còn báo trước cơ thời ra sao.
Kẻ mưu sĩ đầy trào đông đặc
Mưu đem dùng chẳng đạt mấy may.
Chật trào bày biểu đông thay!
Đến khi thất bại lỗi ra dám nhìn.
Như chẳng đi, lo mình sẽ đến.
Một bước đường nào tiến đặng cho?*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 集 *tập*, thành nên.

Bói quá nhiều lần thành ra nhàm mà mai rùa cũng chán, cho nên không báo cho biết mưu đồ lành hay dữ. Kẻ mưu sĩ thì nhiều, mà phải hay trái thì lẫn lộn không rõ thế nào là thích hợp để noi theo. Cho nên cơ mưu rốt cuộc cũng không thành tựu. Vì rằng kẻ phát biểu ý kiến thì đông đặc cả triều đình mỗi người đều cho mình là phải, nhưng không ai chịu đảm nhiệm trọng trách để thi hành. Cũng như kẻ không bước, không đi, cứ ngồi mà mưu tính địa điểm mình sẽ đến. Mưu tính tuy đã nghiệm xét nhưng rồi làm sao được một bước đường nào?

CHƯƠNG IV

哀哉爲猶

25. Ai tai vì du!

匪先民是程	26. Phỉ tiên dân thị trình.
匪大猶是經	27. Phỉ đại du thị kinh.
維邇言是聽	23. Duy nhĩ ngôn thị thính
維邇言是爭	29. Duy nhĩ ngôn thị tranh
如彼築室于道	30. Như bĩ trúc thất vu đạo mưu
謀是用不潰于成	31. Thị dụng bất hội vu thành.

Dịch nghĩa

25. Thương xót thay cho cơ mưu ngày nay!
 26. Không lấy những thánh hiền ngày xưa làm phép tắc.
 27. Không lấy đường chính đại để thường noi theo.
 28. Chỉ những lời nông cạn thì được noi theo.
 29. Chỉ những lời nông cạn thì được tranh luận.
 30. Như kẻ kia cất nhà mà đi bàn tính với người khách qua đường.
 31. Thì không đến việc thành tựu được.

Dịch thơ

*Xót thay mưu kế đương thời!
 Không noi phép tắc những lời thánh nhân.
 Đường chính đại chẳng cần theo nữa.
 Lời cạn nông thì tựa theo ngay.
 Lời cạn nông luận tranh hoài.*

Cất nhà lại hỏi những ai qua đường.

Cho nên thành tựu vô phương.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 先民 *tiên dân*, thánh hiền đời xưa. 程 *trình*, phép, 猶 *du*, đạo. 經 *kinh*, thường. 潰 *hội*, toại, đến.

Nói thương xót thay cho mưu cơ này nọ, không lấy những thánh hiền ngày xưa làm phép tắc, không lấy đường chính đại để thường noi theo! Những lời được nghe theo và tranh luận, điều là những lời cạn hẹp, để có việc mà cãi lẫn nhau. Như mình sắp cất nhà mà lại đi bàn tính với kẻ xa lạ đi đường, mỗi người đều biện luận khác nhau, kẻ nói thế này, người nói thế khác, thì làm sao mà xây cất cho xong được vậy thay? Có câu tục ngữ xưa rằng: *Tác xa đạo biên, Tam niên bất thành* (Làm nhà bên đường, cứ nghe lời người ta qua kẻ lại bàn thế này, nói thế khác, đến ba năm cũng chưa xong), có lẽ là do ở đây vậy.

CHƯƠNG V

國雖靡止

32. Quốc tuy mỹ chỉ

或聖或否

33. Hoặc thánh hoặc phủ.

民雖靡旻

34. Dân tuy mỹ hô,

或哲或謀

35. Hoặc triết hoặc mưu,

或肅或艾

36. Hoặc túc hoặc ngải.

如彼泉流

37. Như bỉ tuyến lưu.

Dịch nghĩa

32. Cuộc tranh luận việc nước tuy chưa yên định.

33. Nhưng hoặc có người sáng suốt, hoặc có kẻ không sáng suốt.

34. Dân tuy không nhiều.

35. Nhưng cũng có người hiền triết hoặc kẻ trí mưu,

36. Hoặc có người nghiêm chỉnh, hoặc có người đứng đắn hợp lý.

37. Nhưng những người hiền ấy sẽ như dòng suối chảy đi mất (không trở lại nữa vì không được vua trọng dụng).

38. Chớ để họ phải chìm đắm và cùng bại vong cả với nhau.

Dịch thơ

Luận bàn việc nước chưa xong

Có người sáng suốt, người không đầy mà,

Dân chúng tuy chẳng là đông đặc

Có người hiền triết hoặc mưu thâm,

Người đàng hoàng, người chỉnh nghiêm.

Người hiền như suối bật tâm chảy dài.

Chớ cho chìm đắm đoạ đày.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 止 chỉ, định. 聖 thành, thông minh. 臚 hô, to, nhiều. 艾 ngãi đồng với 乂 ngãi, chính trị. 淪 luân, chìm hãm. 胥 tư, lẫn nhau.

Nói cuộc tranh luận về việc nước tuy không quyết định, nhưng vẫn có người thông minh và đưa ngu si. Dân tuy không nhiều, nhưng vẫn có người cẩn thận hiểu biết sâu xa, vẫn có người mưu trí vẫn có người nghiêm chỉnh đoan trang vẫn có người đứng đắn hợp lý.

Nhưng vua không dùng người lành, thì người lành không thể tồn tại được, sẽ như dòng suối cứ chảy đi mất không trở lại nữa và sẽ chìm đắm rồi đến cảnh bại vong cả với nhau.

Thánh (thông minh), triết (hiểu biết sâu xa), mưu (mưu trí), túc (nghiêm kính), ngải (đứng đắn hợp lý) tức là đức của năm điều trong *Hồng phạm* (phép tắc chính đạo). Há lại người làm thơ này cũng muốn truyền cái học của Cơ Tử đây chăng?

Chú giải của Chu Hy

Thiên *Hồng phạm* (phép tắc chính đạo) trong kinh *Thư* chép lời đáp của Cơ tử tâu bày cùng Vũ vương: ... năm điều, thứ nhất là dáng mạo ở ngoài, thứ hai là lời nói, thứ ba là nhìn xem, thứ tư là lắng nghe, thứ năm là suy nghĩ. Dáng mạo ở ngoài phải cung kính, lời nói phải hợp lý, nhìn xem phải sáng suốt, lắng nghe phải thông hiểu, suy nghĩ phải thấu đáo. Dáng mạo hễ cung kính thì ra người nghiêm trang, lời nói hễ hợp lý thì người chỉnh trị đứng đắn, nhìn xem hễ sáng suốt thì ra người hiểu biết sâu xa, lắng nghe hễ thông hiểu thì ra người có mưu trí, suy nghĩ hễ thấu đáo thì ra người sáng suốt thông minh.

CHƯƠNG VI

不政暴虎

39. Bất cảm bạo hổ.

不敢馮河

40. Bất cảm bằng hà.

人知其一

41. Nhân tri kỳ nhất,

莫知其他

42. Mạc tri kỳ tha.

戰戰兢兢

43. Chiến chiến cằng cằng.

如臨深淵

44. Như lâm thâm uyên.

如履薄冰

45. Như lý bạc băng.

Dịch nghĩa

39. Không dám tay không mà bắt hổ.

40. Không dám đi không mà qua sông.

41. Người ta chỉ biết một việc mà thôi.

42. Chớ không biết đến những việc khác.

43. Phải e dè răn chừng phòng bị

44. Như mình đến bên vực sâu (sẽ bị té rớt xuống).

45. Như mình đi trên giá (nước đá) mỏng (dễ bị tan sập mà chìm xuống nước).

Dịch thơ

Bắt hùm chẳng dám tay không.

Không thuyền chẳng dám vượt sông một mình.

Người ta chỉ hiểu tinh một việc,

Lẽ khác thì chẳng biết đến đâu.

E dè phòng bị trước sau

Như đi trên miệng vực sâu nguy nàn.

Và trên giá mỏng sắp tan.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 暴 *bạo*, bất bằng tay không. 馮 *bằng*, đi ngang qua sông không cần thuyền, như nói bằng *phàm nhiên*. 戰戰 *chiến chiến*, lo sợ. 兢兢 *căng căng*, răn chừng giữ gìn. 如臨深淵 *như lâm thâm uyên* (đọc *uân* cho hợp vận), như đến bên vực sâu, sợ té rớt xuống. 如履薄冰 *như lý bạc băng*, như giẫm lên giá mỏng sợ bị sụp mà chìm luôn.

Những điều lo nghĩ của bọn tiểu nhân không thể hiểu biết đến tầm xa. Đối với hoạn nạn như tay không cầm khí giới mà bất hồ, không dùng thuyền mà qua sông, vì quá thiếu cận để thấy nên chúng biết mà tránh được. Còn như cái hoạ nước mất nhà tan vì rất kín đáo trong cõi vô hình, thì chúng không biết để lo xa.

Cho nên nói: Phải e dè phòng bị như mình đến bên vực sâu hay đi trên giá mỏng vậy. Đó là lời sợ hãi tai hoạ sẽ kíp đến nơi.

Thiên Tiểu mân có 6 chương, 3 chương 8 câu và 3 chương 7 câu.

Tô thị nói rằng: *Tiểu mân, Tiểu uyển, Tiểu bàn, Tiểu minh* bốn bài thơ này đều lấy chữ *tiểu* để phân biệt là thuộc phần thơ Tiểu nhĩ. Những bài thơ ấy thuộc phần Tiểu nhĩ thì gọi chung là *Tiểu mân, Tiểu uyển, Tiểu bàn, Tiểu minh*.

Còn những bài thơ thuộc phần Đại nhĩ thì gọi là *Thiệu mân, Đại minh*, mà chỉ thiếu về... *uyển* và... *bàn*. Ý định rằng do Khổng tử đã san định như thế.

Tuy bỏ tiếng *đại*, nhưng thuộc về *tiểu* vẫn cũng gọi *tiểu* vì là dùng theo cũ.

BÀI THỨ 202

CHƯƠNG I

小宛

Tiểu uyển. (Tiểu mãn 2)

宛彼鳴鳩

1. Uyển bỉ minh cưu

翰飛戾天

2. Hàn phi lệ thiên,

我心憂傷

3. Ngã tâm ưu thương

念昔先人

4. Niệm tích tiên nhân.

明發不寐

5. Minh phát bất my.

有懷二人

6. Hữu hoài nhị nhân.

Dịch nghĩa

1. Con chim minh cưu nhỏ nhen kia
2. Vỗ cánh bay đến tận trời.
3. Lòng ta ưu sầu đau đớn
4. Nhớ đến những tiên vương ngày xưa.
5. Thức đến sáng không ngủ,
6. Vì nhớ đến cha và mẹ.

Dịch thơ

Chim minh cưu nhỏ nhen nhen,

Tung bay đến tận lưng trời vút cao.

Lòng ta luống những ưu sầu

Tiên vương ngày trước rạt rào nhớ mong.

Thức nằm cho đến rạng đông

Mẹ cha hai đấng nhớ nhung ngậm ngùi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 宛 uyển, dáng nhỏ nhen. 鳴鵲 *minh cưu*, chín bam cưu. 翰 hàn, lông, cánh. 戾 lệ, đến. 明發 *minh phát*, nói gần rạng đông ánh sáng bắt chiếu lên. 二人 *nhị nhân*, hai người, cha và mẹ.

Đây là bài thơ lúc quan đại phu gặp thời loạn lạc, anh em khuyên răn nhau để tránh tai họa. Cho nên nói on chim nhỏ nhen kia cũng vỗ cánh bay đến tận trời, mà lòng ta sâu buồn đau đớn, há lại có thể không nhớ đến tiên vương ngày xưa hay sao? Cho nên đến sáng mà không ngủ cứ nhớ đến cha mẹ. Nói đó là mối đầu của việc khuyên răn nhau.

CHƯƠNG II

人之齊聖

7. Nhân chi tế thánh

飲酒溫克

8. Âm tửu ôn khắc.

彼昏不知

9. Bĩ hôn bất tri

壹醉日富

10. Nhất tuý nhật phú (phú).

各敬爾儀

11. Các kính nhi nghi.

天命不又

12. Thiên mệnh bất hựu.

Dịch nghĩa

7. Người kính cần thông minh.

8. Khi uống rượu thì ôn hoà, thắng được mình (không để mình khốn đốn vì rượu).

9. Còn kẻ u ám không biết gì kia (chỉ Vua)

10. Cứ chuyên chú vào việc say sưa, ngày càng thêm đậm.

11. (Nên nhớ rằng, ngài làm vua) được mọi người kính trọng uy nghi của ngài.

12. Và hễ mệnh trời đã đi thì không trở lại (mong Vua hiểu biết như thế để cải hoá)

Dịch thơ

Những người kính cần thông minh.

Rượu vào hoà nhã thắng mình uy nghi.

Người kia u ám mê si

Say ngày càng nặng li bì chẳng thôi.

Uy nghi được kính mọi người.

Chẳng hề trở lại mệnh trời đã đi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 齊 饗, kính. 聖 thánh, thông minh. 克 khắc, thắng, hơn. 富 phú, như. 甚 thậm, rất. 又 dịch, lại trở lại.

Nói người kính cần thông minh tuy say cũng ôn hoà cung kính giữ gìn để thắng mình, gọi là không bị rượu làm khốn đốn. Còn người kia u ám không hiểu gì, cứ khuyên chú vào việc say sưa ngày càng đậm. Cho nên nói mọi người đều kính cần uy nghi của ngài (Vua). Mệnh trời đã đi thì không

trở lại, không thể nào không lo sợ được. Lúc ấy Vua đã mất hết đức hạnh vì rượu, kẻ bề tôi lo cải hoá Vua, người em lấy cố ấy mà khuyên răn anh theo lời giải thuyết ở chương đầu.

CHƯƠNG III

- | | |
|------|----------------------------|
| 中原有菽 | 13. Trung nguyên hữu thúc, |
| 庶民采之 | 14. Thử dân thái chi. |
| 螟蛉有子 | 15. Minh minh hữu tử, |
| 蜾蠃負之 | 16. Quả loã phụ chi. |
| 敬誨爾子 | 17. Giáo hối nhi tử, |
| 式谷似之 | 18. Thúc cốc tự chi. |

Dịch nghĩa

13. Trong đồng bằng có cây đậu,
14. Thì dân chúng hái lấy.
15. Sâu minh linh có con,
16. Tò vò bắt sâu minh linh con ấy,
17. Hãy dạy dỗ con của ngài,
18. Dùng việc lành mà dạy dỗ thì đứa con ấy sẽ giống theo.

Dịch thơ

*Có cây đậu giữa đồng bằng
Nhân dân đến hái mà ăn thích tình.
Có con nhỏ sâu minh linh,*

Tò vò đến bắt mà giành đem nuôi.

Con ngài, lo dạy đi thôi,

Việc lành đem dạy, trẻ thời giống theo.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 中原 *trung nguyên* tức *nguyên trung*, ở trong đồng bằng. 荻 *thức*, cây dâu, đại dâu. 螟蛉 *minh linh*, con sâu nhỏ màu xanh ở trên cây dâu giống như con sâu đo. 螟蛉 *quả loã*, con ong đất, giống như con ong mà lưng nhỏ, con tò vò. Con tò vò bắt con sâu xanh ở cây dâu, đem về để vào lỗ cây, bảy ngày thì biến ra con của nó. 式 *thức*, dùng. 穀 *cốc*, tốt lành.

Trong đồng bằng có cây dâu thì người dân hái lấy, để khởi hứng rằng người có đạo lý tốt lành thì đâu đâu đều có thể dùng được cả. Sâu minh linh (sâu xanh trên cây dâu) có con, thì tò vò bắt minh linh con ấy để biến thành con tò vò, để khởi hứng rằng kẻ không giống mình có thể giáo hoá để trở thành giống mình. Hãy dạy dỗ con của ngài, dùng việc lành mà cải hoá giống theo, thì phải lắm, thì hay lắm, thì giống lắm. Đó là diễn tả cho hết ý khởi hứng của hai câu 11 và 12 ở chương II mà nói để khuyên răn chẳng những chỉ riêng lo cho bản thân mình cho trọn lành mà thôi, lại còn phải dạy dỗ con của mình, khiến nó làm lành nữa.

CHƯƠNG IV

題彼脊令

19. Đệ bỉ tích linh

載飛載鳴

20. Tái phi tái minh

我日斯邁

21. Ngã nhật tư mai,

而月斯征

22. Nhi nguyệt tư chinh.

夙興夜寐

23. Túc hưng dạ my,

毋忝爾所生

24. Vô thiểm nhĩ sở sinh.

Dịch nghĩa

19. Xem con chim tích linh kia

20. Vừa bay vừa kêu,

21. Ta thì ngày phải đi xa.

22. Em thì tháng cũng phải đi xa nữa,

23. Sớm thì dậy, đêm thì ngủ.

24. Em chớ làm điều gì nhục nhã đến cha mẹ đã sinh ra em.

Dịch thơ

Tích linh họ hãy nhìn theo,

Nó vừa bay liệng vừa kêu vui hoà.

Ta thì ngày phải đi xa,

Em thì tháng cũng đi ra dặm dài.

Tôi thì ngủ, sáng dậy ngay,

Chớ làm cha mẹ nhục lây vì mình.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 題 đề, xem. 脊 令 tích linh tích linh bay thì kêu, đi thì lắt. 載 tái, thì. 而 nhi, mây. 忝 thiểm, nhục.

Xem chim tích linh kia vừa bay vừa kêu. Ta thì ngày phải đi xa, em thì tháng phải đi nữa. Nói mỗi người đều phải gắng sức vào trách vụ của mình, không thể nhàn dật ở không mà mang họa. sợ e không kịp tiếp cứu lẫn nhau. Sớm thì đây, tối thì ngủ mỗi người đều mong không có điều gì nhục nhã đến cha mẹ mà thôi.

CHƯƠNG V

交交桑扈

25. Giao giao tang hộ

率場啄粟

26. Suất trường trác túc.

哀我填寡

27. Ai ngã điền quả,

宜岸宜獄

28. Nghi ngạn, nghi ngục.

握粟出卜

29. Ác túc xuất bốc,

自何能谷

30. Tự hà năng cốc

Dịch nghĩa

25. Chim tang hộ bay qua bay lại.

26. (Không có thịt để ăn nữa) phải ra khoảng đất trống mớ lúa mà ăn.

27. Thương xót ta đã bịnh tật lại lẻ loi,

28. Mà đã phải bị giam hãm vào tù ngục.

29. Ta nắm lấy mớ lúa ra bốc xem (đời sống có tốt lành hơn không).

30. Thì thấy rằng: Làm sao mà tự tốt lành được (vì chính trị quá bạo ngược)?

Dịch thơ

Lướt bay tang hộ lại qua

Lúa nơi khoảng trống đến mà mổ ăn.

Thương ta bệnh tật cô đơn

Mà còn mắc phải nguy nan ngục hình.

Ta cầm mổ lúa bói mình:

Làm sao mà tự tốt lành được cho?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 交交 *giao giao*, dánh qua lại. 桑扈 *tang hộ*, chim tang hộ, cũng gọi là chim thiết chi, tục gọi là chim thanh chuỷ, ăn thịt chứ không ăn lúa. 填 *điền* đồng với 癰 *điên*, bệnh. 岸 *ngạn* cũng là 獄 *ngục*, nhà ngục, nhà tù. *Hàn thi* viết 犴 *ngạn*. Nhà giam ở làng ấp gọi *ngạn*, ở triều đình gọi *ngục*.

Chim tang hộ không ăn lúa mà nay phải ra khoảng đất trống mổ lúa ăn. Những kẻ bệnh tật, cô đơn không nên bị giam bị giữ, mà nay đã bị giam giữ. Nói vua không thương xót kẻ cô đơn lẻ loi không vợ không chồng, lại thích hãm hại những kẻ lẻ loi ấy vào hình án. Nhưng không thể không tự tìm con đường tốt lành hơn để sống, mới nắm mổ lúa ra bói xem. Nói rằng: Làm sao có thể tốt lành được (để sống)? Nói nắm mổ lúa là để thấy rất nghèo khổ.

CHƯƠNG VI

溫溫恭人

31. Ôn ôn cung nhân

如集于木

32. Như tập vu mộc.

惴惴小心

33. Chuế chuế tiểu tâm

如臨于谷

34. Như lâm vu cốc.

戰戰兢兢

35. Chiến chiến cằng cằng.

如履薄冰

36. Như lý bạc băng.

Dịch nghĩa

31. Người cung kính dịu hòa,

32. Cũng như đứng chơi vơi trên cây cao.

33. Phải lo sợ cẩn thận

34. Cũng như đến bên hang sâu.

35. Phải lo sợ cẩn thận,

36. Cũng như đi trên giá mỏng (sợ bị tan sụn mà chìm hăm).

Dịch thơ

Dịu hoà cung kính hỡi người!

Trên cây như đứng giữa vời trong không.

Phải lo cẩn thận lấy lòng

Như bên vực thăm, đề phòng kẻ sa,

Phải lo sợ giữ lấy ta,

Như trên giá mỏng bước qua e dè.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 溫溫 ôn ôn, dáng dịu hoà.
如集于木 *như tập vu mộc*, như đậu trên cây, sợ bị té xuống.

如臨于谷 *như lâm vu cốc*, như đến bên hang, sợ bị rớt xuống.

Chú giải của Dịch giả

Mao thi: Đòi suy loạn, hiền nhân quân tử tuy vô tội cũng phải kính sợ tai họa đến thành linh.

Thiên Tiểu uyên có 6 chương, mỗi chương 6 câu.

Lời văn của thơ này rõ ràng vô cùng, mà tình ý rất thâm thiết. Người làm thơ kể sự việc ra đây ắt muốn làm lời châm biếm vua, cho nên lời nói xuyên tạc vụn vặt rất vô lý. Nay đều sửa đổi chính định lại, đọc giả hãy rõ.

BÀI THỨ 203

CHƯƠNG I

小弁

Tiểu biên. (Tiểu mãn 3)

弁彼鶯斯

1. Biên bỉ oanh tư

歸飛提提

2. Quy phi thì thì.

民莫不谷

3. Dân mạc bất cốc,

我獨于罹

4. Ngã độc vu ly.

何辜于天

5. Hà cô vu thiên?

我罪伊何

6. Ngã tội y hà?

心之憂矣

7. Tâm chi ưu hĩ

雲如之何

8. Vân như chi hà?

Dịch nghĩa

1. Con quạ kia vỗ cánh,
2. Bay thành bầy trở về an nhàn.
- 3 Người dân không ai là không yên lành,
4. Riêng một mình ta ưu sầu.
5. Ta có tội gì với Trời?
6. Tội của ta là tội gì?
7. Lòng ta ưu sầu
8. Biết than thở nói làm sao?

Dịch thơ

*Quạ kia tung cánh lướt bay
Trở về kết tập thành bầy thanh thoi,
Dân không ai chẳng yên nơi,
Riêng mình ta phải bồi hồi sầu bi.
Với Trời ta có tội gì?
Rằng ta phạm đến tội chi đây mà?
Ưu sầu đau đôn lòng ta,
Biết than thở với nói ra thế nào?*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 弁 *bàn*, dáng chim bay vỗ cánh. 鵲 *dư* một loại quạ, nhỏ mà kết thành nhiều bầy, dưới bụng màu trắng, miền Giang Đông gọi là chim áp ô. 斯 *tu* (đọc *ty* cho hợp vận), tiếng dèm. 提提 *thì thì*, dáng bay thành bầy an nhàn. 穀 *cốc*, lành tốt. 罹 *ly*, ưu sầu.

Theo thuyết xưa ở sách *Mao thi*, thái tử Nghi Cữu, con của U vương bị phế mà làm bài thơ này. Nói con quạ kia vỗ

cánh lướt bay trở về thành bầy rất an nhàn. Người dân không ai là không yên ổn tốt lành, mà chỉ một mình ta ưu sầu, thì cũng không bằng con quạ ấy. Ta đã phạm tội gì với trời, tội của ta là tội gì? Tuy oán hận mà vẫn nhớ thương.

Vua Thuấn gào khóc với Trời rằng: Cha mẹ chẳng thương ta. Ta có tội tình gì phải đến như thế vậy thay? Thì những lời than thở ở trên cũng giống như thế.

心之憂矣 *tâm chí ưu hĩ*, lòng ta lo buồn. 云如之何 *vân như chi hà*? Còn biết than thở nói làm sao nữa? Đó là lời than khi biết chẳng thể làm sao được, đành phải an phận.

CHƯƠNG II

蹢躅周道

9. Địch địch chu đạo

鞠爲茂草

10. Cúc vì mậu thảo

我心憂傷

11. Ngã tâm ưu thương

惄焉如擣

12. Nịnh yên phư đào

假寐永歎

13. Giả my vĩnh thán

維憂用老

14. Duy ưu dụng lão

心之憂矣

15. Tâm chí ưu hĩ

疢如疾首

16. Sấn như tật thủ.

Dịch nghĩa

9. Con đường to bằng phẳng dễ dàng,

10. Bị cùng lấp vì cỏ mọc rườm rà.

11. Lòng ta ưu sầu đau đớn

12. Khi tưởng nhớ đến như bị đâm bị giã.
 13. Ta không thay áo không cởi mào nằm ngủ cứ thở
 than mãi
 14. Chỉ sầu buồn mà hóa ra già.
 15. Lòng ta ưu sầu
 16. Đau đớn như bị chứng nhức đầu vậy.

Dịch thơ

*Đường to bằng phẳng dễ dàng
 Cỏ lên rậm rạp lấp ngang khắp rồi,
 Lòng ta đau đớn bồi hồi
 Như đâm như giã, nhớ thời xót thay!
 Nằm nguyên áo mào than dài,
 Sầu buồn đến nỗi biến ngay ra già.
 Tắc lòng sầu khổ xót xa
 Đớn đau như thể sinh ra nhức đầu.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng 踽踽 *địch dịch*, bằng phẳng dễ đi. 周道 *chu đạo*, đường to. 鞠 *cúc*, cùng tận. 惄 *ninh*, tưởng nhớ. 擣 *đào* (đọc *đầu* cho hợp vận), giã gạo. 假寐 *giả my*, nằm ngủ mà không cởi áo cởi mào. 戾 *sán*, bình tắt.

Con đường to bằng phẳng dễ dàng sắp bị lấp cùng vì cỏ mọc rườm rà. Lòng ta ưu sầu đau đớn, khi tưởng nhớ đến như bị đâm giã. Tình thần mờ ám cho đến cứ không thay áo cởi mào nằm ngủ mà cũng không quên than thở mãi vì lòng buồn quá sâu sắc. Cho nên chưa già mà đã ra già, đau đớn

như bị chúng nhúc đầu thì nỗi sầu buồn càng nặng nề hơn nữa.

CHƯƠNG II

- | | |
|------|-------------------------|
| 維桑與梓 | 17. Duy tang dữ tử |
| 必恭敬止 | 18. Tất cung kính chỉ. |
| 靡瞻匪父 | 19. Mỹ chiêm phi phụ. |
| 靡依匪母 | 20. Mỹ y phi mẫu. |
| 不屬於毛 | 21. Bất chúc vu mao? |
| 不罹于裏 | 22. Bất lệ vu lý? |
| 天之生我 | 23. Thiên chi sinh ngã, |
| 我辰安在 | 24. Ngã thời an tại? |

Dịch nghĩa

17. Chỉ có cây dâu và cây thị do cha mẹ trồng
18. Là ta ắt phải cung kính
19. Chẳng ngưỡng trông vào người chẳng phải cha mình.
20. Chẳng nương tựa vào người chẳng phải mẹ mình.
21. (Nhưng cha mẹ đã chẳng thương ta) thì ta lại chẳng phải liên thuộc vào mấy lông dư khí của cha mẹ hay sao?
22. Và ta lại chẳng phải nằm vào trong lòng dạ của cha mẹ mà sinh ra hay sao?
23. Trời sinh ta ra
24. Mà cái thời tốt lành của ta đâu?

Dịch thơ

Thị, dâu cha mẹ trồng lên,
Tất nhiên yêu kính ta nên dốc lòng.
Không là cha, chẳng ngưỡng trông.
Không là mẹ ruột chẳng mong tựa vào.
Mây lông chẳng thuộc hay sao?
Há lòng mẹ chẳng nằm vào sinh ra?
Ông Trời đã trót sinh ta,
Thời ta tốt đẹp nay là ở đâu?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 桑梓 *tang tử* (đọc tử cho hợp vận), cây dâu và cây thị. Ngày xưa ở khu đất năm mẫu để làm nhà cây dâu cây thị được trồng ở dưới tường dành truyền cho con cháu để có lá dâu mà nuôi tằm, có gỗ thị mà làm vật dụng. 瞻 *chiêm*, tôn kính mà chiêm ngưỡng. 依 *y*, thân mến mà dựa vào. 屬 *chức*, liên thuộc vào. 毛 *mao*, lông tóc là cái khí thừa liên thuộc vào thân thể. 離 *lệ*, mắc vào. 裹 *lý*, bọc dạ. 辰 *thời* như 時 *thì*, thời buổi, lúc.

Nói cây dâu cây thị của cha mẹ trồng, ta ắt vẫn phải thêm lòng cung kính. Huống chi cha mẹ là bậc cao cả nhất, thân thiết nhất, chẳng ai lại chẳng ngưỡng trông tựa vào. Nhưng cha mẹ lại không thương ta, ta há lại chẳng phải liên thuộc vào mây lông dư khí của cha mẹ hay sao? Há lại ta chẳng nằm vào trong bụng dạ của cha mẹ mà sinh ra hay sao?

Không có ai để đổ tội thì đổ tội cho Trời mà nói rằng: Há lại ta sinh vào thời chẳng lành chẳng? Sao lại chẳng lành như thế?

CHƯƠNG IV

- | | |
|------|------------------------|
| 菀彼柳斯 | 25. Uất bĩ liễu tư |
| 鳴蜩嘒嘒 | 26. Minh điều huệ huệ. |
| 有漙者淵 | 27. Hữu thôi giả uyên |
| 萑葦淠淠 | 28. Hoàn vi tử tử. |
| 譬彼舟流 | 29. Tỷ bĩ chu lưu |
| 不知所屆 | 30. Bất tri sở giới. |
| 心之憂矣 | 31. Tâm chi ưu hĩ |
| 不遑假寐 | 32. Bất hoàng giả my. |

Dịch nghĩa

25. Cây liễu kia, um tùm tươi tốt,
26. Thì có con ve đậu vào kêu ra rả.
27. Cái vực sâu thẳm
28. Thì có cây vi lau mọc lên rườm rà.
29. (Ta bị cha mẹ đuổi bỏ, không được tựa nương) tỷ như chiếc thuyền trôi linh đình.
30. Không biết phiêu bạt đến nơi nào.
31. Cho nên lòng ta ưu sầu
32. Không còn rảnh rang nằm ngủ để luôn cả áo mào nữa.

Dịch thơ

*Liễu kia rập rập tươi xanh,
Ve kêu ra rả trên cành thanh tao.
Có kia một cái vực sâu,
Rườm rà mọc khắp vì lau xanh rì.
Ta như thuyền nọ trôi đi.
Biết là phiêu bạt lưu ly chốn nào?
Lòng ta bức rức sâu đau,
Ngủ nguyên áo mào rảnh đâu nữa mà?*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 苑 *uất*, dáng rườm rà xum xuê. 蛸 *điều* con ve. 嘒嘒 *huệ huệ*, tiếng kêu. 漭 *thôi*, dáng sâu. 滟滟 *tỷ tỷ*, đông nhiều. 屆 *giới*, đến. 遑 *hoàng*, rảnh rang.

Cây liễu kia xum xuê thì có con ve kêu ra rả, có cái vực sâu thì cây vì lau mọc lên um tùm (nói con ve phải nương vào cây liễu mà sống, cây vì lau phải tựa vào vực sâu mà mọc). Nay chỉ riêng ta bị đuổi bỏ (không được nương tựa vào cha mẹ) như chiếc thuyền trôi trên dòng nước, không biết sẽ phiêu bạt đến nơi nào. Cho nên ta ưu sầu thảm thiết. Khi xưa ta còn để nguyên áo mào mà ngủ chớ nay thì ta không còn rảnh rang để ngủ như thế nữa.

CHƯƠNG V

鹿斯之奔

33. Lộc tư chi bôn,

維足伎伎

34 Duy túc kỳ kỳ.

雉之朝 雉

35. Trĩ chi triều cẩu

尚求其雌

36. Thượng cẩu kỳ thư.

譬彼壞木

37. Tỉ bỉ hối mộc

疾用無枝

38. Tất dụng vô chi.

心之憂矣

39. Tâm chi ưu hĩ

寧莫之知

40. Ninh mạc chí tri.

Dịch nghĩa

33. Con hươu rong chạy.

34. Chân đều đều thư thả để đời bấy.

35. Con trĩ buổi sáng kêu lên

36. Còn biết tìm chim trĩ mái.

37. (Riêng ta bị đuổi bỏ) tỷ như thân cây bị thương bị bệnh kia.

38. Đau đớn tiêu tụy không hành.

39. Cho nên lòng ta ưu sầu.

40. Mà sao chẳng ai hiểu biết?

Dịch thơ

Con hươu nó đã chạy rong.

Chân đều đều tiến thung dung đời bấy.

Trĩ kêu trong buổi sáng ngày

Để tìm trĩ mái sum vầy cùng nhau.

Ta như cây bị thương đau,
 Không cành, bệnh tật héo xài xót thay!
 Lòng ta sầu não ưu hoài
 Sao mà chẳng có một ai hiểu lòng?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng, 伎伎 kỳ, đáng thư thả, đáng phải mau gấp mà lại thư thả để chờ đợi bấy. 雖 cấu, chim trĩ kêu. 壞 hối, bị thương bị bệnh. 寧 ninh như 何 hà, sao?

Con hươu rong chạy, chân thư thả không gấp rút, con chim trĩ buổi sáng kêu lên cũng biết tìm bạn lứa của nó. Nay ta riêng một mình bị đuổi bỏ, như thân cây bị bệnh bị thương, tiêu tụy không cành, cho nên ta buồn đau mà không ai hiểu biết.

CHƯƠNG VI

- | | |
|------|---------------------------|
| 相彼投冤 | 41. Tương bỉ đầu thố, |
| 尚或先之 | 42. Thượng hoặc tiên chi. |
| 行有死人 | 43. Hành hữu tửu nhân, |
| 尚或墮之 | 44. Thượng hoặc cận chi. |
| 君子秉心 | 45. Quân tử bĩnh tâm |
| 維其忍之 | 46. Duy kỳ nhẫn chi. |
| 心之憂矣 | 47. Dân chi ưu hĩ, |
| 涕既隕之 | 48. Thế ký vãn chi. |

Dịch nghĩa

41. Xem con thỏ bị đuổi chạy kia,
42. Còn có người liền giải thoát cứu nó.
43. Trên đường có người chết,
44. Còn có kẻ chôn cất cho.
45. Vua cha (quân tử) giữ lòng
46. Nhẫn tâm người nữ chẳng cùng đoái thương.
47. Cho nên lòng ta đau buồn,
48. Nước mắt nước mũi rơi lả tả.

Dịch thơ

*Thỏ kia đuổi chạy hãy trông,
Có người cứu thoát khỏi vòng nguy nan.
Có thân chết ở bên đường.
Được người chôn cất đáng hoàng lo xong.
Vua cha người đã cầm lòng,
Nhẫn tâm người nữ chẳng cùng đoái thương.
Lòng ta sầu não thê lương,
Lệ và nước dãi đã tuôn dầm dề.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc húng. 相 *tướng*, xem. 投 *đầu*, chạy. 行 *hành*, đường đi. 堽 *cân*, chôn. 秉 *bỉnh*, cầm nắm. 隕 *vấn*, rơi.

Xem con thỏ bị người ta đuổi chạy kia, còn có người thương xót cảnh cùng bách liền giải thoát cứu cho. Trên đường có người chết, còn có kẻ thương xót cảnh thi hài bộc lộ chôn cất cho. Đó đều là lòng chẳng nữ. Nay vua tin lời sàm

tấu đuổi bỏ con đi. Đứa con ấy thường xem chẳng bằng con thỏ bị đuổi và người chết ngoài đường kia đây. Thì vua cha đã giữ lòng quá bất nhẫn, cho nên lòng ta đau buồn mà lệ rơi tầm tã.

CHƯƠNG VII

- | | |
|------|-----------------------|
| 君子信讒 | 49. Quân tử tin sàm |
| 如或酬之 | 50. Như hoặc thù chi. |
| 君子不惠 | 51. Quân tử bất huệ, |
| 不舒究之 | 52. Bất thư cứu chi. |
| 伐木猗矣 | 53. Phạt mộc kỷ hĩ. |
| 析薪樵矣 | 54. Tích tân xỉ hĩ. |
| 舍彼有罪 | 55. Xả bỉ hữu tội, |
| 予之佗矣 | 56. Dư chi thoá hĩ. |

Dịch nghĩa

49. Vua tin lời sàm nịnh
50. Như có kẻ rót rượu mời thì Vua uống ngay (không cần xem xét ngon dở).
51. Vua đã chẳng thương đến ta,
52. Chẳng chịu thư thả xem xét những lời sàm nịnh hại ta.
53. Người đốn cây còn biết kê cái ngọn (cho thân cây hạ xuống từ từ).
54. Người chẻ củi còn biết theo số gỗ mà bửa.

55. Vua tha cho kẻ có tội kia.

56. Rồi lại gia tội vào ta.

Dịch thơ

Lời sàm Vua đã tin rồi

Như vừa trao rượu, Vua thời uống ngay,

Vua không tưởng đến thân này

Chẳng thèm xem xét dỗi ngay thế nào.

Đốn cây kê ngọn lên cao

Củi thì theo số bữa vào tách ra

Kẻ kia có tội Vua tha,

Lại thêm trọng tội vào ta thế này.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú mà hứng 酬 *thù* (đọc *thụ* cho hợp vận), báo đáp. 惠 *huệ*, thương. 舒 *thư*, hoãn chậm. 究 *cứu*, xét. 掎 *kỷ* (đọc *ca* cho hợp vận) kê lên, lấy đồ kê cái ngọn 榘 *xỉ* (đọc *tha* cho hợp vận), xuôi theo số gỗ. 佗 *thoa* (đọc *tha* cho hợp vận) thêm vào.

Nói Vua chỉ nghe lời sàm nịnh, như hề được chén rượu người rót mời, liền nhận mà uống ngay, vẫn không thêm lòng thương yêu ta để thư thả xem xét những lời sàm nịnh hại ta ấy. Ôi! Nếu thư thả xem xét đến thì sẽ nhận được ngay tình ý của kẻ sàm nịnh.

Người đốn cây còn lấy đồ kê cái ngọn cho thân cây lần lần ngã xuống. Người chẻ củi còn biết theo số gỗ mà bữa, đều không chẻ đốn càn.

Nay vua tha cho kẻ có tội sàm nịnh kia rồi gia tội vào ta chẳng tội tình gì, thật là không bằng người đồn cây chẻ củi vậy. Vì đó mà khởi hứng.

CHƯƠNG VIII

- | | |
|--------|----------------------------|
| 莫高匪山 | 57. Mạc cao phi san |
| 莫浚匪泉 | 58. Mạc tuấn phỉ tuyên. |
| 君子無易由言 | 59. Quân tử vô dị do ngôn, |
| 耳屬于垣 | 50. Nhĩ chức vu viên. |
| 無逝我梁 | 61. Vô thế ngã lương. |
| 無發我筍 | 62. Vô phát ngã cẩu |
| 我躬不閱 | 63. Ngã cung bất duyệt |
| 遑恤我後 | 64. Hoàng tuất ngã hậu. |

Dịch nghĩa

57. Không có gì cao nếu chẳng phải là núi.
58. Không có gì sâu nếu chẳng phải là suối.
59. Vua chớ dễ nghe lời sàm nịnh.
60. Vì có kẻ kẻ tai bên vách mà nghe.
61. Chớ đi trên đập đá của ta
62. Chớ mở cái đố của ta mà lấy cá.
63. Thân của ta còn không được dung
64. Thì còn rảnh rang chi để thương xót cho những nỗi sau này của ta nữa.

Dịch thơ

*Không là núi, chẳng gì cao,
Nếu không phải suối gì sâu cho bằng,
Vua đừng nghe tiếng nịnh xằng.
Người nghe bên vách vốn hằng kể tai.
Chớ đi trên đập ta này,
Đó ta bắt cá chớ rày mở tung.
Thân ta còn chẳng được dung.
Nỗi sau đâu rảnh mà hồng xót thương.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú mà tỹ
Núi thì tốt cao, mà cũng có kẻ trèo lên trên đỉnh.

Suối thì tốt sâu, mà cũng có kẻ lặn vào tận đáy. Cho nên Vua không thể dễ nghe lời kẻ sàm nịnh, vì sợ rằng có người kể tai bên vách mà nghe, có người dòm ngó kẻ tả hữu mà sinh ra lời sàm nịnh gièm pha.

Nhưng rốt cuộc vua U vương đem nàng Bao Tự làm hoàng hậu, đem Bá Phục làm thái tử. Cho nên mới báo cho biết rằng. Chớ đi trên cái đập bắt cá của ta. Chớ mở cái đó của ta. Nhưng chính thân ta còn không được dung thay, thì còn rảnh rang chi mà thương xót cho những nỗi sau này của ta nữa! Đó là lời thuộc tỹ.

Lữ thị ở Đông Lai nói rằng: Đường Đức tông sắp phế Thái tử để lập Thư vương. Lý Bí can ngăn lại nói rằng: Mong Bệ hạ trở về cung, chớ để lộ cái ý ấy ra. Kẻ tả hữu nghe được sẽ lập công với Thư vương, thì Thái tử sẽ nguy mất.

Chính đó là nói vua chớ để nghe lời, có kẻ kể tai bên vách để nghe.

Thơ *Tiểu bàn* được làm ra khi Thái tử Nghi Cữu đã bị phế mà nói ra như thế. Vì là suy tìm cái nguyên do đã sinh ra biến loạn mà lời nói có thứ bậc.

Thiên Tiểu bàn có 8 chương, mỗi chương 8 câu.

U vương cưới vợ ở nước Thân, sinh ra Thái tử Nghi Cữu, về sau vua được nàng Bao Tự và bị mê hoặc, sinh ra Bá Phục. U vương nghe lời sàm nịnh của Bao Tự truất phế Hoàng hậu họ Thân và đuổi Thái tử Nghi Cữu. Cho nên Nghi Cữu làm bài thơ này để tự oán hận.

Bài tự ở sách *Mao thi* cho là thầy dạy học của Thái tử Nghi Cữu thuật lại tâm tình của Thái tử mà làm bài thơ này, thì không biết căn cứ vào đâu.

Lời giải thích ở sách *Mao thi* chép rằng; Cao tử nói: Thiên *Tiểu bàn* là thơ của đứa tiểu nhân. Mạnh tử nói: Tại sao lại nói như thế? Đáp: Vì oán hận cha mẹ. Mạnh tử nói: Cố chấp thay lão Cao tử về kinh *Thi*! Tỷ như có một người ở tại đây bị người nước Việt giương cung bắn, thì ta chỉ nói cười mà khuyên ngăn. Chẳng có gì lạ, chỉ vì tình xa lạ giữa ta và người nước Việt ấy. Còn như anh mình giương cung sắp bắn người ấy, thì ta phải rơi lệ khóc ngăn. Chẳng có gì lạ, chỉ vì tình thân thích giữa ta và anh ta.

Lời oán hận cha mẹ trong thiên *Tiểu bàn* là tình thân yêu cha mẹ.

Thân yêu cha mẹ tức là lòng nhân. Cố chấp thay sự giải nghĩa kinh *Thi* của Cao tử!

Lại hỏi: Còn thiên *Khải phong* (bài thứ 32, Bội phong 7) sao chẳng có lời oán hận cha mẹ! Mạnh tử đáp: Thiên *Khải phong* nói về cái lỗi nhỏ của cha mẹ. Còn thiên *Tiểu bàn* nói về cái lỗi to của cha mẹ. Đối với cái lỗi to của cha mẹ, mình không oán hận, tức là mình coi cha mẹ lợt lạt như người dưng. Đối với cái lỗi nhỏ của cha mẹ, mình lại oán hận, tức là mình không dần cơn nóng giận nhỏ nhen. Coi cha mẹ lợt lạt

hơn người dưng là bất hiếu. Không dần cơn nóng giận nhỏ nhen cũng là bất hiếu.

Khổng tử nói rằng: Ông Thuấn là người rất có hiếu, đến tuổi năm mươi mà còn quyến luyến cha mẹ. (*Mạnh tử*, Cao tử chương cú hạ).

BÀI THỨ 204

CHƯƠNG I

巧言

Xảo ngôn (Tiểu măn 4)

悠悠昊天

1. Du du hạo thiên

曰父母且

2. Viết phụ mẫu thư.

無罪無辜

3. Vô tội vô cô

亂如此憯

4. Loạn như thử vũ.

昊天已威

5. Hạo thiên dĩ uy,

予慎無罪

6. Dư thận vô tội.

昊天泰憯

7. Hạo thiên thái vũ

予慎無辜

8. Dư thận vô cô.

Dịch nghĩa

1. Trời xa vời to rộng
2. Gọi là cha mẹ của loài người.
3. Loài người vô tội
4. Lại gặp phải loạn lạc to tát như thế.

5. Trời rất uy nghiêm.
6. Mà ta xét lấy ta thì vô tội.
7. Trời rất to lớn,
8. Mà ta xét lấy ta thì vô tội (mong Trời đừng gieo hoạ cho kẻ vô tội).

Dịch thơ

Trời kia to rộng xa vời

Gọi là cha mẹ loài người trần gian.

Loài người vô tội vô can

Gặp con đại biến nguy nàn khổ đau.

Uy nghiêm Trời đáng tối cao,

Xét thì ta chẳng tội nào mảy may.

Ông Trời to lớn lắm thay!

Xét thì vô tội ta đây rõ ràng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 悠悠 *du du*, dáng xa vời to lớn. 且 *thư*, tiếng đệm. 憫 *hô* to 已 *đĩ*, 泰 *thái*, đều có nghĩa là rất. 慎 *thận*, thăm xét.

Quan đại phu bị hại vì những lời sàm nịnh, mà không có chỗ nào kêu gào được, mới bày tỏ cùng Trời rằng: Trời to rộng xa vời kia là cha mẹ của loài người, sao lại khiến người vô tội phải gặp biến cố lớn lao như thế? Cái oan của Trời rất lớn lao, mà ta xét lấy ta thì ta vô tội. Cái oai của Trời rất to tát, mà ta xét lấy ta thì vô tội (mong Trời đừng gieo tai hoạ xuống cho kẻ vô tội). Đó là lời bày tỏ cùng Trời để mong được miễn những tai hoạ.

CHƯƠNG II

亂之初生	9. Loạn chi sơ sinh
僭始既涵	10. Tiếm thủy ký hàm.
亂之又生	11. Loạn chi hựu sinh
君子信讒	12. Quân tử tín sàm.
君子如怒	13. Quân tử như nộ
亂庶遄沮	14. Loạn thứ thuyên tử.
君子如祉	15. Quân tử như sĩ
亂庶遄已	16. Loạn thứ thuyên dĩ.

Dịch nghĩa

9. Biến loạn lúc mới sinh ra
10. Chỉ vì những mối không đáng tin đã được vua chứa chấp.
11. Biến loạn lại phát sinh ra.
12. Chỉ vì vua tin dùng đứa sàm nịnh.
13. Nếu như vua nổi giận (trách phạt đứa sàm nịnh)
14. Thì biến loạn hy vọng sẽ được dứt ngay.
15. Nếu vua vui vẻ (thâu dụng người tài)
16. Thì biến loạn hy vọng sẽ được dứt hẳn.

Dịch thơ

Cơn nguy loạn mới phát sinh

Vì vua chứa mối khó tin đây đây.

Cơn nguy loạn lại phát ngay

Vì rằng sàm nịnh vua hay tin dùng.

Đứa gian vua giận dùng dùng

Thì cơn biến loạn mới hòng dứt ngay.

Nếu Vua vui nhận hiền tài

Thì cơn biến loạn mong ngày được yên.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 僭始 *tiếm thủy*, đầu mối của sự không tin. 涵 *hàm*, dung chứa. 君子 *quân tử*, chỉ vua 遑 *thuyền*, mau gấp. 沮 *tử*, dừng. 祉 *sĩ* như 喜 *hỉ*, vui.

Nói loạn lạc sở dĩ sinh ra do người sàm nịnh đem lời không thể tin được chen vào, lại được vua nghe theo mà không xem xét là chân chính hay nguy trá. Loạn lạc sở dĩ lại sinh ra vì vua đã nghe lời sàm nịnh rồi lại còn trọng dụng đứa sàm nịnh ấy nữa.

Nếu vua nhận thấy được lời của kẻ sàm nịnh mà nổi giận trách phạt, thì loạn biến sẽ hy vọng được dứt ngay.

Nếu vua nhận thấy được lời của người hiền tài mà vui vẻ thân nạp, thì loạn biến sẽ hy vọng được dứt ngay.

Nay vua cứ chứa chấp mà không quyết đoán, cứ tin theo lời sàm nịnh mà không phân biệt, thì đứa sàm nịnh được thắng thế, mà người quân tử càng yếu suy.

Tô thị nói rằng: Đứa tiểu nhân làm điều sàm nịnh ở bên vua, ắt theo đường lối lần lần xâm nhập vào. Mới bắt đầu tâu lời sàm nịnh để thử xem. Nếu vua chứa chấp không cự tuyệt, thì biết lời sàm nịnh ấy không bị ghét bỏ, chúng lại tâu những lời sàm nịnh khác, hễ vua cứ tin theo mãi thì biến loạn sẽ tạo thành ngay.

CHƯƠNG III

- | | |
|------|---------------------------|
| 君子屢盟 | 17. Quân tử lữ minh, |
| 亂是用長 | 18. Loạn thị dụng trường. |
| 君子信盜 | 19. Quân tử tín đạo, |
| 亂是用暴 | 20. Loạn thị dụng bạo. |
| 盜言孔甘 | 21. Đạo ngôn khổng cam, |
| 亂是用餗 | 22. Loạn thị dụng đàm. |
| 匪其止共 | 23. Phi kỳ chỉ cung, |
| 維王之邛 | 24. Duy vương chi cùng. |

Dịch nghĩa

17. Vua đã lăm lăm uống máu thề nguyên với các nước,
18. Thì biến loạn cứ nảy nở thêm.
19. Vua tin theo đứa tiểu nhân,
20. Thì biến loạn càng hung bạo.
21. Lời của đứa tiểu nhân rất ngon ngọt.
22. Thì biến loạn càng tiến tới,
23. Chúng chẳng làm tròn chức vụ của chúng,
24. Chúng chỉ gây tai hại cho vua.

Dịch thơ

Vua thề đã lăm lăm rồi.

Thì cơn biến loạn đã bồi thêm ra,

Vua tin theo đứa gian ngoa,

Thì cơn biến loạn càng là bạo hung,

Lời gian ngon ngọt vô cùng,

Thì cơn biến loạn lại đồng tiến cao.

Chẳng tròn chúc vụ đã trao,

Chỉ gây tai hại dồi dào cho vua.

Chú giải Chu Hy

Chương này thuộc phú. 屢 *lũ*, nhiều lần. 盟 *minh* (đọc *mạng* cho hợp vận), thề. Các nước có điều nghị kị nhau, thì giết sinh vật, uống máu mà thề, cáo với thần linh để bó buộc lẫn nhau tuân theo lời giao ước. 盜 *đạo* (trộm), chỉ dứa sàm nịnh. 饕 *đam*, tiến tới. 兇 *cùng*, bịnh.

Nói vua không ngăn dứt biến loạn, cứ mãi thề thốt để bó buộc lẫn nhau tuân theo lời giao ước (đã thề rồi lại bội thề, phải thề lại rồi lại bội thề nữa, cứ thế đi thế lại lần lần) cho nên biến loạn cứ nảy nở thêm.

Vua không thể ngăn dứt lời sàm nịnh mà lại tin theo dứa tiểu nhân để làm việc tàn ngược, thì biến loạn lại càng hung bạo hơn.

Lời sàm nịnh đẹp dẽ như món ngon lạ để ăn khiến người ta ham thích mà không chán, thì biến loạn càng tiến tới nữa.

Nhưng những kẻ sàm nịnh ấy không thể làm tròn chúc vụ của mình, chúng chỉ gây ra những tai hại cho vua mà thôi.

Này, thuốc hay thì đắng miệng mà có lợi cho việc trị bịnh. Lời trung trực thì trái tai nhưng có lợi cho việc làm.

Nếu chỉ nghe lời êm đẹp mà vui thích, thì nước nhà há lại chẳng nguy hại hay sao?

CHƯƠNG IV

- | | |
|------|---------------------------|
| 奕奕寢廟 | 25. Dịch dịch tẩm miếu |
| 君子作之 | 26. Quân tử tác chi. |
| 秩秩大猷 | 27. Trật trật đại du |
| 聖人莫之 | 28. Thánh nhân mạc chi. |
| 他人有心 | 29. Tha nhân hữu tâm, |
| 予忖度之 | 30. Dư thốn độ chi. |
| 躍躍龜兔 | 31. Dịch dịch tàn thố |
| 遇犬獲之 | 32. Ngộ khuyến hoạch chi. |

Dịch nghĩa

25. Miếu đường to tát để thờ cúng
26. Do vua làm ra
27. Đạo lý có trật tự to tát
28. Do thánh nhân định ra.
29. Người khác có lòng dạ gì.
30. Ta đoán đo suy nghĩ cũng hiểu biết được.
31. Con thỏ nhanh xảo tung tăng kia
32. Hễ gặp chó săn thì bị bắt ngay.

Dịch thơ.

*Lạn lao thay những miếu từ
Vốn do vua lập để thờ bấy lâu.
Đạo thường trật tự lớn lao*

Thanh hiền chế định để trau nhân nghi.

Người ta có dạ lòng gì.

Đẩn đo suy lượng ta thì hiểu ngay.

Thỏ tung tăng lạnh xào thay!

Gặp loài chó dữ chẳng tài thoát thân.

Chú của giải Chu Hy

Chương này thuộc hứng mà tử. 奕奕 *dịch dịch*, to lớn. 秩秩 *trật trật*, thứ tự. 猷 *do* (đọc du), đạo lý. 莫 *mạc*, định. 躍躍 *dịch dịch*, dáng nhảy mau. 爰 *tàn*, giáo quyết.

Miếu đường to tát thì do vua làm ra, đạo lý có trật tự thì do thánh nhân định ra, để khởi hứng rằng người ta có bụng dạ nào thì ta đẩn đo nghĩ ngợi hiểu biết được.

Còn con thỏ lạnh xào tung tăng ki hể gặp phải chó săn thì bị bắt ngay. Đó là thuộc tử.

Lật qua trở lại khi thuộc hứng, khi thuộc tử để thấy rõ lòng của đấng sàm nịnh ta đều biết được cả, không thể giấu che tình ý gì được với ta.

CHƯƠNG V

荏染柔木

33. Nhấm nhiễm nhu mộc

君子樹之

34. Quân tử thụ chi.

往來行言

35. Vãng lai hành ngôn

心焉數之

36. Tâm yên số chi.

蛇蛇碩言A

37. Di di thạch ngôn

出自口矣

38. Xuất tự khẩu hĩ.

巧言如簧

39. Xảo ngôn như hoàng

顏之厚矣

40. Nhan chi hậu hĩ.

Dịch nghĩa

33. Những thứ cây dịu mềm

34. Được vua trồng để dùng.

35. Những lời nói của kẻ qua lại trên đường

36. Thì lòng ta xét rõ phân biệt phải trái được.

37. Những lời tốt lành nhàn nhã thư thái

38. Mới thốt ra từ cửa miệng mình.

39. Còn những lời xảo trá êm đẹp như tiếng sáo

40. Chỉ có kẻ mặt dày mới thốt ra mà thôi.

Dịch thơ

Dịu mềm kia những thứ cây

Được vua trồng đến vì hay dùng thường.

Lời người qua lại trên đường

Thì lòng phân biệt liệu lường gian ngay.

Những lời nhàn nhàn lành hay

Miệng ta mới đang tỏ bày mà thôi.

Lời gian như sáo êm xuôi

Mặt dày những kẻ ấy thời nói luôn.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 荏染 *nhãm nhiễm*, dăng mềm dịu. 柔木 *nhu mộc*, cây mềm yếu, loại cây vòng, cây thì có thể dùng được. 行言 *hành ngôn*, lời nói của người đi trên đường. 數說, xét rõ phân biệt. 蛇蛇 *di di*, dăng an nhàn thư thái. 碩碩, to lớn, nói lời tốt lành. 顏厚 *nhân hậu*, người mặt dày, tham lam không biết xấu hổ. Những cây mềm dịu thì được vua trông để dùng (xem lại thiên *Định chí phương trung*, bài thứ 50, Dung phong 6). Những lời nói của kẻ qua lại trên đường thì lòng mình có thể xét rõ phân biệt phải hay trái. Như những lời nói tốt lành được thốt ra từ cửa miệng ta thì mới đáng. Những lời xảo trá khéo léo, êm dịu như tiếng sáo thì há lại thốt ra từ cửa miệng ta được hay sao? Nói những lời xảo trá ấy chỉ đáng cho ta hổ thẹn. Nhưng mà những kẻ mặt dày kia không biết cho là hổ thẹn.

Mạnh tử nói rằng: Những người có cơ mưu quý quyết khéo léo không còn biết hổ thẹn nữa. Những kẻ như thế còn nói chi nữa ư?

CHƯƠNG VI

彼何人斯

41. Bĩ hà nhân tư

居河之麋

42. Cư hà chi my.

無拳無勇

43. Vô quyền vô dũng,

職爲亂階

44. Chức vi loạn giai

既微且羶

45. Kỳ vi tả thưng.

爾勇伊何

46. Nhĩ dũng y hà

爲猶將多

47. Vì du tương đa.

爾居徒幾何

48. Nhĩ cư đồ kỷ hà?

Dịch nghĩa

41. Kẻ nào thế kia?

42. Bây ở chỗ ẩm thấp có nước có cỏ.

43. Chúng bây chẳng có sức mạnh gì,

44. Chỉ chuyên tạo nên những bực những nấc dẫn đến
biến loạn mà thôi.

45. Bây đã bị chứng ghẻ lở và sưng thũng ở chân.

46. Bây lấy gì mà có sức mạnh được?

47. Nhưng mưu kế sàm nịnh của bây thì to tát và
nhiều.

48. Vậy bọn ở chung với bây (để giúp mưu kế cho bây)
được là bao?

Dịch thơ

Bọn kia là kẻ thế nào?

Những nơi ẩm thấp lại vào ở chung.

Sức thì bây hẳn đã không.

Chuyên làm những nấc tội cùng loạn ly.

Thùng sưng ghẻ lở chân đi.

Sức kia bây đã lấy gì tạo ra?

To nhiều mưu kế gièm pha,

Bọn bây cùng ở được là bao nhiêu.

Chú giải Chu Hy

Chương này thuộc phú. 何人 *hà nhân*, kẻ nào? Tổ cáo kẻ sàm nịnh. Kẻ sàm nịnh ấy ắt có tên họ để chỉ ra, nhưng mình khinh và ghét kẻ ấy cho nên làm như không biết tên họ mà nói: Kẻ nào đây? 斯 *tư*, tiếng đệm. 孽 *my*, chỗ thấp có nước có cỏ. 拳 *quyển*, sức. 階 *giai* (độc *giê*) thang cấp. 微 *vi*, bị ghẻ lở ở bắp chuối (từ bàn chân đến đầu gối). 腫 *thũng*, bệnh sưng, bệnh thũng ở chân. 猶 *du* mưu kế 將 *tương*, to lớn.

Nói kẻ sàm nịnh ấy ở chỗ ẩm thấp, tuy không có sức mạnh để có thể gây ra biến loạn, nhưng cái miệng sàm nịnh của chúng chống chọi nhau chuyên làm những bực thang đàn đến biến loạn. Chúng lại bị ghẻ lở và sưng thũng ở chân, thì chúng làm sao có sức mạnh được vậy thay?

Nhưng mưu kế sàm nịnh của chúng to tát và nhiều như thế, thì ắt có người giúp đỡ chúng. Nhưng bọn ở chung với chúng thì đông, được là bao nhiêu vậy thay? Ý nói cũng chẳng thể nhiều lắm.

Thiên Xảo ngôn có 6 chương, mỗi chương 8 câu.

Lấy hai chữ *Xảo ngôn* ở chương V làm tên cho thiên này.

BÀI THỨ 205

CHƯƠNG I

何人斯

Hà nhân tư (Tiểu mãn 5)

彼何人斯

1. Bĩ hà nhân tư?

其心孔艱

2. Kỳ tâm khổng gian.

胡逝我梁

3. Hổ thệ ngã lương?

不入我門

4. Bất nhập ngã môn

伊誰雲從

5. Y thủy vân tùng

維暴之雲

6. Duy Bạo chi vân.

Dịch nghĩa

1. Kẻ nào thế kia?
2. Mà lòng rất nham hiểm.
3. Sao đi trên đập bắt cá của ta?
4. Mà không vào cửa nhà ta (để thăm ta)?
5. Là ai mà người nói đi theo?
6. Thưa rằng: Chỉ đi theo Bạo công.

Dịch thơ

Gã kia là kẻ thế nào?

Tám lòng nham hiểm xiết bao thật là!

Sao đi trên đập của ta?

Lại không bước đến cửa nhà vào đây?

Người theo kẻ ấy là ai?

Đi theo vị ấy là ngài Bạo công.

Chú giải Chu Hy

Chương này thuộc phú. 何人 hà nhân, kẻ nào? Cũng là nói như không biết tên họ của đứa sàm nịnh vì khinh ghét. 孔 không, rất. 艱 gian (đọc câu cho hợp vận), gian hiểm. 我 ngã, ta. Thuyết xưa ở sách Mao thì cho là Tô công 暴 Bạo,

là Bạo công. Tô công và Bạo công đều là chư hầu ở đất kinh kỳ.

Theo thuyết xưa ở sách *Mao thi*, Bạo công làm quan khanh sĩ đã gièm pha Tô công. Cho nên Tô công làm thơ này để tuyệt giao với Bạo công, nhưng không muốn chỉ trích thẳng vào Bạo công, nên chỉ trở vào kẻ tòng hành (người đi theo) của Bạo công mà nói:

Kẻ nào thế kia, mà lòng rất nham hiểm, sao lại đi trên đập bắt cá của ta mà không vào cửa nhà của ta vậy?

Rồi lại hỏi kẻ tòng hành thì biết đó là Bạo công. Ôi! Đã đi theo Bạo công mà không vào cửa nhà của ta, thì cái lòng gièm pha của Bạo công đã lộ rõ.

Nhưng đối với kinh *Thi*, thuyết xưa ở sách *Mao thi* không có văn kiện rõ ràng để khảo xét cả, cho nên chưa dám tin là đã hẳn như vậy.

CHƯƠNG II

二人從行

7. Nhị nhân tòng hành

誰爲此禍

8. Thuỳ vi thử họa

胡逝我梁

9. Hồ thệ ngã lương

不入唁我

10. Bất nhập ngạn ngã.

始者不如 今

11. Thủy giả bất như kim.

今雲不我可

12. Vân bất ngã khả.

Dịch nghĩa

7. Hai người theo nhau mà đi (Bạo công và kẻ tòng hành)

8. Ai (trong hai người) đã gây ra tai họa ấy?

9. Sao lại đi trên đập của ta.
10. Mà chẳng vào thăm ta khi ta mất chức?
11. Thuở trước không như lúc bấy giờ.
12. Người không coi ta đáng ra gì cả (Vì đi trên đập bắt cá của ta, người lánh mặt không vào thăm ta, ta nghi chính người đã gièm siểm ta cho nên người sinh lòng e thẹn như thế).

Dịch thơ

Hai người theo mãi cùng đi

Hỏi rằng: . Hoạ ấy ai thì gây nên?

Đập ta sao cứ bước lên?

Chức ta đã mất, người quên thăm rồi.

Xưa kia khác hẳn đương thời.

Lành ta, người lại chẳng coi đáng gì.

Chú giải Chu Hy

Chương này thuộc phú. 二人 *nhị nhân*, hai người, Bao công và người tùy tùng. 喟 *ngạn*, thăm viếng người đã mất chức vị.

Nói hai người theo nhau mà đi, không biết ai gièm siểm ta để gây ra tai hoạ khiến ta bị tội. Nhưng đã đi trên đập bắt cá của ta người lại không vào thăm viếng ta khi ta bị mất chức. Trong lúc ta với người thân mật trọng hậu với nhau thuở ban đầu, há lại người thường chẳng coi ta đáng ra gì như hôm nay vậy chăng?

CHƯƠNG III

- | | |
|------|-----------------------|
| 彼何人斯 | 13. Bỏ hà nhân tư? |
| 胡逝我陳 | 14. Hồ thệ ngã trần? |
| 我聞其聲 | 15. Ngã văn kỳ thanh, |
| 不見其身 | 16. Bất kiến kỳ thân. |
| 不愧于人 | 17. Bất quý vu nhân |
| 不畏于天 | 18. Bất úy vu thiên, |

Dịch nghĩa

13. Kẻ nào thế kia?
14. Sao lại đi trên đường trong ngõ của ta?
15. Ta nghe tiếng của người,
16. Mà không thấy thân thể của người.
17. Người chẳng thẹn với người (vì cho người để dối gạt)
18. Và chẳng sợ Trời nữa (cho nên người mới gièm siểm mà hại ta).

Dịch thơ

*Gã kia là kẻ thế nào?
Có chi bước tới đường vào ngõ ta?
Tiếng người liền bị nhận ra
Nhưng nào được thấy rõ là thân người.
Nay đã chẳng thẹn với người.
Là còn chẳng sợ chi Trời mây may*

Chú của giải Chu Hy

Chương này thuộc phú. 陳 賦, con đường từ ngõ đến nhà.

Nghe đi trên đường trong ngõ thì lại gần hơn nữa. Nghe tiếng mà không thấy thân thể hẳn là nói tung tích quỵ quyết bí mật của hắn.

Không thẹn với người ta cho người dễ dối gạt. Nhưng Trời, người không thể dối gạt được đâu, thì riêng người chẳng sợ Trời hay sao? Nên chỉ người mới siểm gièm ta vậy.

CHƯƠNG IV

彼何人斯

19. Bỉ hà nhân tư?

其爲飄風

20. Kỳ vi phiêu phong.

胡不自北

21. Hồ bất tự bắc?

胡不自南

22. Hồ bất tự nam?

胡逝我梁

23. Hồ thệ ngã lương?

祗攪我心

24. Chi giảo ngã tâm.

Dịch nghĩa

19. Kẻ nào thế kia?

20. Mà nhanh như gió bão.

21. Sao lại chẳng đi từ phía bắc?

22. Sao lại chẳng đi từ phía nam?

23. Sao lại đi trên đập bắt cá của ta?

24. Để khiến lòng ta rối loạn nghi ngờ.

Dịch thơ

Gã kia là kẻ thế nào?

Tựa như gió thổi đi mau lạ lùng,

Sao từ phía bắc lại không?

Sao từ nam đến chẳng dùng mà đi?

Đạp ta người bước mãi chi?

Khiến ta rối loạn hồ nghi nhọc lòng.

Chú của giải Chu Hy

Chương này thuộc phú. 飄風 *phiêu phong* (đọc *phàm* cho hợp vận) gió mạnh, bão. 攪 *giảo*, làm rối loạn.

Nói hẩn qua lại rất nhanh như gió bão vậy. Từ phía bắc từ phía nam hẩn lánh mặt ta, chẳng chịu cùng nhau gặp gỡ. Nay hẩn lại đi trên đạp bắt cá của ta là để làm rối loạn lòng ta mà thôi (để cho lòng ta phải nghi cho hẩn đã gièm siểm hại ta).

CHƯƠNG V

爾之安行

25. Nhĩ chi an hành,

亦不遑舍

26. Diệc bất hoàng xá.

爾之亟行

27. Nhĩ chi cực hành,

遑脂爾車

28. Hoàng chi nhĩ xa?

壹者之來

29. Nhất giả chi lai

Dịch nghĩa

25. Người đi từ từ an nhàn,
 26. Cũng không được rảnh rang để nghỉ ngơi.
 27. Người đi gấp rút,
 28. Thì sao lại rảnh rang để vô dầu mỡ vào xe người
 được?
 29. Một lần vào thăm ta,
 30. (Thì ta mãn nguyện) sao còn ngóng trông nữa được?

Dịch thơ

An nhàn chậm chậm người đi.

Thế mà không rảnh rang gì nghỉ ngơi.

Nay đi gấp rút như người.

Thì xe sao được thanh thoi vô dầu?

Một lần thăm viếng người vào,

Thì ta mãn nguyện, còn đâu trông hoài.

Chú của giải Chu Hy

Chương này thuộc phú. 安 an, từ từ. 遑 hoàng, rảnh rang. 舍 xả (đọc thư) nghỉ. 亟 cực, gấp. 盱 hu, ngóng trông. Sách *Tự lâm* nói 盱 hu là giương mắt ra. *Kinh Dịch* nói 盱預悔 hu dự hối (trông nhìn lên sự vui chơi rồi lại ăn năn). Hào lục tam quẻ Dự trong kinh *Dịch*). Bài *Tam đô phú* nói 盱衡而語 hu hành nhi ngữ (giương mắt trông mây mà nói) là đây.

Nói người bình thường đi chậm chậm còn không có rảnh rang nghỉ ngơi, huống chi đi gấp thì sao rảnh rang được để vô dầu mỡ xe của người. Nay được vô dầu mỡ vào xe, thì người chẳng có gì gấp rút. Đó là người mượn có có việc đi gấp để không vào gặp ta, rõ là không phải tình thật vậy. Sao không vào thăm ta một lần và sao lại để ta trông ngóng người tha thiết vậy chứ?

CHƯƠNG VI

- | | |
|------|------------------------|
| 爾還而入 | 31. Nhi hoàn nhi nhập |
| 我心易也 | 32. Ngã tâm dị dã. |
| 還而不入 | 33. Hoàn nhi bất nhập, |
| 否難知也 | 34. Phủ nan tri dã. |
| 壹者之來 | 35. Nhất giả chi lai |
| 俾我祗也 | 36. Tỷ ngã chi dã. |

Dịch nghĩa

31. Nếu lúc trở về người vào thăm ta.
32. Thì lòng ta sẽ vui vẻ lên.
33. Nếu lúc trở về, người chẳng vào thăm ta,
34. Thì rất khó hiểu biết được lòng của người vậy.
35. Một lần vào thăm ta
36. Có thể khiến ta yên lòng ngay.

Dịch thơ

Lúc về nếu ghé thăm ta,

Thì lòng này sẽ đậm đà vui tươi.

Nếu về mà chẳng ghé chơi.

Ất ta khó hiểu lòng người vô ngần.

Ghé thăm ta chỉ một lần

Khiến ta có thể bội phần yên tâm.

Chú của giải Chu Hy

Chương này thuộc phú. 還 hoàn, trả về. 易 dị, vui. 祗 chi, yên.

Nói người đi đã không vào cửa nhà ta, phỏng như lúc trở về mà vào cùng ta, thì lòng ta mong sẽ được vui vẻ lên. Nếu trở về mà người không vào cùng ta, thì lòng dạ của người ta không thể hiểu mà biết được. Sao lại chẳng vào thăm ta một lần để khiến lòng ta được yên vậy?

Đồng thị nói rằng: Bài thơ này đến đây thì lời văn càng hoà hoãn như không biết là đã bị gièm siểm vậy.

CHƯƠNG VII

伯氏吹壎

37. Bá thị xuy huân.

仲氏吹簫

38. Trọng thị xuy trì,

及爾如貫

39. Cập nhĩ như quán.

諒不我知

40. Lượng bất ngã tri,

出此三物

41. Xuất thử tam vật

以詛爾斯

42. Dĩ trở nhĩ tư.

Dịch nghĩa

37. Anh họ Bá thổi cái bầu.
38. Em họ Trọng thổi ống sáo.
39. Ta với người liên thuộc với nhau như những vật cùng xô vào một xâu.
40. Nếu thật người không hiểu biết ta,
41. Thì đem ba loài chó heo gà ra
42. Lấy máu uống thề để tin lòng nhau vậy.

Dịch thơ

Bầu anh họ Bá thổi vang.

Sáo em họ Trọng dịu dàng hoà nhau.

Ta, người như vật một xâu.

Thật người nếu chẳng hiểu sâu lòng này,

Chó heo gà bắt ra ngay.

Chúng ta uống máu nơi đây cùng thề.

Chú của giải Chu Hy

Chương này thuộc phú. 伯仲 *Bá, Trọng*, anh em. Đều là bề tôi của vua thì cũng có nghĩa anh em với nhau. 埙 *huân*, một nhạc khí để thổi làm bằng đất, to bằng con ngỗng, trên nhọn đáy bằng, giống như cái cân, có 6 lỗ. 篴 *trì*, ống sáo bằng tre, dài 1 thước 4 tấc tròn 3 phân, có 7 lỗ đều nhau, và có 1 lỗ tách lên cao, đường kính rộng 3 phân, tất cả có 8 lỗ, phải thổi ngang (chớ không thổi dọc). 如貫 *như quán*, như sợi dây xỏ xâu nhiều vật lại, nói liên thuộc nối nhau. 諒 *lượng*, thành thật. 三物 *tam vật*, ba loại như chó heo gà, dùng lấy máu uống thề.

Anh họ Bá thối cái bầu, em họ Trọng thối ống sáo, nói lòng dạ thân ái nhau cho nên tiếng nhạc thổi ra cùng ứng họa với nhau. Ta cùng với các anh em như những vật xô chung một xâu, há lại thật là chẳng hiểu biết ta mà còn gièm siểm ta hay sao? Nếu nói thật là chẳng hiểu biết ta, thì hãy đem ba loại chó heo gà ra lấy máu uống thể với nhau, thì nên lắm.

Chú của giải Chu Hy

Trở, thể ước, đem điều họa phúc bó buộc lẫn nhau để làm tin.

CHƯƠNG VIII

- | | |
|------|-------------------------|
| 爲鬼爲蜮 | 43. Vi quỷ vi vực |
| 則不可得 | 44. Tác bất khả đắc. |
| 有覿面目 | 45. Hữu thiển diện mục, |
| 視人罔極 | 46. Thị nhân vông cực. |
| 作此好歌 | 47. Tác thử hảo ca, |
| 以極反側 | 48. Dĩ cực phản trắc |

Dịch nghĩa

43. Người là con quỷ con vực
44. Thì không cho người ta được thấy.
45. Người có mặt có mắt cho người ta thấy được,
46. Thì người để cho người ta gặp chỗ dành vào lúc cuối cùng.
47. Ta làm bài ca tốt lành này,

48. Để cứu xét cho cùng lòng dạ bất chính của người.

Dịch thơ

Người là quỷ vực hay sao?

Cho nên chẳng để người nào được trông.

Có mày có mặt hình dung.

Chớ cho đến lúc cuối cùng gặp người.

Làm bài ca đẹp đây rồi

Để ta cứu xét lòng người điêu ngoa.

Chú giải Chu Hy

Chương này thuộc phú. 蛟 vực, con đoán hồ (có nghĩa là cây cung ngắn. 弧 hồ là cây cung bị viết lầm ra 狐 hồ là chồn) ở vùng sông Trường Giang sông Hoài đều có, con vực ấy có thể ngậm cát phun bắn vào bóng người chiếu xuống nước, thì người ấy đau bệnh liền, và người ta không thấy hình dáng con vực ấy được. 覩面 *thiển diện*, thấy dáng mạo của người. 好 hảo, tốt lành. 反側 *phản trắc*, phản phúc không chính trực.

Nói người là con quỷ, là con vực cho nên không thể thấy được hình dáng người. Còn người là con người, người có mặt mày cho người ta thấy, thì người để cho người ta gặp chớ nên dành vào lúc cuối cùng. Thì há lại tâm tình của người (có gièm siểm ta hay không) rốt cuộc không thể dò xét mà hiểu biết được hay sao? Cho nên ta làm bài ca tốt lành này để cứu xét cho cùng lòng dạ bất chính của người.

Thiên Hà nhân tư có 4 chương, mỗi chương 6 câu

Bài thơ này và bài thơ trước ý văn tương tự nhau, cho nên nghi là cùng do một tay làm ra. Nhưng ở bài thơ trước

(*Xảo ngôn*) thì trước hết là chăm biếm người nghe lời gièm siểm. Còn ở bài thơ này thì chuyên trách đùa sàm nịnh.

Vương thị nói rằng: Bạo công bất trung với vua, bất nghĩa với bạn, gọi đó là cái cố trọng đại. Cho nên Tô công tuyệt giao với Bạo công. Nhưng khi tỏ lời tuyệt giao thì không chỉ thẳng vào Bạo công, lại nói với người đi theo Bạo công mà thôi, không nói rõ việc gièm siểm mà chỉ bày tỏ nỗi nghi ngờ ra mà thôi.

Đã tuyệt giao với kẻ ấy rồi, còn bảo kẻ ấy hãy đến cùng gặp một lần để mình được yên lòng. Vì rằng người quân tử cư xử với mình thì trung chính, đối đãi với người thì dung thứ, để khiến người ta do đấy hối ngộ ăn năn rồi lấy thiện ý mà theo mình. Hẳn nhiên đó là lòng mong mỏi của người quân tử.

Tuy người ta không được như thế, mình hẳn cũng không xử một cách quá đáng, mình há lại như kẻ tiểu trượng phu hay sao?

Thối đời một khi đã tuyệt giao với người ta, thì cứ nói xấu hạ nhục người ta để cố tình cự tuyệt, chỉ vì sợ sẽ hoà hợp trở lại vậy thôi.

BÀI THỨ 206

CHƯƠNG I

巷伯

Hạng bá. (Tiểu môn 6)

萋兮斐兮

1. Thê hê! Phỉ hê!

成是貝錦

2. Thành thị bối cảm.

彼譖人者

3. Bì trảm nhân giả

Dịch nghĩa

1. Với những hình dáng có rắn có bông nhỏ nhất
2. Người ta có thể điểm tuyết thành bức gấm rực rỡ bông hoa.
3. Kẻ siểm nịnh kia.
4. Cũng đã quá lắm rồi (nhân những lỗi nhỏ của người ta, hấn đã giặm thêm cho thành tội nặng để hãm hại người).

Dịch thơ

Rắn bông nhỏ nhất những hình

Khéo thay điểm tuyết biến thành gấm hoa.

Những người siểm nịnh gian ngoa

Chúng làm như thế thật là quá thay!

Chú của giải Chu Hy

Chương này thuộc tử. 萋斐 *thê phi*, dáng có rắn có bông nhỏ nhất. 貝 *bối*, loài sò sống trong nước, có rắn có bông như gấm.

Lúc ấy có kẻ bẽ tôi mắc lời gièm pha mà bị thiên làm hoạn, mới làm bài thơ này. Nói rằng nhân những hình có rắn có bông nhỏ nhỏ vụn vặt mà điểm tuyết trở thành bức gấm rực rỡ bông hoa để ví với kẻ sàm nịnh, nhân những lỗi lầm nhỏ nhất của người ta mà giặm thêm cho thành tội nặng. Bọn chúng làm như thế, cũng đã quá lắm rồi.

CHƯƠNG II

哆兮侈兮

5. Xa hê! Xỉ hê!

成是南箕

6. Thành thị Nam cơ

彼譖人者

7. Bĩ trảm nhân giả

誰適與謀

8. Thuỳ đích dữ mưu?

Dịch nghĩa

5. Cứ lần mở rộng ra, lỗi của người ta trước thì nhỏ, sau bị giảm thêm thành to tát.

6. Cũng như chòm sao Nam Cơ, chân thì nhỏ, lưỡi thì mở to ra.

7. Kẻ siểm nịnh kia.

8. Ai đã chủ trương bàn mưu thiết kế với người để khuếch đại lỗi lầm nhỏ nhen của ta mà hãm hại ta?

Dịch thơ

Lần lần phóng đại lỗi người

Sao Cơ chân nhỏ lưỡi thời lớn ra.

Những người gièm siểm gian ngoa

Bàn mưu thiết kế ai đà chủ trương?

Chú của giải Chu Hy

Chương này thuộc tỷ. 哆侈 *xa xỉ*, dáng lần mở rộng ra. 南箕 *Nam Kỳ* (thường đọc cơ) sao Cơ ở về phương nam có 4 ngôi sao, ngôi làm chân, 2 ngôi làm lưỡi. Chân sao Cơ thì hẹp, lưỡi sao Cơ thì rộng mở toát ra. 適 *đích*, chủ trương.

誰適與謀 *thùy đích dữ mưu* (đọc *my* cho hợp vận) ai đã chủ trương bàn mưu với, nói mưu kế của chúng rất bí mật.

Chú giải của Dịch giả

Mao thi: Sao Nam Cớ chân thì nhỏ, lưỡi thì to. Lỗi lầm của ta trước kia thì nhỏ mọn, về sau bị đưa siểm nịnh khuếch đại thành lớn lao để khiến cho ta bị cực hình. Đây là nghĩa của thuộc tử, cũng giống như ở chương I.

CHƯƠNG III

緝緝翩翩

9. Tập tập翩翩

謀欲證人

10. Mưu dục trảm nhân.

慣爾言也

11. Thận nhĩ ngôn dã.

謂爾不信

12. Vị nhĩ bất tín.

Dịch nghĩa

9. Cú ồn ào đi qua đi lại bàn tính với nhau

10. Âm mưu muốn siểm nịnh hại người.

11. Người nên cẩn thận lời nói của người,

12. (Kéo người nghe có khi tỉnh ngộ ra) nói người không đáng tin nữa.

Dịch thơ

Ồn ào bàn tính lại qua.

Âm mưu muốn dụng gian ngoa hại người.

Hãy nên cẩn thận lấy lời.

Kéo khi tỉnh ngộ thì người hết tin.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 緝緝 *tập tập*, tiếng miệng lưỡi ồn ào hoặc nói tập tập là cái tội của người ta, hoặc nói tập tập là đáng có điều gì, đều thông lý cả. 翩翩 *thiên thiên* (đọc *phân phân* cho hợp vận) đáng qua lại.

Đứa siểm nịnh cho là đắc ý mà không cẩn thận lời nói của hân. Cho nên người nghe có lúc tỉnh ngộ ra và không tin người nữa.

CHƯƠNG IV

捷捷幡幡

13. Tiếp tiếp phiên phiên

謀欲譖言

14. Mưu dục trảm ngôn.

豈不爾受

15. Khỉ bất nhĩ thụ

既其女遷

16. Ký kỳ nữ thiên.

Dịch nghĩa

13. Người lanh lẹ qua qua lại lại bàn tính

14. Âm mưu muốn siểm nịnh hại người.

15. Vua há lại chẳng nghe lời người hay sao?

16. Rồi tai hoạ về gièm siểm sẽ dôi dỗi và đến vào bản thân người.

Dịch thơ

Lẹ nhanh qua lại tính bàn

Âm mưu siểm nịnh để toan hại người.

Há rằng vua chẳng tin lời?

Hoạ tai biến dỗi đến người có ngày.

Chú giải Chu Hy

Chương này thuộc phú. 捷捷 *tiệp tiệp*, dáng lạng lẹ.
幡幡 *phiên phiên*, dáng phản phức, đáng qua lại.

Vương thị nói rằng: Vua ưa việc siểm nịnh, thì hẳn sẽ tiếp nhận lời siểm nịnh của người. Nhưng cứ ưa thích việc siểm nịnh mãi không thôi, thì tai hoạ về siểm nịnh sẽ đến. Tai hoạ ấy sẽ dời đổi và sẽ đến bản thân người (đến phiên người bị kẻ khác siểm nịnh mà hại lại).

Tăng thị nói rằng: Chương trước và chương này đều là lời trung thành bảo cho biết.

CHƯƠNG V

- | | |
|------|-------------------------------|
| 驕人好好 | 17. Kiêu nhân hảo hảo. |
| 勞人草草 | 18. Lao nhân thảo thảo |
| 蒼天蒼天 | 19. thương thiên thương thiên |
| 視彼驕人 | 20. Thị bỉ kiêu nhân, |
| 矜此勞人 | 21. Cưng thử lao nhân, |

Dịch nghĩa

17. Kẻ kiêu ngạo siểm nịnh đắc chí thì vui tươi.
18. Người nhọc nhằn vì bị mắc lời gièm siểm thì buồn rầu.
19. Trời xanh ôi! Trời xanh ôi!
20. Hãy xem kẻ siểm nịnh kiêu ngạo kia,
21. Mà thương xót cho người tiêu tụy bị gièm siểm này.

Dịch thơ

Người kiêu siểm nịnh hân hoan

Kẻ thì bị hại khổ than ngậm ngùi.

Trời xanh ôi! Trời xanh ôi!

Hãy xem những đứa vui cười ngạo kêu,

Thương người bị hại tiêu điều.

Chú của giải Chu Hy

Chương này thuộc phú. 好好 *hảo hảo*, vui. 草草 *thảo thảo*, buồn.

Người kiêu ngạo siểm nịnh thì đắc ý vui tươi. Người tiêu tuy nhọc nhằn bị mắc lời siểm nịnh thì buồn rầu, hình dáng ra như thế.

CHƯƠNG VI

彼譖入者

22. Bỉ trảm nhân giả

誰適與謀

23. Thuý đích dữ mưu

取彼譖人

24. Thủ bỉ trảm nhân,

投畀豺虎

25. Đầu tỵ sài hổ

豺虎不食

26. Sài hổ bất thực

投畀有北

27. Đầu tỵ hữu bắc

有北不受

28. Hữu bắc bất thụ.

Dịch nghĩa

22. Đứa siểm nịnh kia
 23. Ai chủ trương âm mưu với người?
 24. Hãy bắt đứa siểm nịnh kia,
 25. Ném bỏ hắn cho sói và cọp.
 26. Sói và cọp cũng chẳng nhận lấy hắn mà ăn.
 27. Ném bỏ hắn lên phương bắc lạnh lẽo.
 28. Phương bắc cũng chẳng thèm nhận hắn.
 29. Vậy thì ném bỏ hắn lên trời (cho trời trừng trị hắn).

Dịch thơ

*Hỡi quân siểm nịnh kia ôi!
 Chủ trương thiết kế hại người là ai?
 Bắt quân siểm nịnh kia ngay,
 Ném cho cọp, sói chúng nhai tức thời.
 Cọp và sói chẳng thèm xơi.
 Ném lên phương bắc lạnh người tái tê,
 Bắc phương chẳng nhận lại ché,
 Vậy thì hãy ném hắn về trời đi.*

Chú giải Chu Hy

Chương này thuộc phú.

Lại nói một lần nữa đứa siểm nịnh kia, ai chủ trương bàn mưu với người? Quá ghét, đứa siểm nịnh mới nói thêm một lần nữa. Hoặc nói đó là lời văn diễn rộng ra. 投_{đầu}, ném

bỏ. 北 *bắc*, phương bắc lạnh lẽo không trồng trọt gì được
不食 *bất thực*, không nhận lấy. Nói đùa sàm nịnh gièm siểm
thì ai ai cũng ghét. 昊 *hạo* (đọc *hậu*) là *hạo thiên*, trời. Ném
hắn lên cho trời, để trời chế trị tội lỗi của nó.

Đây là những lời bịa ra như thế để thấy rõ cái ý rất
muốn hắn chết mất đi. Cho nên nói rằng: Thích người hiền
năng là thiên *Tri y*, ghét kẻ xấu là thiên *Hạng bá*.

CHƯƠNG VII

楊園之道

30. Dương viên chi đạo

猗于畝丘

31. Ý vu mầu khâu.

寺人孟子

32. Tự nhân Mạnh tử

作為此詩

33. Tác vi thử thi.

凡百君子

34. Phàm bách quân tử

敬而聽之

35. Kính nhi thính chi.

Dịch nghĩa

30. Con đường chỗ đất thấp

31. Lân đến chỗ đất cao.

32. Hoạn quan tên tự là Mạnh tử (vì mắc lời sàm nịnh
mà bị thiên mới làm chức hoạn quan này).

33. Làm bài thơ này.

34. Tất cả hàng trăm bậc quân tử

35. Hãy kính cẩn nghe theo hầu giữ mình vì đứa siểm
nịnh.

Dịch thơ

Từ nơi đất thấp đường đi

Tiến lần đến chỗ kia thì cao thay!

Hoạn quan Mạnh tử ta đây

Bị người siểm hại, thơ này làm ra.

Trăm người quân tử nghe qua

Hãy nên cẩn thận để mà giữ thân.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc húng. 揚園 *dương viên*, đất thấp. 猗 ỷ, thêm. 畝丘 *mẫu khâu* (đọc khi cho hợp vận), đất cao. 寺人 *tự nhân*, chức quan nhỏ ở trong cung vì mắc lời sàm nịnh mà bị thiến cho nên làm chức hoạn quan ấy. 孟子 *Mạnh tử*, tên tự của người ấy.

Con đường chỗ đất thấp lần đến chỗ đất cao để khởi hứng rằng lời của người hèn hạ hoặc có khi bỏ ích cho người quân tử. Vì rằng kẻ siểm nịnh bắt đầu hãm hại kẻ hèn hạ trước, rồi sau mới lần lần hãm hại đến bậc đại thần, cho nên ta mới làm bài thơ này để các ngài nghe mà cẩn thận lấy thân. Lưu thị nói rằng: Về sau hoàng hậu, thái tử và quan đại phu quả nhiên phần nhiều đều mắc lời sàm nịnh mà bị phế.

Thiên Hạng bá có 7 chương, 4 chương 4 câu, 1 chương 5 câu, 1 chương 8 câu và 1 chương 6 câu.

巷 *hạng* là tên con đường ở trong cung, nhà Tần nhà Hán gọi là 永巷 *vĩnh hạng*, là đây. 伯 *bá* là bậc trưởng. Hạng bá là chức trưởng quan coi sóc con đường trong cung, tức là quan tự nhân, quan thái giám, cho nên lấy hạng bá làm tên bài thơ này.

Ban Cố và Tư Mã Thiên tán rằng: Dò lại mà tự thương xót cho mình, tức là loại thơ *Hạng bá* ở phần Tiểu nhã. Ý cũng nói rằng Hạng bá vốn mắc lỗi sàm nịnh mà bị nhục hình (bị thiên).

Nhưng Dương thị nói rằng: 寺人 *tự nhân* là chức quan nhỏ hầu hạ bên vua, ra vào quanh quần ở bên vua, thân cận bên vua, hằng ngày đều thấy vua, thì không có một kẻ hờ nào để dũa siểm nịnh rình dò mà ly gián được. Nay vị quan hầu cận ấy cũng bị hại vì lời sàm nịnh, thì việc xa lìa giữa vua và tôi có thể thấy biết được. Cho nên lời thơ nói rằng: Phàm hằng trăm bực quân tử hãy kính cẩn mà nghe bài thơ ấy. Đây là khiến những bực đang ở chức vị phải biết mà ngăn ngừa.

Thuyết này tuy không giống như thuyết trước, nhưng cũng có lý, cho nên xin ghi lại đây.

BÀI THỨ 207

CHƯƠNG I

谷風

Cốc phong (Tiểu mãn 7)

習習谷風

1. Tập tập cốc phong

維風及雨

2. Duy phong cập vũ.

將恐將懼

3. Tương khủng tương cụ,

維予與女

4. Duy dư dữ nữ.

將安將樂

5. Tương an tương lạc.

女轉棄予

6. Nữ chuyển khí dư.

Dịch nghĩa

1. Gió đông điều hoà
2. Thì có gió mưa nhuần thấm.
3. Lúc hoạn nạn nguy hiểm phải sợ hãi
4. Thì chỉ có tôi và anh.
5. Còn lúc an vui
6. Sao anh lại bỏ tôi?

Dịch thơ

Gió đông đã thổi điều hoà

Cho nên gió thuận mưa sa thấm nhuần

Cơn hoạn nạn gian truân sợ hãi,

Chỉ tôi đây anh đấy mà thôi.

Còn nay trong cảnh an vui

Sao anh lại nỡ bỏ tôi cho đành.

Chú của giải Chu Hy

Chương hầy thuộc húng. 習習 *tập tập*, dáng điều hoà. 谷風 *cốc phong*, gió đông. 將 *tương*, vả lại. 恐懼 *khủng cụ*, sợ hãi, lúc nguy hiểm hoạn nạn. Đây là bài thơ bạn bè oán trách nhau. Cho nên nói gió đông điều hoà thì gió và mưa thấm nhuần. Lúc hoạn nạn nguy hiểm phải sợ hãi, thì chỉ có tôi và anh. Sao lại lúc an vui anh lại bỏ tôi vậy thay?

CHƯƠNG II

習習谷風

7. Tập tập cốc phong,

維風及殽

將恐將懼

真 予于懷

將安將樂

棄予如遺

8. Duy phong cập đối.

9. Tương khủng tương cụ,

10. Chí dư vu hoài.

11. Tương an tương lạc,

12. Khí dư như di.

Dịch nghĩa

7. Gió đông điều hoà

8. Thì có gió và có bão.

9. Lúc hoạn nạn nguy hiểm phải sợ hãi

10. Thì anh thân ái tôi, đặt tôi vào tâm khảm.

11. Còn lúc an vui

12. Thì anh bỏ tôi như làm rơi rớt một vật gì không còn nhớ đến nữa.

Dịch thơ

Điều hoà đã thổi gió đông,

Cho nên gió dữ bão bùng khắp nơi.

Gặp lúc nguy cùng hồi kinh sợ,

Từ cõi lòng anh nhớ chuộng tôi.

Còn nay trong cảnh an vui,

Bỏ tôi như thể đánh rơi món đồ.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 頽 *đôi*, gió bão. 寘 *chí*, đồng với 置 *trí*, đặt đề. Đặt ở trong lòng là nói thân ái người ấy. 如遺 *như di* (dọc *dôi* cho hợp vận) quên mất không còn thăm viếng nhắc nhở nữa.

CHƯƠNG III

- | | |
|------|------------------------|
| 習習谷風 | 13. Tập tập cốc phong, |
| 維山崔嵬 | 14. Duy sơn tồi ngòi. |
| 無草不死 | 15. Vô thảo bất tử, |
| 無木不萎 | 16. Vô mộc bất uy. |
| 忘我大德 | 17. Vong ngã đại đức, |
| 思我小怨 | 18. Tư ngã tiểu oán. |

Dịch nghĩa

13. Gió đông điều hoà
14. Thấm nhuận ở ngọn núi cao.
15. Nhưng không có cây cỏ nào là không chết
16. Và không có thân cây nào là không khô.
17. Anh lại quên những ân đức lớn lao của ta,
18. Mà chỉ nhớ những hiềm oán nhỏ nhen của ta.

Dịch thơ

Gió đông diu dặt thổi lên

Thấm nhuận ngọn đỉnh ở miền núi cao.

Nhưng không có cỏ nào chẳng chết,
Không cây nào lại thiệt chẳng khô.
Anh quên ơn đức lớn to
Oán hờn nhỏ nhặt cứ lo nhớ hoài.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tử. 崔嵬 tới ngôi, đỉnh núi.

Gió đông điều hoà, chỉ nơi đỉnh núi là được gió đông nhuần đượm đầy đủ rộng rãi hơn hết (trên đỉnh núi, cây cỏ đều rườm rà xanh tốt). Nhưng trên đỉnh núi ấy cũng có cộng cỏ khô, thân cây chết. Huống hồ gì giữa bạn bè với nhau (đầy ân nghĩa đậm đà, có khi cũng có điều xích mích nhỏ nhen) há lại có thể quên được những ân đức to tát, mà chỉ nhớ những hiềm oán nhỏ nhen hay sao?

Hoặc nói thuộc hứng.

Thiên Cốc phong có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 208

CHƯƠNG I

蓼莪

Lục nga (Tiểu mãn 8)

蓼蓼者莪

1. Lục lục giả nga

匪莪伊蒿

2. Phi nga y hào.

哀哀父母

3. Ai ai phụ mẫu

生我劬勞

4. Sinh ngã cù lao!

Dịch nghĩa

1. Rau nga đã lên dài
2. Chẳng phải rau nga xưa kia nữa, mà chỉ là thứ cỏ hèn.
3. Xót thương thay cho cha mẹ.
4. Đã cực nhọc sinh ra ta!

Dịch thơ

*Rau nga dài cộng rậm chen,
Chẳng là rau nữa, cỏ hèn mà thôi.
Xót thương cha mẹ ngậm ngùi
Thật là cực khổ dưỡng bồi sinh ta!*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tỷ. 蓼蓼 lục lục, đáng dài lớn. 莪 nga, thứ rau rất ngon. 蒿 hao, cỏ hèn.

Nhân dân lao khổ, người con có hiếu không được phụng dưỡng cha mẹ hoàn tất mới làm bài thơ này (vì phải đi quân dịch vắng nhà lúc cha mẹ bệnh hoạn và qua đời).

Nói rằng xưa kia thì gọi rau nga, mà nay thì không phải rau nga nữa, chỉ là thứ cỏ hèn mà thôi, để ví với việc cha mẹ sinh ra ta ra với tâm vóc đẹp đẽ để có thể đưa vào ta hầu trọn cuộc đời. Đến nay cha mẹ lại chẳng được sự phụng dưỡng của ta mà qua đời, cho nên mới nói công cực khổ của cha mẹ sinh ra ta để tự nặng lòng đau xót.

CHƯƠNG II

蓼蓼者莪

5. Lục lục giả nga.

匪莪伊蔚

6. Phỉ nga y úy.

哀哀父母

7. Ai ai phụ mẫu.

生我勞瘁

8. Sinh ngã lao tụy.

Dịch nghĩa

5. Rau nga đã lên dài,

6. Chẳng phải rau nga xưa kia nữa, mà chỉ là cây úy.

7. Xót thương thay cho cha mẹ

8. Đã đau đớn nhọc nhằn sinh ra ta!

(Ý nghĩa của chương này giống như của chương 1)

Dịch thơ

Lên dài những ngọn rau nga

Chẳng thành rau nữa, chỉ là úy thôi.

Xót thương cha mẹ ngậm ngùi

Sinh ta đã thật lắm hồi khổ đau.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tỹ. 蔚 úy, cây mẫu khăn, tháng 3 bắt đầu mọc lên, tháng 7 bắt đầu trở hoa, hoa như hoa cây hồ ma nhưng màu tía đỏ, tháng 8 ra trái, giống như trái tiểu đậu, trái nhọn mà dài. 瘁 tụy, bệnh đau.

CHƯƠNG III

餅之馨矣

9. Bình chi khánh hĩ

維 罍 之 恥	10. Duy lôi chi sỉ.
鮮 民 之 生	11. Tiển dân chi sinh
不 如 死 之 久 矣	12. Bất như tử chi cửu hĩ.
無 父 何 怙	13. Vô phụ hà hộ?
無 嬰 駟 譯	14. Vô mẫu hà thị?
出 則 銜 恤	15. Xuất tắc hàm tuất.
入 則 靡 至	16. Nhập tắc mỹ chí.

Dịch nghĩa

9. Cái bình mà cạn
10. Là cái nhục của cái vò.
11. Cuộc sống của người dân lẻ loi cùng khổ
12. Chẳng bằng như chết đã lâu rồi.
13. Không có cha thì nhờ tựa vào đâu?
14. Không có mẹ thì trông cậy vào đâu?
15. Đi ra thì ngậm mối ưu sầu
16. Bước vào thì như chẳng biết về đến nơi đâu.

Dịch thơ

Cái bình mà đã cạn khô

Ấy là cái nhục của vò lớn thôi.

Nhân dân cùng khổ lẻ loi

Chẳng bằng như đã chết rồi từ lâu.

Không cha thì tựa vào đâu?

Mẹ mà không có dựa vào nơi ai?

Đi ra ngậm môi ưu hoài

Vào thì như chẳng biết rày đến đâu.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 餅 *bình*, 罍 *lôi*, cái bình nhỏ, cái vò to đều là đồ đựng rượu. 罄 *khánh*, hết. 鮮 *tiễn*, ít. 恤 *tuất*, ưu buồn. 驛 *mỹ*, không.

Nói cái bình cái vò nhờ cậy lẫn nhau, châm qua chước lại cho đầy, cũng như cha mẹ và con cái, số mệnh là nhờ dựa vào nhau. Cho nên hễ cái bình mà cạn, tức là nỗi tủi nhục của cái vò (tại cái vò không châm qua). Cũng như cha mẹ không được yên nơi yên chốn tức là việc đáng trách của người con. Cho nên người dân lẻ loi cùng khôn sống mà chẳng bằng chết đi còn hơn. Vì rằng không có cha thì nhờ tựa vào đâu? không có mẹ thì trông cậy vào đâu? Cho nên đi ra thì trong lòng lo buồn, bước vào thì như chẳng biết về đâu.

CHƯƠNG IV

父兮生我

17. Phụ hê sinh ngã,

母兮鞠我

18. Mẫu hê cùc ngã,

拊我畜我

19. Phủ ngã súc ngã,

長我育我

20. Trưởng ngã dục ngã,

顧我復我

21. Cố ngã phục ngã.

出入腹我

22. Xuất nhập phúc ngã.

欲報之德

23. Dục báo chi đức.

昊天罔極

24. Hạo thiên vãng cực.

Dịch nghĩa

17. Cha truyền hơi khí sinh ta,

18. Mẹ mang nặng đẻ tạ,

19. Vỗ về nuôi nấng ta,

20. Dưỡng ta đến lớn và ấp ủ ta,

21. Đã đi thường quay trở lại để trông chừng ta,

22. Đi ra đi vào bông ằm ta vào lòng.

23. Muốn lấy đức báo đền lại

24. Thì ân nghĩa của cha mẹ to tát như trời rộng vô cùng.

Dịch thơ

Cha truyền hơi khí sinh ta,

Mẹ thì mang nặng đẻ ra nên người,

Vỗ về nựng nịu dưỡng bồi,

Nuôi ta ấp ủ đến thời lớn khôn.

Đi qua quay lại trông luôn,

Ra vào bông ằm chiều nuông trong lòng.

Báo đền ân đức ta mong.

Như trời to rộng vô cùng nghĩa ân.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 生 *sinh*, sinh đẻ ra, nói là khí lực của cha truyền thụ để sinh ta ra. 鞠 *cúc*, 畜 *húc*, đều là nuôi dưỡng. 拊 *phủ*, vỗ về êm ái. 育 *dục*, ấp ủ cho sinh nở ra. 顧 *cố* quay lại mà nhìn. 復 *phục*, trở lại. 腹 *phúc*, bụng ấm vào lòng. 罔 *võng*, không. 極 *cực*, cùng.

Nói ơn của cha mẹ như thế, muốn lấy đức mà báo đáp lại, thì ơn ấy to tát như trời rộng vô cùng, không biết báo đáp làm sao.

CHƯƠNG V

南山烈烈

25. Nam sơn liệt liệt

飄風發發

26. Phiêu phong phát phát.

螻蛄不式

27. Dân mạt bất cức.

我獨何害

28. Ngã độc hà hại?

Dịch nghĩa

25. Núi nam cao lớn

26. Thì gió mạnh gấp.

27. Người dân không ai là bất nghĩa chẳng lành.

28. Mà sao riêng ta lại gặp tai hại ấy để chẳng được phụng dưỡng cha mẹ?

Dịch thơ

Núi nam trông thật lớn cao

Gió thì mạnh mẽ ào ào thổi nhanh.

Dân không bất nghĩa chẳng lành.

Riêng ta gặp hại, quên dành mẹ cha.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 烈烈 liệt liệt, đáng to lớn.
發發 phát phát, đáng mau gấp. 穀 cốc, lành.

Núi nam cao lớn thì gió thổi mạnh gấp. Người dân không ai là không có nghĩa, mà riêng ta sao lại gặp tai hại ấy vậy thay để không được phụng dưỡng cha mẹ?

CHƯƠNG VI

南山律律

29. Nam sơn luật luật.

飄風弗弗

30. Phiêu phong phát phát.

民莫不谷

31. Dân mạc bất cốc,

我獨不卒

32. Ngã độc bất tốt.

Dịch nghĩa

29. Núi nam cao lớn

30. Thì gió mạnh gấp.

31. Người dân không ai là bất nghĩa, chẳng lành.

32. Riêng ta không được phụng dưỡng cha mẹ cho đến lúc cuối cùng.

Dịch thơ

Núi Nam cao lớn chập chùng

Gió thì mạnh mẽ vô cùng thổi nhanh.

Dân không bất nghĩa chẳng lành.

Song thân, ta chẳng trọn tình dưỡng nuôi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 律律 *luật luật* như 烈烈 *liệt liệt*, đáng to lớn. 弗弗 *phất phất* như phát phát, đáng mau gấp, 卒 *tốt*, chung, nói phụng dưỡng cha mẹ được hoàn tất, đến lúc cuối cùng.

Thiên Lục nga có 6 chương, 4 chương 4 câu và 2 chương 8 câu.

Tấn Vương Bao vì cha chết không đáng tội, mỗi lần đọc kinh *Thi* đến câu *Ai ai phụ mẫu, Sinh ngã cù lao* thì chưa từng không rơi lệ đến ba lần. Những người theo học thấy vậy phải bỏ thiên này. Kinh *Thi* đã cảm động lòng người như thế ấy.

BÀI THỨ 209

CHƯƠNG I

大東

Đại đông (Tiểu mãn 9)

有饒簋飧

1. Hữu mông quỷ tôn,

有抹棘匕

2. Hữu cầu cực tỳ.

周道如砥

3. Chu đạo như chỉ,

其直如矢

4. Kỳ trực như thi.

君子所履

5. Quân tử sở lý,

小人所視

6. Tiểu nhân sở thị.

睠言顧之

潛焉出涕

7. Quyển ngôn cổ chí,

8. San yên xuất thế.

Dịch nghĩa

1. Có cái thố đựng đầy cơm.

2. Có cái vá uốn cong bằng gỗ táo đỏ để múc thịt (ngụ ý ân huệ của thiên tử đã hậu đãi nhân dân).

3. Đường nhà Chu bằng phẳng như đá mài dao (ý nói việc thuế má của nhà Chu đồng đều).

4. Và ngay thẳng như đường tên bay (ý nói pháp chế của nhà Chu ngay thẳng).

5. Cho nên vua đi trên đường bằng phẳng ngay chính ấy (vua noi theo phép công bằng mà cai trị).

6. Thì nhân dân đều trông theo (ý nói nhân dân ngưỡng mộ việc chính trị công bằng ấy).

7. Nay ngoảnh lại trông con đường ấy.

8. Thì tâm tã lệ rơi (vì con đường ấy hôm nay dành để chở tài vật đã vơ vét của nhân dân các nước phương đông về nhà Chu ở phương Tây).

Dịch thơ

Thố cơm đã đựng vụn cao

Và cong gỗ táo đặt vào một cây.

Đường nhà Chu phẳng đá mài,

Thẳng sông một mạch tên bay như là.

Vua từ đường phẳng đi ra

Nhân dân mến phục thấy đà nường mông.

Hôm nay đường ấy ngoảnh trông,

Lệ rơi tâm tã não lòng xiết bao!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 饒 *mông*, dáng đầy thối. 飧 *tôn*, ăn đồ chín. 球 *cầu*, dáng uốn cong. 棘 *cức* *tỷ*, lấy gỗ táo (gỗ màu đỏ) làm cái vá để múc thịt nấu trong vạc đem lên mâm. 砥 *chỉ*, đá mài dao ý nói bằng phẳng 矢 *thỉ*, ngay thẳng. 君子 *quân tử*, vua ở ngôi. 履 *lý* đi. 小人 *tiểu nhân*, thường dân. 睠 *quyển*, ngoảnh lại trông. 漑 *san*, dáng nước mặt nước mũi tuôn xuống.

Bài tự ở sách *Mao thi* cho là các nước ở phía đông bị khốn khổ vì quân dịch và bị thương tổn về tài sản. Quan đại phu nước Đàm mới làm bài thơ này để cáo bệnh.

Nói có cái thố đựng đầy cơm, thì có cái vá uốn cong bằng gỗ táo đỏ để múc thịt. Đường lộ nhà Chu bằng phẳng như đá mài dao thì lại ngay thẳng như mũi tên bay. Cho nên bậc vua đi trên đường lộ bằng phẳng ngay thẳng ấy, thì dân chúng trông theo.

Nay ngoảnh lại trông con đường ấy mà giọt lệ tuôn rơi, vì sưu dịch thuế vụ ở nước phương đông không có cái gì mà chẳng do con đường ấy chở sang phía tây cho nhà Chu cả.

CHƯƠNG II

小東大東

9. Tiểu đông đại đông

杼柚其空

10. Trữ trực kỳ không.

糾糾葛屨

11. Củ củ cát cú,

可以履霜

12. Khả dĩ lý sương,

佻佻公子

13. Thiêu thiêu công tử,

行彼周行

14. Hành bĩ chu hành.

既往既來

15. Ký vãng ký lai.

使我心疚

16. Sử ngā tâm cứu.

Dịch nghĩa

9. Các nước lớn ở phương đông

10. Nằm ngang nằm dọc đều nghèo sạch,

11. Phải mang dép bằng vải gai cong co lạnh lẽo

12. Để giẫm lên sương.

13. Những công tử (bực tôn quý của chư hầu) yếu đuối không kham xiết những nỗi nhọc nhằn.

14. Đi trên con đường lớn kia

15. Đã qua rồi trở lại, cứ tới tới lui lui mãi,

16. Khiến lòng ta ưu mà sinh bệnh.

Dịch thơ

Quốc gia lớn nhỏ phương đông.

Nằm ngang nằm dọc nghèo không còn gì.

Dép gai cong vẹo mang đi

Giẫm lên sương lộ thế thì lạnh thay!

Chẳng kham công tử yếu gầy

Con đường lớn nọ đi hoài chẳng thôi

Qua qua lại lại tới lui,

Lòng ta sầu não để rồi bệnh mang.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 小東大東 *tiểu đông đại đông*, (đọc *đang* cho hợp vận) các nước lớn nhỏ ở phương đông. Từ nhà Chu mà xem, thì các nước chư hầu đều ở về phía đông. 杼 *trữ*, cái thoi đưa sợi chỉ ngang mà dệt. 拙 *trục*, cái trục để căng sợi chỉ dọc mà dệt. 空 *không*, hết. 佻 *thieu* (thường đọc *khiêu*), đáng khinh bạc không chịu nổi lao nhọc. 公子 *công tử*, bề tôi tôn quý của chư hầu. 周 *chū* *hành* (đọc *hàng* cho hợp vận) đường to. 疚 *cửu* (đọc *cức* cho hợp vận), bệnh.

Nói các nước lớn nhỏ ở phương đông nằm ngang nằm dọc đều hết sạch, quá nghèo khổ cho đến nỗi phải lấy dép bằng vải gai mà mang giẫm lên sương. (Đáng lẽ phải mang dép bằng da, xem lại thiên *Cát cú*, Ngụy phong 1). Và các bề tôi tôn quý của chư hầu phải chạy vạy lại qua, không kham xiết nỗi những nhọc nhằn, cho khiến lòng ta phải ưu sầu mà sinh bệnh.

CHƯƠNG III

有冽洿泉

17. Hữu liệt quĩ tuyến

無浸穫薪

18. Vô tẩm hoạch tân.

契契寤歡

19. Khí khí ngụ thán,

哀我憚人

20. Ai ngã đá nhân.

薪是穫薪

21. Tân thị hoạch tân

尚可載也

22. Thượng khả tải dã.

哀我憚人

23. Ai ngã đá nhân

亦可息也

24. Diệc khả tức dã.

Dịch nghĩa

17. Có dòng suối lạnh lẽo chảy tách ra ở một bên
18. Chở đem củi đã chặt được mà ngâm vào đấy.
19. Ta trần trọc cứ thức mà sầu khổ thở than,
20. Thương xót cho dân ta lao nhọc.
21. Củi đã được chặt rồi
22. Thì mong được chở về.
23. Thương xót cho dân ta lao nhọc
24. Thì mong cho dân ta được nghỉ ngơi.

Dịch thơ

Có dòng suối lạnh tách ra,
Chở đem củi chặt được mà bỏ ngâm.
Thở than đau đớn thức nằm,
Dân ta lao khổ thương tâm ngâm ngùi.
Cái nào đã được chặt rồi
Thì mong hãy chở mà dời về ngay.
Dân ta khổ nhọc thương thay!
Thì mong cho được những ngày nghỉ ngơi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 冽 *liệt*, lạnh. 沍 *quy* *tuyền*, suối chảy tách ra ở một bên. 穫 *hoạch*, chặt được. 契契 *khí khí*, sầu khổ. 憊 *đau*, nhọc mệt. 尚 *thương*, hy vọng. 載 *tài* (đọc *tức* cho hợp vận), chở đem về.

Tô thị nói rằng: Củi đã chặt được mà đem ngâm thì mục nát. Dân đã lao nhọc mà lại bị sai khiến nữa thì bịnh hoạn.

Cho nên hễ củi đã chặt được thì mong hãy chở về mà vừa lại.
Dân đã lao nhọc thì mong được nghỉ ngơi để bình yên.

CHƯƠNG IV

東人之子	25. Đông nhân chi tử
職勞不來	26. Chức lao bất lai
西人之子	27. Tây nhân chi tử
粲粲衣服	28. Xán xán y phục.
舟人之子	29. Chu nhân chi tử,
熊罷是裘	30. Hùng bì thị cầu.
私人之子	31. Tư nhân chi tử,
百僚是試	32. Bách liêu thị thí.

Dịch nghĩa

25. Con cái của người nước chư hầu phương đông
26. Lo làm công việc nhọc nhằn không được vỗ về an ủi.
27. Còn con cái của người ở kinh kỳ nhà Chu về phương
tây
28. Thì quần áo tươi sáng rực rỡ.
29. Cho nên con cái của kẻ chèo thuyền ở kinh kỳ
30. Cũng mặc áo bằng da gấu.
31. Và con cái của tôi tớ ở tư gia trong kinh kỳ
32. Cũng được dùng làm trăm thứ quan.

Dịch thơ

Con người ở nước phương đông

Chẳng ai an ủi, lắm công đoạ dày.
 Con người ở nước phương tây
 Áo quần thấy mặc đẹp thay sáng ngời!
 Còn con của kẻ chèo bơi
 Mặc bằng da gấu xinh tươi vô ngần.
 Còn người tôi tớ tư nhân
 Làm quan trăm thứ muôn phần hiển vinh.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 東人 *đông nhân*, nhân dân của
 chư hầu ở phía đông. 職 *chức*, chuyên giữ một việc gì.
 來 *lai* (đọc *lực* cho hợp vận), vô về an ủi. 西人 *tây nhân*, nhân
 dân ở kinh kỳ nhà Chu về phía tây. 粲粲 *xán xán*, dáng tươi
 sáng rực rỡ. 舟人 *chu nhân*, người chèo thuyền.
 熊羆是裘 *hùng bi thị cầu*, áo bằng da gấu, nói giàu có.
 私人 *tư nhân*, tôi tớ của tư gia. 僚 *liêu*, quan. 試 *thí* (đọc *thi*
 cho hợp vận) dùng. Người chèo thuyền và tôi tớ của tư gia
 đều là người ở kinh kỳ nhà Chu về phía tây.

Đây nói việc thuế má và làm xấu không đồng đều, bọn
 tiểu nhân đắc chí.

CHƯƠNG V

或以其酒

33. Hoặc dĩ kỳ tửu,

不以其漿

34. Bất dĩ kỳ tương.

鞞鞞佩璲

35. Huyền huyền bội toại,

不以其長

36. Bất dĩ kỳ trường.

維天有漢
監亦有光
岐彼織女
終日七襄

37. Duy thiên hữu Hán,
38. Giám diệc hữu quang.
39. Kỳ bỉ Chức nữ,
40. Chung nhật thất tương.

Dịch nghĩa

33. Người nước chư hầu phương đông hoặc lấy rượu mà cho,

34. Thì người kinh kỳ phương tây chê, không cho đó là vật để uống.

35. Người phương đông hoặc tây xâu ngọc toại dài tha thướt mà cho.

36. Thì người phương tây chê, không cho đó là dài.

37. Chỉ trời có sông Ngân

38. Cũng có ánh sáng hãy soi xét cho ta.

39. Chòm sao Chức nữ ba góc

40. Suốt ngày trải qua bảy giờ (để hiện ra trong ban đêm mong sẽ dệt thành bức gấm báo đáp cho ta).

Dịch thơ

Phương đông lấy rượu tặng đưa,

Chẳng là vật uống, chẳng ưa nhấp vào.

Thướt tha ngọc toại tặng trao,

Rõ ràng thật có dài đâu, chê là.

Trên trời có dãy Ngân hà,

Hãy đem ánh sáng để mà xét soi.

Chòm sao Chức nữ ba ngôi

Suốt ngày bảy khoảng chuyển dời hiện ra.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 鞞鞞 *huyền huyền*, dáng dài tha thướt. 璣 *toại*, thuy ngọc quan đeo làm tin. 漢 *Hán*, sông Ngân trên trời. 跂 *kỳ*, dáng có góc. 織女 *Chức nữ*, sao Chức nữ một bên sông Ngân, có ba ngôi sao thành ba góc. 七襄 *thất tương*, chưa rõ là gì. *Mao thi truyện* giải nghĩa *tương* là trở lại, qua một vòng rồi trở lại, Trịnh thị giảng rõ ràng *tương* là đi qua, nói đi qua vị trí của nó. Vì rằng trên trời có 12 vị trí, ranh giới của mặt trời mặt trăng trải qua, gọi đó là vị trí hay giờ. Hằng tinh (kình tinh) một ngày một đêm xoay về bên tả một vòng và có hơn, thì trong khoảng thời gian suốt một ngày từ mao đến dậu (mao, thìn, ty, ngọ, vị, thân, dậu) phải trải qua 7 vị trí, tức là 7 giờ.

Nói người nước chư hầu phương đông có khi lấy rượu đưa tặng cho người ở kinh kỳ nhà Chu phương tây, thì người phương tây đã từng, chê không thèm uống (không cho đó là vật để uống). Và khi người phương đông lấy xâu ngọc dài tha thướt cho người phương tây, thì người phương tây đã từng chê, không cho xâu ngọc đó là dài. Chỉ trời có sông Ngân, thì cũng mong hãy soi xét cho ta, và sao Chức nữ trải qua 7 giờ của ban ngày, cũng mong dệt thành bức gấm để báo đáp cho ta (hãy xem tiếp chương sau).

Không có nơi nào để phân tỏ nỗi lòng, thì nói chỉ có trời, và mong trời thương xót cho ta vậy.

CHƯƠNG VI

雖則七襄

41. Tuy tác thất tương

不成報章

42. Bất thành báo chương.

皖彼牽牛

43. Quan bỉ Khiên ngưu

不以服箱
東有啓明
西有長庚
有棣 天畢
載施之行

44. Bất dĩ phục sương.
45. Đông hữu Khải minh,
46. Tây hữu Trường canh,
47. Hữu cầu Thiên tất
48. Tái thi chi hàng.

Dịch nghĩa

41. Sao Chức nữ tuy trải qua 7 giờ của ban ngày
42. Cũng không dẹt thành bức gấm nào.
43. Còn sao Khiên ngư (Ngư lang dẫn trâu) lấp lánh
kia
44. Cũng không dất đến cho ta con trâu nào để thắng
vào xe.
45. Phía đông thì có sao Khải minh,
46. Phía tây thì có sao Trường canh,
47. Và có sao Thiên tất uốn cong
48. Chỉ bày thành hàng liệt ở trên trời mà thôi, chớ thật
không dùng được việc gì cả.

Dịch thơ

*Bảy giờ Chức nữ trải qua
Gấm thì chẳng thấy dẹt ra tấm nào.
Khiên ngư lấp lánh ngôi sao
Thắng xe chẳng dẫn được trâu về cùng.
Khải minh lấp lánh phương đông.
Trường canh đã mọc ở vùng trời tây,*

Dáng cong Thiên tất sao này,

Bủa thành hàng liệt giăng bày mà thôi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phủ. 昴 *quan*, dáng ngôi sao long lanh sáng chiếu. 牽牛 *Khiên ngư*, sao Khiên ngư. 服 *Phục*, thắt ngựa vào xe. 箱 *sương*, thùng xe. 啓明 *Khải minh*, 長庚 *Trường canh* đều là sao Kim tinh. Vì sao ấy mọc lên trước ban ngày, cho nên gọi là sao Khải minh (*Khải* là mở, *minh* là sáng) và lặn sau khi ngày hết cho nên gọi là sao Trường canh (*Trường* là dài, *canh* là tiếp tục thêm nữa), vì rằng sao Kim tinh và sao Thủy tinh thường phụ vào mặt trời mà đi. có khi đi trước mặt trời, có khi đi sau mặt trời. Và lại Kim tinh thì to, Thủy tinh thì nhỏ, cho nên chỉ lấy một mình sao Kim tinh để nói mà thôi. 天畢 *Thiên tất* là sao *Tất tinh*, hình trạng như cái lưới chụp thôi. 行 *hàng*, hàng liệt.

Nói rằng sao Chức nữ kia không dệt được bức gấm nào để báo đáp cho ta, còn sao Khiên ngư cũng không dắt được con trâu nào để thắt vào xe của ta cả. Sao Khải minh, sao Trường canh và sao Thiên tất cũng thật không dùng được việc gì (chỉ có cái tên) chỉ bày thành hàng liệt trên trời mà thôi. Đến đây thì biết trời cũng chẳng làm gì cho ta được.

CHƯƠNG VII

維南有箕

49. Duy nam hữu Cơ

不可以簸揚

50. Bất khả dĩ bả dương.

維北有斗

51. Duy bắc hữu Đẩu

不可以挹酒漿

52. Bất khả dĩ áp tửu tương.

維南有箕

53. Duy nam hữu Cơ

載翕其舌

54. Tái hấp kỳ thiệt.

維北有斗

55. Duy bắc hữu Đẩu

西柄之揭

56. Tây bình chi kiết.

Dịch nghĩa

49. Chỉ phương nam có sao Cơ (cái nong)

50. Không thể sấy cho hết trấu và lúa lép.

51. Chỉ phương bắc có sao Đẩu (cái gáo)

52. Không thể múc rượu được

53. Sao Cơ ở phương nam

54. Lại le cái lưỡi ra (như muốn đớp nuốt vật gì ở phương đông).

55. Sao Đẩu ở phương bắc

56. Giờ cái cán ra phía tây (để cầm múc lấy tài nguyên ở phương đông).

Dịch thơ

Sao Cơ thấy ở phương nam

Sấy sàng trấu, lép chẳng làm được chi.

Bắc phương sao Đẩu áy thì

Rượu vò chẳng múc được gì mấy may.

Phương nam chòm sao Cơ này

Trông như một cái lưỡi dài le ra.

Bắc phương sao Đẩu cũng là

Phía tây giờ cán đưa qua mức đồ.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Sao *Cơ* 箕 và sao *Đẩu* 斗 trong khoảng mùa hạ mùa thu thì thấy hiện ra phương nam. Còn nói là sao 北斗 *Bắc Đẩu* vì sao đẩu ở về phương bắc sao *Cơ*. Hoặc nói là vì sao Bắc Đẩu thường hiện ra chỗ không ẩn mát. 箕 *hấp*, dẫn. 斗 *thiệt*, cái lưỡi, nói hai ngôi sao ở dưới của chòm sao *Cơ*. Cái cán của sao Nam Đẩu vẫn chỉ về phía tây, cũng như cái cán sao Bắc Đẩu chỉ về phía tây cũng vào mùa thu.

Nói sao Nam *Cơ* (hình giống cái nông cái nia) đã không sảy cho bay trấu, bay lúa lép ra, còn sao Bắc Đẩu đã chẳng mức được rượu. Mà sao *Cơ* lại le cái lưỡi ra, trái lại như muốn đớp nuốt vật gì ở phía đông, và sao Đẩu lại gĩa cái cán ra phía tây (còn phần cái gáo thì xoay về đông) như muốn mức lấy tài nguyên ở phía đông vậy.

Cho nên trời chẳng những đã không làm gì cho ta (nhân dân ở nước chư hầu phía đông) mà lại như muốn giúp thêm cho người ở kinh kỳ nhà Chu phương tây để ta thêm khôn khổ nữa. Đó là lời rất oán hận.

Thiên Đại đông có 7 chương, mỗi chương 8 câu.

BÀI THỨ 210

CHƯƠNG I

四月

Tứ nguyệt (Tiểu mãn 10)

四月維夏

1. Tứ nguyệt duy hạ.

六月徂暑

2. Lục nguyệt tổ thử.

先祖匪人

3. Tiên tổ phi nhân

胡寧忍予

4. Hồ ninh nhẫn dư

Dịch nghĩa

1. Tháng tư mới bắt đầu vào mùa hạ
2. Tháng 6 thì đến hồi rất nóng.
3. Tổ tiên ta chẳng là người hay sao?
4. Sao lại nhần tâm khiến ta phải gặp thời loạn lạc làm tai nạn vậy?

Dịch thơ

Tháng tư hè bắt đầu ngay.

Bước qua tháng sáu nóng gay khắp trời.

Tổ tiên há chẳng phải người?

Nhẫn xui ta phải gặp thời họa tai?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hững. 徂_{to}, đi đến. 四月_{tứ nguyệt}, tháng tư. 六月_{lục nguyệt}, tháng 6, là nói tính theo lịch nhà Hạ, tháng 4 thuộc kiến ty, tháng 6 thuộc kiến vị.

Đây cũng là bài thơ tự thương xót cho mình khi gặp thời loạn lạc. Nói tháng 4 vào mùa hạ tháng 6 thì đến mùa nóng dữ. Tổ tiên ta há lại chẳng phải là người hay sao? Sao lại nhần tâm khiến ta gặp tai nạn ấy. Đó là lời không thể đổ tội vào ai được.

CHƯƠNG II

秋日淒淒

百卉具腓

亂離瘼矣

爰其適歸

5. Thu nhật thê thê,

6. Bách huỷ cụ phì.

7. Loạn ly mạt hĩ,

8. Hê kỳ thích quy?

Dịch nghĩa

5. Ngày mùa thu có gió lạnh lẽo,
6. Trăm thứ cây cỏ đều tiêu điều.
7. Thời lom thỉ lăm bịnh hoạn ưu phiền,
8. Ta sẽ đi về nơi đâu?

Dịch thơ

Ngày thu gió lạnh hắt hiu.

Cỏ cây trăm thứ tiêu điều khắp nơi.

Loạn ly bịnh hoạn đầy trời,

Thân ta đây sẽ về nơi đâu nào?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 淒淒 *thê thê*, gió lạnh. 卉 *hủy*, cỏ. 腓 *phì*, bịnh. 離 *ly*, ưu sầu. 瘼 *mạc*, bịnh. 奚 *hề*, sao? 適 *thích*, đi đến.

Ngày mùa thu có gió lạnh lẽo, trăm thứ cỏ cây đều tiêu điều.

Thời loạn lăm ưu phiền bịnh hoạn thì ta sẽ đi về nơi đâu vậy thay?

CHƯƠNG III

冬日烈烈

飄風發發

民莫不谷

我獨何害

9. Đông nhật liệt liệt,

10. Phiêu phong phát phát.

11. Dân mạc bất cốc

12. Ngã độc hà hại?

Dịch nghĩa

9. Ngày mùa đông thì lạnh run,
10. Gió thổi mạnh gấp.
11. Người dân không ai là bất nghĩa chẳng lành.
12. Mà sao riêng ta lại gặp tai hại ấy?

Dịch thơ

Ngày đông thì lạnh tái tê

Áo ào gió dữ thổi về gấp nhanh.

Dân không bất nghĩa chẳng lành,

Họa tai sao cứ riêng mình gặp luôn?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 烈烈 *liệt liệt* như 栗栗 *lật lật*, lạnh run. 發發 *phát phát*, dáo mau gấp. 穀 *cốc*, lành.

Mùa hạ thì nóng, mùa thu thì bình, mùa đông thì lạnh. Nói loạn ngày một hơn, không có lúc nào dứt được.

CHƯƠNG IV

山有嘉卉

侯栗侯梅

廢爲殘賊

莫知其尤

13. Sơn hữu gia huỷ

14. Hầu lật hầu mai.

15. Phế vi tàn tặc.

16. Mạc tri kỳ vưu.

Dịch nghĩa

13. Trên núi có thứ cây tốt

14. Chỉ có cây lật và cây mai
15. Bực ở ngôi đã biến thành đũa giặc tàn bạo.
16. Chẳng ai biết lỗi ấy là của ai.

Dịch thơ

Núi cao, cây tốt nao là

Những thân cây lật kia và mai thôi.

Vua thành giặc bạo trên ngôi.

Chẳng ai biết lỗi ấy thời bởi đâu.

Chú giải của hu Hy

Chương này thuộc hứng. 嘉 gia, lành tốt. 侯 hầu, duy, chỉ. 廢 phé, biến. 尤 ưu, lỗi.

Trên núi có cây tốt, chỉ có cây lật và cây mai. Bực ở ngôi đã biến thành đũa giặc tàn bạo, thì lỗi của ai thế?

CHƯƠNG V

相彼泉水

17. Tương bỉ tuyên thủy

載清載濁

18. Tái thanh tái trọc.

我日構禍

19. Ngã nhật cấu họa.

曷雲能谷

20. Hạc vân năng cốc?

Dịch nghĩa

17. Xem nước suối kia

18. Còn có khi trong khi đục.

19. Ta ngày ngày cứ bị tai họa cấu kết vào mãi.

20. Thì ai nói có thể tốt lành lại được ? (Ai nói thời thế sẽ hết loạn mà sáng trong trở lại?)

Dịch thơ

Kìa nguồn nước suối hãy trông

Còn khi thì đục, khi trong nữa mà.

Dập dồn tai hoạ vào ta.

Trở thành tốt đẹp nói ra ai nào?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 相 *tương*, xem. 載 *tái*, thì. 構 *cấu*, hợp. Xem nước suối kia, còn có lúc trong lúc đục.

Ta ngày ngày gặp tai hoạ, thì ai nói có thể tốt lành lại được chăng?

CHƯƠNG VI

滔滔江漢

南國之紀

盡瘁以仕

寧莫我有

21. Thao thao Giang, Hán

22. Nam quốc chi kỷ.

23. Tận ngã tuy dĩ sĩ.

24. Ninh mạc ngã hữu.

Dịch nghĩa

21. Sông Trường Giang, sông Hán mênh mông to rộng.

22. Như những sợi dây chẳng chặt ở nước phương nam.

23. Ta tận tụy làm quan

24. Mà sao vua chẳng biết là có như vậy?

Dịch thơ

Mênh mông sông Hán, Trường giang

Phương nam chẳng chịt bủa giăng khắp vùng.

Làm quan tận tụy đến cùng.

Mà sao vua chẳng hiểu lòng ấy cho?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 滔滔 *thao thao*, dáng nước mênh mông to rộng. 江漢 *Giang Hán*, tên hai con sông. sông Trường Giang và sông Hán. 紀 *kỷ*, cương kỷ, nói là sợi dây. 倅 *tụy*, bình. 有 *hữu* (đọc *vĩ* cho hợp vận) biết là có.

Sông Trường Giang và sông Hán mênh mông to rộng như những sợi dây chằng chịt ở nước phương nam. Nay ta làm quan hết lòng làm việc đến đau bình, mà tại sao vua chẳng biết là có như vậy?

CHƯƠNG VII

匪鶉匪鳶

25. Phỉ đoàn phỉ diên

翰飛戾天

26. Hàn phi lệ thiên

匪鱣匪鮪

27. Phỉ chiên phỉ vĩ

潛逃于淵

28. Tiềm đào vu uyên.

Dịch nghĩa

25. Ta chẳng phải chim diên và chim ó

26. Để có thể bay cao sát trời mà trốn tránh

27. Ta chẳng phải cá chiên cá vĩ.

28. Để có thể lặn dưới vực sâu mà trốn tránh.

Dịch thơ

Ta không là ó, điều hâu

Sát trời bay vút để hâu tránh xa.

Cá chiên cá vĩ không là

Lặn chìm đáy vực để mà lánh thân.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 鵙đoàn, con điều hâu. 鳶diên (đọc dũ), con ó, loài chim dữ. Chim điều và chim ó bay cao sát sông Ngân. 鱖chiên, 鮪vĩ là hai loài cá to.

Chim điều và chim ó có thể bay cao sát trời, cá chiên cá vĩ có thể lặn trốn ở dưới vực sâu. Còn ta không phải là bốn loài chim cá ấy, cho nên không thể trốn tránh đi đâu được.

CHƯƠNG VIII

山有蕨薇

29. Sơn hữu quyết vi.

隰有杞桋

30. Thấp hữu khỉ di.

君子作歌

31. Quân tử tác ca

維以告哀

32. Duy dĩ cáo ai.

Dịch nghĩa

29. Trên núi có rau quyết vi.

30. Dưới thấp có cây khỉ di.

31. Người quân tử làm bài ca này

32. Chỉ là để bày tỏ nỗi đau đớn trong lòng mà thôi.

Dịch thơ

*Trên non có rau quyết vi,
Còn nơi đất thấp khi di mọc đầy.
Người quân tử làm thơ này
Nỗi lòng đau đớn tỏ bày thế thôi*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 杞 *khỉ*, cây cầu kè. 楸 *di*, cây xích tóc, lá nhỏ mà nhọn, số vỏ lộn xộn, ưa mọc thành bụi trên núi, có thể dùng làm gọng xe.

Trên núi thì có rau quyết vi, dưới thấp thì có cây khi di. Người quân tử làm bài ca, chỉ là để bày tỏ nỗi đau đớn trong lòng mà thôi.

Chú giải của Dịch giả

Mao thi: Trên núi có rau quyết vi, dưới thấp có cây khi di, loài rau loài cây đều được yên nơi thích hợp mà sống. Còn dân chúng trong thời loạn lạc chẳng được yên nơi yên chốn như loài thảo mộc ấy. Đó là ý nghĩa của thuộc hứng.

Thiên Từ nguyệt có 8 chương, mỗi chương 4 câu.

Tiểu mãn chi thập có 10 thiên, 65 chương, 414 câu.

6. BẮC SƠN CHI THẬP

(Mười thiên thuộc phần thơ Bắc sơn)

BÀI THỨ 211

CHƯƠNG I

北山

Bắc Sơn (Bắc sơn 1)

陟彼北山

1. Trắc bĩ bắc sơn

言采其杞

2. Ngôn thái kỳ khi.

偕偕士子

3. Giai giai sĩ tử

朝夕從事

4. Triệu tịch tùng sự.

王事靡盬

5. Vương sự mỹ cổ

憂我父母

6. Ưu ngã phụ mẫu.

Dịch nghĩa

1. Lên trên núi bắc
2. Nói là để hái cây khi.
3. Kẻ sĩ này cường tráng.
4. Sớm tối đi phục dịch cho vua.
5. Việc của vua không thể nào không cẩn thận chắc chắn được (phải chịu lao nhọc chu tất).
6. Vì thế phải để mối ưu lo cho cha mẹ ta.

Dịch thơ

Bắc sơn lần bước leo lên

Rằng tìm cây khỉ ở trên hái dùng
Sĩ nầy là kẻ dưng hùng,
Việc vua sớm tối ra công nhọc nhằn.
Việc vua phải ráng siêng cần,
Mẹ cha ta phải nặng phần lo âu.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 偕偕 *giai giai*, dáng cường tráng. 士子 *sĩ tử* (đọc *tỷ* cho hợp vận), nhà thơ tự gọi mình là sĩ tử.

Quan đại phu đi phục dịch làm bài thơ nầy tự nói rằng: Lên trên núi bắc mà hái cây khỉ, thì đều là người cường tráng, sớm tối phải đi phục dịch cho vua. Vì rằng công việc của vua không thể nào không siêng cần, cho nên phải để lại mối ưu lo cho cha mẹ.

CHƯƠNG II

溥天之下

莫非王土

率土之濱

莫非王臣

大夫不均

我從事獨賢

7. Phổ thiên chi hạ

8. Mạc phi vương thổ.

9. Suất thổ chi tân,

10. Mạc phi vương thân.

11. Đại phu bất quân

12. Ngã tòng sự độc hiền.

Dịch nghĩa

7. Khắp cõi dưới trời

8. Chẳng có chỗ nào là không phải lãnh thổ của vua
9. Noi theo những vùng đất ven bờ
10. Dân chúng khắp nơi, chẳng ai là không phải bề tôi của vua.
11. Nhưng quan đại phu lại không công bình (ám chỉ vua chia công việc không đồng đều).
12. Khiến một mình ta phải phục dịch nhọc nhằn hơn hết.

Dịch thơ

Khắp nơi ở dưới trời cao

Đất vua chẳng có chỗ nào là không.

Noi theo bờ nước những vùng

Tôi vua, chẳng có ai không phải là.

Công bình quan chẳng tỏ ra,

Nhọc nhằn hơn hết, riêng ta một mình.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 溥 *phổ*, to rộng. 率 *suất*, noi theo, lần theo. 濱 *tân*, bờ nước.

Nói đất đai rộng rãi, bề tôi đông đảo mà vua lại không công bình, khiến ta phục dịch, chỉ riêng một mình chịu lao khổ.

Không chỉ thẳng vua mà chỉ nói vào quan đại phu, không nói riêng một mình ta chịu lao khổ mà nói riêng một mình ta chịu nhiều hơn, đó là lòng trung hậu của nhà thơ như thế.

CHƯƠNG III

四牡彭彭

13. Tứ mẫu hành hành.

王事傍傍

14. Vương sự bàng bàng.

嘉我未老

15. Gia ngã vị lão,

鮮我方將

16. Tiển ngã phương tương,

旅力方剛

17. Lữ lực phương cương

經營四方

18. Kinh doanh tứ phương.

Dịch nghĩa

13. Đi xe bốn ngựa đực, ta dong ruổi mãi không dừng nghỉ ngơi.

14. Việc của vua sai thì không bao giờ dứt.

15. Vua khen ta chưa già,

16. Cho ta là mạnh mẽ hiếm có.

17. Sức lực ta đang dũng mãnh

18. Có thể kinh doanh công việc ở bốn phương.

Dịch thơ

Đi xe bốn ngựa ruổi dong

Không hề dứt việc vua dùng sai ta.

Vua khen ta vẫn chưa già,

Cho rằng còn mạnh thật là hiếm hoi.

Sức ta dũng mãnh đang thời

Kinh doanh công việc ở ngoài bốn phương.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 彭彭 *bành bành* (đọc *phang phang* cho hợp vận) không được nghỉ ngơi. 傍傍 *bằng bằng* (đọc *bang bang* cho hợp vận) không dứt. 嘉 *gia*, tốt lành. 鮮 *tiễn*, ít, ít thì khó kiếm. 將 *tương*, mạnh mẽ. 旅 *lữ*, đồng với 簪 *lữ*, là xương sống. *Lữ lực* là khí lực trong thân thể.

Nói vua sở dĩ đã sai khiến ta vì khen ta chưa già lại dương hi cường tráng, sức lực dồi dào có thể lo liệu mọi việc trong bốn phương. Cũng như ý tứ ở chương trên nói *độc hiên*, nói riêng một mình ta nhọc nhằn nhiều hơn hết.

CHƯƠNG IV

- | | |
|-------|----------------------------|
| 或燕燕居息 | 19. Hoặc yến yến cư tức. |
| 或盡瘁事國 | 20. Hoặc tận tụy sự quốc. |
| 或息偃在 | 21. Hoặc tức yển tại sàng. |
| 或不已于行 | 22. Hoặc bất dĩ vụ hành. |

Dịch nghĩa

19. Hoặc có kẻ thì được yên ổn nghỉ ngơi.
20. Hoặc có người thì phải tận tụy phụng sự quốc gia.
21. Hoặc có kẻ được nằm nghỉ trên giường
22. Hoặc có người phải đi phục dịch mãi không thôi.

Dịch thơ

- Có người yên nghỉ thung dung.*
Có người việc nước nhọc lòng đảm đương.
Có người nằm nghỉ trên giường.
Có người phục dịch vẫn thường chẳng thôi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 燕燕 yén yén, đáng yên ổn nghỉ ngơi. 瘁 tuy, bình. 已 dĩ, dừng, thôi.

Nói việc sai khiến không đồng đều (kẻ lao nhọc, người an nhàn). Chương này cũng phỏng theo đây.

CHƯƠNG V

或不知叫號

23. Hoặc bất tri khiếu hào.

或慘慘劬勞

24. Hoặc thảm thảm cù lao.

或棲遲偃仰

25. Hoặc thê trì yển ngưỡng.

或王事鞅掌

26. Hoặc vương sự ưởng chương.

Dịch nghĩa

23. Hoặc có kẻ an nhàn không hề nghe đến tiếng bề trên kêu gọi sai khiến.

24. Hoặc có người phải sầu khổ mệt nhọc.

25. Hoặc có kẻ an nhàn dạo chơi khi cúi xuống lúc ngẩng lên nhìn xem phong cảnh.

26. Hoặc có người vì công việc của vua mà phải hóc hác tiêu tuy.

Dịch thơ

Có người chẳng bị gọi kêu.

Có người khổ nhọc xem chiều xác xơ.

Có người dạo cảnh nhớn nhọc,

Có người vua khiến bơ phờ mỗi mê.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 不知叫號 *bất tri khiêu hào*, ở yên nhân đặt, không nghe tiếng người kêu gọi. 鞅掌 *ưởng chương*, hốt hác, tiêu tụy, nói công việc phiền phức nhọc mệt, không dặng rảnh rang vui tươi.

CHƯƠNG VI

或湛樂飲酒

27. Hoặc đam lạc ẩm tửu.

或慘慘畏咎

28. Hoặc thảm thảm uý cữu.

或出入風部

29. Hoặc xuất nhập phúng nghị.

或靡事不爲

30. Hoặc mỹ sự bất vi.

Dịch nghĩa

27. Hoặc có kẻ an nhàn vui thích uống rượu.

28. Hoặc có người phải sầu khổ sợ cho mình vương điều tội lỗi.

29. Hoặc có kẻ an nhàn được tin cậy thung dung ra vào nghị luận bàn bạc.

30. Hoặc có người quá bận rộn không việc gì là không làm.

Dịch thơ

Có người uống rượu thích tình.

Có người sầu khổ, sợ mình tội mang.

Có người xuất nhập luận bàn.

Có người mọi việc rộn ràng xiết bao!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 咎 cữu, tội lỗi. 出入風議 *xuất nhập phùng nghị* (đọc nghị cho hợp vận) nói được thân tín thung dung.

Thiên Bắc sơn có 6 chương, 3 chương 6 câu và 3 chương 4 câu.

BÀI THỨ 212

CHƯƠNG I

無將大車

Vô tương đại xa (Bắc sơn 2)

無將大車

1. Vô tương đại xa,

祗自塵兮

2. Chi tự trần hề.

無思百憂

3. Vô tư bách ưu,

祗自疵兮

4. Chi tự để hề.

Dịch nghĩa

1. Chở phụ đầy chiếc xe to,
2. Bụi bùn sẽ nhơ nhuốc vào mình.
3. Chớ lo nghĩ trăm mối ưu phiền.
4. Bệnh hoạn sẽ đến vào mình.

Dịch thơ

Chở nên phụ đầy xe to,

Bụi bùn ắt sẽ nhuốc nhơ vào mình.

Trăm ưu phiền chớ nghĩ quanh,

Bệnh đau sẽ đến hoành hành vào thân.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 將 *tương*, phụ đẩy xe tiến tới. 大車 *dại xa*, xe to để chở đồ trên đường phẳng do bò kéo. 祇 *chỉ*, đến. 疵 *đề*, bịnh.

Đây cũng là bài thơ của người đi phục dịch lao khổ phải ưu sầu lo nghĩ mà làm ra.

Nói ra phụ đẩy xe to thì bị bụi lấm dơ, hễ lo nghĩ trăm mối ưu phiền thì bịnh hoạn sẽ đến vào mình.

CHƯƠNG II

無將大車

5. Vô tương đại xa

維塵冥冥

6. Duy trần minh minh

無思百憂

7. Vô tư bách ưu

不出于類

8. Bất xuất vu cảnh.

Dịch nghĩa

5. Chở phụ đẩy chiếc xe to,
6. Bụi bùn sẽ làm cho mình tối tăm.
7. Chớ lo nghĩ trăm mối ưu phiền.
8. Mình phải lu mờ mà không thoát ra được.

Dịch thơ

Xe to chở phụ đẩy qua,

Bụi bùn ắt sẽ khiến ta u mờ.

Trăm ưu phiền chớ nghĩ lo,

Tối tăm không thể thoát cho khỏi nào.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc húng. 冥冥 *minh minh* (đọc *mính mính* cho hợp vận) tối tăm. 矚 *cảnh* đồng với 耿 *cảnh* là lơ mờ. Đang trong cảnh ưu phiền mình như lu mờ không thoát ra được.

CHƯƠNG III

無將大車

9. Vô tương đại xa,

維塵離兮

10. Duy trần ung hề.

無思百憂

11. Vô tư bách ưu,

祗自重兮

12. Chỉ tự trọng hề.

Dịch nghĩa

- 9. Chở phụ đẩy chiếc xe to,
- 10. Bụi bùn sẽ che phủ vào mình.
- 11. Chớ lo nghĩ trăm mối ưu phiền.
- 12. Chỉ mang phiền lụy mà thôi.

Dịch thơ

Xe to phụ đẩy chở nên,

Bụi bùn ắt sẽ phủ lên mình liền.

Chớ lo trăm mối ưu phiền.

Chỉ mang thêm lụy chẳng yên vào mình.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc húng. 離 *ung* (cũng đọc *ung*) che đậy. 重 *trùng* (cũng đọc *trọng* như 累 *luy*, là phiền lụy.

BÀI THỨ 213

CHƯƠNG I

小明	Tiểu minh (Bắc sơn 3)
明明上天	1. Minh minh thượng thiên
照臨下土	2. Chiếu lâm hạ thổ.
我征徂西	3. Ngã chinh tở tây,
至于芄野	4. Chi vu Cầu dã
二月初吉	5. Nhị nguyệt sơ cát.
載離寒暑	6. Tái ly hàn thử.
心之憂矣	7. Tâm chi ưu hĩ,
其毒大苦	8. Kỳ độc thái khổ.
念彼共人	9. Niệm bỉ cung nhân,
涕零如雨	10. Thệ linh như vũ.
豈不懷歸	11. Khỉ bất hoài quy?
畏此罪罟	12. Uý thử tội cổ.

Dịch nghĩa

1. Trời sáng chói ở trên
2. Chiếu xuống dưới đất.
3. Ta đi phục dịch ở phương tây,
4. Đến vùng Cầu dã

5. Vào ngày tốt tháng hai.
6. Thì thời gian trôi qua đã cách xa mùa hè nóng và mùa đông lạnh rồi (nghĩa là năm đã hết).
7. (Mà ta không dặng trở về cho nên) lòng ta ưu sầu.
8. Rất khổ đau như bị thuốc độc.
9. Ta nhớ đến bạn đồng liêu của ta kia hiện đang ở trong triều (không bị đi phục dịch ở xa).
10. Mà lệ đổ xuống như mưa.
11. Ta há lại không nhớ nhà mà không muốn trở về hay sao?
12. (Ta không dám tự tiện trở về) vì sợ mắc vào lưới pháp luật mà bị tội.

Dịch thơ

*Tưng bừng rực rỡ trên trời,
Dưới trần ánh sáng chiếu soi phủ đầy.
Ta đi phục dịch phương tây.
Thì vùng Cầu đã là đây đến rồi.
Tháng hai ngày tốt đến nơi.
Hè, đông, nóng lạnh các thời đều xa.
Chẳng về sầu não lòng ta,
Khổ như thuốc độc xót xa thấm vào.
Nhớ đồng liêu hiện ở trào.
Như mưa tầm tã rạt rào lệ sa.
Há không nhớ trở lại nhà?
Sợ mang tội lỗi nên ta nhấn lòng.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 征 *chinh*, đi. 徂 *tổ*, đến. 芄野 *Cầu dã* (đọc *thự* cho hợp vận) tên đất, đó là vùng xa xôi hoang vu. 二月 *nhị nguyệt*, tháng 2, cũng là lấy lịch nhà Hạ mà tính, thuộc tháng kiến mao. 初吉 *sơ cát*, ngày đầu tháng tốt lành. 毒 *độc*, nói trong lòng như bị thuốc độc làm đau đớn. 其人 *cung nhân*, những bạn hữu làm quan còn ở trong triều không bị sai phải ra ngoài. 懷 *hoài*, nhớ. 罟 *cổ*, cái lưới. Quan đại phu, tháng 2 thì bị sai đi phục dịch ở phía này, đến cuối năm mà chưa được trở về, cho nên mới kêu trời mà bày tỏ nỗi lòng. Lại nhớ bằng hữu còn ở tại triều, tự nói là mình sợ mắc tội mà không dám trở về.

CHƯƠNG II

昔我往矣

13. Tích ngã vãng hĩ,

日月方除

14. Nhật nguyệt phương trừ.

曷雲其還

15. Hạp vân kỳ hoàn?

歲聿雲莫

16. Tuế duật vân mộ,

念我獨兮

17. Niệm ngã độc hê,

我事孔庶

18. Ngã sự khổng thử,

心之憂矣

19. Tâm chi ưu hĩ,

憚我不暇

20. Đá ngã bất hạ.

念彼共人

21. Niệm bỉ cung nhân

睠睠懷顧

22. Quyển quyển hoài cố.

豈不懷歸

23. Khỉ bất hoài quy?

Dịch nghĩa

13. Xưa ta ra đi.
14. Ngày tháng vừa bước qua năm mới (ngày đầu tháng 2).
15. Nay làm sao nói được ngày về là bao giờ?
16. Mà năm thì đã hết,
17. Nhớ lại thân ta lẻ loi cô độc.
18. Mà việc của ta phải làm lại rất nhiều.
19. Cho nên lòng ta ưu sầu.
20. Vì ta quá nhọc nhằn không dạng rảnh rang
21. Ta nhớ đến bạn đồng liêu của ta kia hiện ở tại triều
22. Đang ân cần đoái trông đến ta.
23. Ta há lại không nhớ nhà không muốn trở về hay sao?
24. (Ta không dám tự tiện trở về) vì sợ vua giận dữ khiển trách.

Dịch thơ

*Ta xưa cất bước ra đi,
Tháng ngày năm mới đúng kỳ vừa qua.
Ngày về nào biết nói ra.
Năm tàn thời khắc tiêu ma hết rồi.
Nhớ ta cô độc lẻ loi,
Nhiều thay công việc, hiện thời dăm đang!
Lòng ta sầu não bàng hoàng.
Nhọc nhằn lại chẳng rảnh rang chút nào.*

Nhớ đồng liêu ở tại trào

Ân cần tha thiết đoái vào chờ trông.

Nhớ về ta há lại không?

Sợ vua giận trách nên lòng chẳng đi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 除 *trừ*, dứt cũ qua mới. Nói ngày đầu tháng hai. 庶 *thứ* nhiều. 憚 *đá*, nhọc nhằn. 睠睠 *quyến quyến*, ý ân cần trọng hậu. 譴怒 *khiển nộ*, khiển trách người có tội.

Nói xưa ta ra đi vào lúc này, nay chưa biết bao giờ mới được trở về, mà năm thì đã hết. Vì chỉ có một mình thân ta mà công việc lại nhiều cho nên phải cần lao nhọc nhằn không được rảnh rang.

CHƯƠNG III

昔我往矣

日月方奧

曷雲其還

政事愈蹙

歲聿雲莫

采蕭穫菽

心之憂矣

自詒伊戚

念彼共人

25. Tích ngã vãng hĩ

26. Nhật nguyệt phương úc.

27. Hạp vân kỳ hoàn?

28. Chính sự dũ xúc,

29. Tuế duật vân mộ.

30. Thái tiều hoạch thúc!

31. Tâm chi ưu hĩ,

32. Tự di y thích.

33. Niệm bỉ cung nhân,

興言出宿
豈不懷歸
畏此反覆

34. Hưng ngôn xuất túc.

35. Khỉ bất hoài quy?

36. Uý thử phản phúc.

Dịch nghĩa

25. Xưa ta ra đi

26. Ngày tháng vừa vào mùa ấm áp (ngày đầu tháng 2 mùa xuân).

27. Làm sao nói được ngày trở về?

28. Việc chính trị càng gấp rút.

29. Mà năm thì đã hết.

30. Mọi người lo hái tiêu (để làm củi) hái đậu rồi (mà ta thì chẳng được về).

31. Cho nên lòng ta ưu sầu.

32. Tự giành lấy cái buồn phiền này (vì không biết tìm cơ hội để lánh xa).

33. Ta nhớ đến bạn đồng liêu của ta kia hiện ở tại triều (được an nhàn).

34. Cứ trần trọc không ngủ được) ta đứng dậy ra nằm ở ngoài.

35. Ta há lại không nhớ nhà, không muốn trở về hay sao?

36. (Ta không dám tự tiện trở về) vì sợ vua tính hay tráo trở bất thường (sẽ trừng phạt ta không đáng tội).

Dịch thơ

Ta xưa dong ruổi ra đi

Tháng ngày ấm áp đang khi xuân hoà.

Ngày về nào biết nói ra,

Bao nhiêu chính sự thật là gấp thay!

Mà năm thì sắp hết ngay.

Hái tiêu, hái đậu liền tay mọi người.

Lòng ta sầu khổ bụi ngùi,

Tự mình giành lấy lắm hồi phiền đau.

Nhớ đồng liêu ở tại trào,

Đứng lên thui thủi ra mau mà nằm.

Nhớ nhà há chẳng về thăm?

Vua hay tráo trở ta thêm ngại lo.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 奧 ước, âm. 蹙 xúc, gấp rút. 詒 di, để lại. 戚 thích (đọc tức cho hợp vận) ưu sầu. 興 hưng, dậy. 反覆 phản phúc, ý tráo trở bất thường.

Nói việc chính trị càng gấp, cho nên đến lúc hết năm mà cũng không được trở về. Lại tự trách mình không biết tìm cơ hội để lánh xa, cho nên mới chịu lấy cái ưu sầu này. Vì thế mà nằm không yên giấc mới trở ra nằm ở ngoài (không nằm ở trong nữa).

CHƯƠNG IV

嗟爾君子

37. Ta nhĩ quân tử!

無恆安處

38. Vô hằng an xử.

靖共爾位

39. Tịnh cung nhĩ vị.

正直是與

40. Chính trực thị dữ.

神之聽之
式谷以女

41. Thần chi thính chi,
42. Thức cốc dĩ nữ.

Dịch nghĩa

37. Than ôi những bậc quân tử như các bạn!
38. Chớ nên ở yên ổn mãi. .
39. Hãy lặng lẽ giữ chức vị mình.
40. Các bạn chỉ giúp đỡ người chính trực mà thôi.
41. Thì thần thánh sẽ nghe cho.
42. Và sẽ đem phúc lộc cho các bạn.

Dịch thơ

Bậc làm quân tử bạn ơi

Chớ nên sống mãi yên vui tốt lành.

Lặng mà giữ chức vị mình,

Giúp người chính trực trung thành mà thôi.

Thánh thần nghe thấu được lời.

Sẽ đem phúc lộc vun bồi thường cho.

Chú giải của Chu Hy

Chương này được phú. 君子 *quân tử*, cũng chỉ những bạn đồng liêu ở tại triều. 恆 *hằng*, thường. 靜 *tĩnh* đồng với 靜 *tĩnh*, yên tĩnh. 與 *dữ*, giúp, 穀 *cốc*, phúc lộc. 以 *dĩ* như 與 *dữ*, cho.

Ở chương trên đã tự thương xót cho mình, chương này lại răn bạn đồng liêu rằng. Than ôi các bạn chớ lấy việc yên ổn làm mục độ thường để sống! Ý nói phải có lúc lao khổ. Chớ

lo nghĩ được yên ổn mãi, phải lẳng lặng giữ đúng chức vị của mình, và chỉ giúp đỡ người chính trực mà thôi, thì thánh thần sẽ nghe cho, và sẽ lấy phúc lộc cho các bạn.

CHƯƠNG V

- | | |
|------|-------------------------|
| 嗟爾君子 | 43. Ta nhĩ quân tử! |
| 無恆安息 | 44. Vô hằng an tức, |
| 靖共爾位 | 45. Tĩnh cung nhĩ vị. |
| 好是正直 | 46. Hảo thị chính trực. |
| 神之聽之 | 47. Thần chi thính chi, |
| 介爾景福 | 48. Giới nhĩ cảnh phúc. |

Dịch nghĩa

43. Than ôi những bậc quân tử các bạn!
44. Chớ nên ở yên ổn mãi.
45. Hãy lẳng lặng giữ đúng chức vị mình,
46. Hãy thương người ngay thẳng.
47. Thì thần thánh sẽ nghe cho.
48. Sẽ ban cho các bạn những phúc lớn.

Dịch thơ

Bạn ta quân tử những người!
Chớ nên sống mãi an vui thanh bình.
Lặng yên giữ chức phận mình.
Hãy thương những kẻ hiền lành thẳng ngay.
Thánh thần ắt sẽ lắng tai.

Sẽ đem phúc lớn lâu dài thưởng cho.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 息 tức như 處 xử, là ở. 好是正直 hảo thị chính trực, thương người ngay thẳng ấy. 介 giới và 景 cảnh đều là to.

Thiên Tiểu minh có 5 chương, 3 chương 12 câu và 2 chương 6 câu.

BÀI THỨ 214

CHƯƠNG I

鼓鍾

Cổ chung (Bắc sơn 4)

鼓鍾將將

1. Cổ chung thương thương

淮水湯湯

2. Hoài thủy thương thương,

憂心且傷

3. Ưu tam thả thương,

淑人君子

4. Thục nhân quân tử

懷允不佞

5. Hoài doãn bất vong.

Dịch nghĩa

1. Đánh chuông nghe keng keng
2. Trên sông Hoài nước cuộn tung lên.
3. Người nghe được phải ưu sầu đau xót.
4. Những bậc vua hiền lành quân tử ngày xưa,
5. (Ta) nhớ và tin tưởng mãi không quên.

Dịch thơ

Keng keng nghe đánh tiếng chuông

Sông Hoài tung nước cuộn cuộn lao xao.

Người nghe được phải ưu sầu.

Vua xưa những bậc tài cao hiền lành.

Không quên tin tưởng lòng thành.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 將將 *thương thương*, tiếng chuông. 淮 *Hoài*, sông Hoài chảy ra ở núi Đồng Bách thuộc quân (khu vực hành chính). Tín dương đến quân Liên thủy ở Sở châu ra biển. 湯湯 *thương thương*, dâng tung vọt lên. 淑 *thục*, lành tốt. 懷 *hoài*, nhớ. 允 *doãn*, tin.

Ý nghĩa của bài này chưa rõ.

Vương thị nói rằng: U vương đánh chuông ở trên sông Hoài để mê man vui chơi mãi mà quên trở về. Người nghe được phải sầu thương nhớ lại những bậc quân tử ngày xưa mà không thể quên được.

CHƯƠNG II

鼓鍾喈喈

6. Cổ chung giai giai

淮水潋潋

7. Hoài thủy hài hài.

憂心且悲

8. Ưu tâm thả bi.

淑人君子

9. Thục nhân quân tử

其德不回

10. Kỳ đức bất hồi.

Dịch nghĩa

6. Đánh chuông nghe keng keng
7. Trên sông Hoài nước cuộn tung lên.
8. Nghe được lòng phải ưu sầu lại bi thương.
9. Những bậc vua hiền lãnh quân tử ngày xưa
10. Đức hạnh không hề tà vạy.

Dịch thơ

Keng keng chuông đánh khua rền

Cuộn cuộn nước chảy tung trên sông Hoài.

Nghe qua lòng những bi ai.

Vua xưa quân tử hiền tài vinh hoa

Đức thì quyết chẳng vạy tà.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 嗒嗒 *giai giai* (đọc *giê giê*) như 將將 *thương thương*, tiếng chuông. 濈濈 *hài hài* (đọc *hê hê*) như 湯湯 *thương thương*, dâng tung vọt lên. 猗 *hối* (đọc *hì* cho hợp vận), tà vạy.

CHƯƠNG III

鼓鍾伐鼗

淮有三洲

憂心且妯

淑人君子

其德不猶

11. Cổ chung phạt cao.

12. Hoài hữu tam châu.

13. Ưu tâm thả trầu.

14. Thục nhân quân tử,

15. Kỳ đức bất do.

Dịch nghĩa

11. Đánh chuông, đánh trống to.
12. Sông Hoài đã hiện lên ba cồn.
13. Nghe được lòng phải ưu sầu xao động.
14. Những bậc vua hiền lành quân tử ngày xưa.
15. Đức hạnh không hoảng loạn như vua ngày nay.

Dịch thơ

Đánh chuông và đánh trống to.

Sông Hoài đã hiện ba gò cồn cao.

Lòng ta xúc động ưu sầu,

Vua xưa quân tử xiết bao hiền tài!

Đức không hoảng loạn như vậy.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 髙 *cao* (đọc *cưu* cho hợp vận) cái trống to. Sách *Chu lễ* viết 皋 *cao*. Nói rằng trống ấy cao cổ dài 1 tầm và 4 thước. 三洲 *tam châu*, ba cồn, những đất trên sông Hoài.

Tô thị nói rằng: Khởi đầu thì nói *thương thương* (nước tung lên) kế nói *hài hài* (nước tung lên) sau cùng nói *tam châu* (nước rút, cồn hiện lên). Ý nói U vương vui chơi lâu mãi trên sông Hoài.

妯 *trầu*, động 猶 *du* (*do*) như. Ý nói không như vua ngày nay quá hoảng loạn.

CHƯƠNG IV

鼓鍾欽欽

16. Cổ chung khâm khâm,

鼓瑟鼓琴

17. Cổ sắt cổ cầm.

笙磬同音

18. Sênh khánh đồng âm,

以雅以南

19. Dĩ Nhã dĩ Nam

以簫不僭

20. Dĩ được bất thâm (tiêm).

Dịch nghĩa

16. Đánh chuông nghe keng keng

17. Khảy đàn cầm đàn sắt.

18. Tiếng sáo tiếng khánh hoà hợp,

19. Hát thơ Nhị Nhã, thơ Nhị Nam.

20. Và thổi sáo nhảy múa đều không rối loạn.

Dịch thơ

Keng keng chuông đánh khua vang,

Sắt cầm cùng khảy nhịp nhàng đưa xa,

Sáo cùng khánh lại hợp hoà,

Nhị Nam, Nhị Nhã lại ca chen vào.

Múa theo sáo chẳng loạn nào.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 欽欽 *khâm khâm*, cũng là tiếng chuông. 磬 *khánh*, một loại nhạc khí làm bằng đá 琴瑟 *cầm sắt*, đàn cầm đàn sắt thì đánh ở trên nhà. 笙磬 *sênh khánh*, ông sáo và cái khánh thì tấu ở dưới nhà. 同音 *đồng âm*, đồng một thanh âm, nói tiếng nhạc hoà hợp. 雅 *Nhã* là Nhị Nhã, Đại Nhã và Tiểu Nhã 南 *Nam* (đọc *Nâm* cho hợp vận) là Nhị Nam, Chu Nam và Thiệu Nam. 簫 *được*, thổi sáo mà nhảy

múa. 僭 *tiếm* (đọc *thâm* cho hợp vận), loạn. Ý nói ba việc ấy (hát thơ Nhị Nhã, hát thơ Nhị Nam và thổi sáo nhảy múa) đều không rối loạn.

Tô thị nói rằng: U vương thất đức há vì nhạc vui chơi không phải thuộc loại cổ của các tiên vương ru? Nhạc thì đúng mà người thì sai.

Thiên Cổ chung có 4 chương, mỗi chương 5 câu.

Ý nghĩa của bài thơ này có điều không thể biết rõ được. Cho nên nay chỉ giải thích người và vật trong thơ theo huấn cổ, và lấy những thuyết của Vương thị, Tô thị giải nghĩa, chưa dám tin ắt là thế.

BÀI THỨ 215

CHƯƠNG I

楚茨

楚楚者茨
言抽其棘
自昔何爲
我蓺黍稷
我黍與與
我稷翼翼
我倉既盈
我庾維億
以爲酒食

Sở từ (Bắc sơn 5)

1. Sở sở giả từ,
2. Ngôn trừu kỳ cực.
3. Tự tích hà vi?
4. Ngã nghệ thử tác.
5. Ngã thử dư dư,
6. Ngã tác dục dục.
7. Ngã thương ký doanh,
8. Ngã du duy ước,
9. Dĩ vi từu thực,

以享以祀

10. Dĩ hưởng dĩ tự,

以妥以侑

11. Dĩ thoả dĩ hựu

以介景福

12. Dĩ giới cảnh phúc.

Dịch nghĩa

1. Cây từ chen rậm rạp
2. Phải trừ dẹp cho hết gai góc.
3. Từ xưa sao lại làm như thế?
4. Là để ta trồng lúa và nếp.
5. Khi nếp của ta đã tươi tốt.
6. Khi lúa của ta đã rườm rà,
7. Khi vựa của ta đã đầy.
8. Khi bồ của ta đã chứa đủ mười vạn斛.
9. Thì làm rượu làm món ăn.
10. Để dâng lên để cúng tế,
11. Để rước xác thần ngồi yên và để khuyên mời ăn uống.
12. Để được phúc lớn.

Dịch thơ

Đã rườm rà cây từ chen mọc,

Phải dẹp cho hết góc hết gai

Từ xưa sao đã thế này?

Để cho lúa nếp ta nay trồng vào.

Khi nếp ta lên cao tươi tắn,

Khi lúa ta mọc đặng rậm đầy,

Vựa ta để chứa vụn đầy,

Chưa mười vạn hộ bỏ nây của ta,

Thì làm rượu cùng là các thứ,

Để có mà tế tự cùng dâng.

Mời ngồi ăn uống xác thân

Để mong phúc lớn vô ngần ban cho.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 楚楚 sở sở, dáng chen rậm rà. 茨 từ, cây tạt lê. 拙 trùu, trừ bỏ. 我 ngã, ta, người được hưởng hoa lợi về ruộng nương để cúng tế tự xưng. 與與 dư dư, 翼翼 dục dục, đều là đáng phồn thịnh. 庾 cữ, cái bồ để chứa không có nóc. 億 ức, 10 vạn (100.000). 享 hưởng, dâng lên để cúng. 妥 thoả, ngồi yên. Kinh Lễ chép rằng: *chiêu thoả thi*, dạy xác thân ngồi yên. Vì rằng khi cúng tế, phải bói bằng cỏ thì để chọn con của thân tộc ra làm xác thân; khi đã bày lễ vật ra, thì rước xác thân ngồi trên thần vị, rồi vái cho xác thân ngồi yên. 侑 hựu (đọc dịch cho hợp vận), khuyên mời ăn uống. Lại sợ rằng xác thân hoặc chưa no mới khuyên chúc rằng: Xác thân chưa no đấy. 介 giới, to lớn. 景 cảnh, cũng to lớn.

Bài thơ này thuật lại việc bực công khanh có hoa mẫu về ruộng nương rán lo cày cấy để có mà cúng tế ở tông miếu. Cho nên nói những đất bị cây tạt lê che phủ, phải dẹp trừ cho hết gai. Người xưa sao lại làm công việc ấy? Là để khiến ta sẽ trồng lúa, nếp ở đấy. Cho nên khi lúa và nếp của ta đã tươi tốt, bồ vừa đã đầy tràn thì làm rượu và món ăn dâng lên rước xác thân ngồi yên và khuyên mời ăn uống, thì sẽ được phúc to.

CHƯƠNG II

濟濟跼跼
絮爾牛羊
以往烝嘗
或剝或亨
或肆或將
祝祭于祊
祀事孔明
先祖是皇
神保是饗
孝孫有慶
報以介福
萬壽無疆

13. Tế tế thương thương
14. Khiết nhĩ ngư dương,
15. Dĩ vãng chưng thường.
16. Hoặc bác hoặc phanh,
17. Hoặc tứ hoặc tương,
18. Chúc tế vu bành.
19. Tự sự khổng minh.
20. Tiên tổ thị hoàng.
21. Thần bảo thị hưởng.
22. Hiếu tôn hữu khánh
23. Báo dĩ giới phúc,
24. Vạn thọ vô cương.

Dịch nghĩa

13. Hãy uy nghi cung kính cẩn thận
14. Rửa sạch con bò con dê của người,
15. Để làm lễ tế mùa đông và mùa thu.
16. Người thì lột da, người thì nấu nướng,
17. Người thì bày ra, người thì bưng lên,
18. Người đọc lời cầu chúc để cúng tế ở trong cửa tông miếu.
19. Việc cúng tế rất đầy đủ rõ ràng.
20. Tổ tiên rất vĩ đại tôn nghiêm.
21. Xác thần được ăn uống.
22. Người chủ tế có phúc

23. Được tổ tiên đem phúc lớn mà báo đáp,
24. Được sống muôn năm không giới hạn.

Dịch thơ

Hãy uy nghi trang nghiêm kính cẩn

Bò dê người cẩn thận rửa xong

Để làm lễ tế thu đông.

Lột da hoặc lại ra công nấu liên.

Người bày, người bưng lên các thức,

Cửa miếu thờ lời chúc đọc vang.

Càng lo đầy đủ rõ ràng.

Tổ tiên vĩ đại nghiêm trang vô cùng.

Xác thân được hưởng chung lễ vật

Chủ tế thì rõ thật phúc thay!

Tổ tiên phúc lớn báo ngay

Vô cương sống được lâu dài muôn năm.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 濟濟跼跼 tế tế thương thương, nói có nghi dung. 烝 chung, lễ tế mùa đông. 嘗 thường, lễ tế mùa thu. 剝 bóc, lột da 亨 phanhh (đọc phang cho hợp vận) nấu chín. 肆 tứ, trần bày ra. 將 tương, bưng lên mà tiến dâng. 剝 bóc (đọc bang cho hợp vận), ở trong cửa tông miếu. Hiếu tử (con cái đang lúc cung tế cha mẹ) không biết linh hồn của cha mẹ ở đâu, cho nên khiến người đọc lời chúc tế tìm khắp ở trong nhà, chỗ tiếp đãi tân khách. 孔 khổng, rất. 明 minh (đọc

mang cho hợp vận) đầy đủ rõ ràng. 皇 *hoàng*, to tát, tôn kính.
 保 *bảo*, an. 神保 *thần bảo*, tên gọi đẹp của xác thần mà sách
Sử từ gọi là *linh bảo*, cũng gọi người mà đồng bóng cầu thần
 giáng xuống. 孝孫 *hiền tôn*, người chủ tế. 慶 *khánh* (đọc
khương cho hợp vận) như phúc.

CHƯƠNG III

執爨蹠蹠
 爲俎孔碩
 或燔或炙
 君婦莫莫
 爲豆孔庶
 爲賓爲客
 獻酬交錯
 禮儀卒度
 笑語卒獲
 神保是格
 報以介福
 萬壽攸酢

25. Chấp thoán tích tích.
26. Vì trở khổng thạc.
27. Hoặc phiến hoặc chích.
28. Quân phụ mạch mạch.
29. Vì đậu khổng thử.
30. Vì tân vì khách
31. Hiền thù giao thác.
32. Lễ nghi tốt dục (độ).
33. Tiểu ngữ tốt hoạch
34. Thần bảo thị cách
35. Báo dĩ giới phúc,
36. Vạn thọ du tạc.

Dịch nghĩa

25. Giữ việc nấu bếp rất kính cẩn.
26. Con thịt đựng trên mâm rất to.
27. Hoặc là món thịt nướng hoặc là món gan nướng.
28. Bà chủ phụ lạng lễ cung kính.

29. Tô đĩa đựng đồ ăn rất nhiều
30. Rồi cùng với tân khách
31. Rót rượu mời mọc trao đổi nhau mà uống.
32. Lễ nghi rất đúng pháp độ.
33. Cùng nhau nói cười rất đúng nghi thức.
34. Xác thân lại đến
35. Lấy phúc to mà báo đáp,
36. Lấy tuổi thọ muôn năm mà báo đáp.

Dịch thơ

*Giữ việc bếp rất là cẩn thận.
 Chiếc mâm to đựng sẵn thịt rồi.
 Món gan, thịt nướng xong xuôi,
 Còn bà chủ phụ kia thời lặng nghiêm.
 Tô và đĩa bày thêm nhiều nữa.
 Lại hợp cùng khách khứa dự vào.
 Rượu thì rót chén mời nhau.
 Lễ nghi đúng phép xiết bao rườm rà!
 Cùng cười nói rất là nghi thức.
 Người xác thân lại bước đến nơi,
 Phúc lo báo đáp xong rồi,
 Muôn năm tuổi thọ phúc trời đền cho.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 擗thoán, bếp. 踏踏tích tích (đọc thước thước cho hợp vận), kính cẩn. 俎trở, cái mâm đựng con

thịt để cúng tế. 饌 *thục* (đọc *thục* cho hợp vận) to. 燔 *phiên*, thịt nướng 炙 *chích* (đọc *trước* cho hợp vận), gan nướng. Thịt nướng và gan nướng là những món tòng hiến, món ăn dâng lên sau tuần rượu (*Mao thi: Tòng hiến giả, ký hiến tửu tức dĩ thủ phiên nhục tòng chỉ nhi trí chỉ tại trở dā*). Con thịt thì hễ chủ nhân dâng lên cho xác thân, thì vị khách lớn hơn hết đem món gan nướng tiếp theo; hễ người chủ phụ dâng con thịt lên, thì anh em đem món thịt nướng tiếp theo, là đấy. 君婦 *quân phụ*, người chủ phụ, người vợ chính trong nhà. 莫莫 *mạch mạch* (đọc *mạc mạc* cho hợp vận), thanh tịnh lặng lẽ rất cung kính. 豆 *đậu*, cái đĩa, cái tô đựng đồ nội tu (những món ăn trong phòng như: cháo lỏng, cháo thịt, đồ ăn khô và bánh bột nếp) và đồ thứ tu (các món ăn ngon) do người chủ phụ dâng lên. 庶 *thứ*, nhiều. 賓客 *tân khách*, khách khứa đến bói cỗ thì mà khuyên răn và giúp vào việc cúng tế. Đã dâng cúng lên xác thân bèn cùng tân khách uống rượu. Chủ nhân rót rượu mời khách gọi 獻 *hiến*, khách mời lại chủ gọi 酢 *tạc*. Chủ nhân lại tự rót uống và mời khách uống nữa gọi 酬 *thù*. Khách nhận được rượu đặt trên chiếu, không bưng lên, đến khi rót rượu xong xuôi, kẻ nhỏ người lớn cùng mừng nhau, trao qua nhường lại khắp mọi người rồi cùng uống. 卒 *tốt*, hết. dứt. 度 *độ* (đọc *đạc* cho hợp vận) pháp độ, ý nói được đúng nghi thức. 格 *cách*, đến. 酢 *tạc*, báo đáp.

CHƯƠNG IV

我孔熯矣

37. Ngã khổng thiện hĩ,

式禮莫愆

38. Thức lễ mạc khiên.

工祝致告

39. Công chúc tri cáo:

徂賚孝孫

40. Tồ lại hiếu tôn.

苾芬孝祀

41. Tất phân hiếu tự

神嗜飲食
卜爾百福
如幾如式
既齊既稷
既匡既敕
永錫爾極
時萬時億

42. Thần thị ẩm thực.
43. Bốc nhĩ bách phúc
44. Như cơ như thức.
45. Kỳ tế kỳ tác,
46. Kỳ khuông kỳ sắc,
47. Vĩnh tích nhĩ cực
48. Thì vạn thì ức.

Dịch nghĩa

37. Ta hành lễ cúng tế đã quá kiệt sức rồi,
38. Mà nghi lễ không hề có lỗi gì.
39. Người bóng giời đọc lời dạy của xác thân:
40. Mong thần hãy đến ban phúc lộc cho đứa cháu đứng
ra cúng tế này.
41. Những vật dâng lên cúng tế rất thơm ngát.
42. Thì được thần ham thích ăn uống rồi.
43. Cho nên thần ban cho người trăm điều phúc lộc.
44. Những phúc lộc ấy sẽ đến như đúng hạn kỳ và sẽ
nhiều như có pháp độ.
45. Người đã tế chính, người đã mau lẹ.
46. Người đã ngay thẳng, người đã thận trọng trong lễ
cúng tế,
47. Thì thần sẽ ban cho người mãi mãi những phúc lộc
rất tốt bụng.
48. Những phúc lộc ấy sẽ đến hàng muôn hàng ức vô số.

Dịch thơ

Ta hành lễ sức đã mòn mỏi,

Mà lễ nghi chẳng lỗi lằm nào.
 Bóng thì lên đọc lời cầu!
 Mong thần ban phúc lộc vào hiếu tôn.
 Những lễ vật thì thơm sức nước,
 Đã được thần thưởng thức dùng rồi.
 Trăm điều phúc lộc tặng người,
 Nhiều như pháp độ, kịp thời đúng thay!
 Người mau mắn lại hay tế chĩnh,
 Đã giới răn, cung kính đoan trang,
 Phúc tho tốt bậc thần ban,
 Số muôn số ức thần mang tặng rồi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 燭 *thiện*, hết. 工 *công*, khéo, hay, giỏi, về một việc gì. 苾芬 *tất phân*, thơm. 卜 *bốc*, cho. 幾 *cơ*, hên ước. Truyện *Xuân thu* nói: Dịch *cơ nhi khốc* (đổi hên kỳ mà khốc để không gặp nhau) là đây. 式 *thức*, pháp độ. 齊 *tề*, tế chĩnh. 稷 *tắc*, mau. 匡 *khuông*, ngay chính. 敕 *sắc*, giới răn. 極 *cực*, rất.

Lễ tế diễn hành đã lâu, sức lực đã kiệt quệ mà nghi thức hành lễ vẫn không có điều gì lằm lỗi. Ấy là lòng cung kính rất mực. Cho nên người đọc lời chúc lấy ý của thần ban phúc cho chủ nhân rằng: Những vật ăn món uống của người được thơm tho tinh khiết, cho nên lấy phúc lộc báo đáp cho người, khiến những phúc lộc ấy đến như đúng hạn kỳ, và rất nhiều như có pháp độ. Nghi dung của người có lễ phép và trang kính, cho nên báo đáp cho người bằng lằm điều rất

lành, khiến cho người không có việc nào là không được tốt lành, mỗi việc đều tùy theo loại mà báo đáp. Lời phúc đức của thần dạy sau khi thụ hưởng dê và heo đã dâng lên cúng rằng: Xác thân sai người bóng giời hãy vâng lệnh đem lăm phúc lộc không giới hạn cho người là đứa cháu (*hiếu tôn*, đứa cháu đứng ra cúng tế ông bà). Cháu, người hãy đến đây, khiến cháu nhận được phúc lộc của trời, hãy trồng lúa ở ruộng, hãy sống được muôn năm, lông mày được dài, chớ bỏ phế, cứ tiếp tục mãi.

Đó là lời chúc phúc cho quan đại phu đúng theo nghi lễ.

CHƯƠNG V

禮儀既備
鍾鼓既戒
孝孫徂位
工祝致告
神具醉止
皇尸載起
鼓鍾送尸
神保聿歸
諸宰君婦
廢徹不遲
諸父兄弟
備言燕私

49. Lễ nghi ký bị,
50. Chung cổ ký giới.
51. Hiếu tôn tồ vị.
52. Công chúc trí cáo.
53. Thần cụ túy chỉ.
54. Hoàng thi tái khởi (khởi).
55. Cổ chung tống thi,
56. Thần bảo duật quy.
57. Chư tể quân phụ
58. Phế triệt bất trì.
59. Chư phụ huynh đệ
60. Bị ngôn yến tư.

Dịch nghĩa

49. Lễ nghi cúng tế đã thi hành đầy đủ,

50. Chuông trống khua lên để báo cho biết lễ cúng chấm dứt.

51. Chủ nhân (đưa cháu đứng ra cúng tế ông bà) đi xuống bực thêm phía tây mà đứng.

52. Người bóng giới (đứng ra đọc lời chúc tụng tổ tiên cho gia chủ) truyền dạy ý của xác thần cho biết lễ cúng chấm dứt.

53. Thần đã no say,

54. Xác thần thì đứng dậy.

55. Lại đánh chuông đưa tiễn xác thần,

56. Để thần trở về trời.

57. Những người trong nhà và người chủ phụ

58. Dọn mâm cỗ xuống cho mau.

59. Còn cha và anh em

60. Lại đầy đủ yến ẩm tận tình riêng với nhau.

Dịch thơ

Thi hành đủ lễ nghi cúng tế,

Chuông trống khua báo lễ xong xuôi.

Thêm tây tế chủ xuống rồi.

Lễ xong bóng đã truyền lời dạy ra.

Đều no say thần đã đẹp dạ.

Người xác thần cũng đã đứng lên.

Đánh chuông đưa xác thần liền,

Còn thần thì trở về trên cõi trời.

Kẻ trong nhà cùng người chủ phụ

Lo dọn đem mâm cỗ xuống mau.

Cha, anh, em lại cùng nhau

Trọn tình yến ẩm xiết bao vui hoà!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 戒 giới, cáo cho biết 祖位 tổ vị (đọc *lập*), việc cúng tế đã xong, chủ nhân đến chỗ đứng ở mặt phía tây dưới bực thềm (xuống dưới nhà đứng ở phía tây). 致告 trí cáo, truyền dặn ý của xác thân, cáo cho chủ nhân biết việc cúng tế phụng dưỡng thần đã xong, nói việc phụng dưỡng cúng tế đã hoàn tất, cho nên thần đã no say, người xác thân đã đứng dậy, rồi đưa tổng người xác thân, còn thần thì trở về trời. Nói 皇尸 hoàng thi là ý nói một cách tôn trọng xác thân. 鼓鐘 cổ chung, đánh chuông, khi người xác thân ra vào thì tấu chương nhạc Tứ hạ. Quý thần vô hình, cho nên nói quý thần đã no say mà trở về trời để tỏ ý rất thành kính như thấy được vậy. 諸宰 chư tế, những người có chức việc trong nhà, rất nhiều người, không phải chỉ có một người, cho nên nói là *chư tế*. 廢 phế, dọn xuống. 不遲 bất trì, làm cho mau để tỏ ý cung kính (vì sau lễ tế, người người đều mệt mỗi lười biếng), và cũng là ý không nên để lại lâu những mâm cỗ của thần đã hưởng.

Khi cúng tế xong, đã bưng mâm đem tặng cho tân khách, thì những họ hàng cùng một họ được lưu lại để yến ẩm với nhau, để được ân tình riêng với nhau. Như thế là để tôn trọng tân khách vì thân mến bà con cốt nhục.

CHƯƠNG IV

樂具入奏

61. Nhạc cụ nhập tấu

以綏後祿

62. Dĩ tuy hậu lộc.

爾殼既將
莫怨具慶
既醉既飽
小大稽首
神嗜飲食
使君壽考
孔惠孔時
維其盡之
子子孫孫
勿替引之

63. Nhĩ hào ký tương.
64. Mạc oán cụ khương (khánh).
65. Ký tuý ký bảo
66. Tiểu đại khê thủ:
67. Thần thị ẩm thực,
68. Sử quân thọ khảo.
69. Khổng huệ khổng thì.
70. Duy kỳ tận chi,
71. Tử tử tôn tôn
72. Vật thế dẫn chi.

Dịch nghĩa

61. Nhạc đều vào tấu ở hậu tẩm
62. Để được yên vui lúc ăn uống nhận thêm hậu lộc.
63. Mâm cỗ của ngài đã dọn lên.
64. Không có oán trách, mà đều vui mừng.
65. Đã say đã no
66. Người lớn kẻ nhỏ đều cúi đầu sát đất, nói rằng:
67. Thần đã vui thích hưởng những món ăn uống rồi,
68. Sẽ khiến ngài được sống lâu.
69. Cuộc cúng tế rất thuận theo nghi lễ và rất hợp thời.
70. Việc gì cũng được tận tình lo liệu,
71. Thì con cháu.
72. Chớ phé bỏ mà phải giữ mãi lễ cúng tế cho lâu dài.

Dịch thơ

Ở hậu tẩm nhạc đều vào tấu
Yên vui nhận lộc hậu đậm đà
Cổ mâm ngài đã dọn ra,
Không ai oán trách, đều là mừng vui.
Dạ no lại say rồi tất cả,
Lớn nhỏ đều vội vã rạp đầu:
Thần đã ăn uống cùng nhau,
Khiến ngài được phúc sống lâu đến già.
Việc cúng hợp thời và thuận lễ.
Mọi sự điều triệt để tận tình.
Cho nên con cháu hậu sinh
Chớ nên phế bỏ, giữ gìn dài lâu.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Phàm chế độ ở tông miếu, tiên miếu ở phía trước để thờ thần, hậu tẩm ở phía sau để cất giữ áo mũ của tổ tiên. Cúng tế thì ở tiên miếu, còn yến ẩm thì ở hậu tẩm. Cho nên ở đây sắp ăn uống với nhau, nhạc tấu lên lúc cúng tế ở tiên miếu đều được đem xuống tâu ở hậu tẩm. Vả lại lúc cúng tế đã nhận được lộc của thần rồi, cho nên lấy việc ăn uống để sẽ nhận thêm hậu lộc nữa để được yên vui. Mâm cỗ của ngài đã dâng lên ăn uống, những người dự yến không có ai oán trách (vì đã chung hưởng ăn uống với nhau) đều vui vẻ no say và cùng cúi đầu sát đất nói rằng: Lễ tế

buổi trước thần đã vui thích hưởng những lễ vật để ăn uống của ngài, cho nên khiến ngài được sống lâu. Lại nói việc cúng tế của ngài rất thuận với lễ nghi và rất hợp thời, không có việc gì là không tận tâm lo liệu. Vậy con cháu chớ phế bỏ mà phải giữ mãi lễ cúng tế được lâu dài.

Thiên Sở từ có 6 chương, mỗi chương 12 câu.

Lữ thị nói rằng: Thơ *Sở từ* đều nói về cúng tế để thờ cúng thần thánh mà nhận phúc lộc.

Cúng tế phải rành rẽ, phải đầy đủ để làm tỏ rõ công đức của tiên vương lo cho dân đã tận tâm, thì việc thờ cúng thần thánh tổ tiên mới được rành rẽ. Xem uy nghi cuộc tế được dồi dào, phẩm vật dâng cúng được đầy đủ, giao cảm với thần minh ở trên và đạt đến thần dân ở dưới, cho nên việc nhận phúc lộc vô bờ bến, thì hẳn là nếu chẳng phải bậc có đức hạnh lớn lao, có chính trị giỏi trau thì làm sao đến như thế được.

BÀI THỨ 216

CHƯƠNG I

信南山

Tín Nam sơn (Bắc sơn 6)

信彼南山

1. Tín bỉ Nam sơn

維禹甸之

2. Duy Vũ diện chi,

畇畇原隰

3. Quân quân nguyên thấp,

曾孫田之

4. Tăng tôn điền chi.

我疆我理

5. Ngã cương ngã lý,

南東其畝

6. Nam đông kỳ mậu.

Dịch nghĩa

1. Hãy tin vùng đất ở núi Nam kia
2. Vốn là nơi vua Hạ Vũ sửa sang khai khẩn,
3. Trở thành vùng đồng thấp rộng rãi,
4. Để cháu chắt ngày nay làm ruộng.
5. Ta lo phân chia ranh giới, làm đường đào rãnh để giao thông,
6. Bờ mẫu hoặc hướng về nam, hoặc hướng về đông tùy theo địa thế và thủy thế.

Dịch thơ

Núi Nam kia hãy tin vùng ấy

Hạ Vũ đã đến đấy sửa sang,

Biến thành đồng thấp mênh mang.

Để cho cháu chắt đảm đang cấy cày.

Làm rãnh đường, chia ngay ranh giới,

Đông hoặc nam tùy lối đắp bờ.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 南山 *Nam sơn*, núi Chung nam. 甸 *điện* (đọc *đần* cho hợp vận) trị. 畇 *quân quân*, dãi mở mang đất đai để trồng trọt. 曾孫 *tằng tôn*, cháu chắt, tiếng tự xưng của người chủ tể (*tằng* là trùng điệp nhiều lần, từ *tằng* tổ là ông cố cho đến con cháu vô cùng về sau đều được gọi là *tằng* tôn). 疆 *cương*, làm ranh giới cho miếng ruộng. 理 *lý*, làm đường đào rãnh trong miếng ruộng để giao thông. 畝 *mẫu*, cái bờ ruộng.

Lưu thị ở Trường Lạc nói rằng: Nếu cái mương chảy về đông nhập vào rãnh, thì bờ mầu chảy về nam. Nếu cái mương chảy về nam nhập vào rãnh thì bờ mầu chảy về đông.

Đại ý của bài thơ này cũng gần giống như của bài *Sở từ* (bài thứ 215) tức là ý của 4 câu đầu.

Nói là hãy tin vùng núi Nam, vốn là nơi được ông Vũ (Hạ Vũ) sửa sang, nên thành đồng bằng mở mang ra để chúng ta trông trọt. Cho nên lại được phân chia ranh giới và làm đường đào rãnh, thuận theo sự thích nghi của địa thế và thủy thế, bờ mầu được đắp lên hoặc hướng về nam, hoặc hướng về đông.

CHƯƠNG II

上天同雲

雨雪霧霧

益之以醴霖

既優既渥

既沾既足

生我百谷

7. Thượng thiên đồng vân,

8. Vụ tuyết phân phân.

9. Ích chi dĩ mạch mộc,

10. Ký ưu ký ốc,

11. Ký triêm ký túc,

12. Sinh ngã bách cốc.

Dịch nghĩa

7. Trên trời có mây phủ một màu

8. Tuyết rơi phát phối trong mùa đông.

9. Sang mùa xuân lại thêm có mưa lâm râm,

10. Đã tốt lành, đã thơm tươi,

11. Đã thấm nhuần, đã đầy đủ,

12. Thì trăm thứ lúa của ta lên đặng tốt tươi.

Dịch thơ

*Trên trời có phủ mây đồng sắc
Trong mùa đông, tuyết phát phối bay.
Sang xuân mưa nhỏ lai rai,
Thầy đã tươm tươi tốt thay khắp vùng!
Đã nhuần thấm lại cùng đầy đủ,
Lúa của ta trăm thứ tốt tươi.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 同雲 đồng vân, mây đồng một màu, sắp đến mùa rơi tuyết thì như thế ấy. 雰雰 phân phân, dáng tuyết rơi. 霖霖 mạch mạch, mưa nhỏ, mưa lâm lâm. 優 ưu, 渥 ắc (đọc ớc cho hợp vận). 霑 triêm, 足 túc, đều là ý thấm nhuần dồi dào. Mùa đông thì tuyết chồng chất, mùa xuân lại thêm mưa lâm lâm nhuần đượm thì lúa được tươi tốt dồi dào.

CHƯƠNG III

疆場翼翼
委稷或或
曾孫之穡
以爲酒食
畀我尸賓
壽考萬年

13. Cương dịch dực dực,
14. Thử tắc úc úc,
15. Tăng tôn chi sắc,
16. Dĩ vị tửu thực
17. Tỷ ngã thi tân,
18. Thọ khảo vạn niên.

Dịch nghĩa

13. Bờ ruộng được phân chia tề chỉnh,
14. Lúa nếp mọc lên tươi tốt rườm rà.
15. Để cháu chất gặt hái,
16. Mà làm rượu làm món ăn.
17. Dâng lên xác thân và tân khách,
18. Để được phúc sống lâu muôn tuổi.

Dịch thơ

*Bờ ruộng được phân ranh ngay ngắn,
Lúa nếp lên tươi tắn rườm rà,
Để cho cháu chất gặt qua,
Hầu làm lấy rượu cùng là món ăn
Để tân khách, xác thân, dâng tặng,
Được phúc mà sống đặng muôn năm.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 場 dịch, ranh bờ ruộng. 翼翼 dục dục, dáng nghiêm chỉnh. 或或 úc úc (đọc ước ước cho hợp vận), dáng tươi tốt rườm rà. 畀 lý, cho.

Nói miếng ruộng được phân ranh chỉnh tề, lúa mọc tươi tốt rườm rà, đều để cháu chất gặt hái mà làm rượu, làm vật thực dâng lên xác thân và tân khách. Hễ âm dương hoà hợp, vạn vật toại thành, lòng người vui mừng phụng thờ tông miếu, để thánh thần tổ tiên ban phúc lộc cho. Cho nên mới được sống lâu muôn tuổi.

CHƯƠNG IV

中田有廬
疆場有瓜
是剝是蒞
獻之皇祖
曾孫壽考
受天之祜

19. Trung điền hữu lư.
20. Cương địch hữu qua.
21. Thị bác thị trư
22. Hiến chi hoàng tổ.
23. Tăng tôn thọ khảo
24. Thụ thiên chi hộ.

Dịch nghĩa

19. Trong ruộng có nhà.
20. Trên bờ ruộng có trồng dưa.
21. Dưa chín thì gọt vỏ ngâm nước muối làm dưa chua,
22. Để dâng cúng tổ tiên.
23. Cho nên cháu chắt (đứng ra cúng tế ông bà) được
sống lâu
24. Mà nhận phúc lộc của trời.

Dịch thơ

*Trong ruộng nương có nhà ở đấy,
Bờ ruộng cao trồng mấy đám dưa.
Chín thì gọt vỏ ngâm chua
Để dành dâng cúng phụng thừa tổ tiên.
Cháu chắt được sống yên trường thọ,
Hưởng phúc trời ban phó dỗi dào.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 中田 *trung điền* là *điền trung* ở trong ruộng. 菹 *trư*, làm dưa. 祐 *hộ*, phúc.

Ở một tỉnh điền (nhà Chu lấy 900 mẫu ruộng làm một tỉnh điền, phóng 4 con lộ chia ra 9 khu, mỗi khu 100 mẫu, lấy 8 khu chung quanh giao cho 8 nhà để cày cấy riêng, còn khu chính giữa làm công điền (để nhà hợp lại làm ruộng mà thay việc nộp thuế) khu chính giữa làm công điền. Trên bờ ruộng thì trồng dưa để dùng cho hết nguồn lợi của đất. Dưa chín xẻ ra ngâm làm dưa chua để dâng cúng tổ tiên. Đó là để quý trọng vật lạ trong 4 mùa và để thuận lòng hiếu thảo của con cháu khi cúng tế ông bà.

CHƯƠNG V

祭以清酒

25. Tế dĩ thanh tửu

從以騂牡

26. Tòng dĩ tinh mẩu

享于祖考

27. Hưởng vu tổ khảo.

執其鸞刀

28. Chấp kỳ loan đao

以啓其毛

29. Dĩ khái kỳ mao,

取其血膋

30. Thủ kỳ huyết liêu.

Dịch nghĩa

25. Cúng tế phải lấy rượu trong thơm nức

26. Và tiếp theo phải dùng con thú đực lông đỏ

27. Để dâng lên cúng tổ tiên.

28. Người chủ tế cầm cây đao có gắn chuông

29. Cắt lấy lông con thít (để cáo với tổ tiên rằng con thít toàn một màu lông).

30. Rồi lấy máu và lấy mỡ (để cáo với tổ tiên rằng đã làm thịt con vật để cúng tế).

Dịch thơ

Tế thì lấy rượu trong thơm nước

Tiếp theo dùng thú được đồ lòng.

Để đem dâng cúng tổ tông.

Rồi người chủ tế lại dùng loan đao

Nắm lấy lông cắt mau một mớ,

Lấy máu tươi và mỡ dâng lên.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 清酒 *thanh tửu*, rượu sạch sẽ trong veo, thuộc loại rượu uất sừng để cúng tế. 騂 *tinh*, màu đỏ, là màu của nhà Chu mền chuộng. Trong lễ cúng tế, trước tiên lấy rượu uất sừng rưới xuống đất để tìm thần thánh tổ tiên ở cõi âm, rồi sau mới được dẫn con thịt vào cúng tế. 執 *cháp*, chủ nhân nắm lấy. 鸞刀 *loan đao*, cây dao có gắn chuông. 膋 *liêu* (đọc *lao* cho hợp vận) mỡ. 啓其毛 *khải kỳ mao*, lấy dao cắt lông để dâng cáo lên tổ tiên rằng con thú dâng cúng là toàn một sắc lông. 取其血 *thủ kỳ huyết*, lấy máu dâng lên để cáo lên tổ tiên rằng đã giết con vật làm thịt. 取其膋 *thủ kỳ liêu*, lấy mỡ sa nướng xào cho xông mùi thơm lên để tổ tiên ngửi biết mà về hưởng. Lại hợp với nếp và gạo bọc vào lá tiêu thơm mà nướng để tìm thánh thần ở cõi dương.

Sách *Lễ ký* chép rằng: Người nhà Chu mền chuộng mùi thơm cho nên lấy chén mộc rót rượu thơm dâng lên xác thần, xác thần bung lấy đổ xuống đất, mùi cỏ thơm hợp với rượu

thơm thơm suốt đến suốt vực ở cõi âm. Lấy chén ngọc rót rượu thơm đổ xuống đất là để lấy mùi thơm của ngọc.

Đã rót rượu thơm vào chén ngọc và đổ xuống đất rồi sau mới rắc dẫn con thịt vào là để thông đạt khí âm. Lấy lá tiêu thơm hợp với gạo nếp đem nướng cho mùi thơm toả ra khắp trong nhà là để thông đạt khí dương. Cho nên sau khi đã bày rượu thịt ra cúng tế rồi sau mới nướng đốt lá tiêu thơm hợp với mỡ dê mỡ bò để xông mùi thơm.

Phàm cúng tế phải cẩn thận như thế thì hồn khí mới trở lên trời, hình phách mới trở xuống đất. Cho nên cúng tế là cầu ở lẽ âm dương.

CHƯƠNG IV

是烝 是享

31. Thị chưng thị hưởng

苾苾芬芬

32. Tất tất phân phân.

祀事孔明

33. Tự sự khổng minh.

先祖是皇

34. Tiên tổ thị hoàng

報以介福

35. Báo di giới phúc

萬壽無疆

36. Vạn thọ vô cương.

Dịch nghĩa

31. Là để dâng lên cúng tế cho tổ tiên về hưởng

32. Rượu thịt bày lên cúng tế rất thơm tho ngào ngạt.

33. Việc cúng tế rất rõ ràng minh bạch

34. Tổ tiên rất vĩ đại tôn nghiêm

35. Sẽ báo đáp bằng những phúc lộc lớn lao

36. Con cháu sẽ được sống lâu muôn tuổi không giới hạn.

Dịch thơ

Đề dâng cúng tổ tiên hương thụ
Rượu thịt bày đầy đủ ngọt ngào.
Tế thì minh bạch xiết bao!
Tổ tiên nghiêm chỉnh lớn lao vô cùng.
Lấy phúc lớn để dùng hậu báo
Thọ vô cương, con cháu muôn năm.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 烹chưng, tiến dâng lên, hoặc nói là tên lễ tế mùa đông.

Thiên Tín Nam sơn có 6 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 217

CHƯƠNG I

甫田
俎彼甫田
歲取十千
我取其陳
食我農人
自古有年
今適南畝

Phủ điền (Bắc sơn 7)

1. Trác bĩ phủ điền
2. Tuế thủ thập thiên.
3. Ngã thủ kỳ trần
4. Tự ngã nông nhân.
5. Tự cổ hữu niên.
6. Kim thích nam mậu,

或耘或耔
黍稷薿薿
攸介攸止
烝我髦士

7. Hoặc yên hoặc tử.
8. Thử tắc nghị nghị.
9. Du giới du chỉ,
10. Chứng ngā mao sĩ.

Dịch nghĩa

1. Thửa ruộng to sáng sủa kia
2. Mỗi năm lấy thuế ở khoảnh mười ngàn mẫu.
3. Ta lấy lúa cũ
4. Nuôi những nông dân ta.
5. Từ xưa vẫn được mùa.
6. Nay đi đến mẫu ruộng ở phía nam,
7. Người thì bừa, kẻ thì vun gốc mạ.
8. Lúa nếp rườm rà tươi tốt.
9. Ở ngôi nhà to lớn để nghỉ ngơi,
10. Tiến dẫn người tuấn sĩ của ta đến uỷ lạo họ.

Dịch thơ

*Ruộng kia quang dăng mênh mang
Thuế năm thì đánh mười ngàn mẫu vương.
Đến khi ấy ta tuôn lúa cũ,
Để đem nuôi đầy đủ dân cày.
Từ xưa mùa vẫn được hoài.
Ruộng nam lần bước hôm nay đến vùng,
Người thì bừa, kẻ vun gốc mạ.
Lúa nếp chen khắp cả tốt tươi.*

Gian nhà to lớn nghỉ ngơi.

Dẫn trang sĩ uỷ lạo người nông dân.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 俶 *trắc*, đáng sáng tỏ rõ ràng. 甫 *phủ*, to lớn. 十千 *thập thiên* (đọc *thận*) là nói khu 10.000 mẫu, một phần mười của miêng ruộng. Đất vuông 10 dặm là 100.000 mẫu. Lấy 9 vạn (90.000) mẫu làm ruộng tư, còn lại 1 vạn (10.000) mẫu làm công điền, đó là phép cửu nhất (1/9). 我 *ngã*, ta, người hưởng lộc về ruộng nương làm chủ cuộc cúng tế. 陳 *trần*, lúa thóc đã cũ từ năm trước. 農人 *nông nhân*, người nông phu, người hưởng 100 mẫu ruộng làm của riêng và cùng lo trồng trọt công điền. 有年 *hữu niên* (đọc *nân*) năm được mùa. 適 *thích*, đến. 耘 *vân*, bừa cỏ. 耔 *tử* (đọc *tỷ* cho hợp vận), vun gốc lúa. Vì rằng theo cách làm ruộng của ông Hậu Tắc, 1 mẫu có 3 đường rãnh cày (lưỡi cày đào sâu thành rãnh, và đùn đất thành luống cao bên cạnh rãnh cày) rộng 1 thước và sâu 1 thước, rải hạt giống vào rãnh cày ấy, khi lá mạ mọc lên, nhổ sơ cỏ trên luống cày, rồi lấy đất trên luống vun gốc mạ ở dưới rãnh thì luống cày lặn mất mà rãnh cày được khoả bằng. Như thế gốc mạ sáu chịu đựng được gió và nắng. 薿薿 *ngị, nghị*, đáng rườm rà tươi tốt. 介 *giới*, to. 烝 *chưng*, tiến dẫn đến. 髦 *hào*, tuần tú, tuần sĩ, người dân giỏi giang có tài. Đời xưa kẻ sĩ xuất thân ở nghề nông chứ không do ở nghề thợ và nghề buôn. Quản Trọng nói rằng: Con nhà nông thì hằng làm ruộng ở ngoài thôn dã mà không thân cận, người nông dân tuần tú có thể làm quan, ắt đủ đức hạnh để cây trồng. Tức là nói đúng vào đây.

Bài thơ này thuật lại các bậc công khanh có ruộng nương để hưởng lộc, rón sức làm ruộng để lo việc cúng tứ phương vào mùa thu, tế Hậu thổ và Thần nông, cho nên nói đây là ruộng to, mỗi năm lấy hoa lợi của hằng vạn mẫu làm bổng lộc mà ăn. Đến khi tích trữ lâu ngày còn dư, lại phải

chứa thêm lúa mới, thì lấy lúa cũ phân tán ra nuôi nông dân, bồi bổ cho người không đủ, giúp đỡ cho kẻ không có. Vì đó là từ xưa hằng năm được mùa thì cứ nổi theo đưa ra cái cũ mà tích trữ cái mới lại như thế. Nhưng việc sử dụng có tiết độ thì lại hợp nghi thức và có thứ tự như thế cho nên lúa tuy có rất nhiều mà không hề bị ứ đọng hột nát ra không thể ăn được.

Lại nói từ xưa đã được mùa, nay đi đến mẫu ruộng phía nam thì thấy nông dân kẻ đang bừa kẻ đang vun gốc, lúa và nếp lại đã tươi tốt rườm rà, thì đây lại sẽ được mùa nữa. Cho nên ở chỗ nghỉ ngơi đẹp đẽ to lớn, tiến dần người tuần sī của chúng ta đến để ỷ lạo họ.

CHƯƠNG II

以我齊明

11. Dĩ ngã tư minh

與我犧羊

12. Dĩ ngã hy dương

以社以方

13. Dĩ xã dĩ phương.

我田既臧

14. Ngã điền ký tang,

農夫之慶

15. Nông phu chi khánh

琴瑟擊鼓

16. Cầm sắt kích cổ

以御田祖

17. Dĩ nhạ điển tổ,

以祈甘雨

18. Dĩ kỳ cam vũ,

以介我稷黍

19. Dĩ giới ngã tắc thử,

以谷我士女

20. Dĩ cốc ngã sĩ nữ.

Dịch nghĩa

11. Lấy xôi của ta

12. Và dê của ta

13. Để tế thần Hậu thổ và khí bốn phương.
14. Ruộng của ta đã tươi tốt
15. Đó là nhờ hồng phúc của nông phu,
16. Khảy đàn cầm đàn sắt và đánh trống lên
17. Để rước Thần nông,
18. Để cầu mưa lành,
19. Để cây lúa cây nếp của ta được lớn,
20. Để nuôi dưỡng con trai con gái nhân dân của ta.

Dịch thơ

Hãy bưng xôi nếp của ta,

Hãy bưng mâm thịt dê ra theo cùng

Khi bốn phương tế chung thần xã.

Đều tốt tươi khắp cả ruộng đồng,

Ấy nhờ phúc lớn nhà nông.

Trống khua, cầm sắt gảy chung nhịp nhàng.

Đón Thần nông rộn ràng lễ rước,

Là để cầu cho được mưa lành.

Để cho lúa nếp lớn nhanh,

Gái trai dân chúng đủ dành dưỡng nuôi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 齊 *tư* đồng với 粢 *tư* là xôi. Thiên Khúc lễ trong sách Lễ ký chép. Lúa tẻ gọi là *minh tư* (xôi nếp đựng vào mâm để cúng thần). Ở đây nói *tư minh* (đọc mang cho hợp vận) cho tiện lợi lời văn và cho hợp vận.

犧羊 *hy dương*, con dê thuần một màu lông 社 xã, thần Hậu thổ, thần đất. Tế thần đất thì cúng chung với thần Cú long thị. 方 *phương*, mùa thu tế khí ở tứ phương để báo đáp công đức đã làm cho vạn vật thành thực. Thiên *Đại tư mã* ở sách *Chu lễ* chép rằng: *La tề hiến cầm dĩ tứ phương (banh)* = Đánh lưới đã xong, bắt thú đã săn đuổi được, dâng lên để cúng tế, tức là đầy. 臧 tương, tốt lành. 慶 *khánh* (đọc *khương* cho hợp vận), phúc. 御 *nhạ*, rước. 田祖 *điên tổ*, là tiên sấm, người cày ruộng đầu tiên tức là Thần nông. Quan được chương theo *Chu lễ*, hễ trong nước có cầu đảo Thần nông để được mùa thì thổi sáo hát bài *Bàn nhā* (tức thơ *Thất nguyệt*. Bản phong bài thứ 154), đánh trống đất để làm vui thần ruộng nương, là đầy. 穀 *cốc*, dưỡng, lại có nghĩa là lành tốt. Nói bồ vựa đầy lúa thì nhân dân mới an nhàn học tập mà biết lễ tiết.

Nói bưng xôi và con thịt lên cúng tế khí bốn phương và Hậu thổ mà nói rằng: Ruộng nương của ta sở dĩ được tươi tốt, chẳng phải do ta đã khiến được như thế, mà là nhờ hồng phúc của nông phu. Lại đánh nhạc để cúng tế Thần nông mà cầu mưa cho cây lúa cây nếp được lớn hầu nuôi được nhân dân.

CHƯƠNG III

曾孫來止

21. Tăng tôn lai chỉ

以其婦子

22. Dĩ kỳ phụ tử

饁彼南畝

23. Diệp bỉ nam mẩu.

田峻至喜

24. Điền tuấn chí hỉ.

攘其左右

25. Nhường kỳ tả hữu

嘗其旨否

26. Thường kỳ chỉ phủ.

禾易長畝
終善且有
曾孫不怒
農夫克敏

27. Hoà dị trường mẫu,
28. Chung thiện thả hữu.
29. Tăng tôn bất nộ.
30. Nông phu khắc mẫn.

Dịch nghĩa

21. Tăng tôn (con cháu đứng ra cúng tế) đến nơi
22. Gặp vợ con của nông phu
23. Đem đồ ăn đến mẫu ruộng phía nam kia.
24. Quan coi việc canh nông cũng đến và vui mừng
25. Tăng tôn (chủ ruộng) lấy đồ ăn ở hai bên
26. Nếm thử coi ngon hay không
27. Thấy lúa được săn sóc lên suốt mẫu ruộng.
28. Thì biết rốt cuộc mùa lúa sẽ tốt sẽ trúng nhiều.
29. Cho nên tăng tôn (chủ ruộng) không buồn giận.
30. Nông phu càng gắng sức làm mau.

Dịch thơ

Tăng tôn chủ tế đến nơi.

Gặp liền những vợ con người nông phu

Ruộng phía nam, đem đồ ăn lại,

Quan canh nông đến thấy hân hoan.

Ở hai bên lấy món ăn,

Để mà được biết ngon chẳng, nếm dùng.

Được săn sóc khắp đồng lúa mọc,

Thì trúng nhiều rốt cục biết liền

Tằng tôn chủ ruộng chẳng phiên,

Nông phu càng gắng sức lên lệ làng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 曾孫 *tằng tôn*, cháu chất đứng ra chủ tế cúng ông bà tự xưng; chẳng phải riêng ở tông miếu như thế mà thôi. Thiên *Khúc lễ hạ* ở sách *Lễ ký* chép rằng: *Ngoại sự viết tăng tôn mỗ, hầu mỗ* = Trong lễ tế giao (tế trời ngày đông chí) tế xā (tế đất ngày hạ chí) thuộc ngoại sự, người chủ tế tự xưng là cháu tăng tôn tên gì, bực hầu tên gì. Vũ vương cầu đảo ở những núi có tiếng và sông to, nói: *Hữu đạo tăng tôn Chu vương Phát* = Cháu tăng tôn có đức là vua nhà Chu tên Phát, là đấy. 醴 *diệp*, đưa thực phẩm cho ăn. 饗 *nhường*, lấy. 旨 *chỉ*, ngon. 易 *dị*, sẵn sóc. 長 *trường* suốt hết. 有 *hữu* (đọc *vi* cho hợp vận), có nhiều. 敏 *mẫn* (đọc *mỹ* cho hợp vận), mau.

Người chủ tế tự xưng là tăng tôn, đi đến, vừa gặp vợ và con của nông phu đem đồ ăn cho người đang bữa cỗ, cho nên cùng đi đến nơi ấy một lượt và quan coi về canh nông cũng đến và vui mừng, mới lấy đồ ăn của nông phu ở hai bên ném xem có ngon hay không. Ý nói người trên kẻ dưới rất thân mến nhau. Lại thấy cây lúa được sẵn sóc, tươi tốt mọc khắp mẫu ruộng đều nhau như một, thì biết là mùa lúa sẽ tốt và nhiều. Cho nên người chủ tế không buồn giận mà nông phu càng gắng làm mau công việc của mình.

CHƯƠNG IV

曾孫之稼

31. Tằng tôn chi giá

如茨如梁

32. Như từ như lương.

曾孫之庾

33. Tằng tôn chi dũ

- | | |
|-------|----------------------------------|
| 如坻如京 | 34. Như trī như kinh. |
| 乃求千斯倉 | 35. Nãi cầu thiên tư thương, |
| 乃求萬斯箱 | 36. Nãi cầu vạn tư sương. |
| 黍稷稻粱 | 37. Thử tắc đạo lương |
| 農夫之慶 | 38. Nông phu chi khương (khánh). |
| 報以介福 | 39. Báo dĩ giới phúc, |
| 萬壽無疆 | 40. Vạn thọ vô cương. |

Dịch nghĩa

31. Lúc thóc của ngài (người chủ tế tự xưng là tăng tôn)
 32. Chen đặc như tranh trên nóc nhà, vun lên cao như cái cày xe.
 33. Vựa bồ của ngài (người chủ ruộng chủ tế tự xưng là tăng tôn).
 34. Vun lên như cồn như gò.
 35. Bền tìm hằng ngàn cái vựa mà chứa,
 36. Bền tìm hằng vạn cái xe mà chở.
 37. Lúa nếp, dé, mạch ấy
 38. Đều do hồng phúc của nông phu mà có.
 39. Cho nên phải báo đáp bằng phúc lớn cho nông phu,
 40. Khiến nông phu được sống muôn tuổi không giới hạn.

Dịch thơ

*Lúa ngài khi gặt hái vào
 Đặc như nóc lá, vun cao như cày (cày xe),
 Bồ của ngài đầy tràn khắp cả*

Như còn gò đều đã vun đầy,
Tìm ngàn cái vựa chứa ngay,
Tìm xe muôn chiếc đến đây chở vào.
Lúa, mạch, dé, nếp bao thứ thóc
Có là do hồng phúc nông dân.
Phúc lo lấy để báo ân,
Nhà nông muôn tuổi vô ngần sống lâu.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 茨 từ, cái nóc nhà tranh, ý nói chen đầy rậm như lá tranh lợp trên nóc nhà. 梁 lương, cái cày xe, ý nói gồ lên cao như cái cày xe. 坻 trì, phần đất cao giữa vùng nước. 京 kinh (đọc cương cho hợp vận) cái gò cao. 箱 sương, cái thùng xe.

Đây nói sau khi thu gặt xong, lúa thóc đã nhiều, thì kiếm vựa để đựng, kiếm xe để chở. Và nói phàm là nếp, lúa, dé, mạch ấy đều nhờ hồng phúc của nông phu mà được, cho nên phải báo đáp bằng phúc lớn, khiến nông phu được sống muôn năm không giới hạn. Tổ lời khen tặng kẻ dưới để muốn báo đáp trọng hậu như thế ấy.

Thiên Phủ điển có 4 chương, mỗi chương 10 câu

BÀI THỨ 218

CHƯƠNG I

大田
大田多稼

Đại điền (Bắc sơn 8)
1. Đại điền đa giá.

既種既戒
既備乃事
以我覃耜
仿載南畝
播厥百谷
既庭且碩
曾孫是若

2. Ký chúng ký giới,
3. Ký bị nãi sĩ.
4. Dĩ ngã diêm tự
5. Xúc tải nam mẫu.
6. Bá quyết bách cốc.
7. Ký dinh thả thạc,
8. Tăng tôn thị nhược.

Dịch nghĩa

1. Làm ruộng to thì phải nhiều hột giống.
2. Đã lo đầy đủ hột giống và sửa soạn nông cụ
3. Đã hoàn bị mới khởi sự.
4. Lấy耒 cày bên của ta.
5. Bắt đầu cày ở mẫu ruộng phía nam.
6. Rải trăm thứ hột giống để gieo mạ.
7. Cây mạ lên thẳng mà to.
8. Để thuận theo ý của tăng tôn (người đứng chủ tế tự xưng).

Dịch thơ

Làm ruộng to hột giống nhiều.

Giống và nông cụ mọi điều lo xong.

Đã hoàn bị mới mong khởi sự.

Thì耒 cày bên cứ đem ra,

Mẫu phương nam hãy cày qua.

Rải trăm thứ hột để mà gieo xong.

Cây mạ lên to cùng ngay thẳng.

Ý tăng tôn sẽ đặng thuận theo.

Chú giải Chu Hy

Chương này thuộc phú. 種 *chủng*, lựa hột giống. 戒 *giới*, lo sửa soạn nông cụ. 覃 *diêm*, bén. 俶 *xúc*, bắt đầu. 載 *tái*, việc. 庭 *đình*, ngay thẳng. 碩 *thạc* (đọc *thước* cho hợp vận) lớn. 若 *nhược*, thuận.

Tô thị nói rằng: Làm ruộng to thì hột giống nhiều, cho nên vào mùa đông năm nay phải lo đầy đủ hột giống và sửa soạn mọi việc cho năm tới. Khi đã hoàn bị rồi sau mới khởi sự: lấy lưỡi cày bén khởi đầu cày ở mẫu ruộng phía nam. Cày xong rải hột. Cày thì siêng cần, gieo hột giống thì hợp thời, cho nên mạ mọc lên thẳng mà to để thuận theo ý muốn của vị chủ tế (người chủ tế tự xưng là tăng tôn).

Bài thơ này là lời của nông phu để khen tặng người trên, dường như là để đáp lại ý của bài thơ trên (thiên Phủ điền).

CHƯƠNG II

既方既阜

9. Ký phương ký tạo.

既堅既好

10. Ký kiên ký hảo,

不稂不莠

11. Bất lang bất dậu.

去其螟螣

12. Khử kỳ minh đặc

及其蟊賊

13. Cập kỳ mưu tặc,

無害我田 穉

14. Vô hại ngã điền tri,

田祖有神

15. Điền tổ hữu thần

Dịch nghĩa

9. Lúa đã trở hột rồi đã no hột.
10. Hột đã cứng đã tốt.
11. Không có cỏ lang cỏ đậu.
12. Phải trừ sâu minh ăn tim lúa, sâu đặc ăn lá lúa;
13. Và sâu mưu ăn gốc lúa, sâu tặc ăn đốt lúa,
14. Để không nguy hại đến lúa non trong ruộng.
15. Phải cầu nguyện với Thần nông,
16. Bắt những loại sâu ấy bỏ vào lửa đốt cho tuyệt.

Dịch thơ

*Lúa đã trở hột rồi đây,
 Lúa đã chắc hột tốt thay một vùng.
 Cỏ tang, đậu thì không còn thấy,
 Sâu minh, sâu đặc lại trừ rồi,
 Sâu mưu, tặc dứt xong xuôi.
 Lúa non vô hại tốt tươi đây đồng.
 Phải cầu nguyện Thần nông giúp sức
 Bắt những sâu đem vứt lửa hồng.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 方 *phương*, trở ra hột lúa mà còn lép. 早 *tạo* (đọc *tẩu* cho hợp vận) hột đã đầy mà chưa cứng. 稂 *lang*, cỏ đồng lương. 莠 *dậu*, cỏ giống như mạ. Cỏ lang và cỏ đậu đều hại lúa. 螟 *minh*, loại sâu ăn tim lúa. 螻 *lâu*

tặc, loại sâu ăn lá lúa. 蠶 *mutu*, loại sâu ăn gốc lúa. 賊 *tặc*, loại sâu ăn đốt lúa, đều là những loại sâu hại mạ. 稈 *trĩ*, cây lúa non.

Nói mạ đã rậm nhiều, lại phải trừ bốn loại sâu, như thế mạ non trong ruộng mới khỏi bị hại. Nhưng sức người làm không xiết, cho nên mới cầu nguyện Thần nông hãy vì ta mà bắt bốn thứ sâu ấy bỏ vào lửa cho tuyệt. Diêu Sùng sai người bắt cào cào hại lúa có dẫn đoạn này làm chứng. Ban đêm đốt lửa, quanh ngọn lửa đốt có đào hầm, cào cào đáp vào lửa vừa bị cháy vừa bị rớt lấp xuống hầm, đó là phép xưa truyền lại như thế.

♪

CHƯƠNG III

- | | |
|-------|---------------------------|
| 有渰萋萋 | 17. Hữu yểm thê thê, |
| 興雲祁祁 | 18. Hưng vũ kỳ kỳ. |
| 雨我公田 | 19. Vũ ngã công điền, |
| 遂及我私 | 20. Toại cập ngã tư. |
| 彼有不穫穧 | 21. Bĩ hữu bất hoạch trĩ. |
| 此有不斂穧 | 22. Thử hữu tất liễm tế, |
| 彼有遺秉 | 23. Bĩ hữu di bính, |
| 此有滯穗 | 24. Thử hữu trệ toại |
| 伊寡婦之利 | 25. Y quả phụ chi lợi |

Dịch nghĩa

17. Có mây che phủ khắp nơi,
18. Rồi mưa xuống từ từ.
19. Mưa xuống ruộng công của ta,

20. Rồi đến ruộng tư của ta,
21. Chỗ kia có những chùm lúa không kịp gặt.
22. Nơi này có mấy bó lúa không kịp thâu,
23. Chỗ kia có những nắm lúa còn sót,
24. Nơi này có mấy chùm lá rơi rớt,
25. Dành cho người đàn bà goá nhật lấy mà được lợi.

Dịch thơ

*Cỏ mây che phủ khắp nơi
 Từ từ mưa lại tuôn rơi khắp vùng.
 Hễ mưa xuống ruộng công ta trước,
 Rồi ruộng tư lần lượt sa mưa.
 Chỗ kia gặt sót còn thừa.
 Nơi này mấy bó vẫn chưa thâu vào,
 Chốn nọ lại còn bao lúa sót,
 Mấy chùm còn rơi rớt chốn này,
 Dành cho goá phụ mót ngay,*

Chủ giải của Chu Hy

Chương này thuộc húng. 渰 *yểm*, dăng mây nhiều. 淒淒 *thê thê*, dăng nhiều. 祁祁 *kỳ kỳ*, chậm chậm. Mây muốn phủ nhiều, mây nhiều thì mưa to. Mưa muốn từ từ, mưa từ từ thì nước thấm vào đất. 公田 *công điền*, 1 dặm vuông làm một tỉnh điền, 1 tỉnh điền có 900 mẫu, phóng 4 con lộ chia ra 9 khu hình như chữ *tinh* 井, khu chính giữa là công điền, 8 nhà nông lân cận mỗi người 100 mẫu ở 8 khu chung quanh, rồi cùng nhau lo cấy cấy công điền ở giữa để thay việc nộp thuế. 稽 *lê*, bó. 秉 *bỉnh*, nắm. 滯 *trệ*, cũng là ý sót bỏ lại.

Nói lòng của người nông phu, trước lo việc công, sau lo việc tư, cho nên mong mây phủ mưa tuôn mà nói rằng: Trời hãy mưa xuống ruộng công của ta, rồi mưa đến ruộng tư của ta, mong nhờ cái đức của vua để được ân huệ thừa, khiến trong lúc gặt hái, chỗ kia có mấy chùm lúa không kịp gặt, chỗ này có mấy bó lúa không kịp thâu, chỗ kia có mấy nắm lúa còn sót, chỗ này có mấy chùm lúa còn rơi rớt thì được người đàn bà goá mong nhặt lấy để được lợi. Đó là để thấy năm trúng mùa được thừa thãi, không thu góp sạch cả, để phần sót rớt ấy cho người cô độc không vợ không chồng chung hưởng, đủ thấy rằng đó là những ân huệ không tốn hao gì cũng không bỏ đi trên mặt đất (vì có người mót lấy). Nếu không thế, thì hột lúa dồi dào ấy chẳng giống như vật quý của trời ban phải bị khinh thị mà vứt bỏ đi chăng?

CHƯƠNG IV

曾孫來止

26. Tăng tôn lai chỉ,

以其婦子

27. Dĩ kỳ phụ tử

饁彼南畝

28. Diệp bỉ nam mẩu.

田畯至喜

29. Điền tuấn chí hỉ.

來方禋祀

30. Lai phương ân tự.

以其騂黑

31. Dĩ kỳ tinh hắc

與其黍稷

32. Dĩ kỳ thử tắc

以享以祀

33. Dĩ hưởng dĩ tự,

以介景福

34. Dĩ giới cảnh phúc.

Dịch nghĩa

26. Ngài (chủ tế tự xưng là tăng tôn) đi đến nơi,
27. Gặp vợ con của nông phu
28. Đem đồ ăn đến người gặt hái ở mẫu ruộng phía nam.
29. Quan coi việc canh nông cũng đến và vui mừng.
30. Ngài đến để trai giới sạch sẽ cúng tế thần bốn phương.
31. Dùng con vật lông đỏ lông đen.
32. Và xôi với cơm
33. Để cúng tế cho thần về hướng,
34. Để được phúc lớn.

Dịch thơ

*Tăng tôn rảo bước đến nơi
Gặp ngay được vợ con người nông dân
Mẫu phía nam đồ ăn đem xuống.
Quan canh nông vui sướng bội phần.
Ngài thì trai giới tế thần,
Thú màu đen, đỏ phải cần sắc lông.
Cơm với xôi dâng chung cúng tế.
Cho thánh thần hưởng lễ cúng dâng,
Phúc to ngài hưởng vô ngần.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 禮 ân, ý tình khiết trai giới sạch sẽ để cúng tế.

Người nông phu nói rằng: Ngài (người đứng chủ tế tự xưng là tăng tôn) đến. Cho nên cùng vợ con đem thực phẩm cho người gặt hái ở mẫu ruộng phía nam ăn. Quan giữ việc canh nông cũng đi đến mà vui mừng. Ngài (chủ tế tự xưng là tăng tôn) đến để trai giới sạch sẽ cúng tế thần bốn phương để báo đáp điều đã cầu đảo. Tế bốn phương thì dùng con thịt sắc lông đứng theo sắc phương hướng ấy mà cúng. Ở đây nói *tinh hắc*, màu đỏ màu đen là màu hướng nam và hướng bắc, nói ra hai hướng ấy để có hai hướng còn dư (là hướng tây hướng đông). 以介景福 dĩ giới cảnh phúc, được hưởng phúc to, nông dân muốn ngài hưởng được phúc lớn.

Thiên Đại điền có 4 chương, 2 chương 8 câu và 2 chương 9 câu.

Thiên trước có đoạn văn nói *đánh trống để rước thần nông*, cho nên hoặc có người nghi rằng 4 thiên *Sở từ*, *Tín Nam sơn*, *Phủ điền*, *Đại điền* tức là thơ *Bân nhĩ* (đã nói rõ ở cuối phần thơ *Bân phong*) cũng chưa biết là đúng hay không.

Nhưng ở thiên trước (*Phủ điền*) nhân vật trong ấy lấy việc ruộng ta đã tươi tốt là cái hồng phúc của nông phu mà muốn báo đáp bằng phúc lớn còn ở thiên này người nông phu lấy việc trời hãy mưa xuống ruộng công của ta, rồi đến ruộng tư của ta để muốn ngài cúng tế cho thần thánh về hưởng mà được phúc lớn. Thì tâm tính người trên và kẻ dưới sở dĩ đã nhờ dựa vào nhau để báo đáp lẫn nhau như thế, nếu chẳng phải đức hạnh dồi dào thì ai có thể làm nên được?

BÀI THỨ 219

CHƯƠNG I

瞻彼洛矣

Chiêm bỉ Lạc hĩ (Bắc sơn 9)

瞻彼洛矣

1. Chiêm bỉ Lạc hĩ

維水泱泱
君子至止
福祿如茨
韎韐有奭
以作六師

2. Duy thủy ương ương.
3. Quân tử chí chí,
4. Phúc lộc như từ.
5. Muội cấp hữu hách
6. Dĩ tác lục sư.

Dịch nghĩa

1. Xem con sông Lạc kia,
2. Nước sâu và rộng.
3. Thiên tử đến nơi,
4. Phúc lộc dồi dào như tích chứa lại.
5. Thiên tử mặc tấm cấp màu đỏ
6. Để dẫn lên sáu đạo quân.

Dịch thơ

*Hãy xem Lạc thủy một dòng.
Nước sâu và rộng mệnh mông tuyệt vời.
Nay đã đến nơi rồi thiên tử,
Phúc lộc như chứa trữ dồi dào.
Vua thì mặc cấp đỏ au
Sáu quân hưng khởi xiết bao oai hùng.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 洛 Lạc, tên sông Lạc ở Đông đô, chỗ hội hợp chư hầu, 泱泱 ương ương, sâu rộng. 君子 quân tử, chỉ Vua thiên tử. 茨 từ, tích chứa. 韎 muội, màu do cây

mao sừ nhuộm ra. 韜 *cáp*, cái tất, miếng mang ở phía trước để che đầu gối, ráp nhiều miếng da lại mà làm ra, sách *Chu quan* (*Chu lễ*) gọi là vĩ biên, y phục trong nhà binh. 爽 *hách*, đáng màu đỏ. 作 *tác*, khởi lên. 六師 *lục sư*, lục quân, sáu đạo quân của thiên tử.

Đây là bài thơ của chư hầu khen tặng thiên tử khi thiên tử tự hội chư hầu lại ở Đông đô để giảng việc vũ bị.

Nói thiên tử đến sông Lạc ấy, ngự quân phục và dấy sáu đạo quân lên.

CHƯƠNG II

瞻彼洛矣

7. Chiêm bỉ lạc hi,

維水泱泱

8. Duy thủy ương ương,

君子至止

9. Quân tử chí chí,

韞琇有珌

10. Bình bồng hữu tất.

君子萬年

11. Quân tử vạn niên,

保其家室

12. Bảo kỳ gia thất,

Dịch nghĩa

7. Xem con sông Lạc kia,

8. Nước sâu và rộng.

9. Thiên tử đến nơi.

10. Bao đựng đao của thiên tử có trang sức phía trên và phía dưới.

11. Thiên tử sống muôn năm,

12. Để giữ gìn gia đình ngài mãi vững vàng.

Dịch thơ

*Kìa kìa Lạc thủy hãy trông,
Nước sâu thăm thẳm vô cùng rộng xa
Nay thiên tử đã qua đến đó,
Dưới trên trang sức vô dụng đao.
Muôn năm thiên tử sống lâu.
Giữ gìn gia thất xiết bao vững vàng!*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 鞞 *bình*, cái bao đựng đao, nay gọi là đao tiêu. 琫 *bồng*, những trang sức cho đẹp ở phía trên cây bội đao. 璚 *tất*, những trang sức cho đẹp ở phía dưới cây bội đao. Bồng và tất đều là những trang phục của nhà binh.

CHƯƠNG III

- | | |
|------|-------------------------|
| 瞻彼洛矣 | 13. Chiêm bỉ Lạc hĩ, |
| 維水泱泱 | 14. Duy thủy ương ương. |
| 君子至止 | 15. Quân tử chi chí, |
| 福祿既同 | 16. Phúc lộc ký đồng, |
| 君子萬年 | 17. Quân tử vạn niên |
| 保其家邦 | 18. Bảo kỳ gia bang. |

Dịch nghĩa

13. Xem con sông Lạc kia

14. Nước sâu và rộng.
15. Thiên tử đến nơi,
16. Phúc lộc đã gom tụ vào người.
17. Thiên tử sống muôn năm,
18. Để giữ gìn nước nhà cho vững vàng.

Dịch thơ

*Hãy xem Lạc thủy xuôi dòng,
Nước sâu thăm thẳm mênh mông rộng dài.
Đáng thiên tử hôm nay đến đây,
Phúc lộc đã gom lấy dồi dào.
Muôn năm thiên tử sống lâu,
Nước nhà gìn giữ xiết bao vững vàng!*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 同 đồng, tụ hợp lại.
Thiên Chiêm bĩ Lạc hĩ có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 220

CHƯƠNG I

裳裳者華
裳裳者華
其葉湑兮
我觀之子

Thường thường giả hoa (Bắc sơn 10)

1. Thường thường giả hoa
2. Kỳ diệp tử hê.
3. Ngã cầu chi tử,

我心寫兮

4. Ngā tâm tả hê.

我心寫兮

5. Ngā tâm tả hê,

是以有譽處兮

6. Thị dĩ hữu dự xử hê.

Dịch nghĩa

1. Cây hoa trở bông đẹp đẽ
2. Thì lá tươi tốt rườm rà.
3. Ta gặp chư hầu,
4. Thì lòng ta trút hết ưu phiền.
5. Lòng ta trút hết ưu phiền,
6. Là vì chư hầu có sự vui tươi yên lành.

Dịch thơ

Cây hoa đã trở bông xinh xắn

Lá rườm rà tươi tắn xiết bao!

Ta vừa gặp được chư hầu,

Thì liền trút sạch ưu sầu lòng ta.

Bao phiền muộn trút đà cạn dứt,

Vì chư hầu vui thực yên lành.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 裳裳 *thường thường* như 堂堂 *đương đương* là đẹp đẽ rườm rà. Đồng thị nói rằng: Bản sách xưa chép 常 *thường*, là cây thường đề. 渭水, dáng rườm rà. 觀 *cấu* thấy, gặp. 處 *xử*, yên.

Đây là lời của thiên tử tặng chư hầu vì là để đáp lại bài *Chiêm bỉ lạc hĩ*. Nói cây hoa đã trở bông thì lá rườm rà đẹp

đẽ. Ta gặp chư hầu rồi thì trút hết ưu phiền mà vui tươi lên. Ôi! Người mà năng làm cho kẻ khác thấy vui tươi lên như thế thì phải có sự vui tươi yên lành thích nghi.

Chương này cùng với văn thể của chương đầu tiên *Lục tiêu* (bài thứ 179) hoàn toàn tương tự.

CHƯƠNG II

裳裳者華

7. Thường thường giả hoa

萋其黃矣

8. Ván kỳ hoàng hĩ.

我觀主子

9. Ngã cấu chi tử.

維其有章矣

10. Duy kỳ hữu chương hĩ.

維其有章矣

11. Duy kỳ hữu chương hĩ,

是以有慶矣

12. Thị dĩ hữu khương (khánh) hĩ.

Dịch nghĩa

7. Cây hoa trở bông đẹp đẽ

8. Màu vàng rực rườm rà.

9. Ta gặp chư hầu

10. Chư hầu có văn chương.

11. Chư hầu có văn chương,

12. Là vì có phúc lộc

Dịch thơ

Cây hoa đẹp đẽ bông đều trở

Đã ửng vàng rực rỡ khoe màu.

Ta vừa gặp được chư hầu

Thầy đều rạng rỡ đôi dào văn chương.

Chư hầu đều văn chương lừng lẫy,

Phúc lộc đã hưởng lấy đôi dào

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 芸 *vân*, màu vàng mà rườm rà, chương, văn chương. Có văn chương thì có phúc lộc.

CHƯƠNG III

裳裳者華

13. Thường thường giả hoa

或黃或白

14. Hoặc hoàng hoặc bạch.

我觀之子

15. Ngã cẩu chi tử

乘其四駱

16. Thừa kỳ tứ lạc.

乘其四駱

17. Thừa kỳ tứ lạc,

六轡沃若

18. Lục bí ốc nhược.

Dịch nghĩa

13. Cây hoa trở bông đẹp đẽ

14. Hoặc màu vàng hoặc màu trắng,

15. Ta gặp chư hầu

16. Đi xe bốn ngựa lạc (ngựa bạch bờm đen).

17. Đi xe bốn ngựa lạc (ngựa bạch bờm đen),

18. Sáu dây cương bóng láng tươi sáng.

Dịch thơ

Cây hoa đã trở bông xinh xắn,

Hoặc vàng hoe hoặc trắng tươi màu,
 Ta vừa gặp được chư hầu
 Đì xe ngựa lạc xiết bao huy hoàng!
 Bốn ngựa lạc rõ ràng hùng dũng,
 Sáu dây cương trơn bóng long lanh!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. Nói xe ngựa của chư hầu uy nghi dồi dào.

CHƯƠNG IV

- | | |
|------|-------------------------------|
| 左之左之 | 19. Ta (tá) chi, ta (tá) chi, |
| 君子宜之 | 20. Quân tử nghi chi. |
| 右之右之 | 21. Vĩ hữu chi, hữu chi, |
| 君子有之 | 22. Quân tử hữu chi. |
| 維其有之 | 23. Duy kỳ hữu chi, |
| 是以似之 | 24. Thị dĩ tự chi. |

Dịch nghĩa

19. Phụ tá thiên tử, phụ tá thiên tử,
20. Thì chư hầu đứng đắn.
21. Giúp đỡ thiên tử, giúp đỡ thiên tử,
22. Thì chư hầu đều có đủ tài năng.
23. Vì vốn đã sẵn rồi,
24. Cho nên hành động của chư hầu đều giống với bản năng.

Dịch thơ

Phụ tá vua ra công cố gắng

Chư hầu đều đứng đắn vô cùng.

Giúp thiên tử lại ra công

Chư hầu đầy đủ tài dùng xiết bao!

Vì vốn đã dồi dào có sẵn.

Nên hành vi giống bản năng thay!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Nói chư hầu, tài năng thì hoàn toàn, đức hạnh thì đầy đủ. Phụ tá thiên tử thì chư hầu không có việc gì là không nên. Giúp đỡ thiên tử thì chư hầu không có điều gì không có. Vì tài năng đã có sẵn ở trong, cho nên mới lộ ra ở ngoài, không có điều gì không giống in như bản năng đã sẵn có.

Thiên Thường thường giả hoa có 4 chương, mỗi chương 6 câu.

Bắc sơn chi thập có 10 thiên, 46 chương, 334 câu.

7. TANG BỘ CHI THẬP

(Mười bài thuộc phần thơ Tang hộ)

BÀI THỨ 221

CHƯƠNG I

桑扈
交交桑扈
有鶯其羽
君子樂胥
受天之祜

Tang hộ (Tang hộ I)

1. Giao giao tang hộ,
2. Hữu oanh kỳ vũ.
3. Quân tử lạc tư
4. Thụ thiên chi hộ.

Dịch nghĩa

1. Chim tang hộ bay qua bay lại,
2. Lông có màu sắc đẹp đẽ của chim oanh.
3. Chư hầu vui mừng
4. Nhận được phúc lộc của trời.

Dịch thơ

Chim tang hộ bay qua bay lại

Sắc lông thì lông lấy như oanh.

Chư hầu mừng rõ thích tình

Nhận bao phúc lộc trời dành thưởng ban,

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 交交 *giao giao*, dáng bay qua bay lại. 桑扈 *tang hộ*, chim thiết chi. 鶯 *oanh*, có màu sắc đẹp đẽ. 君子 *quân tử*, chỉ chư hầu. 胥 *tư*, tiếng đệm. 祜 *hộ*, phúc.

Đây cũng là bài thơ về thiên tử đãi yến chư hầu. Nói con chim tang hộ bay qua bay lại, lông có màu sắc đẹp đẽ. Chư hầu vui mừng thì được phúc của trời. Đây là lời chúc tụng cầu phúc.

CHƯƠNG II

交交桑扈

5. Giao giao tang hộ.

有鶯其領

6. Hữu oanh kỳ lãnh.

君子樂胥

7. Quân tử lạc tư

萬邦之屏

8. Vạn bang chi bình.

Dịch nghĩa

5. Chim tang hộ bay qua bay lại

6. Có màu sắc đẹp đẽ của chim oanh.

7. Chư hầu vui mừng,

8. Vì muôn nước nhỏ được sự che chở.

Dịch thơ

Bay lại bay qua chim tang hộ

Như chim oanh lông cổ đẹp tươi.

Chư hầu mừng rỡ vui cười.

Vì muôn nước nhỏ đặt nơi hộ phòng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 領 *lãnh*, cái cổ. 屏 *bình*, che ý nói có thể làm hàng rào che chở cho nước nhỏ, vì rằng đã uỷ nhiệm chức liên sư cho vị phương bá để bảo vệ các nước chư hầu.

CHƯƠNG III

之屏之翰

9. Chi bình chi hàn,

百闕爲憲

10. Bách bách vi hiến.

不戢不難

11. Bất tập bất na?

受福不那

12. Thụ phúc bất na?

Dịch nghĩa

9. Thiên tử như cây trụ nòng cốt trong bình phong.

10. Hàng trăm vua chư hầu lấy đó làm phép tắc.

11. Chư hầu há không kiểm thúc, không cẩn thận hay sao?

12. Phúc lộc nhận được há không nhiều hay sao?

Dịch thơ

Như trụ bình phong làm thiên tử

Trăm chư hầu phép cứ noi chung.

Giữ mình cẩn thận há không?

Phúc thu nhận chẳng vô cùng hay sao?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 翰 *hàn* (đọc *hiện* cho hợp vận) cây trụ trong bức tường để chịu đựng bùn đất đắp lên ở hai bên tường. 辟 *bích*, vua. 憲 *hiến*, phép tắc. Nói chư hầu của thiên tử thông suốt, đều lấy thiên tử làm phép tắc. 戕 *trập*, kiểm thúc. 難 *na*, thận trọng. 邪 *na*, nhiều. 不戕 *bất trập* tức là kiểm thúc. 不難 *bất na*, tức là thận trọng. 不邪 *bất na*, nhiều vì là nói há chẳng kiểm thúc hay sao? Há chẳng thận trọng hay sao? Nhận phúc lộc há chẳng nhiều hay sao? Đó là lời xưa, nói gấp mà ra thế. Về sau cũng phỏng theo đây.

CHƯƠNG VI

兕觥其觶

13. Tự quang kỳ cầu,

旨酒思柔

14. Chỉ tửu tư nhu.

彼交匪敖

15. Bỉ giao phi ngạo,

萬福來求

16. Vạn phúc lai cầu.

Dịch nghĩa

13. Chén sừng tự cong cong.

14. Rượu ngon lại dịu.

15. Chư hầu kia giao thiệp với nhau không có điều gì ngạo mạn,

16. Thì muôn điều phúc lộc sẽ tìm đến.

Dịch thơ

Chén cong cong bằng sừng con tự,

Rượu rót vào được thứ dịu ngon.

Chư hầu giao thiệp chẳng lờn.

Tự tìm đưa đến hằng muôn phúc lành

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 兕觥 *tự quang*, chén rượu làm bằng sừng con tỳ, như con tể giác. 觥 *câu*, dáng uốn cong trên cái sừng. 旨 *chỉ*, ngon. 思 *tư*, tiếng đệm vào câu văn. 放 *ngạo*, ngạo mạn. Trong việc giao thiệp, không bao giờ ngạo mạn thì mình không có việc gì để phải tìm mong phúc lộc, mà phúc lộc trái lại sẽ tìm đến với mình.

Thiên Tang hộ có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 222

CHƯƠNG I

鴛鴦

Uyên ương (Tang hộ 2)

鴛鴦于飛

1. Uyên ương vu phi,

畢之羅之

2. Tất chi la chi.

君子萬年

3. Quân tử vạn niên,

福祿宜之

4. Phúc lộc nghi chi

Dịch nghĩa

1. Đôi chim uyên ương lướt bay,
2. Thì lấy lưới nhỏ, lưới to mà bắt.
3. Thiên tử sống muôn năm,
4. Phúc lộc rất xứng đáng cho người.

Dịch thơ

Uyên ương một cặp lướt bay,
Lưới to lưới nhỏ giăng ngay bắt liền.
Sống lâu thiên tử vạn niên,
Xứng thay phúc lộc dành riêng cho người.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 鴛鴦 *uyên ương*, loài chim sống đôi. 罾 *tất*, cái lưới nhỏ có cán dài 羅 *la*, cái lưới 君子 *quân tử* chỉ thiên tử.

Đây là bài thơ của chư hầu dùng để đáp lời bài *Tang họ*. Chim uyên ương bay, thì lấy lưới nhỏ lưới to ra mà bắt. Thiên tử sống muôn năm, phúc lộc rất xứng đáng dành cho người.

Đây cũng là lời chúc tụng cầu phúc.

CHƯƠNG II

鴛鴦在梁

5. Uyên ương tại lương

戢其左翼

6. Tập kỳ tả dực.

君子萬年

7. Quân tử vạn niên;

宜其遐福

8. Nghi kỳ hà phúc.

Dịch nghĩa

5. Đôi chim uyên ương đậu trên đập đá
6. Thu gọn cái cánh trái.
7. Thiên tử sống muôn năm.
8. Xứng đáng với phúc lộc lâu dài.

Dịch thơ

Đậu trên đập đòai uyên ương,
Gọn thu cánh trái để nường sát vào
Muôn năm thiên tử sống lâu.
Xứng thay phúc lộc xiết bao lâu dài!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 鴈 *lương*, cái đập đá để ngăn nước. 戢 *tập*, thu gọn lại. Trương tử nói rằng: Loài chim hai con đậu chung, một con đậu xuôi, một con đậu ngược, phải xếp gọn cái cánh trái để dựa sát vào trong và buông thông thả cái cánh mặt để phòng ngừa hoạn nạn ở ngoài. Vì rằng không quen dùng cánh trái, chỉ tiện dùng cánh mặt. 遐 *hà*, xa, lâu.

CHƯƠNG III

乘馬在廐
摧之秣之
君子萬年
福祿艾之

9. Thặng mã tại cứu,
10. Toả chi mạt chi.
11. Quân tử vạn niên,
12. Phúc lộc ngãi chi.

Dịch nghĩa

9. Bốn con ngựa ở trong chuồng
10. Thì cắt cỏ và lấy lúa cho ăn.
11. Thiên tử sống muôn năm.
12. Thì phúc lộc bồi dưỡng cho người.

Dịch thơ

Bốn con ngựa ở trong chuồng
Cỏ và lúa cứ nuôi luôn đưa vào.
Muôn năm thiên tử sống lâu.
Đường bồi phúc lộc dài dào dài xa.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 摧 toả, cắt cỏ. 秣 *mạt* (đọc *mội*), lúa thóc. 艾 *ngải* (đọc *nghe*), nuôi dưỡng. Tô thị nói 艾 *ngải* là già, ý nói lấy phúc lộc để trọn thân sống. Nói như thế cũng thông.

Bốn con ngựa ở trong chuồng, thì cắt cỏ và lấy thóc cho ăn. Thiên tử sống muôn năm, thì phúc lộc bồi dưỡng cho người.

CHƯƠNG IV

- | | |
|------|-----------------------|
| 乘馬在廄 | 13. Thặng mã tại cứu, |
| 秣之摧之 | 14. Mạt chi toả chi. |
| 君子萬年 | 15. Quân tử vạn niên, |
| 福祿綏之 | 16. Phúc lộc tuy chi. |

Dịch nghĩa

13. Bốn con ngựa ở trong chuồng.
14. Thì lấy lúa và cắt cỏ cho ăn.
15. Thiên tử sống muôn năm.
16. Thì phúc lộc làm cho người yên vui.

Dịch thơ

*Bốn con ngựa ở chuồng rồi,
Lúa và cỏ lấy đem nuôi dồi dào.
Muôn năm thiên tử sống lâu,
Phúc và lộc hưởng xiết nào yên vui!*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 殺 綏 (cũng đọc thoá) an.
Thiên Uyên ương có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 223

CHƯƠNG I

頍弁
有頍者弁
實維伊何
爾酒既旨
爾殽既嘉
豈伊異人
兄弟匪他
薦與女蘿
施于松柏
未見君子

Khuỷ biến (Tang hộ 3)

1. Hữu khuỷ giả biến,
2. Thực duy y hà?
3. Nhĩ tửu ký chỉ,
4. Nhĩ hào ký gia
5. Khỉ y dị nhân?
6. Huy đệ phỉ tha
7. Điểu dữ nữ la
8. Di vu tùng bách
9. Vị kiến quân tử,

憂心弈弈
既見君子
庶幾說懌

10. Ưu tâm dịch dịch.

11. Ký kiến quân tử,

12. Thứ cơ duyệt dịch.

Dịch nghĩa

1. Có người đội mũ da,
2. Thật là để làm gì? (để dự yến tiệc)
3. Rượu của ngài đã tốt.
4. Thức ăn của ngài đã ngon
5. Há lại là để đãi người lạ?
6. Là để đãi anh em, chẳng phải để đãi người lạ.
7. Cây điều cây nữ la
8. Bò lên cây tùng cây bách.
9. Chưa gặp được anh em
10. Thì lòng buồn rười rượi.
11. Khi gặp được anh em đến dự tiệc rồi.
12. Thì mong sẽ được vui tươi

Dịch thơ

Có người đội chiếc mũ da

Thật tình như thế để mà làm chi?

Rượu của ngài thật thì tốt lắm,

Lại rất ngon thực phẩm dồi dào.

Há dành đãi khách lạ sao?

Đãi anh em đó chờ nào người xa.

Cây điều cây nữ la hai thứ

Trên từng trên bách cử leo cao.
 Anh em lúc chứa gặp nhau,
 Đòi cơn rười rượi sầu đau nổi lòng.
 Khi gặp anh em cùng dự yến,
 Thì mong cùng lưu luyến vui tươi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú mà hứng lại tử. 頤 *khuy*, dáng cái mào, hoặc nói là dáng cật đầu lên. 弁 *biển*, cái mào bằng da. 嘉 *gia*, 旨 *chỉ*, đều là ngon, tốt. 匪他 *phỉ tha*, chẳng phải người khác. 烏 *diêu*, cây ký sinh, là giống miếng trang sức ở đầu ngựa, trá như trái phúc bồn, màu đỏ màu đen, ngọt ngon. 女羅 *nữ la*, cây thố ty bò lan trên cỏ, màu vàng đỏ như vàng. Đây là thuộc tử. 君 *quân tử*, anh em làm khách khứa đến dự yến tiệc. 奕奕 *dịch dịch* (đọc *dược dược*), lòng buồn vô định, không biết dựa vào đâu.

Đây cũng là thơ về bày yến tiệc đãi anh em thân thích, cho nên nói: Có bậc đội mào da, thật là dễ làm gì vậy? Rượu của ngài đã tốt, đồ ăn của ngài đã ngon, thì há lại là vì người lạ hay sao? Lại là vì anh em mà đãi đằng chẳng phải vì người xa lạ.

Lại nói cây diêu, cây nữ la bò lên trên cây để ví với anh em thân thích với ý chẳng chịt vắn vít nhờ dựa vào nhau. Cho nên khi chưa gặp được anh em thì buồn bực, lúc đã gặp rồi thì vui tươi.

CHƯƠNG II

有頤者弁

13. Hữu khuỷ giả biên

實維何期

14. Thực duy hà kỳ?

爾酒既旨	15. Nhill tửu ký chỉ,
爾殽既時	16. Nhill hào ký thì
豈伊異人	17. Khĩ y dị nhân?
兄弟具來	18. Huynh đệ cụ lai
薦與女蘿	19. Diễu dữ nữ la
施于松上	20. Dị vu tùng thượng
未見君子	21. Vị kiến quân tử
憂心怲怲	22. Ưu tâm bính bính.
既見君子	23. Ký kiến quân tử
庶幾有臧	24. Thứ cơ hữu tang.

Dịch nghĩa

13. Có người đội mũ da
14. Thật là dễ làm gì? (dễ dự yến tiệc)
15. Rượu của ngài đã tốt.
16. Thức ăn của ngài đã ngon
17. Há lại dễ đãi người lạ?
18. Anh em đều đến.
19. Cây diễu cây nữ la
20. Bò lên trên cây tùng (anh em thương mến nhờ dựa vào nhau).
21. Khi chưa gặp anh em,
22. Thì lòng buồn âm ập.
23. Lúc đã gặp anh em.
24. Thì mong có điều tốt lành với nhau.

Dịch thơ

*Đội mũ da thấy có người,
Thật ra như thế để rồi làm chi?
Rượu của ngài thật thì ngon tuyệt.
Thức ăn thì tốt thiệt đấy mà.
Há rằng đôi khách lạ xa?
Anh em lớn nhỏ thấy đã đến nơi,
Cây nữ la đồng thời cây điều
Cứ bò lên bám víu cây tùng.
Anh em khi chưa hợp chung,
Nỗi sầu âm áp khó lòng xiết bao!
Khi anh em cùng nhau hợp mặt.
Thì mong điều bền chặt tốt lành.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú mà hứng lại tử. 何期 *hà kỳ* như 伊何 *y hà*, là để làm gì. 時 *thì*, ngon lành. 具 *cụ*, đều. 惻惻 *bính bính* (đọc *bướng bướng* cho hợp vận). nỗi buồn đầy âm áp, 臧 *tương* (đọc *tăng* cho hợp vận). tốt, lành.

CHƯƠNG III

有頍者弁
實維在首

25. Hữu khuỷ giả biên

26. Thực duy tại thủ.

爾酒既旨
爾殽既阜
豈伊異人
兄弟甥舅
如彼雨雪
先集維霰
死喪無日
無幾相見
樂酒令夕
君子維宴

27. Nhĩ tửu ký chí,
28. Nhĩ hào ký phụ,
29. Khĩ y dị nhân?
30. Huynh đệ sinh cữu.
31. Như bí vụ tuyết,
32. Tiên tập duy tuyết.
33. Tử táng vô nhật,
34. Vô kỷ tương kiến,
35. Lạc tửu kim tịch,
36. Quân tử duy yến.

Dịch nghĩa

25. Có người đội mũ da
26. Thật ở trên đầu.
27. Rượu của ngài đã tốt,
28. Thức ăn của ngài đã ngon,
29. Há lại để đãi người lạ?
30. Mà là để đãi anh em, cậu cháu.
31. Như trận hoa tuyết bay xuống.
32. Thì trước tiên phải có trận hột tuyết rơi rồi.
33. Chết mất không bao ngày.
34. Còn gặp nhau chẳng bao lâu nữa,
35. Thì hãy vui vẻ uống rượu với nhau trong đêm nay.
36. Anh em cứ yến ẩm với nhau đi.

Dịch thơ

Có người đội chiếc mũ da

Trên đầu tể chính thật là xinh thay!

Những thứ rượu của ngài tốt quá!

Những món ăn ngon lạ xiết bao!

Há rằng đãi khách lạ sao?

Anh em cậu cháu đều vào dự chung.

Trận hoa tuyết từng không xuống mãi.

Hột tuyết thì trước đây đã rơi

Không bao ngày nữa chết rồi,

Sống còn chẳng đặng mấy hồi gặp nhau.

Đêm nay nhấp rượu vào vui sướng.

Để anh em ăn uống no say.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú mà hứng lại tỷ. *lập phụ*, nhiều. 甥舅 *sinh cữu*, cháu và cậu, nói anh em của cha mẹ, con của cô, con của chị em anh em của vợ. *Tuyết*, hột tuyết bắt đầu đông lại. Sắp có tuyết xuống nhiều thì trước tiên phải có lúc hơi ẩm, tuyết từ trên rơi xuống gặp khí hơi ẩm thì tan chảy ra, rồi lại đông lại thành hột, gọi là tuyết (tục gọi là mề tuyết hay lạp tuyết) mãi lâu khí lạnh càng hơn thì tuyết rơi xuống nhiều. Nói hột tuyết kết thành thì sắp đến mùa hoa tuyết xuống, để ví hễ tuổi già đến thì đây là triệu chứng sắp chết rồi. Cho nên rồi cùng nói chết mất không bao ngày, không thể còn gặp nhau lâu nữa, thì phải vui vẻ uống rượu với nhau cho cạn nỗi hoan lạc trong đêm nay. Đây là ý dốc thêm tình thần mến những người thân thích.

Thiên Khuỷ biên có 3 chương, mỗi chương 12 câu.

BÀI THỨ 224

CHƯƠNG I

車聲

Xa hạt (Tang hộ 4)

聞關車之聲兮

1. Gian quan xa chi hạt hê

思變季女逝兮

2. Tư luyến quý nữ thệ hê

匪饑匪渴

3. Khỉ cơ phỉ khát,

德音來括

4. Đức âm lai quát.

雖無好友

5. Tuy vô hảo hữu,

式燕且喜

6. Thức yến thả hỉ.

Dịch nghĩa

1. Đóng chốt xe nghe cộp cộp
2. Nhớ đến nàng con gái út đẹp đẽ mà đến cưới rước nàng về.
3. Chẳng phải đói, chẳng phải khát.
4. (Ta rạo rức trong lòng, chỉ mong được) nghe thanh âm êm dịu của nàng lúc hội ngộ.
5. Tuy không có bạn tốt,
6. Thì hãy yến ẩm với nhau cho vui vẻ tưng bừng.

Dịch thơ

Chốt xe cộp cộp đóng vào,

Nhờ cô gái út đến mau cưới liền.

Ta đâu phải vì riêng khát, đói

Chỉ muốn nghe tiếng nói gặp nàng,
Tuy không bạn tốt đoan trang
Thì cùng yến ẩm huy hoàng vui chung

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 問問 *gian quan*, tiếng đóng cây chốt ở đầu trục bánh xe. 牽 *hạt*, cây chốt sắt ở đầu trục bánh xe, nếu không có việc gì để đi, thì lấy cây chốt ấy ra, lúc đánh xe đi, mới đóng cây chốt ấy vào. Xe của người đi rước dâu. 變 *luyến*, đáng đẹp. 逝 *thệ*, đi. 括 *quát*, hội kiến gặp nhau.

Đây là bài thơ yến ẩm vui chơi trong lễ cưới. Cho nên nói đóng cây chốt ở đầu trục xe nghe cộp cộp, vì nhớ đến nàng con gái út đẹp mới đi xe đến để rước. Chẳng phải đối chàng phải khát, mà chỉ mong được nghe tiếng nói của nàng đến hội kiến mà lòng ta như đối ran khao khát vậy. Tuy không người lạ, thì cũng nên yến ẩm để cùng vui thích.

CHƯƠNG III

依彼平林
有集維鷗
辰彼碩女
令德來教
式燕且譽
好爾無射

7. Y bỉ bình lâm
8. Hữu tập duy kiêu.
9. Thời bỉ thạc nữ
10. Lệnh đức lai giáo.
11. Thức yến thả dự,
12. Hào nhĩ vô dịch.

Dịch nghĩa

7. Cánh rừng chốn đồng bằng tươi tốt kia

8. Có chim trĩ đậu lại.

9. Lúc ấy nàng con gái đã lớn kia

10. Lấy đức tốt để khuyên bảo (khi phối hợp với ta).

11. Thì hãy yên ả mà khen tặng nàng.

12. Mến thích nàng không chán.

Dịch thơ

Rừng kia ở chốn đồng bằng

Có con chim trĩ thấy hằng đậu luôn.

Bây giờ đã lớn khôn nàng ấy

Khuyên bảo ta nàng lấy đức lành.

Để khen, yên ả linh đình,

Không bao giờ chán, nặng tình mến thương.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 依 y, đáng cây tươi tốt. 鶉 kiêu, chim trĩ, hơi nhỏ hơn chim địch, chạy thì lại kêu, đuôi dài, thịt rất ngon. 長 thời, thời, lúc. 碩 thực, to. 爾 nhĩ, nàng, cô gái út. 射 địch (đọc đổ cho hợp vận), chán.

Ở vùng đất bằng, cánh rừng tươi tốt kia có con chim trĩ đậu lại. Lúc ấy cô gái út đã lớn kia lấy đức hạnh tốt đẹp đến phối hợp với ta để mà khuyên bảo. Cho nên cùng yên ả và khen tặng nàng, hàm mộ nàng mãi mãi không chán.

CHƯƠNG III

雖無旨酒

13. Tuy vô chỉ tửu,

式飲庶幾

14. Thức ẩm thứ cơ.

雖無嘉穀
式食庶幾
雖無德與女
式歌且舞

15. Tuy vô gia hào,
16. Thức thực thứ cơ.,
17. Tuy vô đức dữ nhữ,
18. Thức ca thả vũ.

Dịch nghĩa

13. Tuy không có rượu ngon
14. Thì cũng mong nàng hãy uống đi.
15. Tuy không có thức ăn ngon.
16. Thì cũng mong nàng hãy dùng đi.
17. Tuy không có đức hạnh tốt lành để cùng nàng,
18. Thì nàng cũng ca múa lên đi.

Dịch thơ

*Rượu ngon không có tuy là,
Thì mong cử hãy nhấp qua hơi nàng!
Món ăn ngon tuy rằng đã thiếu,
Thì mong nàng hãy chiêu cố dùng
Đức lành ta đâu đã không,
Thì nàng cứ hát và cùng múa lên.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 子 chi. 嘉 gia đều là ngon đẹp.
女 nhữ, nàng, chỉ người con gái út.

Nói tuy ta không có rượu ngon, thức ăn tốt và đức hạnh đẹp để cùng nàng, nàng cũng nên ăn uống múa hát để vui vẻ cùng nhau.

CHƯƠNG IV

陟彼高岡
析其柞薪
析其柞薪
其葉湑兮
鮮我覯腹
我心寫兮

19. Trắc bĩ cao cường,

20. Tích kỳ tạc tân.

21. Tích kỳ tạc tân,

22. Kỳ diệp tử hê.

23. Tiển ngā cấu nhī

24. Ngā tâm tả hê,

Dịch nghĩa

19. Lên trên sống núi cao kia
20. Đẵn cây tạc làm củi.
21. Đẵn cây tạc làm củi.
22. Lá của nó rướm rã.
23. Ít khi ta gặp được nàng.
24. Gặp được nàng thì lòng ta như trút hết mọi nỗi phiền ưu.

Dịch thơ

Bước lên sống núi chênh vênh.

Để làm củi, đốn tạc trên mà dùng,

Những cây tạc đốn đã xong,

Lá tươi của nó vẫn trông rậm đầy

Ít khi ta gặp nàng đây.

Gặp nàng, phiền muộn trút ngay khỏi lòng.

Chương này thuộc hứng. 陟 *trắc*, lên. 柞 *tạc*, cây lịch.
滑 *tủ*, rườm rà. 鮮 *tiển*, ít. 覩 *cấu*, gặp, thấy.

Lên trên sông núi mà chật cũi, thì lá của nó rườm rà. Ta
được gặp nàng, thì lòng ta trút hết mọi nỗi ưu sầu.

CHƯƠNG V

- | | |
|------|-------------------------|
| 高山仰止 | 25. Cao sơn ngưỡng chỉ. |
| 景行行止 | 26. Cảnh hành hành chỉ. |
| 四牡騤騤 | 27. Tứ mẩu phi phi, |
| 六轡如琴 | 28. Lục bí như cầm. |
| 覯爾新昏 | 29. Cấu nhĩ tân hôn |
| 以慰我心 | 30. Dĩ uỷ ngã tâm. |

Dịch nghĩa

25. Núi cao thì để người ta ngưỡng trông.
26. Đường lớn thì để người ta đi.
27. Bốn con ngựa dục chạy mãi không dừng.
26. Sáu sợi dây cương rất điều hoà (Xe chạy đến đón
cưới nàng).
29. Gặp được nàng trong buổi lễ tân hôn
30. Để an ủi lòng ta.

Dịch thơ

Nút cao để được ngưỡng trông.

Đường to thì để người dùng bước đi.

Bốn ngựa đực mãi phi lướt tới.

Thấy điều hòa sáu sợi dây cương.

Tân hôn ta gặp được nàng,

Để an ủi nỗi mơ màng lòng ta.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 仰 *ngưỡng* (đọc *ngương* cho hợp vận), ngóng trông. 景行 *cảnh hành*, đường to. 如琴 *như cầm*, nói sáu sợi dây cương điều hoà như đàn cầm đàn sắt. 慰 *uỷ*, yên.

Núi cao thì có thể ngưỡng trông lên. Con đường to thì có thể đi được. Ngựa thuần thục, người đánh xe giỏi giấn thì có thể đi đón rước nàng con gái út để an ủi lòng ta.

Đây gom phần đầu và phần cuối mà nói. Thiên *Biểu lý* ở sách *Lễ ký* chép rằng: Thơ Tiểu nhã có câu: *Cao sơn ngưỡng chí. Cảnh hành tranh chí* (=Núi cao thì để người ta ngưỡng trông. Đường lớn thì để người ta đi). (Nhưng sách *Lễ ký tập thuyết* của Chu Hy giải là: Núi cao thì để người ta ngưỡng trông, Bực có đức hạnh lớn thì được người ta xem như khuôn phép mà noi theo).

Không tử mới khen rằng: Kinh *Thi* chuộng điều nhân nghĩa như thế, cứ hướng tới con đường mà đi, nửa đường kiệt sức mới chịu dừng quên thân mình già, chẳng cần biết số năm mình còn sống là không đủ, cứ cần cù lao nhọc, ngày ngày cố gắng mãi, đến chết mới thôi.

Thiên Xa hát có 5 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 225

CHƯƠNG I

青蠅
營營青蠅
止于樊
豈弟君子
無信讒言

Thanh nhăng (Tang họ 5)

1. Doanh doanh thanh nhăng,
2. Chỉ vu phân.
3. Khải để quân tư
4. Vô tín sàm ngôn.

Dịch nghĩa

1. Ruồi xanh bay nghe âm ỹ.
2. Đậu ở bờ rào.
3. Vua dễ dàng và vui vẻ
4. Chớ nghe lời sàm nịnh.

Dịch thơ

*Ruồi xanh âm ỹ nghe bay
Cá đàn kéo đến đậu ngay bờ rào.
Vua dễ dàng xiết bao vui vẻ
Chớ nghe lời những kẻ gièm pha!*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tỳ. 營營 doanh doanh, tiếng ruồi xanh bay qua bay lại khiến người ta nghe rối lên. 青蠅 thanh nhăng, ruồi xanh, đồ dơ màu trắng thì nó biến ra đen, đồ dơ

màu đen thì nó biến ra trắng. 樊 *phiên* (đọc *phần*) bờ rào.
𡗗 *f-quần tử*, nói thiên tử.

Nhà thơ cho là thiên tử ưa nghe lời sàm nịnh, cho nên lấy tiếng ruồi xanh bay âm ỹ mà ví, để răn thiên tử chớ nghe.

CHƯƠNG II

營營青蠅

5. Doanh doanh thanh nhăng

止于棘

6. Chỉ vu cực,

讒人罔極

7. Sàm nhân vô cực

交亂四國

8. Giao loạn tứ quốc.

Dịch nghĩa

5. Ruồi xanh bay nghe âm ỹ,

6. Đậu ở cây gai.

7. Kẻ sàm loạn thì không cùng không dứt,

8. Làm rối loạn các nước trong bốn phương.

Dịch thơ

Bay nghe âm ỹ ruồi xanh

Trên cây gai đã bủa quanh đậu cùng.

Kẻ sàm nịnh không cùng không dứt,

Làm rối ren các nước bốn phương.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 棘 *cực*, cây gai để làm bờ rào.
極 *cực*, cùng cực.

CHƯƠNG III

營營青蠅

止于榛

讒人罔極

構我二人

9. Doanh doanh thanh nhăng

10. Chỉ vu trần.

11. Sàm nhân vô cực

12. Cấu ngā nhị nhân.

Dịch nghĩa

9. Ruồi xanh bay nghe âm ỹ

10. Đậu ở cây trần.

11. Kẻ sàm nịnh thì không dứt,

12. Làm rối loạn tình nghĩa giữa ta và người nghe theo.

Dịch thơ

Ruồi xanh âm ỹ bay qua

Trên cây trần nọ thấy đã đậu chung.

Kẻ sàm nịnh không cùng mưu hại.

Tôi và người bại hoại cảm tình.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 構 cấu, hợp, làm cho rối loạn.
二人 nhị nhân, hai người, ta và người nghe theo.

Thiên Thanh nhăng có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 226

CHƯƠNG I

賓之初筵
賓之初筵
左右秩秩
籩豆有楚
殽核維旅
酒既和旨
飲酒孔偕
鍾鼓既設
舉醕逸逸
大侯既抗
弓矢斯張
射夫既同
獻爾發功
發彼有的
以祈爾爵

Tân chi sơ diên (Tang hộ 5)

1. Tân chi sơ diên
2. Tả hữu trật trật.
3. Biên đậu hữu sở.
4. Hào hạch duy lữ.
5. Tửu ký hoà chỉ.
6. Âm tửu không giai.
7. Chung cổ ký thiết.
8. Cử thù dật dật.
9. Đại hầu ký kháng.
10. Cung thi tứ trượng.
11. Xạ phu ký đồng.
12. Hiến nhĩ phát công.
13. Phát bí hữu đích.
14. Dĩ kỳ nhĩ tước.

Dịch nghĩa

1. Tân khách bắt đầu ngồi vào tiệc
2. Ở bên phải bên trái đều tề chỉnh trật tự.

3. Những đĩa những thô đều bày thành hàng liệt
4. Món dưa món trái cây cũng dọn ra.
5. Rượu đã điều hoà ngon đẹp.
6. Người uống rượu đều đông như nhau.
7. Chuông trống đã bày phải dờn đi.
8. Bưng chén rượu của chủ rót mời lên cùng qua qua lại
lại mời nhau có trật tự.
9. Cái bia to của vua đã căng lên.
10. Cung tên cũng giương lên.
11. Người bắn cung đã phân từng cặp.
12. Các ngài hãy tâu báo việc thành công bắn trúng
dịch của các ngài.
13. Ta hãy bắn trúng dịch kia,
14. Để dờn chén rượu phạt cho ngài uống vậy.

Dịch thơ

Tân khách bắt đầu vào tiệc dự

Hai bên đều trật tự nghiêm trang.

Đĩa và thố sắp thành hàng.

Những dưa những quả rõ ràng bày ra.

Những thứ rượu điều hoà ngon thật.

Người uống thì lại rất tương đồng.

Trống chuông dờn xuống cho xong.

Trước sau trật tự nâng chung rượu mời.

Cái bia to căng rồi ngay ngắn.

Cung với tên để bắn đều giương.

Mọi người thành cặp sẵn sàng.

Và tâu trúng đích rõ ràng thành công.

Bắn trúng đích ta mong giành lấy,

Rượu phạt đòi ngài phải uống cho.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 初筵 sơ diên, bắt đầu ngồi vào tiệc. 左才 tả hữu, bên phải bên trái của tiệc rượu. 秩秩 trật trật, có trật tự. 楚楚 sở, dáng bày thành hàng liệt. 肴 hào, thức ăn đựng trong thố như dưa muối dưa chua. 核 hạch, thức ăn đựng trong đĩa như trái đào trái mai. 旅 lữ, trần bày ra. 和旨 hoà chỉ, điều hoà ngon lành. 孔 khổng, rất. 饔 giai (đọc kỹ cho hợp vận), đồng đều như một. 設 thiết (đọc thất cho hợp vận) trước đã bày ra, nay phải dời xuống dưới. Người đánh nhạc trước đã treo chuông trống lên rồi hôm sau sắp có lễ đại xạ (sắp cúng tế mà thi bắn) mời dời những chuông trống ấy xuống để tránh chỗ bắn tên. 舉醴 cử thủ, bung chén rượu của chủ rót mời đặt lên trên chiếu. 逸逸 dật dật, qua lại có thứ tự. 大侯 đại hầu, cái bia to để vua bắn, bia của thiên tử bắn thì vẽ con gấu ở phần đất trắng, của chư hầu bắn thì vẽ con my (loài nai to hơn hươu) ở phần đất đỏ, của quan đại phu bắn thì bằng bố vẽ con cọp con beo, của kẻ sĩ bắn thì bằng bố vẽ con hươu con heo. Tám bia của thiên tử bắn thì cao một trượng, chiếm một phần ba ở phía trong. Chỗ đất trắng (phần trắng trên tám bia) có vẽ hình con gấu, còn phía ngoài thì thuộc phần đất đỏ có vẽ hình hơi khí và mây. Phàm bắn tên thì giương tám bia lên mà không cột sợi dây thừng ở phía trái dưới tám bia vào cây trụ, mà cột gút lại ở giữa. Đến khi sắp bắn, quan tư mã ra lệnh giương tám bia, các con em mới mở gút ra và căng sợi dây thừng ở phía trái, dưới tám bia cột vào cây trụ. Tám bia của thiên tử giương lên thì cung tên cũng giương theo 射夫既同 xạ phu ký đồng, người bắn tên đã sánh bạn với nhau. Theo phép bắn, vua chọn bề tôi phân ra 3

ngẫu (cặp). Những người bắn tên, ngoài số 3 ngẫu ấy ra, tự lựa đồng bạn của mình, gọi là chúng ngẫu. 獻 *hiến*, tân báo. 發 *phát*, bắn tên. 的 *đích*, cái bia hứng tên. 祈 *kỳ*, cầu, tìm. 爵 *tước*, chén rượu. Người bắn trật phải uống chén rượu đầy.

Vệ Vũ công uống rượu, hối lỗi mà làm bài thơ này.

Chương này nói nhân có cuộc thi bắn mà có yến tiệc. Lễ nghi của bữa tiệc khởi đầu dồi dào, rượu đã điều hoà rất ngon, người uống thì đồng đều như một. Đến việc chuông trống được dời đi, bưng chén rượu của chủ mời lên, căng cái bia và giương cung tên ra những cặp tay bắn thi nhau bắn, mỗi người đều ra sức tranh đua quyết thắng để mình đòi chén rượu phạt cho người.

CHƯƠNG II

簫舞笙鼓

樂既和奏

烝衍烈祖

以洽百禮

百禮既至

有壬有林

錫爾純嘏

子孫其湛

其湛曰樂

各奏爾能

賓載手仇

室人人又

15. Duyệt vũ sênh cổ.

16. Nhạc ký hoà tấu.

17. Chưng khán liệt tổ,

18. Dĩ hạp bách lễ.

19. Bách lễ ký chi,

20. Hữu nhân hữu lâm,

21. Tích nhĩ thuần giá.

22. Tử tôn kỳ đàm,

23. Kỳ đàm viết lục.

24. Các tấu nhĩ năng.

25. Tân tái thủ cầu.

26. Thất nhân nhập du (hựu),

酌彼康爵
以奏爾時

27. Chúc bửu khang tước

28. Dĩ tấu nhĩ thi.

Dịch nghĩa

15. Cầm ống sáo mà nhẩy múa, có tiếng sênh tiếng trống phụ hoạ theo.

16. Nhạc đã hoà điệu tấu lên.

17. Tiến dâng nổi vui mừng ấy lên tổ tiên có công nghiệp hiển hách.

18. Để hợp với trăm thứ lễ nghi mà cúng tế.

19. Trăm thứ lễ nghi đã thi hành rất đầy đủ.

20. Đã to tát, đã dồi dào.

21. Thì tổ tiên sẽ ban cho người những phúc lộc hoàn toàn đẹp.

22. Con cháu sẽ được yên vui.

23. Cái yên vui ấy rằng thật là vui thích.

24. Con cháu mỗi người đều rót rượu dâng lên xác thân.

25. Tân khách thì thân tự lấy tay rót rượu,

26. Những người hầu tiệc bước vào.

27. Lại rót chén rượu bổ dưỡng kia

28. Để dâng cúng đúng lễ tế theo mùa.

Dịch thơ

Cầm sáo múa, trống sênh phụ hoạ,

Nhạc điệu êm bổng đã tấu liền.

Nổi vui dâng cúng tổ tiên.

Hợp cùng trăm lễ tế lên tận tình.

Trăm thứ lễ thi hành đủ cả,

Vừa lớn to lại quá dồi dào.
 Tốt lành phúc lộc ban trao,
 Đề cho con cháu về sau vui lành.
 Nổi yên vui thật tình thích thú.
 Con cháu đều rót rượu dâng ngay.
 Khách thì rót lấy tận tay.
 Những người hầu tiệc đông thay tiến vào,
 Lại lấy chén rót mau rượu bỏ,
 Tế theo mùa đầy đủ tiến dâng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 籥舞 được vũ tức là 文舞 văn vũ (múa điệu văn), cầm ống sáo mà múa. 烝 *chưng*, tiến. 衍 *khán*, vui. 烈 *liệt*, công nghiệp. 洽 *hạp*, hợp. 白禮 *bách lễ*, trăm lễ, ý nói nhiều, đầy đủ. 千 *nhâm*, to lớn. 林 *lâm*, thịnh, dồi dào. Nói nghi lễ dồi dào to tát. 錫 *tích*, thần thánh ban cho. 爾 *nhĩ*, người đứng chủ tế. 嘏 *giá*, phúc. 湛 *đam* (đọc *trâm* cho hợp vận), vui. 各奏爾能 *các tấu nhĩ năng* (đọc *nâm* cho hợp vận), nói con cháu mỗi người đều rót rượu dâng lên xác thần, xác thần rót rượu đáp lại mà cạn chén. 汎 *câu*, rót rượu vào chén. 室人 *thất nhân*, người có phận sự làm việc trong nhà, nói người hầu tiệc. 又 *hựu* (đọc *du* hay *di*) lại một lần nữa. Người khách thì tay rót rượu, người hầu tiệc lại rót nữa để mời rượu thêm. 康 *khang*, an. Rượu uống vào để thân thể được an vui. Hoặc nói rằng *khang* 康 đọc ra 抗 *kháng*. Thiên Minh đường vì ở sách *Lễ ký* có câu nói: *Sùng diêm kháng khuê* (đắp cái bệ đất cao mà để ngọc khuê, một lễ khí quý

trọng cho vững vàng). Đây cũng nói những chén rượu để trên cái bệ đất. 𠂔₁ *thì* (đọc *thù*) là những vật có theo mùa.

Đây nói nhân buổi cúng tế mà uống rượu. Lúc mới đầu lễ nhạc còn dồi dào như thế.

CHƯƠNG III

賓之初筵

29. Tân chi sơ diên

溫溫其恭

30. Ôn ôn kỳ cung

其未醉止

31. Kỳ vị túy chỉ,

威儀反反

32. Uy nghi phiên phiên

曰既醉止

33. Viêt ký túy chỉ.

威儀幡幡

34. Uy nghi phan phan.

舍其坐遷

35. Xả kỳ toạ thiên,

屢舞僊僊

36. Lũ vũ tiên tiên,

其未醉止

37. Kỳ vị túy chỉ,

威儀抑抑

38. Uy nghi ức ức

曰既醉止

39. Viêt ký túy chỉ,

威儀忼忼

40. Uy nghi bát bát,

是曰既醉

41. Thị viêt ký túy,

不知其秩

42. Bất tri kỳ trật.

Dịch nghĩa

29. Tân khách lúc mới vào tiệc

30. Thì ôn hòa cung kính.

31. Lúc chưa say.
32. Uy nghi còn giữ gìn theo lễ phép.
33. Nói đã đến lúc say rồi,
34. Thì uy nghi khinh suất.
35. Bỏ chỗ mình ngồi mà dời sang chỗ khác,
36. Cứ nhảy múa ngất ngưỡng.
37. Khi chưa say,
38. Thì uy nghi thận trọng kín đáo.
39. Nói đã đến lúc say rồi,
40. Thì uy nghi lớn dể.
41. Ấy là nói lúc đã say
42. Thì không còn nghi lễ bình thường nữa.

Dịch thơ

*Tân khách bắt đầu vào dự tiệc,
Cung kính thay chỉ xiết ôn hoà!
Lúc chưa say rượu ngà ngà
Đúng theo lễ phép thật là uy nghi.
Và đến lúc li bì say thật,
Vẻ uy nghi khinh suất rõ ràng.
Chỗ ngồi cứ bỏ dời sang,
Múa quanh ngất ngưỡng ngang tàng kẻ chi.
Lúc chưa say những khi tỉnh táo.
Thời uy nghi kín đáo nghiêm trang.
Đến khi say đã tàng tàng,
Uy nghi lớn dể rõ ràng lộ ngay.*

Là nói lúc đã say đắm đến.

Thì không còn nghi lễ bình thường.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 反反 *phán phán* (đọc *phiên phiên*), đoái trông đến lễ nghi. 幡幡 *phan phan* (đọc *phiên phiên*), nhiều lần khinh suất. 遷 *thiên*, dời. 屢 *lũ*, nhiều lần. 僊僊 *tiên tiên*, ngất ngưỡng cất cao lên. 抑抑 *ức ức*, thận trọng kín đáo. 怩怩 *bật bật*, lớn dẽ, không trang trọng. 秩 *trật*, thường, bình thường.

Đây nói người uống rượu thường thường bắt đầu thì trật tự nghiêm trang, rồi cuối cùng thì say sưa hỗn dộn.

CHƯƠNG IV

賓既醉止

43. Tân ký túy chỉ,

載號載嘯

44. Tái hào tái nao,

亂我籩豆

45. Loạn ngã biên đậu,

屢舞僊僊

46. Lũ vũ khi khi.

是日既醉

47. Thệ viết ký túy,

不知其郵

48. Bất tri kỳ bưu;

側弁之俄

49. Trắc biên chi nga,

屢舞僊僊

50. Lũ vũ ta ta.

既醉而出

51. Ký túy nhi xuất,

並受其福

52. Tịch thú ký phúc.

醉而不出

53. Tụy nhi bất xuất,

是謂伐德
飲酒孔嘉
維其令儀

54. Thì vị phật đức.
55. Âm tửu không gia,
56. Duy kỳ linh nghi.

Dịch nghĩa

43. Tân khách đã say
44. Thì kêu thét om xòm.
45. Làm lộn xộn cả đĩa bát của ta,
46. Cứ nhảy múa ngã nghiêng.
47. Ấy là nói lúc đã say,
48. Thì không còn biết lỗi mình nữa.
49. Đội mũ nghiêng nghiêng.
50. Cứ nhảy múa mãi không thôi.
51. Tân khách khi đã say mà đi ra,
52. Thì chủ và khách cùng nhận được phúc cả.
53. Say sưa mà không tách đi ra
54. Thì gọi là tổn hại đức hạnh.
55. Uống rượu mà được rất tốt lành.
56. Chỉ vì có uy nghi đẹp đẽ.

Dịch thơ

*Khi tân khách đã say rượu hết,
Thì cùng nhau la thét kêu vang.
Bao nhiêu đĩa bát ngổn ngang,
Ngã nghiêng nhảy múa ngang tàng xá chi.
Ấy là nói đến khi say thiệt,
Thì không còn hiểu biết lỗi mình,*

Trên đầu đội mũ chinh chinh,
 Nhảy quanh quơ múa mặc tình chẳng thôi,
 Khi tân khách say rồi trở bước.
 Chủ khách đều nhận được phúc lành.
 Say mà không bước ra nhanh,
 Bao nhiêu đức tốt phải đành tổn thương.
 Uống rượu mà vẫn thường đẹp dễ.
 Vì uy nghi đầy vẻ đẹp xinh.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 號 hào, kêu. 叟 nao, nói om xòm.
 儻儻 khi khi, dáng nghiêm ngẽ. 郵 bưu (đọc vi cho hợp vận)
 đồng với chữ 尤 ưu, tội lỗi. 側 trắc, nghiêng. 俄 nga, dáng
 nghiêng. 傞傞 ta ta, không thôi, không dứt. 出 xuất, đi ra.
 伐 phạt, hại. 夙 khố, rất. 令 lệnh, tốt lành.

Chương này nói rất tận tường trạng mạo của người say.
 Nhân nói tân khách đã say mà đi ra thì sẽ cùng chủ nhân
 giữ được tiếng tốt. Say sưa đến như thế thì tổn hại đức hạnh.
 Uống rượu mà sở dĩ được rất tốt lành là vì người uống có uy
 nghi đẹp dễ. Nay uống rượu như thế thì không còn uy nghi gì
 cả.

CHƯƠNG V

凡此飲酒
 或醉或否
 既立之監

57. Phàm thử ẩm tửu
 58. Hoặc túy hoặc phủ.
 59. Ký lập chi giám

或佐之史
彼醉不臧
不醉反恥
式勿從謂
無俾大怠
匪言勿言
匪由勿語
由醉之言
俾出童羖
三爵不識
矧敢多又

60. Hoặc tá chi sử.
61. Bĩ túy bất tương,
62. Bất túy phản sỉ.
63. Thức vật tùng vị
64. Vô tý thái dãi.
65. Phĩ ngôn vật ngôn.
66. Phĩ do vật ngữ.
67. Do túy chi ngôn
68. Tý xuất đồng cổ.
69. Tam tước bất chí,
70. Thẩn cảm đa hựu?

Dịch nghĩa

57. Phàm khi uống rượu
58. Thì có người say, có người không say.
59. Cho nên đã lập ra chức giám
60. Và chức sử để phụ giúp.
61. Kẻ kia đã say thì làm lảm việc không tốt lành,
62. Thì người chưa say trái lại phải thẹn giữm.
63. Hãy chớ theo mà nói gì với kẻ say cả.
64. Để khiến kẻ say ấy chớ quá khinh lờn xằng bậy.
65. Những việc không đáng nói thì chớ nói.
66. Việc không đáng theo thì chớ bàn.
67. Lúc say sưa mà nói xằng.
68. Thì khiến người phải mang ra con dê đen không
sừng để nộp phạt.

69. Người uống ba chén rượu thì đã hôn mê không
không ghi nhớ được gì.

70. Phương chỉ lại dám uống nhiều hơn nữa hay sao?

Dịch thơ

Những thứ rượu phàm khi uống lấy.

Có người say, kẻ lại không say,

Cho nên chúc giám được bày,

Có thêm chúc sử để hay phụ vào.

Làm việc xấu, kẻ nào say thật.

Người chưa say thấy rất then thùng.

Chớ nên bày giải nói cùng

Khiến cho chớ quá buông lung làm xằng,

Chẳng nên nói thì đừng có nói.

Chẳng đáng theo chớ vội luận bàn.

Lúc say mà cứ nói càn,

Đòi dè nộp phạt để răn từ rày.

Uống ba chén thì say quên mất,

Huống dám còn uống thật nhiều sao?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 監 *giám*, 史 *sử*, đều thuộc quan
tư chính, người xem xét lễ nghi coi chừng khách uống quá
say mà thất lễ. Những buổi yến tiệc trong lễ hương xạ (thi
bắn trong châu) sợ có người say sưa mệt mỏi mà thất lễ, mới

lập ra quan tư chính để coi chừng, xem xét lễ nghi pháp độ. 謂 *vi*, cáo cho biết. 由 *do*, theo. 童叟 *đồng cổ*, dê đực lông đen không có sừng, ất là không có con vật ấy. 識 *chí*, ghi.

Nói người uống rượu có kẻ say, có kẻ không say, cho nên lập ra chức giám và chức sử phụ giúp, khi kẻ kia đã say không tự biết những việc không tốt lành của mình đã làm, thì khiến người chưa say trái lại thấy xấu hổ then giùm. Làm sao đi theo kẻ say mà nói bảo cho hiểu biết để khiến kẻ say ấy chớ đến mức quá khinh lờn cần bậy được? Có bảo cho thì lời nói như thế này: Việc gì không đáng nói thì chớ nói, việc gì không đáng theo thì chớ bàn. Say sưa mà nói xằng thì người sẽ bị phạt, phải mang ra con dê đen không sừng. Bịa ra nói như thế, chớ không có con dê đen mà không sừng bao giờ, để làm cho kẻ say phải khiếp sợ. Người uống đến ba chén thì đã hôn mê không còn ghi nhớ được việc gì, huống chi lại dám uống nhiều nữa hay sao? Lại dặn dò để khuyên răn.

Thiên Tân chi sơ điển có 5 chương, mỗi chương 14 câu.

Bài tự của Mao công nói rằng: Đây là bài thơ của Vệ Vũ công châm biếm U vương, còn bài tự của Hàn thị nói rằng: Đó là bài thơ của Vệ Vũ công uống rượu mà hối lỗi.

Nay xét theo ý của bài thơ này với của bài ỨC trong phần thơ Đại nhã giống nhau, thì việc Vệ Vũ công tự cải hối mà làm ra phải theo ý nghĩa bài tự của Hàn thị.

BÀI THỨ 227

CHƯƠNG I

魚藻

魚在在藻

有頌其首

Ngư tảo (Tang hộ 7)

1. Ngư tại tại tảo

2. Hữu phần kỳ thủ.

王在在鰓
豈樂飲酒

3. Vương tại tại Hạo

4. Khải lạc ẩm tửu.

Dịch nghĩa

1. Con cá ở trong rong tảo
2. Có cái đầu to
3. Thiên tử ở Hạo kinh.
4. Đang vui vẻ uống rượu.

Dịch thơ

Giữa rong con cá ở vào

Rõ ràng nó có cái đầu to thay!

Ở Hạo kinh bấy nay thiên tử

Đang yên vui hơn hở nhậu chơi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 藻 tảo, rong tảo, loại cỏ râu mọc trong nước. 頒 phần, đáng đầu to. 豈 khải, cũng là vui.

Đây là bài thơ của chư hầu khen tặng thiên tử khi được thiên tử thết đãi yến tiệc.

Nói con cá ở đâu? Con cá ở trong rong tảo có cái đầu to ra đấy. Còn thiên tử ở đâu? Thiên tử ở Hạo kinh đang vui vẻ uống rượu.

CHƯƠNG II

魚在在藻
有莘其尾

5. Ngư tại tại tảo

6. Hữu sần kỳ vĩ.

王在在鎬
飲酒樂豈

7. Vương tại tại Hạo

8. Âm tửu lạc khải.

Dịch nghĩa

5. Con cá ở trong rảo-tảo
6. Có cái đuôi dài.
7. Thiên tử ở Hạo kinh
8. Đang uống rượu vui vẻ.

Dịch thơ

*Có con cá ở trong rong
Đuôi dài tha thướt thung dung rõ ràng.
Chốn Hạo kinh vua đang ở đấy,
Vui vẻ thay nhấp lấy rượu vào.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 莘 sần, dài.

CHƯƠNG III

魚在在藻
依于其蒲
王在在鎬
有那其居

9. Ngư tại tại tảo

10. Y vu kỳ bồ.

11. Vương tại tại Hạo

12. Hữu na kỳ cư.

9. Con cá ở trong rong tảo
10. Tựa vào cây lác.
11. Thiên tử ở Hạo kinh
12. Đang ở yên ổn nơi ấy.

Dịch thơ

*Cá kia ở dưới đám rong
Tựa vào cây lác để dung thân hình.
Thiên tử nơi Hạo kinh hiện ngự
Giữa chốn kia ngài cứ yên vui.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc búng. 那 na, yên. 居 cư, ở.
Thiên Ngự tảo có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 228

CHƯƠNG I

采菽

Thái Thúc (Tang hộ 8)

采菽采菽

1. Thái thúc, thái thúc,

筐之莛之

2. Khuông chi cử ehì,

君子來朝

3. Quân tử lai triều.

何錫予之

4. Hà tích dữ chi?

雖無予之

5. Tuy vô dữ chi?

路車乘馬
又何予之
玄袞及黼

6. Lộ xa thặng mã. ,
7. Hựu hà dư chi?
8. Huyền cốn cập phủ.

Dịch nghĩa

1. Hái đậu, hái đậu
2. Thì lấy giỏ vuông giỏ tròn mà đựng.
3. Chư hầu đến châu,
4. (Thiên tử) phải lấy gì mà ban cho?
5. Tuy không có gì đáng cho cả,
6. Chỉ có xe và bốn ngựa.
7. (Thiên tử) lại lấy gì mà ban cho nữa?
8. Chỉ có áo cốn đen và quần phủ (thêu hình cái búa).

Dịch thơ

*Đi hái đậu thì lo đi hái,
Giỏ vuông tròn cứ lấy đựng vào.
Những trang quân tử đến châu,
Lấy gì xứng đáng nhất hầu ban ra?
Của đáng quý tuy là không có,
Bốn ngựa và chiếc lộ xa thôi.
Ban gì thêm nữa cho người?
Cốn đen quần phủ kia thời tặng luôn.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hững. 菽 *thúc*, thứ đậu to. 君子 *quân tử*, chỉ chư hầu. 路車 *lộ xa*, xe kim lộ để ban cho chư hầu cùng một họ. (Thiên tử có 5 thứ xe: 1 ngọc lộ. 2 kim lộ. 3 tương lộ.. 4 cách lộ. 5 mộc lộ). Còn tương lộ thì để ban cho chư hầu khác họ. 玄衮 *huyền cốn*, áo bào đen có thêu con rồng uốn khúc. 黼 *phủ*, như hình cái búa thêu ở quần (thêu màu đen và trắng như hình cái búa đen có lưỡi mài sáng trắng). Theo chế độ nhà Chu, bậc công thì có cốn miện (áo thêu rồng và mũ) 9 thứ (5 thứ thêu ở áo và 4 thứ thêu ở quần) đã thấy ở thiên Cửu vực (Bản phong, bài thứ 159); bậc hầu bá thì có tệ miện (áo thêu chim trĩ và mũ) 7 thứ (3 thứ thêu ở áo và 4 thứ thêu ở quần) thì từ hoa trùng (chim trĩ) trở xuống; bậc tử, nam có xuế miện (áo thêu cọp, khỉ và mũ) 5 thứ (3 thứ thêu ở áo và 2 thứ thêu ở quần) áo từ tông di (cọp, khỉ) trở xuống, còn quần thì phủ phát (thêu hình cái búa màu đen trắng và thêu hình hai chữ 已 *đĩ* đối ngược nhau); bậc công khanh thì có si miện (áo gai mịn và mũ) 3 thứ, áo phân mễ (thêu hình phấn và gạo) mà quần phủ phát; bậc đại phu thì có huyền miện, tất là áo đen quần phát (quần thêu hai chữ 已 *đĩ*, đối ngược nhau) mà thôi.

Đây là bài thơ của thiên tử đáp lại bài *Ngư tảo*.

Hái đậu, hái đậu thì lấy cái giỏ vuông cái giỏ tròn mà đựng. Chư hầu đến chầu thì thiên tử ắt có những món gì để ban cho. Lại nói nay tuy không có gì để ban cho, mà chỉ có xe bốn ngựa, áo cốn đen và quần phủ để cho mà thôi. Nói như thế là tỏ lòng ưa mến chư hầu lắm, của ban cho như vậy mà ý vẫn cho là không trọng hậu.

CHƯƠNG III

觥 沸 檻 泉 ,

9. Tất phát hạm tuyên,

ban cho. Lại nói nay tuy không có gì để ban cho, mà chỉ có xe bốn ngựa, áo cồn đen và quần phủ để cho mà thôi. Nói như thế là tỏ lòng ưa mến chư hầu lắm, của ban cho như vậy mà ý vẫn cho là không trọng hậu.

CHƯƠNG III

腎沸檻泉

9. Tất phát hạm tuyến,

言采其芹

10. Ngôn thái kỳ cần,

君子來朝

11. Quân tử lai triều,

言觀其旂

12. Ngôn quan kỳ kỳ.

其旂淠淠

13. Kỳ kỳ tỷ tỷ,

鸞聲嘒嘒

14. Loan thanh huế huế,

載驂載駟

15. Tái sam tái tứ,

君子所屈

16. Quân tử sở giới.

Dịch nghĩa

9. Nước suối phun lên chảy ra ào ào

10. Nói là đến đây để hái rau cần.

11. Chư hầu đến châu,

12. Nói là đã thấy cờ ở phía xa xa,

13. Lá cờ phát phối lay động.

14. Tiếng chuông nghe nao nức,

15. Có xe ba ngựa xe bốn ngựa,

16. Ấy là chư hầu đã đến nơi.

Dịch thơ

Phun ào ào chảy tuôn nước suối,

Hái rau cần là nói đến nơi.
 Châu vua, quân tử đến rồi,
 Bóng cờ tháp thoáng tuyệt vời đã trông.
 Cờ phát phối uy hùng lay động,
 Tiếng chuông khua lỏng lộng nghe vang,
 Xe ba, bốn ngựa rộn ràng.
 Chư hầu nay đã huy hoàng đến nơi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc húng. 沸 *tất phát*, dâng nước sôi chảy ra. 櫟泉 *hạm tuyến* (đọc *tuần* cho hợp vận) sôi từ dưới đất phun thẳng lên. 芹 cần, rau cần mọc dưới nước, ăn được. 漚漚 *tỷ tỷ*, dâng lay động. 曄曄 *hué, hué*, tiếng kêu. 屆 *giới* (đọc *ký*), đến.

Nước sôi từ dưới đất phun lên chảy ra, nói đến nơi ấy để hái rau cần. Chư hầu đến châu, nói là đã thấy cờ của chư hầu ở phía xa. Thấy được cờ, nghe được tiếng chuông khua, lại thấy được ngựa thì biết là chư hầu đã đến đây rồi.

Chú giải của Chu Hy

旂 kỳ, thứ cờ có thêu rồng và có gắn chuông.

CHƯƠNG III

- | | |
|-------|-----------------------|
| 赤芾在股， | 17. Xích phát tại cổ, |
| 邪幅在下。 | 18. Tà bức tại hạ. |
| 彼交匪紆， | 19. Bỉ giao phỉ thư. |

Xe ba, bốn ngựa rộn ràng.

Chư hầu nay đã huy hoàng đến nơi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 霽沸 *tất phát*, dâng nước suối chảy ra. 灋泉 *hạam tuyến* (đọc *tuần* cho hợp vận) suối từ dưới đất phun thẳng lên. 芹 cần, rau cần mọc dưới nước, ăn được. 淠淠 *tỷ tỷ*, dáng lay động. 嘒嘒 *huế, huế*, tiếng kêu. 屆 *giới* (đọc *ky*), đến.

Nước suối từ dưới đất phun lên chảy ra, nói đến nơi ấy để hái rau cần. Chư hầu đến chầu, nói là đã thấy cờ của chư hầu ở phía xa. Thấy được cờ, nghe được tiếng chuông khua, lại thấy được ngựa thì biết là chư hầu đã đến đây rồi.

Chú giải của Chu Hy

旂 kỳ, thứ cờ có thêu rồng và có gắn chuông.

CHƯƠNG III

赤芾在股

17. Xích phát tại cổ,

邪幅在下

18. Tà bức tại hạ.

彼交匪紓

19. Bì giao phi thư.

天子所予

20. Thiên tử sở dữ.

樂只君子

21. Lạc chỉ quân tử!

天子命之

22. Thiên tử mệnh chi.

樂只君子

23. Lạc chỉ quân tử!

福祿申之

24. Phúc lộc thân chi.

Dịch nghĩa

17. Chư hầu mặc phát đồ ở bắp vế,
18. Phía dưới bắp vế có quần xà cạp.
19. Trong cuộc giao tế, chư hầu ấy chẳng dám chậm chạp khinh lờn.
20. Cho nên được thiên tử ban cho (xe ngựa, quần áo).
21. Vui thay chư hầu ấy!
22. Được thiên tử khiến đem phẩm vật ban cho.
23. Vui thay những chư hầu ấy!
24. Được ban thêm cho nhiều phúc lộc.

Dịch thơ

*Ở bắp vế, phát thì màu đỏ,
Bắp chuôi đều được bó sát vào.
Chẳng hề chậm chạp tiếp giao,
Cho nên thiên tử tặng trao đủ đầy.
Thì rõ thật vui thay quân tử!
Vua sai đem các thứ thưởng ban
Chư hầu chi tiết hân hoan
Thêm nhiều phúc lộc sống an cuộc đời.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 股 cổ, bắp vế, phần phía trên ống chân gọi cổ. 邪幅 tà bức, miếng xà cạp quần xéo xéo ở ống chân, như nay là miếng hành đăng (xà cạp) để quần ống chân dưới bắp vế. 交 giao, giao tế giao thiệp với nhau. 紓 thư (đọc thư cho hợp vận trắc), hoãn chậm.

Chư hầu mặc phất, quần sát ống chân để triều kiến thiên tử. cung kính tề chỉnh gọn gàng, không dám chậm chạp thì được thiên tử ban cho xe ngựa. y phục và được thiên tử ban thêm cho phúc lộc.

CHƯƠNG V

- | | |
|-------|-----------------------------|
| 維柞之枝 | 25. Duy tạc chi chi |
| 其葉蓬蓬 | 26. Kỳ diệp bông bông. |
| 樂只君子 | 27. Lạc chỉ quân tử! |
| 殿天子之邦 | 28. Điện thiên tử chi bang. |
| 樂只君子 | 29. Lạc chỉ quân tử! |
| 萬福攸同 | 30. Vạn phúc du đồng. |
| 平平左右 | 31. Biền biền tả hữu |
| 亦是率從 | 32. Diệc thị suất tùng. |

Dịch nghĩa

25. Chỉ có cành cây tạc
26. Thì lá tươi tốt rườm rà.
27. Vui thay chư hầu ấy!
28. Đã trấn giữ được đất nước của thiên tử.
29. Vui thay chư hầu ấy!
30. Được muôn điều phúc lộc kết tụ vào.
31. Những bề tôi đứng đắn của chư hầu
32. Cũng được đi theo mà đến đây.

Dịch thơ

Nay chỉ thấy ở cành cây tạc,

Là rườm rà dây đặc tươi xanh.

Chư hầu vui vẻ thích tình

Nước nhà thiên tử an ninh trấn phòng.

Chư hầu ấy lòng chi xiết!

Muôn phúc như đã kết tụ vào.

Tôi trung trực của chư hầu

Được đi theo để cúng vào đến đây.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 柞 *lạ*, cây lịch (xem lại thiên Xa hạt bài thứ 224). 蓬蓬 *bồng bông*, dáng rườm rà. 殿 *điền*, trấn áp. 平平 *biển biển*, được sửa trị đứng đắn. 左右 *tả hữu*, các bề tôi của chư hầu. 率 *suất*, đi theo.

Chỉ có cây tạc thì lá tươi tốt rườm rà. Vui thay những chư hầu ấy đã trấn áp được đất nước của thiên tử, để muôn điều phúc lộc kết tụ vào! Lại nói các bề tôi ở hai bên của chư hầu cũng noi theo mà đến đấy.

CHƯƠNG V

汎汎楊舟

33. Phiếm phiếm dương chu

緇纒維之

34. Phát lê duy chi.

樂只君子

35. Lạc chỉ quân tử!

天子葵之

36. Thiên tử quỳ chi.

樂只君子

37. Lạc chỉ quân tử!

福祿膺之

38. Phúc lộc tỳ chi.

優哉游哉
亦是戾矣

39. Ưu tai du tai!

40. Diệc thị lệ hĩ.

Dịch nghĩa

33. Chiếc thuyền bằng gỗ-cây dương bình bông
34. Phải lấy dây dõm mà cột giữ lại.
35. Vui thay chư hầu ấy!
36. Được thiên tử độ biết tài năng công đức.
37. Vui thay những chư hầu ấy!
38. Được ban cho phúc lộc trọng hậu.
39. Chư hầu ấy thung dung nhàn nhã thay!
40. Đến như thế ấy.

Dịch thơ

*Thuyền gỗ dương bình bông trôi nổi,
Thì phải dùng dây dõm buộc vào.
Vui thay những bậc chư hầu!
Được vua độ biết tài cao đủ đầy.
Và rõ thật vui thay quân tử!
Phúc lộc vua ân từ dồi dào.
Thung dung nhàn nhã chư hầu
Đến như thế ấy xiết bao yên lành!*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 紉 phát, sợi dây dõm to. 纜 lệ, 維 duy, đều là cột. Nói lấy dây dõm to mà cột thuyền, 葵 quy,

đo, đo lường mà biết, 脛 tỳ, trọng hậu, 戾 lệ (đọc ly cho hợp vận), đến.

Chiếc thuyền bằng gỗ cây dương bình bông lênh dênh thì phải lấy dây dõn mà cột lại. Vui thay những chư hầu ấy được thiên tử độ biết tài năng! Phúc lộc ắt được ban cho trọng hậu, cho nên mới than khen chư hầu được được thung dung đến như thế ấy.

優游 *ưu du*, thung dung nhàn hạ.

Thiên Thái thúc có 5 chương, mỗi chương 8 câu.

BÀI THỨ 229

CHƯƠNG I

角弓

Giác cung (Tang hộ 9)

騂騂角弓

1. Tinh tinh giác cung

翩其反矣

2. Phiên kỳ phiên (phản) hĩ.

兄弟昏姻

3. Huynh đệ hôn nhân

無胥遠矣

4. Vô tư viễn hĩ.

Dịch nghĩa

1. Cây cung sừng điều hoà
2. Đã bật trở ra.
3. Anh em thân thích bên nội bên ngoại
4. Chớ xa lạ với nhau.

Dịch thơ

Cây cung sừng thật điều hoà

Hai đầu đã thấy bật ra kia rồi.

Anh em nội ngoại những người

Chớ nên hờ hững cách vời xa nhau.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 駢駢 *trình trình*, dáng đều đặn của cây cung. 角弓 *giác cung*, cây cung được trang sức bằng sừng. 翻 *phiên*, dáng bưng trở lại, bật trở lại. Cây cung là một vật hể giương lên thì hai đầu cung hướng vào trong mà tiến đến gần nhau, hể buông thả thì hai đầu cung bật ra ngoài mà tách xa nhau, cũng như cái ý thân gần, xa lạ giữa anh em bên nội bên ngoại, hể thân gần thì họ tụ đến, còn xa lạ thì họ bỏ đi. 胥 *tư*, lẫn nhau.

Đây là bài thơ châm biếm vua không thân cứu tộc (ông sơ, ông cố, ông nội, cha, mình, con, cháu, chất, chít) mà lại ưa kẻ sàm nịnh, khiến thân tộc oán trách.

Nói cây cung sừng điều hoà đã bật trở ra. Anh em bên nội bên ngoại, há lại có thể xa lạ được hay sao?

CHƯƠNG II

爾之遠矣

5. Nhĩ chi viễn hĩ,

民胥然矣

6. Dân tư nhiên hĩ.

爾之教矣

7. Nhĩ chi giáo hĩ,

民胥倣矣

8. Dân tư hiệu hĩ.

Dịch nghĩa

5. Ngài xa lạ họ hàng thân thích,

6. Thì dân chúng đều làm như thế ấy.

7. Ngài dạy bảo như thế nào;
8. Thì dân chúng đều bắt chước theo vậy.

Dịch thơ

Ngài xa lạ những họ hàng,
Dân đều làm thế rõ ràng khác chi.
Ngài mà dạy bảo những gì.
Dân đều bắt chước tức thì làm theo.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 爾 *nhĩ*, ngài, chỉ vua. Bề trên làm những gì, thì kẻ dưới bắt chước theo còn hơn nữa.

CHƯƠNG III

- | | |
|------|-----------------------|
| 此令兄弟 | 9. Thử lệnh huynh đệ |
| 綽綽有裕 | 10. Xước xước hữu dư |
| 不令兄弟 | 11. Bất lệnh huynh đệ |
| 交相爲瘡 | 12. Giao tương vi dũ. |

Dịch nghĩa

9. Những anh em tốt này,
10. Thì tình nghĩa vẫn rộng rãi dồi dào.
11. Còn những anh em không tốt kia,
12. Sẽ làm hại lẫn nhau (vì sự giáo hoá không tốt của vua, vua ưa kẻ sàm nịnh).

Dịch thơ

Anh em này rất tốt lành,
Đủ đầy rộng rãi nghĩa tình xiết bao!
Anh em chẳng tốt tí nào
Sẽ cùng làm hại lẫn nhau tức thì.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 令 *lệnh*, tốt lành. 綽 *xước*, rộng. 裕 *du* (có thể đọc *dự*, *dữ*), nhiều. 疇 *dù* (có thể đọc *dự* *dữ*), bình.

Nói tuy sự giáo hoá của vua không được tốt, mà những anh em tốt này thì tình nghĩa vẫn rộng rãi dồi dào không biến đổi. Còn những anh em không tốt kia thì do sự giáo hoá không được tốt ấy của vua, mà làm hại lẫn nhau. Đó là chỉ những đứa sàm nịnh mình mà nói.

CHƯƠNG IV

民之無良

13. Dân chi vô lương

相怨一方

14. Tương oán nhất phương.

受爵不讓

15. Thụ tước bất nhượng

至於已斯亡

16. Chí vu dĩ tư vong.

Dịch nghĩa

13. Dân chúng mà không lương thiện

14. Thì mỗi người giữ một phương mà oán trách chống đối nhau.

15. Giành lấy tước vị mà không biết nhường nhau,

16. Thì chỉ đến cảnh nguy vong mà thôi.

Dịch thơ

Nhân dân mà chẳng thiện lương

Oán hờn riêng giữ một phương chống kình.

Chẳng nhường tước vị tranh giành,

Nguy vong ắt sẽ rành rành đến ngay.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 一方 nhất phương, ở một phương kia. Hờn oán nhau thì mỗi người giữ một phương mà chống đối. Nếu mình lấy cái lòng oán trách người để oán trách mình, và lấy cái bụng thương mình mà thương người, khiến giữa người kia và ta được thấy rõ nhau không có che giấu điều gì, thì há lại cho có điều oán trách nữa hay sao?

Huống chi anh em mà oán trách nhau, gièm pha lẫn nhau để giành tước vị mà không biết nhường nhịn nhau, thì rốt cuộc cũng phải nguy vong mà thôi.

CHƯƠNG V

老馬反爲駒

17. Lão mã phản vi câu.

不顧其後

18. Bất cố kỳ hậu.

如食宜鯁

19. Như tự nghị ứ,

如酌孔取

20. Như chước khổng thủ.

Dịch nghĩa

17. Ngựa già mà trái lại tự cho mình là ngựa tơ,

18. Không đoái nghĩ đến mai hậu (sẽ không đảm nhiệm nổi).

19. Như cho ăn nhiều rồi thì phải no,

20. Như rót rượu cho uống đã quá chén.

Dịch thơ

Ngựa già tự nhận là tơ,

Lại không nghĩ việc đáng lo sau này.

Ăn nhiều thì phải no dai.

Rót nhiều quá chén phải say đậm đà.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tử. 匱 ứ, no. 孔 không, rất

Nói người ta chỉ biết gièm pha hãm hại người để giành tước vị mà không biết mình thiếu tài cán, không đảm nhiệm rồi. Như con ngựa già suy nhược nổi, mà trái lại tự cho mình là như con ngựa tơ, không đoái tưởng đến tương lai sẽ có điều lo ngại đảm nhiệm không nổi. Lại như cho ăn đã nhiều thì phải no, rót rượu cho uống cũng đã quá chén rồi vậy.

CHƯƠNG VI

母教孺升木

21. Vô giáo nao thăng mộc,

如塗塗附

22. Như đồ đồ phụ.

君子有徽猷

23. Quân tử hữu huy du.

小人與屬

24. Tiểu nhân dữ thuộc.

Dịch nghĩa

21. Chớ dạy con vượn trèo cây,
22. Cũng như lấy bùn phủ thêm lên lớp bùn.
23. Nếu vua có đạo đức tốt,
24. Kẻ tiểu nhân sẽ hoá thành tốt lành theo để tựa vào.

Dịch thơ

Dạy trèo cho vượn chớ nên.

Chớ đem bùn phủ lên trên đất lầy.

Nếu vua đạo đức đẹp hay,

Tiểu nhân thành thiện vội qua tựa vào.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 獒 *nao* (cũng đọc *nhu*), tức là con mê hâu (macaque), thuộc loài vượn, tính leo cây rất giỏi, không cần được dạy leo mà vẫn leo được. 塗 *đồ*, bùn. 附 *phụ*, thêm vào. 徽 *huy*, đẹp. 黜 *du*, đạo lý. 屬 *thuộc* (đọc thụ cho hợp vận), phụ thuộc vào.

Nói ân tình của kẻ tiểu nhân vốn đã mong manh. Vua lại ưa sàm nịnh để kẻ tiểu nhân tựa đến, thì cũng như dạy con vượn trèo cây, lại cũng như trên lớp đất lầy lại lấy bùn phủ thêm lên. Nếu vua có đạo đức tốt, thì kẻ tiểu nhân sẽ hoá thành tốt lành để tựa vào vua, không đến như thế ấy vậy.

CHƯƠNG VII

雨雪瀼瀼

見睨日消

25. Vụ tuyết tiêu tiêu

26. Kiến hiện viết tiêu,

莫肯下遺
式居婁驕

27. Mạc khǎng há di,

28. Thức cư lự kiều.

Dịch nghĩa

25. Tuyết rơi xuống quá nhiều,

26. Gặp khí nóng của mặt trời thì tan ngay (ngụ ý lời gièm pha gặp người sáng suốt thì tiêu dứt ngay).

27. Nếu vua chẳng chịu bỏ rơi những kẻ gièm pha ấy

28. Thì chúng càng kiêu ngạo khinh lờn hơn nữa.

Dịch thơ

Tuyết bay rơi xuống quá nhiều,

Gặp ngay khí nóng đã tiêu tan rồi.

Gièm pha vua chẳng bỏ rơi,

Chúng càng kiêu ngạo để người ngang tàng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tử. 濛濛 tiêu tiêu, dáng dỗi dào. 晁 hiện, khí mặt trời. Trương tử nói rằng: Lời gièm pha gặp người sáng suốt phải tự dứt ngay. Hễ vua cam lòng tin theo, không chịu rút bỏ, thì lời gièm pha càng bành trướng khinh lờn hơn nữa.

CHƯƠNG VIII

雨雪浮浮
見晁曰流

29. Vụ tuyết phù phù

30. Kiến hiện viết lưu.

如蠻如髦

31. Như man như mao

我是用蔓

32. Ngã thị dụng ưu.

Dịch nghĩa

29. Tuyết rơi xuống quá nhiều

30. Gặp khí nóng thì tan chảy ngay.

31. Những kẻ gièm pha ấy như man như rợ (không lễ nghĩa)

32. Khiến ta phải ưu sầu.

Dịch thơ

Quá nhiều phơi phơi tuyết bay,

Gặp liền khí nóng chảy đầy tan ra.

Như man rợ kẻ gièm pha,

Tương tàn tương hại khiến ta ưu sầu.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tỷ. 浮浮 phù phù như 漂漂 tiêu tiêu, là đáng dồi dào. 流 lưu, chảy đi hết. 蠻 man, rợ miền nam. 髦 mao, (đọc mâu cho hợp vận), man rợ. Thiên Mục thế trong kinh Thư viết 髦 mao, nói kẻ man rợ không có lễ nghĩa cứ tàn hại lẫn nhau.

Thiên Giác cũng có 8 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 230

CHƯƠNG I

菀柳
有菀者柳
不尚息焉
上帝甚蹈
無自暱焉
俾予靖之
後予極焉

Uất liễu (Tang hộ 10)

1. Hữu uất giả liễu,
2. Bất thượng tức yên?
3. Thượng đế thậm đạo,
4. Vô tự nặc yên.
5. Tỷ dư tịnh chi,
6. Hậu dư cực yên.

Dịch nghĩa

1. Có cây liễu tươi tốt rườn rà.
2. Ai lại chẳng mong đến dừng nghỉ dưới bóng cây liễu ấy hay sao?
3. Thiên tử rất uy linh đáng sợ,
4. Cho nên chư hầu không ai dám đến gần.
5. Giả sử ta đến châu để giúp thiên tử định yên vương thất nhà Chu.
6. Thì về sau ta phải cam chịu hết những điều ham muốn của thiên tử.

Dịch thơ

Có cây liễu tươi tốt rườn rà,
Dừng chân dưới gốc, ai mà chẳng mong!
Đáng sợ thay uy hùng thiên tử!

Đều lánh xa vì sợ long nhan.

Nếu châu để giúp vững an,

Điều vua ham muốn phải mang vào mình.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tỹ. 柳 *liêu*, cây liễu tươi tốt rườm rà. 尚 *thượng*, hy vọng, mong mỏi. 上帝 *thượng đế*, chỉ vua. 蹈 *đạo*, đáng lẽ là chữ 神 *thần*, nói uy linh đáng sợ. 匿 *nặc*, thân cận, gần gũi. 埴 *tĩnh*, định yên. 極 *cực*, đòi hỏi cho được hết các điều ham muốn.

Thiên tử bạo ngược, cho nên chư hầu không tới châu mà làm bài thơ này.

Nói nơi kia có cây liễu tươi tốt rườm rà, người đi đường há lại không mong đến dừng nghỉ dưới bóng cây liễu đó hay sao? Nói như thế để ví rằng: Ai lại chẳng muốn đến châu mà phụng thờ thiên tử? Nhưng thiên tử rất uy linh như quý thần, khiến người ta sợ mà không dám đến gần. Giả sử ta đến châu mà phụng sự thiên tử để yên định vương thất nhà Chu, thì về sau thiên tử ắt sẽ đem hết điều ham muốn mà đòi hỏi ở ta. Cho nên chư hầu không đến châu thiên tử. Mà nếu một mình ta đến châu, thì thiên tử ắt trách việc ấy mãi chẳng thôi. Như Tề Uy vương đến châu thiên tử nhà Chu, về sau trái lại phải bị nhục.

Hoặc nói chương này thuộc hống. Chương sau cũng phỏng theo đây.

CHƯƠNG II

有苑者柳

7. Hữu uất giả liễu,

不尚惕焉

8. Bất thượng khí yên?

上帝甚蹈
無自療焉
俾予靖之
後予邁焉

9. Thượng đế thậm dạo,
10. Vô tự trái yên.
11. Tỷ dư tịnh chi.
12. Hậu dư mại yên.

Dịch nghĩa

7. Có cây liễu tươi tốt rườm rà.

8. Ai lại chẳng mong đến dừng nghỉ dưới bóng cây liễu ấy hay sao?

9. Thiên tử rất uy vệ.

10. Cho nên chư hầu không ai dám tự chiêu tai hại đến gần thiên tử.

11. Giả sử ta đến châu để giúp thiên tử định yên vương thất nhà Chu.

12. Thì về sau ta phải cam chịu hết những đòi hỏi quá phận của thiên tử.

Dịch thơ

Có cây liễu rậm tốt tươi,

Bóng cây dừng nghỉ, ai người chẳng mong?

Bực thiên tử rất uy hùng.

Chư hầu không dám chiêu bưng hoạ vào.

Giúp vua yên định đến châu.

Điều vua đòi hỏi về sau cam lòng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tỷ. 惕 *khí*, nghỉ ngơi. 療 *trái* (đọc *tê*) bình, tai hại. 邁 *mại* (đọc *lệ*) quá, đòi hỏi quá phân.

CHƯƠNG III

- | | |
|------|------------------------|
| 有鳥高飛 | 13. Hữu điều cao phi, |
| 亦傳于天 | 14. Diệc phụ vu thiên. |
| 彼人之心 | 15. Bĩ nhân chi tâm |
| 于何其臻 | 16. Vu hà kỳ trăn? |
| 曷予靖之 | 17. Hạp dư tịnh chi, |
| 居以凶矜 | 18. Cư dĩ hưng cằng. |

Dịch nghĩa

13. Có con chim bay cao,
14. Cũng bay vút tận đến trời.
15. Lòng dạ tham bạo của thiên tử
16. Không biết đến mực độ nào.
17. Bao giờ ta đến châu để giúp thiên tử định yên vương thất,
18. Thì ta chỉ hứng chịu một cách vô cớ những tai hoạ đáng tội nghiệp mà thôi.

Dịch thơ

*Chim bay cao vút tuyệt vời,
Tung bay đến tận lưng trời mờ cao.
Lòng vua tham ngược xiết bao!
Còn ai biết đến độ nào nữa đây?
Châu vua an định sau này,
Chỉ đành hững chịu hoạ tai vô tình.*

Chú giải của Dịch giả

Chương này thuộc hứng. 傅 *phụ*, 臻 *trăn* đều là đến. 彼人 *bỉ nhân*, người kia, chỉ thiên tử. 居 *cư* như 徒然 *đồ nhiên*, chịu suông lấy, vô cơ mà hứng chịu tai hoạ. 凶矜 *hung cãnh*, gặp tai hoạ đáng xót thương tội nghiệp.

Con chim cao vút đến tận trời. Lòng dạ của thiên tử không biết đến đâu là cùng tột. Ý nói thiên tử tham bạo phóng túng vô cùng, hận trách đến mấy cũng chẳng xong, người ta không biết lòng tham bạo ấy đến mức độ nào nữa. Như thế thì ta há lại có thể đến giúp thiên tử định yên vương thất hay sao? Nếu đến thì ta chỉ hứng chịu một cách vô cơ những tai hoạ đáng tội nghiệp mà thôi.

Thiên Uất liễu có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

Tang hộ chi thập có 10 thiên, 43 chương, 282 câu.

8. ĐÔ NHÂN SĨ CHÍ THẬP.

(Mười bài thuộc thơ Đô nhân sĩ)

BÀI THỨ 231

CHƯƠNG I

都人士

彼都人士

狐裘黃黃

其容不改

出言有章

行歸於周

Đô nhân sĩ. (Đô nhân sĩ I)

1. Bỉ đô nhân sĩ

2. Hồ Cầu hoàng hoàng,

3. Kỳ dung bất cải,

4. Xuất ngôn hữu chương,

5. Hành quy vu Chu,

Dịch nghĩa

1. Bực kẻ sĩ ở kinh đô xưa kia
2. Mặc áo da chồn màu vàng,
3. Dung mạo bình thường không thay đổi,
4. Thốt lời thì có văn chương,
5. Đi về kinh đô nhà Chu.
6. Được muôn dân ngưỡng vọng.

Dịch thơ

Sĩ nhân kia ở kinh kỳ

Da chồn làm áo màu thì vang trời.

Lúc bình thường dáng người không đổi,

Khi thốt ra lời nói văn chương,

Chu kinh cất bước lên đường.

Muôn dân trọng vọng kính nhường xiết bao!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 都 đô, kinh đô của thiên tử. 黃黃 hoàng hoàng, màu vàng của áo da chồn. 不改 bất cải, thường thường vẫn thế không thay đổi. 章 chương, văn chương. 周 Chu, kinh đô ở đất Hạo, Hạo kinh cũng gọi là Tây đô.

Sau thời ly loạn, người ta không thấy lại vẻ thịnh vượng trong đô ấp của ngày xưa và nét đẹp dễ ngoài dáng điệu của các nhân vật trong kinh đô nữa, mới làm bài thơ này để than tiếc.

CHƯƠNG II

彼都人士
台笠緇撮
彼君子女
綢直如髮
我不見兮
我心不說

7. Bỏ đồ nhân sĩ
8. Đai lạp tri toát.
9. Bỏ quân tử nữ
10. Trù trực như phát,
11. Ngã bất kiến hề,
12. Ngã tâm bất duyệt.

Dịch nghĩa

7. Bực kẻ sĩ trong kinh đô xưa kia
8. Đội nón bằng lá kẻ hay đội mũ bằng vải đen.
9. Còn con gái nhà sang trọng kia.
10. Thì có mái tóc đẹp đẽ.
11. Bây giờ ta không được thấy những nhân vật đẹp đẽ
ấy nữa,
12. Cho nên lòng ta không vui.

Dịch thơ

*Sĩ nhân kia ở kinh kỳ,
Nón thì bằng lá, mũ thì vải thâm.
Con gái nhà tiếng tăm sang trọng,
Mái tóc đen trơn bóng xinh tươi.
Nay ta nào thấy được người,
Cho nên luống những không vui tác lòng.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 臺 đài, lá phù tu, lá kè để làm nón lá. 緇撮 tri toát (đọc *tuyệt* cho hợp vận), cái mũ bằng vải đen làm rất nhỏ chỉ vừa đủ để giữ cái đầu (búi) tóc. 君子女 quân tử nữ, con gái nhà phú quý trong kinh đô. 綢直如髮 trù trực như phát (đọc *phiết* cho hợp vận), chưa rõ nghĩa là gì, nhưng lấy chương IV và V mà suy, thì nói là tóc đẹp.

CHƯƠNG III

彼都人士

13. Bỉ đô nhân sĩ

充耳琇實

14. Sung nhĩ tú thực.

彼君子女

15. Bỉ quân tử nữ

謂之尹吉

16. Vị chi Doãn Cật.

我不見兮

17. Ngã bất kiến hề,

我心苑結

18. Ngã tâm uẩn kết.

Dịch nghĩa

13. Bực kẻ sĩ trong kinh đô xưa kia.

14. Đều che tai bằng đá quý.

15. Còn con gái nhà sang trọng kia

16. Đều gọi là thuộc họ Doãn, họ Cật (những gia tộc quý trọng nhất).

17. Ngày nay ta không còn thấy những nhân vật quý trọng ấy nữa.

18. Cho nên lòng ta cứ chất chứa mãi nỗi ưu sầu.

Dịch thơ

Sĩ nhân kia ở kinh thành

Che tai đá quý long lanh rõ ràng.

Con gái nhà giàu sang quyền chức

Họ Doãn và họ Cát mà thôi.

Nay ta chẳng thấy được người,

Ưu sâu chất chứa bồi hồi lòng ta.

Chú giải của Chu Hy.

Chương này thuộc phú. 琇 tú, thứ đá đẹp, lấy đá đẹp làm ngọc che tai. 卅吉 Doãn Cát, chưa rõ là nghĩa gì. Trịnh thị nói rằng: 吉 đọc *Cát*, tức là họ Doãn họ Cát là hai họ xưa đã làm thông gia với nhà Chu. Gặp những con gái của nhà sang trọng ở kinh đô, người ta đều nói là thuộc họ Doãn họ Cát, ý nói thuộc gia tộc có lễ phép. Lý thị nói rằng: Nói họ Doãn, họ Cát cũng như trong đời nhà Tấn nói học Vương họ Tạ, như trong đời nhà Đường nói họ Thôi họ Lư vậy. 宛 *uẩn* như 屈 *khuất* (là đè nén co lại không được duỗi ra như 積 *tích* (là chất chứa lại không được phân tán ra).

CHƯƠNG IV

彼都人士

19. Bỉ đô nhân sĩ

垂帶而厲

20. Thùy đai như lệ

彼君子女

21. Bỉ quân tử nữ,

卷髮如薏

22. Quyền phát như sỏi.

我不見兮
言從之邁

23. Ngã bất kiến hề,

24. Ngôn tùng chi mại.

Dịch nghĩa

18. Bực kẻ sĩ trong kinh đô xưa kia
20. Thất lưng đai buông thòng tha thướt.
21. Còn con gái nhà sang trọng kia,
22. Tóc mai quăn uốn dịu dàng.
23. Ngày nay ta không còn thấy nữa,
24. Nếu thấy được thì ta sẽ bước đi theo.

Dịch thơ

Sĩ nhân kia ở kinh đô

Lưng đai tha thướt phát phơ rủ thòng.

Con gái thuộc giống dòng sang cả.

Tóc mai quăn ẻo lả hây hây.

Ta nào còn thấy hôm nay

Thấy thời ta cứ bước ngay theo cùng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 厲 lệ (đọc lại), dáng dấp đai thòng xuống. 卷髮 *quyển phát*, những làn tóc mai ngắn ở hai bên trên không thể thu gọn lên trán, cứ để cong uốn thòng xuống phát phơ cho đẹp. 蔓 mại (đọc *sủi*), loại cỏ cạp, có nọc chích người, chót đuôi cong lên như tóc quăn cuốn. 邁 mại, đi. Vì rằng: ấy là chẳng dặng trông thấy, chớ nếu trông thấy được những nhân vật đẹp để ấy thì ta sẽ bước đi theo. Ý nói

rất nhớ trông những nhân vật trong thời thịnh vượng xưa kia.

CHƯƠNG V

匪伊垂之

25. Phỉ y thùi chi,

帶則有餘

26. Đái tắc hữu dư.

匪伊卷之

27. Phỉ y quyển chi,

髮則有旗

28. Phát tắc hữu dư.

我不見兮

29. Ngã bất kiến hề,

雲何盱矣

20. Vân hà hu hi.

Dịch nghĩa

25. Bực kẻ sĩ không phải cố ý buông thòng dây đai,

26. Mà nó tự nhiên còn thừa, cho nên rủ xuống tha thướt

27. Còn con gái không phải cố ý làm cho tóc mai cuốn lên,

28. Mà nó tự nhiên bong lên phát phơ.

29. Ngày nay ta không thấy,

30. Rằng sao còn trông mong được nữa.

Dịch thơ

Đai thòng nào cố ý buông,

Còn thừa nên tự luôn luôn rủ thòng.

Tóc mai nào cố uốn cong.

Phát phơ ẽo lả tự bong tuyệt vời.

Ta nào được thấy bao người,

Rằng còn trông ngóng cái thời ấy chi,

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú: 旗 舞, dương cát lên. 旂 舞, trông mong (xem lại chương V, bài thứ 205).

Đây nói dây lưng của kẻ sĩ, không phải cố ý làm cho thông xuống, mà nó tự nhiên còn thừa ra mà rủ xuống tha thướt. Còn tóc của con gái, không phải cố ý cho cuốn lên, mà tự nhiên đã bong lên phơ phất. Ý nói cái sắc đẹp tự nhiên không trang sức giả tạo nhưng nay không được trông thấy nữa, thì làm sao mà chẳng trông mong hay sao?

Thiên Đô nhân sĩ có 5 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 232

CHƯƠNG I

采綠

Thái lục (Đô nhân sĩ 2)

終朝采綠

1. Chung triều thái lục

不盈一掬

2. Bất doanh nhất cức.

予髮曲局

3. Dư phát khúc cục.

薄言歸沐

4. Bạc ngôn quy mộc

Dịch nghĩa

1. Suốt buổi sáng hái rau lục
2. Mà không đầy một bụm tay.
3. Tóc của ta cuốn rối,

4. Bèn trở về gội rửa (mà chờ chồng trở về).

Dịch thơ

Suốt buổi sáng hái toàn rau lục,

Nắm trong tay một vốc chẳng đầy.

Tóc ta cuốn rối thế này,

Trở về gội rửa làm ngay đợi chàng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 終朝 *chung triều*, buổi sáng từ sớm mai đến lúc ăn cơm. 綠 *lục*, cỏ vương sô (cũng gọi là cỏ tận dùng để nhuộm màu vàng). 菊 *cúc*, một bụm, do hai bàn tay bụm lại. 局 *cục*, cuốn rối, như nói đầu tóc rối quăn như hoa bông cuộn bay.

Người vợ nhớ chồng nói trọn buổi sáng hái rau lục mà không đầy bụm tay. Quá nhớ nhưng mà không chuyên tâm vào công việc. Lại nhớ tóc trên đầu quăn rối, nàng mới bỏ việc hái rau lục trở về gội rửa để chờ chồng nàng trở về.

CHƯƠNG II

終朝采藍

5. Chung triều thái lam

不盈一簪

6. Bất doanh nhất xiêm,

五日爲期

7. Ngũ nhật vi kỳ,

六日不詹

8. Lục nhật bất chiêm

Dịch nghĩa

5. Suốt buổi sáng hái cây chàm

6. Không đẩy vạt áo túm lại mà dựng
7. Hẹn ước với nhau năm ngày,
8. Nay đã sáu ngày qua mà không thấy chàng.

Dịch thơ

*Suốt buổi sáng cây chàm tã hái,
 Vạt áo ta túm lại không đẩy,
 Hẹn nhau chờ đúng năm ngày,
 Nay là thứ sáu mảy may thấy gì.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 藍 lam, cây chàm để nhuộm màu xanh. 襜 xiêm (đọc đăm), áo mặc che phía trước, tức che trước đầu gối. 詹 chiêm đồng với 瞻 chiêm là ngẩng mặt mà trông. 五日爲期 ngũ nhật vi kỳ (lấy năm ngày làm kỳ ước hẹn với nhau), năm ngày, thời gian hẹn ước đã qua. 六日爲詹 lục nhật vi chiêm (đã sáu ngày rồi mà không thấy), quá thời gian ước hẹn mà không thấy.

CHƯƠNG III

- | | |
|------|-------------------------|
| 之子于狩 | 9. Chi tử vu thú, |
| 言韞其弓 | 10. Ngôn sưởng kỳ cung. |
| 之子于釣 | 11. Chi tử vu điếu, |
| 言綸之繩 | 12. Ngôn luân kỳ thăng. |

Dịch nghĩa

9. Nếu chàng đi săn,

10. Thì sao lo để cung vào bao.
11. Nếu chàng đi câu.
12. Thì em lo sửa soạn dây câu (để đi với chàng).

Dịch thơ

Nếu nay chàng định đi săn bắn,

Cung em lo để sẵn vào bao.

Nếu nay chàng muốn đi câu,

Nhớ em sửa soạn trước sau đằng hoàng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 之子 *chi tử*, nói người chồng. 綸 *luân*, sửa soạn dây câu.

Nói nếu: chàng trở về mà muốn đi săn thì em sẽ vì chàng lấy cung bỏ vào bao, và nếu chàng muốn đi câu, thì em sẽ vì chàng sửa soạn nhợ câu. Trông đợi tha thiết, nhớ nhung sâu xa, nàng muốn không có đi đâu mà không cùng đi chung với nhau.

CHƯƠNG V

其釣維何

13. Kỳ điếu duy hà?

維魴及鱖

14. Duy phòng cập tự.

維魴及鱖

15. Duy phòng cập tự.

薄言觀者

16. Bạc ngôn quan giả.

Dịch nghĩa

13. Câu thì được thứ cá nào?

14. Chỉ có cá phòng và cá tự.
15. Chỉ có cá phòng và cá tự.
16. Thì em đi theo để xem chàng câu.

Dịch thơ

Cá đã câu được thì mấy thứ?

Chỉ có phòng cá tự mà thôi.

Cá phòng cá tự chàng ôi!

Đi câu, em cũng theo coi bên chàng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Chàng đi câu thì câu được cá (cá phòng cú tự), nàng lại sẽ đi theo để xem chàng câu. Cũng là ý tứ của chương trên.

Thiên Thái lục có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 233

CHƯƠNG I

黍苗

芃芃黍苗

陰雨膏之

悠悠南行

召伯勞之

Thử miêu. (Đô nhân sĩ 3)

1. Bồng bồng thử miêu,

2. Âm vũ cáo chi.

3. Du du nam hành,

4. Thiệu bá lao chi.

Dịch nghĩa

1. Mạ nếp lên lớn cao.
2. Chỉ có mưa âm thầm làm tươi mát.
3. Người đi về phương nam xa xôi.
4. Chỉ có Thiệu Mục công an ủi được.

Dịch thơ

*Mạ nếp thì lớn cao lá lướt,
Mưa âm thầm trơn mát tốt tươi.
Về nam xa tít bao người,
Thiệu Công an ủi mà thôi nỗi tình.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 芄芄 *bồng bông*, dáng lớn cao lên. 悠悠 *du du*, ý đi xa.

Tuyên vương phong cho Thân bá nước Tạ, sao Thiệu Mục công đi xây đắp thành ấp. Cho nên sắp đi về phương nam để phục dịch, những quân sĩ ra đi mới làm bài thơ này.

Nói rằng mạ nếp đã lên cao, thì chỉ có mưa âm thầm mới thấm nhuần làm cho tươi mát. Người đi về phương nam xa xôi thì chỉ có Thiệu bá mới an ủi được.

CHƯƠNG II

我任我輦
我車我牛
我行既集
蓋雲歸哉

5. Ngã nhâm. Ngã liễn,
6. Ngã xa. Ngã ngư,
7. Ngã hành ký tập,
8. Cái vân quy tai

Dịch nghĩa

5. Ta thì vác đồ. Ta thì kéo xe.
6. Ta thì đẩy xe. Ta thì đánh kéo xe lớn.
7. Việc đi làm của chúng ta đã xong xuôi.
8. Cho nên nói rằng: Trở về được rồi vậy thay!

Dịch thơ

Xe ta kéo. Đồ ta vác lấy.

Ta đánh bò. Ta đẩy xe nhanh.

Việc ta làm đã hoàn thành,

Rằng ta về được đành rành từ đây.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 任 *nhâm*, vác trên lưng. 輦 *liễn*, người kéo xe. 牛 *ngưu* (đọc *ngi* cho hợp vận), bò để kéo xe to. 集 *tập*, thành. Xây cất thành ấp nước Tà đã xong mà trở về.

CHƯƠNG III

我徒我御

9. Ngã đồ. Ngã ngự.

我師我旅

10. Ngã sư. Ngã lữ.

我行既集

11. Ngã hành ký tập,

蓋雲歸處

12. Cái vân quy xử.

Dịch nghĩa

9. (Quân sĩ ra đi nói tiếp:) Ta thì đi bộ. Ta thì đi xe.

10. Ta thì đi trong sư đoàn. Ta thì đi trong lữ đoàn.
11. Việc đi làm của chúng ta đã xong xuôi.
12. Cho nên nói rằng: Trở về mà ở yên vậy!

Dịch thơ

Ta đi xe. Ta thì đi bộ.

Ta sư đoàn. Ta ở lữ đoàn.

Việc ta làm đã hoàn toàn.

Rằng ta về ở an nhàn từ đây.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 徒 *đồ*, đi bộ. 御 *ngự*, đi xe. 旅 *lữ*, đạo quân 500 người. 師 *sư*, đạo quân có 5 lữ (500 x 5 = 2500). Truyện *Xuân thu* nói rằng: Vui đi thì có một sư đi theo. Quan khanh đi thì có một lữ đi theo. (*Xuân thu*. Lỗ định công tứ niên).

CHƯƠNG IV

肅肅謝功

13. Túc túc Tạ công

召伯齔均

14. Thiệu bá doanh chi,

烈烈征師

15. Liệt liệt chinh sư,

召伯成之

16. Thiệu bá thành chi.

Dịch nghĩa

13. Công việc xây cất ấp Tạ rất nghiêm chỉnh.
14. Do Thiệu bá coi sóc làm nên.
15. Quân đi đến ấp Tạ để xây cất rất uy vũ.
16. Để Thiệu bá hoàn thành việc này dựng ấp Tạ.

Dịch thơ

Rất nghiêm chỉnh việc xây ấp Tạ.

Mọi việc do Thiệu bá giữ trông.

Quân đi xây cất oai hùng.

Để cho Thiệu bá nên công hoàn thành.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 肅肅 *túc túc*, dáng nghiêm chỉnh. 謝 *Tạ*, tên ấp Tạ, nước của Thân bá được phong, nay ở quân (khu vực hành chính) Tín dương thuộc Đặng Châu. 功 *công*, công việc xây cất. 營 *doanh*, trị, coi sóc xây cất. 烈烈 *liệt liệt*, đáng uy vũ. 征 *chinh*, đi.

CHƯƠNG V

原隰既平

17. Nguyên thấp ký bình.

泉流既清

18. Tuyền lưu ký thanh.

召伯有成

19. Thiệu bá hữu thành.

王心則寧

20. Vương tâm tắc ninh.

Dịch nghĩa

17. Chốn đồng bằng và nơi dưới thấp đã dọn dẹp bằng phẳng.

18. Sông ngòi đã lưu thông trong trẻo.

19. Thiệu bá đã hoàn thành công trình ấy,

20. Thì vua được yên lòng.

Dịch thơ

Chỗ dưới thấp bình nguyên đều phẳng.

Các sông ngòi trong lặng chảy xuôi.

Thiệu công hoàn tất việc rồi.

Thì vua mới được yên vui tắc lòng

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 平 *bình*, dọn dẹp cuộc đất cho bằng phẳng. 清 *thanh*, sửa trị sông ngòi cho lưu thông trong trẻo.

Nói Thiệu bá xây dựng ấp Tạ, xem sự thích nghi của đồng bằng và của nơi dưới thấp, làm lưu thông sự tiện lợi của sông ngòi. Công trình ấy đã hoàn thành, thì tuyên vương nhà Chu yên lòng.

Thiên Thử miếu có 5 chương, mỗi chương 4 câu.

Đây là bài thơ về thời Tuyên Vương, cùng với thiên *Tung cao* thuộc phần thơ Đại nhã có liên quan với nhau.

BÀI THỨ 234

CHƯƠNG I

隰桑

Thấp tang. (Đô nhân sĩ 4)

隰桑有阿

1. Thấp tang hữu a,

其葉有難

2. Kỳ diệp hữu na.

既見君子

3. Kỳ kiến quân tử.

其樂如何

4. Kỳ lạc như hà?

Dịch nghĩa

1. Cây dâu ở chỗ thấp có dáng đẹp dễ,
2. Lá mọc rườm rà.
3. Đã gặp người quân tử rồi.
4. Thì nổi vui thích biết là đường nào?

Dịch thơ

*Xinh thay chỗ thấp cây dâu,
Lá thì chen rậm một màu tốt tươi.
Gặp trang quân tử ấy rồi,
Thì lòng hớn hở thích vui đường nào?*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 隤 thấp, chỗ dưới thấp, thích hợp với cây dâu. 阿 a, dáng đẹp dễ. 難 na, dáng dỗi dào, đều nói hình trạng cành lá cây dâu đẹp dễ rũ xuống rườm rà

Đây là bài thơ mừng người quân tử.

Nói cây dâu ở chỗ thấp có dáng đẹp dễ lá đơm rườm rà. Đi gặp bậc quân tử rồi, thì nói vui thích biết là đường nào! Ý tứ lời thơ đại khái giống với của thiên *Tĩnh tình giả nga* (bài thứ 182), nhưng bậc quân tử được nói ở đây thì không biết chỉ về ai.

Hoặc nói thuộc tử. Chương sau cũng phỏng theo đây.

CHƯƠNG II

隤桑有阿
其葉有沃

5. Thấp tang hữu a,
6. Kỳ diệp hữu ốc.

既見君子
雲何不樂

7. Ký kiến quân tử,

8. Vân hà bất lạc?

Dịch nghĩa

5. Cây dâu ở chỗ thấp có dáng đẹp dễ,
6. Lá trơn bóng tốt tươi.
7. Đã gặp người quân tử rồi,
8. Rằng sao mà chẳng vui thích được?

Dịch thơ

Cây dâu chỗ thấp đẹp thay!

Lá thì trơn bóng rậm dày tốt tươi.

Gặp trang quân tử ấy rồi,

Rằng sao lại chẳng thích vui toại lòng?

Chủ giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 沃 覓 (đọc ước), bóng láng.

CHƯƠNG III

隰桑有阿
其葉有幽
既見君子
德音孔膠

9. Thấp hữu tang a,

10. Kỳ diệp hữu u.

11. Ký kiến quân tử.

12. Đức âm khổng giao.

Dịch nghĩa

9. Cây dâu ở chỗ thấp có dáng đẹp dễ,
10. Lá màu sẫm đen.
11. Đã gặp người quân tử rồi
12. (Thì nghe được) tiếng tăm của người rất vững bền.

Dịch thơ

Cây dâu chỗ thấp xinh.

Lá thì đen mượt đầy cành tốt tươi.

Gặp trong quân tử ấy rồi.

Được nghe tăm tiếng của người bền lâu.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 幽 u, màu đen. 膠 giao, vững chắc.

CHƯƠNG IV

心乎愛矣

13. Tâm hồ ái hĩ,

遐不謂矣

14. Hà bất vị hĩ?

中心藏之

15. Trung tâm tàng chi,

何日忘之

16. Hà nhật vong chi?

Dịch nghĩa

13. Lòng đã yêu quý người quân tử,
14. Mà sao lại chẳng thốt ra cho người biết?
15. Lại cứ giấu mãi trong lòng.
16. Thì biết ngày nào mới quên được?

Dịch thơ

Lòng đã yêu quý người rồi.

Mà sao lại chẳng thốt lời cho hay?

Trong lòng cứ giấu thế này.

Làm sao mà biết được ngày nào quên?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 遐 hà đồng với chữ 何 hà là sao? Thiên Biểu ý trong sách Lễ ký viết 瑕 hà. Trịnh thị chú giải rằng: 瑕 hà là 胡 hồ (sao?). 謂 vị như 告 cáo (cáo báo cho biết).

Nói lòng ta thành thật yêu quý người quân tử. Nhưng đã gặp người quân tử rồi thì sao lại chẳng tỏ cho người biết mà lại chỉ ôm ấp giấu kín trong lòng để khiến một ngày nào sẽ quên đi chẳng?

Sở từ có câu: Tư công tử hề, vị cảm ngôn (= Nhớ mong công tử mà chưa dám nói ra). Ý tứ của lời này cũng giống như đoạn này. Niềm yêu kính đã nẩy chồi lên gốc ăn sâu ở trong lòng, cho nên nó phát lộ từ từ chậm chậm để tồn tại mãi lâu dài.

Thiên Thấp tang có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 235

CHƯƠNG I

白華

Bạch hoa. (Đô nhân sĩ 5)

白華菅兮

1. Bạch hoa gian hề,

白茅束兮
之子之遠
俾我獨兮

2. Bạch mao thúc hề.

3. Chi tử chi viễn,

4. Tỷ ngã độc hề.

Dịch nghĩa

1. Cỏ lau đã ngâm nước xong.
2. Thì lấy cỏ tranh mà bó lại.
3. Nhà vua xa lánh ta,
4. Phải khiến ta cô đơn.

Dịch thơ

Đã vừa ngâm nước cỏ lau,

Thì liền lại phải bó vào bằng tranh.

Nhà vua xa cách ta đành.

Khiến ta phải chịu một mình cô đơn.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tỷ. 白華 *bạch hoa*, cỏ lau ngoài đồng nội. Cỏ lau ấy đã ngâm nước cho mềm dịu gọi là 菅 *gian*. 之子 *chi tử*, ngài, chỉ U vương. 俾 *tỷ*, khiến. 我 *ngã*, ta. Thân hoàng hậu tự xưng.

U vương cưới con gái của chư hầu nước Thân làm hoàng hậu, sau lại được nàng Bao Tự, mà truất Thân hoàng hậu xuống. Cho nên Thân hoàng hậu mới làm bài thơ này.

Nói cỏ lau đã ngâm nước xong, thì lấy cỏ tranh mà bó lại. Cỏ lau và cỏ tranh là hai việc nhỏ mọn còn phải nhờ lẫn nhau (cái này bó cái kia) để làm chổi mà dùng (ý nói vợ chồng phải nhờ tựa lẫn nhau). Sao vua lại xa lánh ta, để khiến ta phải cô độc.

CHƯƠNG II

英英白雲
露彼菅茅
天步艱難
之子不猶

5. Anh anh bạch vân
6. Lộ bỉ gian mao.
7. Thiên bộ gian nan,
8. Chi tử bất du.

Dịch nghĩa

5. Mây trắng nhẹ nhàng sáng loà
6. Hoá thành sương lộ để thấm đượm lau và tranh.
7. Thời vận khó khăn,
8. Mà vua lại không mưu lo để che chở muôn dân.

Dịch thơ

*Nhẹ nhàng mây sáng trắng ngần
Hoá thành sương lộ đượm thấm tranh lau.
Gian nan thời vận khổ đau,
Vua không mưu tính cứu mau dân lành.*

Chủ giải của Chu Hy

Chương này thuộc tử. 英英 *anh anh*, dáng nhẹ nhàng rạng rỡ. 白雲 *bạch vân*, mây trắng, hơi khí nhẹ nhàng trong sạch của thủy thổ, đang đêm thì bốc lên. 露 *lộ*, sương lộ, tức cái hơi khí nhẹ nhàng trong sạch ấy phân tán mà rơi xuống. 步 *bộ*, đi. 天步 *thiên bộ*, như nói thời vận. 猶 *du* (thường đọc *do*), mưu đồ. Hoặc nói *du* là như.

Nói mây đã hóa thành sương lộ để thấm nhuần vạn vật, không có vật nhỏ mọn nào là không được thấm nhuần. Nay

thời vận gian man mà nhà vua lại không mưu đồ (để che chở muôn dân) thì chẳng bằng như mây trắng đã hoá thành sương lộ để thấm nhuần cỏ lau cỏ tranh vậy.

CHƯƠNG III

澎湃北流

9. Phũu trì bắc lưu,

浸彼稻田

10. Tắm bỉ đạo điền.

嘯歌傷懷

11. Tiểu ca thương hoài,

念彼碩人

12. Niệm bỉ thạc nhân.

Dịch nghĩa

9. Dòng sông con chảy về phương bắc,

10. Còn thấm nhuần tươm tươi được ruộng lúa.

11. Ta phải tắc lưỡi sầu ca đau đớn trong lòng,

12. Nhớ đến nhà vua chí tôn vĩ đại kia.

Dịch thơ

Sông con về bắc chảy xuôi.

Thấm nhuần ruộng lúa tốt tươi dồi dào.

Xót lòng tắc lưỡi ca sầu,

Vua kia vĩ đại, rạt rào nhớ mong.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tử. 澎湃 *phũu*, dáng chảy đi. 北流 *bắc lưu*, trong khoảng đất Phong đất Hạo (nước nhà Chu) những con sông phần nhiều chảy về bắc. 碩人 *thạc nhân*, tiếng tôn trọng lớn lao, cũng nói U vương.

Nói con sông con chảy nhỏ nhen mà còn có thể thấm nhuần tươm tưới. Còn vua tôn trọng lớn lao mà trái lại không thể điều hoà lưu thông niềm ân trạch yêu đương. Cho nên phải khiến ta tắc lối sâu ca đau đớn mà tưởng nhớ.

CHƯƠNG IV

樵彼桑薪

13. Tiểu bỉ tang tân,

印烘于燧

14. Ngang hồng vu thâm.

維彼碩人

15. Duy bỉ thạc nhân

實勞我心

16. Thực lao ngã tâm.

Dịch nghĩa

13. Đốn củi dâu kia.

14. Mà ta chỉ đốt sáng trên lò mà thôi.

15. Chỉ có nhà vua chí tôn vĩ đại kia.

16. Thật đã làm lao khổ lòng ta (vì bỏ rơi và truất phế ta).

Dịch thơ

Dâu kia làm củi đốn dùng,

Trên lò chỉ đốt sáng hồng mà thôi.

Chí tôn vĩ đại ấy người,

Thật làm lao khổ ngậm ngùi lòng ta.

Chủ giải của Chu Hy

Chương này thuộc tử. 樵 *tiêu*, hái củi. 桑薪 *tang tân*, củi dâu rất tốt. 印 *ngang*, ta. 烘 *hồng*, đốt cháy cho soi sáng. 燧

thâm, cái lò không thể bắc nổi lên nấu, dùng để đốt lửa cho sáng mà không thể để nấu đồ ăn được.

Củ dầu đáng dùng để nấu đồ ăn, mà chỉ dùng để đốt cho sáng nói như thế để ví với hoàng hậu chính thức mà trái lại bỏ rơi ty tiện.

CHƯƠNG V

鼓鍾于宮

17. Cổ chung vu cung,

聲聞于外

18. Thanh văn vu ngoại.

念子懅懅

19. Niệm tử thảo thảo,

視我邁邁

20. Thị ngã mại mại.

Dịch nghĩa

17. Đánh chuông ở trong cung.

18. Thì tiếng chuông nghe lọt ra ngoài.

19. Lòng sầu rười rượi nhớ đến vua,

20. Mà vua lại chẳng đoái trông đến ta.

Dịch thơ

Trong cung chuông đánh kêu vang,

Tiếng nghe văng vẳng vọng sang ra ngoài,

Nhớ vua lòng những bi ai,

Nhưng vua lại chẳng đoái hoài đến ta.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tỷ. 懅懅 thảo thảo, đáng ưu sầu.
邁邁 mại mại, không đoái đến.

Đánh chuông ở trong cung, thì tiếng chuông nghe lọt ra ngoài. Thần thiếp nhớ vua, lòng sầu rười rượi, mà vua lại chẳng đoái tưởng đến thần thiếp vì sao vậy thay?

CHƯƠNG VI

- | | |
|------|------------------------|
| 有鷺在梁 | 21. Hữu thu tại lương, |
| 有鶴在林 | 22. Hữu hạc tại lâm. |
| 維彼碩人 | 23. Duy bĩ thạc nhân |
| 實勞我心 | 24. Thực lao ngã tâm. |

Dịch nghĩa

21. Có con chim (già dẫy) trên đập bắt cá,
22. Có con chim hạc lại ở trên rừng.
23. Chỉ có vua chí tôn và vĩ đại kia
24. Thật đã làm lao khổ lòng ta.

Dịch thơ

Đập kia già dẫy đậu rồi.

Hạc thì lại ở xa vời rừng hoang.

Chỉ tôn vĩ đại hiên ngang.

Thật làm lao khổ bề bàng lòng ta.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tỷ. 鷺 *thu*, chim thốc thu, chim già dẫy (đầu sói như đầu ông già, có cái dẫy dưới cổ, ăn cá, tính tham lam). 梁 *lương*, đập bắt cá.

Tô thị nói rằng: Chim thu già dẫy và chim hạc đều bắt cá mà ăn. Nhưng chim hạc đối với chim thu thì thanh nhã và ô trọc khác nhau xa. Nay chim thu lại ở trên đập bắt cá, còn chim hạc thì ở trong rừng, chim thu thì no, chim hạc thì đói. U vương nâng đỡ Bao Tự mà truất phế Thân hoàng hậu, tỷ như nuôi dưỡng chim thu mà đuổi bỏ chim hạc vậy.

CHƯƠNG VII

鴛鴦在梁

25. Uyên ương tại lương,

戢其左翼

26. Trấp kỳ tả dực,

之子無良

27. Chi tử vô lương,

二三其德

28. Nhị tam kỳ đức,

Dịch nghĩa

25. Chim oan ương đậu trên đập bắt cá.

26. Thu gọn cánh trái lên không mất độ thường.

27. Nhà vua là người vô lương.

28. Có đôi ba tình ý.

Dịch thơ

Oan ương trên đập đậu cùng,

Gọn thu cánh trái, giữ chung độ thường.

Nhà vua là kẻ vô lương,

Đôi ba hạnh kiểm tình thương dối đời.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tử. 戡其左翼 *trấp kỳ tả dục*, thu gọn cánh trái, ý nói không mất độ thường. 良 *lương*, thiện lành. 二三其德 *nhị tam kỳ đức*, đôi ba đức hạnh, đôi ba tình ý. Người mà có đôi ba tình ý, lòng dạ không chuyên nhất trung thành, thì không bằng như chim oan ương.

CHƯƠNG VIII

- | | |
|------|------------------------|
| 有扁斯石 | 29. Hữu biện tư thạch, |
| 履之卑兮 | 30. Lý chi ty hề. |
| 之子之遠 | 31. Chi tử chi viễn, |
| 俾我疚兮 | 32. Tỷ ngã ê hề. |

Dịch nghĩa

29. Có hòn đá ở dưới thấp.
30. Thì người bước lên hòn đá ấy cũng thấp thỏi theo luôn.
31. Nhà vua xa lánh ta,
32. Khiến ta phải dớn đau.

Dịch thơ

*Có hòn đá chỗ trũng sâu,
Cũng đồng thấp thỏi người nào bước lên.
Xa ta, vua đã lãng quên,
Khiến ta lăm nổi buồn phiền dớn đau.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tý. 屢 *biện*, dánh ở dưới thấp. 俾 *tý*, khiến. 病 *dê* (đọc kỳ cho hợp vận), bệnh, đau đớn.

Có hòn đá ở dưới thấp, thì người bước lên hòn đá ấy cũng thấp thôi theo luôn. Như thần thiếp mà hèn hạ, thì người yêu quý thần thiếp cũng phải hèn hạ theo luôn. Cho nên vua mới xa lánh thần thiếp (để khỏi phải hèn hạ theo với thần thiếp) để khiến thần thiếp phải đau đớn.

Thiên Bạch hoa có 8 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 236

CHƯƠNG I

綿蠻

Miên man. (Đô nhân sĩ 6).

綿蠻黃鳥

1. Miên man hoàng điểu

止于丘阿

2. Chỉ vu khâu a,

道之雲遠

3. Đạo chi vân viễn,

我勞如何

4. Ngã lao như hà?

飲之食之

5. Ấm chi tự chi,

教之誨之

6. Giáo chi hồi chi,

命彼後車

7. Mệnh bỉ hậu xa,

謂之載之

8. Vị chi tải chi.

Dịch nghĩa

1. Chim hoàng ly hót líu lo

2. Đậu trên cái gò uốn cong.

3. Rằng vì đường xa xôi,
4. Mà ta thì lao khổ là đường nào?
5. Mong có người cho ta uống, cho ta ăn.
6. Dạy ta, răn ta,
7. Và gọi xe ở sau kia,
8. Bảo chở ta đi.

Dịch thơ

*Chim hoàng ly hót líu lo,
 Phải dừng đậu lại trên gò uốn cong.
 Vì đường xa tít muôn trùng.
 Mà ta khổ nhọc khôn cùng đường bao.
 Cho ta ăn uống mong sao,
 Răn ta dạy dỗ giỏi trau tập tành,
 Gọi xe sau lại cho nhanh.
 Và chàng truyền bảo đành rành chở ta.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tử. 綿蠻 *miên man*, tiếng chim kêu. 阿 a, cái gò cong. 後車 *hậu xa*, xe sau, xe phụ thêm ở phía sau.

Đây là người hèn hạ chịu lao khổ mong được nơi nhờ tựa làm ra lời chim nói để tự ví mình. Nói rằng: Chim hoàng ly hót líu lo, tự nói là phải dừng lại ở cái gò cong mà không thể bay tới được nữa, vì rằng đường xa quá lao khổ. Đương lúc ấy mà có người cho mình uống, cho mình ăn, dạy mình, răn mình và gọi xe sau mà chở mình đi chẳng vậy?

CHƯƠNG II

綿蠻黃鳥

止于丘隅

豈敢憚行

畏不能趨

飲之食之

教之誨之

命彼後車

謂之裁之

9. Miên man hoàng điểu

10. Chỉ vu khâu ngưng.

11. Khỉ cảm dạn hành?

12. Ủy bất năng xu.

13. Âm chi tự chi.

14. Giáo chi hối chi.

15. Mệnh bỉ hậu xa.

16. Vị chi tái chi.

Dịch nghĩa

9. Chim hoàng ly hót líu lo.

10. Đậu ở một góc dè.

11. Há lại dám sợ cuộc hành trình hay sao?

12. Chỉ sợ không thể đi mau được

13. Mong có người cho ta uống, cho ta ăn,

14. Dạy ta, răn ta,

15. Và gọi xe ở phía sau kia,

16. Rồi bảo chở ta đi.

Dịch thơ

Chim hoàng ly hót líu lo

Bay sang đậu ở góc gò với nhau.

Hành trình dám sợ hay sao?

Chỉ là không thể đi mau, sợ rằng.

Mong người cho uống cho ăn.

Dạy ta và lại khuyên răn đủ đầy.

Xe sau gọi lại nơi này.

Rồi cùng truyền bảo chở ngay ta liền.

Chủ giải của Chu Hy

Chương này thuộc tử. 隅 *ngung*, góc. 憚 *đạn*, sợ. 趨 *xu*, đi.

CHƯƠNG III

綿蠻黃鳥

止于丘側

豈敢憚行

畏不能極

飲主食之

教之誨之

命彼後車

謂之載之

17. Miên man hoàng điều

18. Chỉ vu khâu trắc,

19. Khỉ cảm đạn hành?

20. Ủy bất năng cực.

21. Ấm chi tự chi.

22. Giáo chi hối chi,

23. Mệnh bỉ hậu xa,

24. Vị chi tái chi.

Dịch nghĩa

17. Chim hoàng ly hót líu lo

18. Đậu ở một bên gò.

19. Há lại dám sợ cuộc hành trình hay sao?

20. Chỉ sợ không thể đi đến nơi được.

21. Mong có người cho ta uống, cho ta ăn.

22. Dạy ta, răn ta,
 23. Và gọi xe ở phía sau kia,
 24. Rồi bảo chở ta đi.

Dịch thơ

*Hoàng ly ca hát líu lo,
 Cùng bay lại đậu bên gò đất cao.
 Hành trình dám sợ hay sao?
 Không đi đến chốn nao nao sợ hoài.
 Cho ta ăn uống mong ai,
 Dạy ta và cứ miệt mài răn khuyên,
 Xe sau thì gọi lại liền,
 Chở ta đi, lại còn truyền lệnh ngay*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tỷ. 側 trắc, bên cạnh. 極 cực, đến.
 Sách *Quốc ngữ* có câu: *Tề triều giá, tặc tịch cực vu Lỗ quốc.*
 (= Sớm mai đi xe từ nước Tề thì chiều đến nước Lỗ).
Thiên Miên man có 3 chương, mỗi chương 8 câu.

BÀI THỨ 218

CHƯƠNG I

瓠葉

Hồ điệp. (Đô nhân sĩ 7)

幡幡瓠葉

1. Phiên phiên hồ điệp,

采之亨之
君子有酒
酌言嘗之

2. Thái chỉ phanh chì.
3. Quân tử hữu tửu.
4. Chúc ngon thường chì.

Dịch nghĩa

1. Lá bầu phơi phới,
2. Hái lấy mà lược nấu.
3. Người quân tử có rượu.
4. Rót mà uống với tân khách.

Dịch thơ

*Lá bầu phơi phới non tươi,
Hãy lo hái lấy để rồi lược đi.
Rượu ngon quân tử thiếu chi
Đề cùng tân khách nhâm nhi vui hoà.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 幡幡 *phiên phiên*, dáng lá bầu.
Đây cũng là bài thơ về ăn uống với nhau. Nói lá bầu phơi phới, hãy hái lấy mà lược. Nói thức ăn rất đậm bạc. Người quân tử có rượu thì cũng lấy rượu ấy ra mà uống. Đó là thuật lời khiêm nhường của chủ nhân, nói thức ăn đậm bạc thì cùng đem ra cùng tân khách ăn uống với nhau.

CHƯƠNG II

有冤斯首

5. Hữu thố tư thủ,

炮之燔之
君子有酒
的言獻之

6. Bào chi phiên chi.
7. Quân tử hữu tửu,
8. Chúc ngôn hiến chi.

Dịch nghĩa

5. Có một con thỏ để làm thịt,
6. Phải làm sạch lông rồi nướng.
7. Người quân tử có rượu.
8. Rót lấy dâng cho tân khách dùng.

Dịch thơ

Có con thỏ sẵn rồi đây.

Làm lông cho sạch, nướng ngay cho vàng,

Rượu ngon quân tử sẵn sàng.

Rót ra đầy chén đoan trang dâng mời.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 有兔斯首 *hữu thố tư thủ*, có một con thỏ. Con thú thì đếm đầu (thủ, cái đầu) mà kể. Cũng như con cá thì đếm đuôi (vĩ, đuôi) mà kể. 炮 *bào*, làm cho sạch lông (hoặc cạo bằng nước sôi, hoặc thui bằng lửa ngọn). 燔 *phiên* (đọc *phàn*), nướng trên lửa (không có xâu vào cây ghim). 餼 *hiến* là món ăn đậm bạc. 獻 *hiến*, dâng lên cho tân khách dùng.

CHƯƠNG III

有兔斯首

9. Hữu thố tư thủ;

燔之炙之
君子有酒
酌言酢之

10. Phiên chi chích chi.
11. Quân tử hữu tửu,
12. Chúc ngôn tạc chi.

Dịch nghĩa

9. Có một con thỏ để làm thịt,
10. Để lên lửa than mà nướng, hay lụi thành xâu mà nướng.
11. Người quân tử có rượu.
12. Thì khách rót ra nói là để báo đáp lại chủ.

Dịch thơ

Để làm thịt, thỏ có liền.

Lụi chung hoặc để nướng nguyên cho vàng.

Rượu ngon quân tử sẵn sàng.

Đáp dâng cho chủ hân hoan trao mời.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 炙 *chích* (có âm đọc *chá*, đây đọc trước cho hợp vận), nướng. Xâu thịt vào cây dài để kê lên lửa mà nướng. 酢 *tạc*, báo đáp lại. Khách đã uống cạn chén rượu của chủ mời, liền rót chén rượu khác mời lại chủ để báo đáp.

CHƯƠNG IV

有冤斯首
燔之炮之

13. Hữu thố tư thủ,
14. Phiên chi bào chi,

君子有酒
酌煙酬之

15. Quân tử hữu tửu

16. Chúc ngôn thù chi.

Dịch nghĩa

13. Có một con thỏ để làm thịt,
14. Phải làm sạch lông rồi nướng.
15. Người quân tử có rượu,
16. Lại rót ra nói là để mời khách uống nữa.

Dịch thơ

Một con thỏ có sẵn sàng,
Lông làm sạch sẽ đang hoàng nướng đi.
Rượu thì quân tử thiếu chi,
Rót mời khách nữa li bì uống vui.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 酬 thù, chủ đã uống cạn chén rượu của khách báo đáp, lại rót rượu mà tự uống lấy, rồi lại rót rượu mời khách uống nữa.

Thiên Hồ điệp có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 238

CHƯƠNG I

漸漸之石
漸漸之石

Sầm sầm chi thạch. (Đô nhân sĩ 8)

1. Sầm sầm chi thạch,

維其高矣
山川悠遠
維其勞矣
武人東征
不皇朝矣

2. Duy kỳ cao hĩ.
3. Sơn xuyên du viễn,
4. Duy kỳ lao hĩ.
5. Vũ nhân đông chinh,
6. Bất hoàng triều hĩ.

Dịch nghĩa

1. Núi đá vôi vọi.
2. Chỉ thấy cao vút lên.
3. Núi sông xa xôi.
4. Chỉ phải lao khổ mà thôi.
5. Tướng suý đi chinh chiến phương đông.
6. Không có buổi sớm nào được rảnh rang.

Dịch thơ

*Hòn núi đá vương mình sừng sững,
Dáng vút cao dựng đứng chơi vơi,
Núi sông cách trở xa xôi,
Chỉ thêm lăm việc lôi thôi nhọc nhằn.
Đi sang đông tướng quân cất bước,
Không sớm nào lại được rảnh rang.*

Chủ giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 漸漸 sà sà, dáng cao vút lên. 武人 vũ nhân, tướng suý. 遑 hoàng, rảnh rang. Nói không có buổi sớm nào được rảnh rang.

Vị tướng suýt xuất chinh, trải qua những nẻo xa xôi, những hồi nguy hiểm, không kham lao khổ mà làm bài thơ này.

CHƯƠNG II

漸漸之石

7. Sầm sầm chi thạch,

維其卒矣

8. Duy kỳ tốt hĩ.

山川悠遠

9. Sơn xuyên du viễn,

曷其沒矣

10. Hạp kỳ một hĩ.

武人東征

11. Vũ nhân đông chinh,

不皇出矣

12. Bất hoàng xuất hĩ.

Dịch nghĩa

7. Núi đá vôi vọi.

8. Chỉ thấy cao nhọn lên.

9. Núi sông xa xôi,

10. Bao giờ mới trải qua cho khắp?

11. Tướng suý đi chinh phạt phương đông.

12. Chỉ biết thâm nhập vào, mà không rảnh rang lo thoát ra khỏi.

Dịch thơ

Hòn núi đá chênh vênh chồng chất.

Dáng nhọn tiên cao ngất trập trùng.

Xa xôi cách trở núi sông,

Bao giờ mới trải khắp vùng hiểm nguy?

Sang đông tướng quân đi chinh phạt.

Chẳng rảnh rang hòng thoát được nào.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 卒 *tốt* (đọc *tuất*), cao nhọn lên, nói ngọn núi cao nhọn. 曷 *hạt*, sao? 沒 *một* (đọc *mục* cho hợp vận), cùng tận. Nói những chốn phải trải qua, bao giờ mới đi cho biết được? 不遑出 *bất hoàng xuất*, nói chỉ biết càng đi sâu vào, mà không rảnh rang để lo thoát ra khỏi.

CHƯƠNG III

有豕白蹄

13. Hữu thi bạch đích

烝涉波矣

14. Chưng thiệp ba hĩ.

月離于畢

15. Nguyệt ly vu Tất,

俾滂沱矣

16. Tỷ phương dà hĩ.

武人東征

17. Vũ nhân đông chinh

不皇他矣

18. Bất hoàng tha hĩ.

Dịch nghĩa

13. Có những con heo móng đã trắng,

14. Đã cùng nhau lội sóng.

15. Mặt trăng đã ở vào vị trí sao Tất,

16. Thì khiến sẽ có mưa to.

17. Tướng suý đi chinh phạt phương đông,

18. Quá lao khổ, không còn rảnh rang lo đến việc khác nữa.

Dịch thơ

*Những con heo nay đã trắng móng,
Đã cùng nhau lội sông tuôn đi,
Trăng bên sao Tất đã kể,
Khiến trời sẽ đổ dầm dề mưa to.
Sang đông tướng quân lo chinh phạt,
Rảnh đâu mà việc khác đảm đương.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 蹄 *đích*, móng chân. 烝 *chưng*, số đông, bày. 離 *ly*, mặt trăng ở vào nơi. 畢 *Tất*, tên sao. Heo lội sông, mặt trăng ở vào chỗ sao Tất thì chúng nghiệm sẽ là có mưa.

Trương tử nói rằng: Con heo cứ đội bùn, lăn sinh là tính thông thường của nó. Nay móng chân của nó đều trắng lại cùng nhau lội sông mà đi, thì hoạ về thuỷ tai (mưa to) có thể biết trước được.

Đây nói đi phục dịch chinh chiến đã lâu, lại gặp mưa to, thì rất là khổ cực mà không còn rảnh rang lo đến việc khác nữa.

Thiên Sàm sàm chỉ thạch có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 239

CHƯƠNG I

茗之華

Điều chi hoa (Đô nhân sĩ 9).

荇之華
芸其黃矣
心之憂矣
維其傷矣

1. Điều chi hoa,
2. Vân kỳ hoàng hĩ.
3. Tâm chi ưu hĩ,
4. Duy kỳ thương hĩ.

Dịch nghĩa

1. Hoa cây điều,
2. Màu sắc vàng rực.
3. Lòng ta ưu sầu (vì gặp thời nhà Chu suy tàn).
4. Chỉ đành đau xót lấy mà thôi.

Dịch thơ

Hoa lãng điều trên cây hơn hở

Đều ửng vàng rực rỡ khoe màu.

Lòng ta luống những ưu sầu.

Chỉ đành chua xót đôn đau một mình.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tỹ. 荇 điều, cây lãng điều. Sách *Bản thảo* nói tức nay là cây tử uy, mọc lan ra ở trên cây cao, hoa màu vàng đỏ, cũng gọi là lãng tiêu.

Nhà thơ tự cho là mình gặp thời nhà Chu suy tàn, như cây điều dựa vào cây khác mà sống, tuy được vinh hiển mà không lâu dài, cho nên lấy đó để ví mà tự nói rằng lòng mình vì thế mà đau thương.

CHƯƠNG II

苔之華

其葉青青

知我如此

不如無生

5. Điều chi hoa,

6. Kỳ điệp tình tình.

7. Tri ngã như thử,

8. Bất như vô sinh.

Dịch nghĩa

5. Hoa cây điều,

6. Lá thì rườm rà.

7. Biết ta cũng sẽ như thế (giống như hoa lá cây điều chóng tàn rụn).

8. Thì chẳng bằng là đừng sinh ra vậy.

Dịch thơ

Hoa lãng điều trên cây xinh xắn,

Lá trên cành tươi tắn rậm dày.

Biết ta sẽ cũng thế này.

Đừng sinh đừng sống còn hay hơn mà.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tử. 青青 *tình tình*, dáng rườm rà nhưng mà làm sao lâu dài được thay?

CHƯƠNG III

牂羊墳首

9. Tương dương phần thủ.

三星在罌
人可以食
鮮可以飽

10. Tam tình tại liêu.
11. Nhân khả dĩ thực,
12. Tiển khả dĩ bảo.

Dịch nghĩa

9. Con dê cái gầy ốm thì đầu to.
10. Trong cái đó không có cá, nước lặng yên chỉ thấy bóng chòm ba ngôi sao long lạnh.
11. Người ta chỉ có thể mong được ăn,
12. Mà ít có ai mong được no.

Dịch thơ

*Đầu to lớn ốm gầy dê cái.
Đó trống không giới thấy ba sao.
Người mong chỉ được ăn vào.
Ít ai mong mỗi bữa nào được no.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 𦍋𦍋 tương dương, con dê cái. 墳 phần, to. Con dê hể gầy ốm thì đầu to lớn. 罌 liêu, cái đó để bắt cá. Trong cái đó không có cá (không có cá vùng vẫy) thì nước lặng yên, chỉ thấy bóng chòm ba ngôi sao long lạnh mà thôi.

Nói trong thời đói kém còn kéo dài thêm, muôn vật đều điêu tàn như thế. Chỉ mong được ăn là đủ rồi, há đâu dám mong được ăn no hay sao?

Thiên Điều chỉ hoa có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

Trần thị nói rằng: Ở bài thơ này, lời văn thì giản dị, tình ý thì bí ẩn. Nhà Chu sắp mất, không thể nào cứu vãn được. Nhà thơ chỉ đau xót cho nhà Chu mà thôi.

BÀI THỨ 240

CHƯƠNG I

何草不黃	Hà thảo bất huyền. (Đô nhân sĩ 10)
何草不黃	1. Hà thảo bất huyền?
何日不行	2. Hà nhật bất hàng (hành)?
何人不將	3. Hà nhân bất tương
經營四方	4. Kinh doanh tứ phương?

Dịch nghĩa

1. Cây cỏ nào mà không vàng úa?
2. Ngày nào mà chẳng đi chinh chiến?
3. Người nào mà chẳng ra đi
4. Để kinh doanh, làm ăn ở bốn phương?

Dịch thơ

Cỏ cây nào chẳng úa vàng?

Ngày nào mà chẳng vội vàng chiến chinh?

Người nào mà chẳng xuất hành

Bốn phương bận việc kinh doanh tháng ngày?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc húng. 黃 *hoàng*, vàng. Cây cỏ hể suy tàn thì vàng úa. 將 *tương*, cũng là đi.

Nhà Chu sắp mất, việc chinh chiến không dứt. Người đi chinh chiến phải khổ nhọc mới làm bài thơ này.

Nói rằng: Cây cỏ nào mà không vàng úa, có ngày nào mà không đi chinh chiến, có người nào mà chẳng ra đi để kinh doanh làm ăn ở bốn phương?

CHƯƠNG II

何草不玄

5. Hà thảo bất huyền?

何人不矜

6. Hà nhân bất quan?

哀我征夫

7. Ai ngã chinh phu!

獨爲匪民

8. Độc vi phi dân?

Dịch nghĩa

5. Cây cỏ nào mà không đỏ xạm đen?

6. Người nào mà chẳng goá vợ?

7. Thương thay cho chúng ta là chinh phu đi đánh giặc!

8. Riêng mình chẳng phải là người hay sao (mà chẳng được trở về hưởng lạc thú gia đình)?

Dịch thơ

Cỏ cây nào chẳng đen khô?

Ai người chẳng goá đơn cô một mình?

Thương thay ta phải chiến chinh!

Riêng ta chẳng phải người đành hay sao?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 玄 *huyền*, màu đỏ lộn đen. Cây cỏ đã vàng úa rồi lại đỏ sậm đen khi đã khô. 矜 *quan*, người không có vợ.

Nói những người đi chinh chiến quá thời hạn mà không được trở về, mất hết những lạc thú của gia đình. Thương thay cho chúng ta là khách chinh phu! Há riêng mình chẳng phải là người hay sao (mà chẳng được trở về để hưởng lại thú gia đình, như loài cây cỏ không có tình gia thất)?

CHƯƠNG III

匪兕匪虎

9. Phỉ tự phỉ hổ

率彼曠野

10. Suất bỉ khoáng dã.

哀我征夫

11. Ai ngã chinh phu

朝夕不暇

12. Triều tịch bất hạ!

Dịch nghĩa

9. Chúng ta, khách chinh phu, không phải như con tự
con cạp ,

10. Mà cứ khiến phải noi theo đồng nội trống không.

10. Thương thay khách chinh phu chúng ta.

12. Sớm tối không được rảnh rang (vì lo đánh giặc).

Dịch thơ

Chúng ta cạp, tự chẳng là

Noi theo đồng nội lân la tháng ngày.

Chúng ta chinh chiến thương thay!

Sớm hôm nào rảnh mấy may nổi tình.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 率 *suất*, noi theo. 曠 *khoáng*, trống không.

Nói rằng khách chinh phu chúng ta không phải như con tịt con cộp (ưa thích chốn đồng nội) mà sai lại khiến chúng ta cứ noi theo khoảng đồng nội trống không để đánh giặc cho sớm tối không được rảnh rang gì.

CHƯƠNG IV

有芠者狐

13. Hữu hồng giả hồ

率彼幽草

14. Suất bỉ u thảo.

有棧之車

15. Hữu sạn chi xa

行彼周道

16. Hành bỉ chu đạo.

Dịch nghĩa

13. Có con chồn đuôi dài lê thê.

14. Noi theo chốn cỏ rậm âm u kia.

15. Có chiếc xe chở đồ

16. Cứ đi trên đường to kia (mãi làm lưng không được nghỉ).

Dịch thơ

Có con chồn nọ dài đuôi.

Âm u cỏ rậm cứ noi theo hoài.

Chiếc xe để chở đồ này.

Trên đường to lớn miệt mài chở luôn.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc húng. 𦰩 *bồng*, dáng đuôi dài. 𦰩 *tr* *sạn xa*, xe chở đồ. 周道 *chu đạo*, đường to. Ý nói xe chở đồ nặng nhọc trên đường to mãi không được nghỉ ngơi.

Thiên Hà thảo bát hoàng có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

Đô nhân sĩ chi thập có 10 thiên, 43 chương, 200 câu.

(Tiếp theo ở quyển hạ).

KHÔNG TỬ
Kinh Thi

(Kinh Thi tập truyện - Trọn bộ 3 tập)

TẬP II

Dịch giả: TẠ QUANG PHÁT

★

★ ★

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc VŨ VĂN DẠNG

Tổng biên tập: NGUYỄN ĐỨC HÙNG

Biên tập

NGÔ ĐÌNH KHÁNH

Bìa

TRẦN ĐẠI THẮNG

Sửa bản in

THANH LÂM

In 500 cuốn khổ 14,5 x 20,5 cm. Tại Công ty in LD - XH

Số đăng ký KHXB 1644/XB - QLXB. Quyết định xuất bản
số 177/QĐXB do NXB Đà Nẵng ký ngày 21/3/2003. In xong và
nộp lưu chiểu quý III - 2003.

KHÔNG TỬ
KINH
THI
(TRỌN BỘ)



GIÁ TRỌN BỘ : 185.000Đ